

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



Lão Tử kỵ ngưu 老子騎牛 (Lão Tử cưỡi trâu) -
tranh của Triều Vô Cửu 晁無咎 (1053-1110) đời Bắc Tống

MỤC LỤC

Khảo Luận

Phi lộ

1. Tiểu sử Lão tử

a. Tiểu sử Lão tử theo Tư Mã Thiên:

* Lão tử truyện khảo

* Lão tử cổ tích đồ

b. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh

- c. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hoá kinh
- 2. Đại cương Đạo đức kinh
 - a. Lão tử - một con người hiếu cổ
 - b. Lão tử là một nhà huyền học
 - c. Toát lược Đạo đức kinh
- 3. Tổng luận



Bình dịch

THƯỢNG KINH: ĐẠO KINH

- [Chương 1](#) - Thể Đạo
- [Chương 2](#) - Dưỡng thân
- [Chương 3](#) - An dân
- [Chương 4](#) - Vô nguyên
- [Chương 5](#) - Hư dụng
- [Chương 6](#) - Thành tượng
- [Chương 7](#) - Thao quang
- [Chương 8](#) - Dịch tính
- [Chương 9](#) - Vận di
- [Chương 10](#) - Năng vi
- [Chương 11](#) - Vô dụng
- [Chương 12](#) - Kiểm dục
- [Chương 13](#) - Yếm sĩ
- [Chương 14](#) - Tán huyền
- [Chương 15](#) - Hiến đức
- [Chương 16](#) - Qui căn
- [Chương 17](#) - Thuần phong
- [Chương 18](#) - Tục bạc
- [Chương 19](#) - Hoàn thuần
- [Chương 20](#) - Dịch tục
- [Chương 21](#) - Hư tâm
- [Chương 22](#) - Ích khiêm
- [Chương 23](#) - Hư vô
- [Chương 24](#) - Khổ ân
- [Chương 25](#) - Tượng nguyên
- [Chương 26](#) - Trọng đức
- [Chương 27](#) - Xảo dụng
- [Chương 28](#) - Phản phác
- [Chương 29](#) - Vô vi

HẠ KINH: ĐỨC KINH

- [Chương 38](#) - Luận đức
- [Chương 39](#) - Pháp bản
- [Chương 40](#) - Khử dụng
- [Chương 41](#) - Đồng dị
- [Chương 42](#) - Đạo hoá
- [Chương 43](#) - Biến dụng
- [Chương 44](#) - Tri chỉ
- [Chương 45](#) - Hồng đức
- [Chương 46](#) - Kiệm dục
- [Chương 47](#) - Giám viễn
- [Chương 48](#) - Vong tri
- [Chương 49](#) - Nhiệm đức
- [Chương 50](#) - Quý sinh
- [Chương 51](#) - Dưỡng đức
- [Chương 52](#) - Qui nguyên
- [Chương 53](#) - Ích chứng
- [Chương 54](#) - Tu quan
- [Chương 55](#) - Huyền phù
- [Chương 56](#) - Huyền đức
- [Chương 57](#) - Thuần phong
- [Chương 58](#) - Thuận hoá
- [Chương 59](#) - Thủ đạo
- [Chương 60](#) - Cư vị
- [Chương 61](#) - Khiêm đức
- [Chương 62](#) - Vi đạo (Quý đạo)
- [Chương 63](#) - Tu thủy
- [Chương 64](#) - Thủ vi
- [Chương 65](#) - Thuần đức
- [Chương 66](#) - Hậu kỷ

[Chương 30](#) - Kiệm vu[Chương 31](#) - Yến vũ[Chương 32](#) - Thánh đức[Chương 33](#) - Biện đức[Chương 34](#) - Nhiệm thành[Chương 35](#) - Nhân đức[Chương 36](#) - Vi minh[Chương 37](#) - Vi chính[Chương 67](#) - Tam bảo[Chương 68](#) - Phối thiên[Chương 69](#) - Huyền dụng[Chương 70](#) - Tri nan[Chương 71](#) - Tri bệnh[Chương 72](#) - Ái kỷ[Chương 73](#) - Nhiệm vi[Chương 74](#) - Chế hoặc[Chương 75](#) - Tham tổn[Chương 76](#) - Giới cường[Chương 77](#) - Thiên đạo[Chương 78](#) - Nhiệm tín[Chương 79](#) - Nhiệm khế[Chương 80](#) - Độc lập[Chương 81](#) - Hiển chất[Sách tham khảo chính](#)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » bình dịch

Khảo Luận

Phi lộ

I. Tiểu sử Lão tử

A. Tiểu sử Lão tử theo Tư Mã Thiên:

* Lão tử truyện khảo

* Lão tử cổ tích đồ

B. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh

C. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hoá kinh

II. Đại cương Đạo đức kinh

A. Lão tử - một con người hiếu cổ

B. Lão tử là một nhà huyền học

C. Toát lược Đạo đức kinh

III. Tổng luận

PHI LỘ

Bình giải Đạo đức kinh là một chuyện vừa dễ vừa khó.

Dễ vì đã có vô số các nhà bình giải Đạo đức kinh Trung Hoa, Việt Nam và Âu Mỹ. Chỉ cần ít thì giờ là có thể soạn thảo được một pho sách cũng khả quan.

Ở Trung Quốc có những nhà bình giải nổi tiếng như: Hà Thượng Công 河上公, Vương Bật 王弼, Huỳnh Nguyên Cát 黃元吉, v.v.

Ở Việt Nam cũng đã có mấy quyển Đạo đức kinh bình giải công phu của Nghiêm Toàn, Nguyễn Duy Cần, v.v.

Ở Âu Mỹ cũng có rất nhiều sách bình dịch Đạo đức kinh. Ví dụ: Le livre de la Voie et de la Vertu của Stanislas Julien (1842); Tao Te king của linh mục Léon Wiegner (1950); Le livre de la Voie et de la Vertu của J. J. L. Duyvendak (1953); The Way and its Power của Arthur Waley (1934); The Tao Te ching của James Legge, v.v.

Khó ở chỗ làm sao tìm ra được một đường lối để dịch và bình cho phóng khoáng, mà vẫn không sợ lạc nghĩa.

Các nhà bình giải Đạo đức kinh thường chú trọng giải thích từng chữ từng câu trong Đạo đức kinh, lại

còn tham bác trích dẫn lời bình giải của học giả khác. Khi dịch thì cố dịch cho thật sát nghĩa đen.

Tất cả những sự cố gắng rất đáng ca ngợi về phương diện phương pháp, công phu và văn chương ấy, tiếc thay nhiều khi lại làm cho Đạo đức kinh trở nên mù mờ, khó hiểu hơn.

Riêng tôi, tôi sẽ áp dụng một phương pháp khác. Tôi sẽ nhìn Đạo đức kinh cũng như học thuyết Lão-Trang nói riêng, và các tác phẩm của đạo gia nói chung qua lăng kính của Huyền học (Mysticism).

Tôi nghĩ rằng: Nếu hiểu được chủ trương và mục đích của khoa Huyền học, những phương pháp của các nhà huyền học đã dùng để đạt tới mục phiêu, những lời lẽ bóng bẩy mà các ngài dùng, là để truyền cho nhau công thức tâm tư, ta sẽ hiểu được, ít là tám phần mười, Đạo đức kinh cũng như thư tịch Đạo giáo.

Dưới đây xin trình bày một vài nét đại cương về Huyền học.

1. Huyền học chủ trương đại khái Trời chẳng xa người. Đạo thể, hay Tuyệt đối thể đã ẩn tàng sẵn trong lòng con người.

2. Tuyệt đối thể ấy tùy theo đạo giáo sẽ đổi danh hiệu: Đạo trong Lão giáo, Thái cực trong Nho giáo, Chân như trong Phật giáo, Thượng đế trong Công giáo, Atman trong Bà la môn giáo, Allah trong Hồi giáo, v.v.

3. Cái phần thiên tính ấy, vì là tuyệt đối, vĩnh cửu nên bất sinh bất tử, có trước đất trời và trường tồn mãi với thời gian.

4. Các nhà huyền học khi đã nhận định được rằng trong mình có Trời, có tính Trời, có Tuyệt đối, liền ra công tu sửa tâm hồn mình để kết hợp với Đạo thể cao siêu ấy. [\[1\]](#)

Công trình tu luyện thường được tóm tắt lại như sau:

1. Gạn đục khơi trong tâm hồn (purification, catharsis). [\[2\]](#)

2. Thu thần, phát huệ (illumination).

3. Sống phối hợp với Thượng đế với Tuyệt đối (vie unitive, Nirvana; thủ trung bảo nhất 守中抱一; đắc Nhất 得一 đắc Đạo 得道, v. v...).

4. Vì Đạo hay Cốc thần 谷神 trường sinh bất tử, nên tìm Đạo, tìm Cốc thần tức là đi tìm thuốc trường sinh bất tử.

5. Mà dược liệu để luyện thuốc trường sinh chẳng ở đâu xa, nó đã ở ngay trong lòng con người. Lò bát quái luyện đan cũng chẳng phải tốn tiền xây cất, vì đó chính là xác thân con người. [\[3\]](#)

6. Dược liệu là Tâm 心 Thần 神; là Lòng Đạo 道 心 với lòng người.

7. Lửa để luyện đan tức chí khí, là sự hăng say để thực hiện mục phiêu. [\[4\]](#)

8. Đan thành 丹成 là khi lòng con người và lòng Đạo kết thành một khối. Đó chính là khi lòng con người đã trở nên khiết tịnh tinh vi, cao minh linh diệu, viên mãn, khinh phiêu. [\[5\]](#)

Hiểu được khẩu quyết người xưa, hiểu được đường lối người xưa sau những bức màn từ ngữ, hình tượng, tức là ta đã giản dị hóa được cái gì hết sức phức tạp, thâm ẩn lại được con đường hết sức xa xôi.

Đem hết lòng chí thành mà cầu học, thiết tha với vấn đề nhiều tháng nhiều năm, một ngày nào đó chúng ta sẽ chứng nghiệm được những gì người xưa đã chứng nghiệm được, và chúng ta sẽ tháo gỡ được hết son phấn thần thoại bao phủ trên mặt vấn đề, để nhìn vấn đề với con mắt chính xác của một nhà đạo học và khoa học.

Còn nếu chúng ta không chịu suy nghĩ, lại chạy theo những ảo ảnh, những phương thuật của các thuật sĩ thì ta chỉ lao đao lận đận suốt đời, mà rút cục cũng chẳng thu thái được lợi ích gì cụ thể.

Tần Thủy Hoàng xưa tốn bao công của để tìm linh chi linh dược, để tìm Bồng lai, mà rút cuộc linh chi cũng chẳng thấy tăm hơi, Bồng lai cũng chẳng tìm ra bóng dáng. [6]

Hán Vũ đế 漢武帝 uống nhiều đan sa 丹砂 đến phát bệnh, vì thế Trương Trọng Cảnh 張仲景 đã phải lập ra bài Bát vị để chữa, và sau khi đã uống bao nhiêu thuốc trường sinh vua cũng băng hà năm 71 tuổi. [7] Vua cũng là một trong những vì vua muốn tìm Bồng lai, muốn gặp thần tiên, mà rốt cuộc cũng chẳng thấy gì.

Về sau các vua Hiến tông 憲宗 (806-821), Mục tông 穆宗 (821-825), Vũ tông 武宗 (841-847), Tuyên tông 宣宗 (847) nhà Đường đều chết vì uống đan sa. [8]

Lời nói của Hán Vũ đế sau đây đáng cho chúng ta suy nghĩ. Năm 89 trước công nguyên khi ấy Hán Vũ đế đã 69 tuổi, và đã trị vì được 52 năm, vua hội quần thần và thú nhận: «Từ khi lên ngôi trăm đã làm nhiều điều điên cuồng, khiến cho thiên hạ khổ sở. Cái dĩ vãng ấy khó mà đền bù được. Vậy ít là từ nay, phải tránh đừng làm gì khổ dân nước.» Điền Thiên Thu 田千秋 liền tâu: «Những phương sĩ chỉ nói đến thần tiên, họ rất đông mà chẳng làm được trò trống gì. Xin đỗi họ về hết.» Vua liền phán: «Quan Hồng lô nói đúng đó.» Và lập tức xuống chiếu thải hồi tất cả các phương sĩ, và những người có lệnh chờ đón thần tiên. Từ ấy mỗi khi họp triều thần, vua lại phàn nàn vì đã xử sự điên cuồng. Vua phán: «Trẫm đã bị bọn phương sĩ lừa dối: chẳng làm gì có thần tiên; tất cả những điều họ tâu đều sai thác, tà ngụy. Cách họ tiết thực, phục dược bất quá chỉ làm cho bớt bệnh đôi chút.» [9]

Lời tự thú của một vì vua suốt cả đời đã đi tìm thần minh, đã cầu thuốc trường sinh, đã thôn nạp những phương sĩ danh tiếng nhất thời đó để cộng tác với vua trong nhiều năm, lời tự thú đó đối với ta hết sức là giá trị.

Chúng ta muốn khảo sát đạo Lão, muốn biết tinh hoa đạo Lão mà không biết tu sửa tâm hồn, sống cuộc đời cao khiết giữ cho tâm thần luôn linh minh, sáng khoái, không rủ bỏ được cái mình nhỏ nhoi ti tiện, không thoát ra khỏi được cái kiếp phù sinh vắn vỏi để vươn lên tới Đạo thể, tới hằng cửu, thì công trình của chúng ta cũng chỉ là công dã tràng.

Vạn Đức Tụ 萬德聚 một hôm gặp một đạo sĩ. Sau khi đã bày tiệc trai khoản đãi, Vạn Đức Tụ hỏi đạo sĩ về «Nguyên môn diệu chỉ» 元門妙旨 (bí quyết để vào cửa thiêng).

Đạo sĩ đáp: «Tâm là Đạo, Đạo là Tâm; Tâm mà rời Đạo thời đi vào lục đạo, tam đồ. Tâm mà hợp Đạo thời tạo Bồng lai Tam đảo. Thiên đường địa ngục chỉ cách nhau bằng một ý tưởng đó mà thôi. Nhược bằng bàn những chuyện mây trắng, mậm vàng, anh nhi, xá nữ, thời vạn lần cũng chẳng nên công... cuối cùng chỉ là nhìn mơ để giải khát, vẽ bánh để no lòng...» [10]

Lại có thơ rằng:

Vũ lưu [11] vọng thuyết nhập thâm sơn,

羽流妄說入深山,

Điên đảo âm dương luyện cửu hoàn.

顛倒陰陽鍊九還.

Hà tự nhất tâm tuân Thái thượng,

何似一心遵太上,

Công thành hành mãn tức kim đơn. [\[12\]](#)

功成行滿即金丹.

Tạm dịch:

Vũ lưu bàn quấy nhập thâm sơn,
Lộn lạo âm dương phản cửu hoàn,
Sao chẳng hết lòng theo Thái thượng,
Công thành hành mãn ấy kim đơn.

Thế tức là muốn tìm thần tiên, thì thần tiên chẳng có xa. Thần tiên chẳng cần phải tìm nơi thâm sơn cùng cốc, mà thần tiên đã ở ngay trong lòng mình.

Trong sách Tử Dương Chân nhân nội truyện 紫陽真人內傳 có chép: «Chu Nghĩa Sơn đã mất nhiều năm đi khắp nơi, leo trèo các núi non, thăm dò các hang động để đi tìm Tam vị Thiên tôn. Cuối cùng Chu Nghĩa Sơn gặp các ngài, và quì lạy các ngài. Đoạn ông nhắm mắt, nhìn vào lòng mình. Một lát sau ông thấy rằng ở não thất phía đông, đã có hai vị Thiên tôn hình dung, phục sức cũng y như các vị mà ông gặp trên núi Công. Hoàng Lão quân cười rồi nói: Cao siêu và huyền diệu thay. Hãy cố suy tư tìm hiểu. Đó là phương pháp để 'lên trời giữa ban ngày' (bạch nhật thăng thiên 白日升天). [\[13\]](#)

Vua Đường Tuyên tông 唐宣宗 muốn cầu trường sinh. Vua cho triệu đạo sĩ Hiên Viên Tập về Trường An. Vua hỏi: «Trường sinh có thể học được chăng?» Đạo sĩ tâu: «Nhà vua nên quả dục sùng đức, thì tự nhiên sẽ được phúc cả, còn phải đi tìm trường sinh ở đâu khác nữa?» [\[14\]](#)

Lại đời vua Tống Nhân tông 宋仁宗 có người tên là Hiếu Tiên dâng lên vua cỏ linh chi. Vua phán: «Trẫm coi những năm được mùa là điềm tốt, hiền thần là quý báu, còn những cây cỏ lạ có gì đáng quý đâu.» Bèn tha tội cho Hiếu Tiên và giáng chiếu cho các châu quận không được tiến dọt thảo nữa. [\[15\]](#)

Mới hay tiểu nhân thì tìm điều quái dị, đại nhân thì tìm điều chân thường. Tiểu trí, đại trí khác nhau ở chỗ đó.

Tóm lại tôi muốn nói rằng tất cả giá trị Đạo đức kinh cũng như của đạo Lão là ở tại chỗ đã có vạch cho chúng ta con đường nội tâm, với những giai đoạn, những công phu tu luyện để trở về kết hợp với Đạo thể, Đạo tâm.

Khi chúng ta hiểu được như vậy rồi chúng ta có thể so sánh Upanishad với Đạo đức kinh, Đạo đức kinh với Nam hoa kinh, Lão tử với Ramakrishna, với Eckhart, Jacob Boehme, Jean de la Croix, Al Ghazzali, Phật Thích ca, Khổng tử, v.v. và chúng ta sẽ thấy nhiều điểm tương đồng hiện ra rõ như hai mảnh tre vừa mới được chẻ ra từ một ống tre duy nhất.

Mạnh tử nói: «Tiên thánh, hậu thánh kỳ quỹ nhất dã.» 先聖後聖其揆一也 [\[16\]](#) thực là chí lý vậy.

Henri Maspero có lẽ là một học giả châu Âu đầu tiên đã nói được những câu hết sức sâu sắc như sau: «Thực hiện một đời sống huyền đồng, đó là khám phá lớn lao nhất của môn phái Lão-Trang: Họ là những người đầu tiên ở Trung Hoa đã đi trên con đường đó, và đã mô tả những giai đoạn của con đường đó.»

Nhan Thành Tử Du nói với Đông Quách Tử Kỳ: «Từ khi tôi theo học Ngài, năm thứ nhất tôi trở nên giản dị, tự nhiên; năm thứ hai, tôi trở nên dễ dạy; năm thứ ba tôi trở nên thông sáng; năm thứ tư, tôi coi tôi là ngoại thân chi vật; năm thứ năm, tôi tiến bộ thêm; năm thứ sáu, thần nhập vào tôi; năm thứ bảy, tôi

thành thần; năm thứ tám, tôi không biết tôi còn sống hay đã chết; năm thứ chín tôi đạt được điều Huyền nhiệm cao diệu.» [\[17\]](#)

Một đoạn khác còn mô tả rõ ràng hơn: «Sau ba ngày (Bốc Lương Ý) có thể tách rời khỏi thiên hạ. Tôi tiếp tục quan sát: Sau bảy ngày, ông có thể tách rời khỏi cảnh vật. Tôi tiếp tục quan sát, sau chín ngày ông có thể tách khỏi cuộc phù sinh của ông. Khi đã thoát cảnh phù sinh rồi, ông thấy sáng láng như ánh bình minh. Khi đã thấy sáng láng như ánh bình minh rồi, ông liền nhìn thấy Đạo. Thấy Đạo rồi, ông vượt trên thời gian, không còn thấy cổ kim, ông vào cảnh giới bất sinh bất tử.»

Ba giai đoạn của đời sống huyền đồng hiện ra một cách khá rõ rệt cũng tương tự như những giai đoạn mà các nhà huyền học châu Âu, Công giáo, hay Hồi giáo đã mô tả.

1. Giai đoạn tách rời khỏi ngoại cảnh, phù sinh (Nhan Thành Tử Du mất năm năm, Bốc Lương Ý mất chín ngày), chính là giai đoạn tẩy tâm, gạt đục khơi trong tâm hồn của các nhà huyền học Công giáo; rồi đến những trạng thái xuất thần, mà người thường thì cho là thần nhập vào người hoặc những trạng thái chiêm nghiệm thấy Đạo thể, thấy Tuyệt đối. Cuối cùng là đời sống huyền đồng, sự huyền diệu tuyệt trần (Đại diệu). [\[18\]](#) Như vậy, với những lời lẽ uẩn súc, Henri Maspero đã dùng khoa huyền học để làm chìa khóa mở cánh cửa đạo Lão. [\[19\]](#)

Jean Grenier, trong cuốn L'Esprit du Tao cũng đã biết so sánh huyền học đạo Lão với Huyền học Công giáo [\[20\]](#) và ước mong trong các trường đại học sẽ có một phân khoa chuyên khảo về siêu hình và huyền học Đông Tây.

Thực ra các vị đó đã có cái nhìn nhất quán, và cái tâm đại đồng vậy. Đằng khác, tôi mạo muội dịch quyển Đạo đức kinh này bằng lối thơ song thất lục bát, hay lục bát, vì đó là một hình thức văn chương dễ phổ cập vào dân gian. Tôi hết sức là phóng khoáng, cố làm sao cho lời văn trong sáng, vần thơ óng ả, đẹp để để chúng không còn là những bản văn dịch vô hồn, mà sẽ hết sức linh hoạt sống động, đọc lên sẽ thành một áng văn chương. Tôi không muốn tranh thắng với các bản dịch đã có, mà chỉ muốn tặng cho vườn học nước nhà một khóm hoa mới. Với lối dịch thoát sáo này, nếu đem chép chữ sẽ thấy nguyên văn và bản dịch xa nhau, nhưng nếu đem so nghĩa sẽ thấy chúng rất là gần gũi nhau. Dầu sao cũng là một sự vi phạm đối với qui ước văn học hiện hữu. Ước mong được sự rộng lượng của quý vị.

Bác sĩ Nhân tử NGUYỄN VĂN THỌ



I. TIỂU SỬ LÃO TỬ

Trước khi bình giải về Đạo đức kinh, dĩ nhiên phải nói đến tiểu sử Lão tử. Nhưng thực ra cuộc đời Lão tử mơ hồ, ẩn ước, trong đó thực tế xen lẫn với huyền thoại nên khó mà có được một ý niệm chính xác.

Có người thì cho rằng Lão tử sinh trước đức Khổng, và có lần đã gặp đức Khổng. Có người lại cho rằng ngài sinh sau đức Khổng (khoảng năm 300 trước công nguyên). [\[21\]](#)

Trang tử cho rằng Lão tử đã chết. [\[22\]](#)

Tư Mã Thiên ghi rằng khi rời khỏi Hàm Cốc 函谷 không còn biết hành tung ngài ra sao. Tư Mã Thiên cho rằng: Lão tử cũng chỉ là một người như ai, có vợ, có con.

Biên Thiệu 邊韶 – tác giả Lão tử minh 老子銘 (bia Lão tử), thời Hán Văn đế 漢文帝 – đã ghi rằng: Đối với dân chúng, Lão tử đã có từ muôn kiếp.

Biến hóa kinh 變化經, viết vào khoảng 621 sau công nguyên, thời Tùy Dương đế, cho rằng Lão tử chẳng những có từ muôn thuở mà còn giáng trần nhiều lần để cứu độ muôn dân.

Hóa hồ kinh 化胡經 do Vương Phù 王浮 viết vào khoảng đầu thế kỷ IV, đời vua Tấn Huệ đế 晉惠帝 (tức Tư Mã Trung 司馬衷, tại vị 290-306), cho rằng Lão tử đã đi về các nước rợ Hồ vùng Tacim, rồi sang Ấn Độ, để dạy đạo cho Phật. Sách chủ trương rằng Phật Thích ca là hậu thân của Lão tử, hay là đồ đệ của Lão tử. Quyển sách này đã gây nên bao cuộc khẩu chiến giữa các Phật tử và các đạo sĩ suốt các thời Lương đời Lương Vũ đế 梁武帝 (năm 520), thời Đường trong các đời vua Cao tông 高宗 (668) và Vũ hậu 武后 (696), thời Nguyên đời vua Hiến tông 憲宗 (Mông Ca 蒙哥 1258) và Nguyên Thế tổ 元世祖 (Hốt Tất Liệt 忽必烈, 1280-1294). [23]

Như vậy không thể nào chép hết ra đây được những huyền thoại về Lão tử. Sau đây tôi chỉ phỏng dịch ba tiểu sử Lão tử:

- Tiểu sử Lão tử theo Sử ký Tư Mã Thiên.
- Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh.
- Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hóa kinh. [24]

Sau khi đã trình bày ba tiểu sử khác nhau về Lão tử, chúng ta sẽ y cứ vào các tài liệu đó để phân tách và bình giải các quan niệm khác nhau của nhân gian về Lão tử. Như vậy ta vừa giữ nguyên được các huyền thoại về Lão tử vừa có thể đưa ra đường lối mới mẻ để giải thích các huyền thoại ấy.



Cuộc hội ngộ truyền thuyết giữa Khổng Tử và Lão Tử (theo Sử Ký Tư Mã Thiên)

A. TIỂU SỬ LÃO TỬ THEO TƯ MÃ THIÊN

LÃO TỬ TRUYỆN KHẢO

(Theo Sử ký Tư Mã Thiên)

Hán văn:

老子者, 楚苦縣厲鄉曲仁里人也姓李氏, 名耳, 字伯陽諡曰聃周守藏室之史也孔子適周, 將問禮於老子老子曰: «子所言者, 其人與骨皆已朽矣, 獨其言在耳且君子得其時則駕, 不得其時則蓬累而行吾聞之, 良賈深藏若虛, 君子

盛德, 容貌若愚去子之驕氣與多欲, 態色與淫志, 是皆無益於子之身吾所以告子, 如此而已。」

孔子去謂弟子曰: «鳥吾知其能飛魚吾知其能游獸吾知其能走走者可以為罔, 游者可以為綸, 飛者可以為矰至於龍, 吾不能知其乘風雲而上天吾今日見老子其猶龍耶.»

老子修道德其學以自隱無名為務居周久之, 見周之衰, 乃遂去至關, 關令尹喜曰: «子將隱矣, 強為我著書.» 於是老子乃著書上下篇, 言道德之意五千餘言, 而去, 莫知所終. 或曰老萊子亦楚人也著書十五篇, 言道家之用, 與孔子同時云蓋老子百六十餘歲, 或言二百餘歲以其修道而養壽也.

老子隱君子也. 老子之子名宗. 宗為魏將封於段干. 宗子注. 注子宮. 宮玄孫假假. 仕於漢文帝. 而假之子解為膠西王印太傅, 因家於齊焉.

世之學老子者絀儒學. 儒學則絀老子. 道不同不相為謀. 豈謂是耶. 老子無為自化, 清靜自正.

Phiên âm:

Lão tử giả, Sở Khổ huyện, Lệ hương, Khúc Nhân lý nhân dã. Tính Lý thị, danh Nhĩ, tự Bá Dương. Thụy viết Đàm. Chu thủ tàng thất chi sử dã. Khổng tử thích Chu, tương vấn lễ ư Lão tử. Lão tử viết: «Tử sở ngôn giả, kỳ nhân dữ cốt giai dĩ hủ hĩ. Độc kỳ ngôn tại nhĩ. Thả quân tử đắc kỳ thời, tắc giá; bất đắc kỳ thời, tắc bình lụy nhi hành. Ngô văn chi, lương cổ thâm tàng nhược hư; quân tử thịnh đức dung mạo nhược ngu. Khứ tử chi kiêu khí dữ đa dục, thái sắc dữ thâm chí. Thị giai vô ích ư tử chi thân. Ngô sở dĩ cáo tử như thử nhi dĩ.» [25]

Khổng tử khứ vị đệ tử viết: «Điều ngô tri kỳ năng phi, ngư ngô tri kỳ năng du; thú ngô tri kỳ năng tẩu. Tẩu giả khả dĩ vi vông, du giả khả dĩ vi luân, phi giả khả dĩ vi tăng. Chí ư long, ngô bất năng tri kỳ thừa phong vân thượng thiên. Ngô kim nhật kiến Lão tử, kỳ do long da?»

Lão tử tu đạo đức. Kỳ học dĩ tự ẩn vô danh vi vụ. Cư Chu cửu chi, kiến Chu chi suy, nãi toại khứ. Chí quan, quan lệnh Doãn Hỉ viết: «Tử tương ẩn hĩ, cường vi ngã trú thư.» Ư thị Lão tử nãi trú thư thượng hạ thiên, ngôn đạo đức chi ý, ngũ thiên dư ngôn, nhi khứ, mạc tri sở chung.

Hoặc viết: «Lão Lai tử diệc Sở nhân dã, trú thư thập ngũ thiên, ngôn đạo gia chi dụng, dữ Khổng tử đồng thời vân.»

Cái Lão tử bách lục thập dư tuế, hoặc ngôn nhị bách dư tuế dĩ kỳ tu đạo nhi dưỡng thọ dã.

Lão tử ẩn quân tử dã. Lão tử chi tử danh Tông. Tông vi Ngụy tướng phong ư Đoạn Can. Tông tử Chú. Chú tử Cung. Cung huyền tôn Giả. Giả sĩ ư Hán Văn đế. Nhi Giả tử Giải vi Giao Tây vương Ấn thái phó, nhân gia ư Tề yên.

Thế chi học Lão tử giả tắc chuyết Nho học. Nho học tắc chuyết Lão tử. Đạo bất đồng bất tương vi mưu. Khởi vị thị da? Lão tử vô vi tự hóa, thanh tĩnh tự chính.

Dịch:

Lão tử là người thôn Khúc Nhân 曲仁, làng Lệ 厲, [26] huyện Khổ 苦, nước Sở 楚 [27] Ngài họ Lý 李, tên Nhĩ 耳, tự Bá Dương 伯陽, thụy là Đàm 聃. Làm quản thủ thư viện nhà Chu.

Khổng tử đến Chu, hỏi Lão tử về lễ, Lão tử nói: «Những người mà ông đề cập tới, đã hóa ra người thiên cổ từ lâu. Nay chỉ còn lại những lời nói của họ. Người quân tử khi đắc thế, thời đi xe; khi thất thế thời

đi chân mặc rách. Tôi nghe nói rằng một con buôn giỏi tất nhiên thu sâu, dấu kín, hình như không có gì. Người quân tử đạo đức cao dày thường có vẻ ngoài như kẻ ngu si. Ông hãy từ bỏ sự kiêu căng và dục tình. Hãy từ bỏ những kiểu cách bên ngoài lòe loẹt và những tham vọng. Những cái đó chỉ làm hại cho ông. Đó là những gì tôi muốn nói.» [\[28\]](#)

Khổng tử ra về nói với đệ tử rằng: «Con chim ta biết nó có thể bay; con cá, ta biết nó có thể lội; con thú, ta biết nó có thể chạy. Chạy thời có thể chằng dò, lội thời có thể đánh lưới, bay thời có thể bắn tên; đến như rồng, thời ta không thể biết; nó cưỡi mây mà lên trời. Hôm nay ta gặp Lão tử, ngài thực là rồng vậy.»

Lão tử tu đạo đức. Cái học của ngài trọng ẩn dật, vô danh. Ở Chu lâu năm, sau thấy nhà Chu suy, liền ra đi. Tới quan ải, quan lệnh là Doãn Hỉ nói: «Ngài sắp đi ẩn, xin cố vì tôi viết sách.»

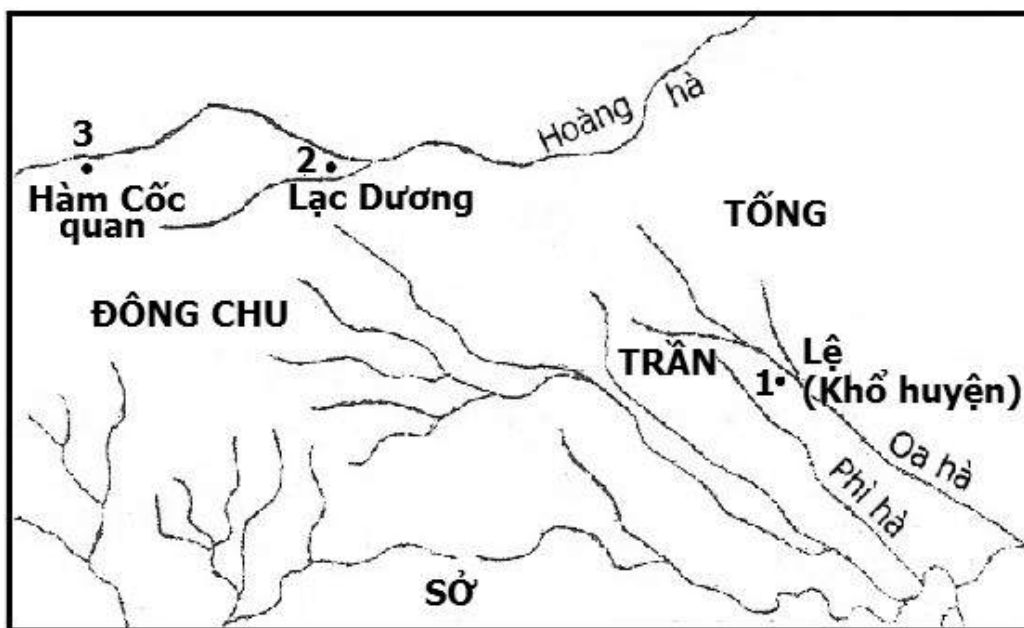
Lão tử bèn viết Đạo đức kinh chia thành hai thiên gồm hơn năm nghìn chữ, đoạn đi, không biết sau ra sao.

Có người nói rằng: [Lão Lai tử chính là Lão tử.] Lão Lai tử cũng là người nước Sở, viết sách mười lăm thiên, nói về chuyện đạo gia, đồng thời Khổng tử.

Có người cho rằng Lão tử biết cách tu dưỡng nên đã thọ 160 hay 200 tuổi. Lão tử là một vị ẩn cư. Con ngài tên Tông 宗. Tông làm tướng nước Ngụy 魏, ở xứ Đoạn Can 段干. Tông có con tên là Chú 注. Chú có con tên là Cung 宮. Cháu sáu đời của Cung tên là Giả 假, làm quan đời Hán Văn đế (179-156). Con của Giả tên là Giải 解, làm quan thái phó cho vua Ấn nước Tề, ở xứ Giao Tây.

Người học Lão tử thời châm biếm đạo Nho; người theo đạo Nho thời châm biếm Lão tử. Thế mới hay: Chẳng đồng đạo, thì chẳng cộng tác với nhau được. Lý Nhĩ vô vi để tự hóa; thanh tĩnh để tự chính. [\[29\]](#)

LÃO TỬ CỔ TÍCH ĐỒ [\[30\]](#)



1. Lữ hương 厲鄉 (Khổ huyện 苦縣): nơi Lão tử sinh.

2. Lạc Dương 洛陽: nơi Lão tử làm quan. 3. Hàm Cốc 函谷: nơi Lão tử chép sách.

B. TIỂU SỬ LÃO TỬ THEO LÃO TỬ MINH [\[31\]](#)

LÃO TỬ MINH 老子銘

Hán văn:

第一段

老子姓李字伯陽楚相縣人也。春秋之後周分為二稱東西君晉六卿專征與齊楚並僭號為王以大并小相縣虛荒今屬苦。故城猶在在賴鄉之東渦水處其陽其土地鬱蟪高敞宜生有德君子焉。老子為周藏室史。當幽王時三川實震以夏殷之季，陰陽之事鑒喻時王孔子以周靈王廿（混元作二十一）年生。至景王十年年十有七學禮於老聃計其年紀聃時以一百餘歲聃然老耄也。孔子卒後百廿九年或謂周太史為老子莫知其所終

第二段

其二篇書稱天地所以能長且久者以不自生也厥初生民遺體相續其死生之義可知也或有谷神不死是謂玄牝之言由是世之好道者觸類而長之與老子離合於混沌之氣與三光為終始觀天作讖降升斗星隨日九變與時消息規矩三光。四靈在旁存想丹田太一紫房道成身化蟬蛻渡世。自羲農以來為聖也作師班固以老子絕聖棄智禮為亂首與仲尼道違述漢書古今人表。檢以法度抑而下之與楚子西同科材不及荀卿孟軻。二者之論殊矣所謂道不同不相為謀也。

第三段

延熹八年八月甲子皇上尚德弘道含閔光大存神養性意在凌雲是以僭心黃軒同符高宗夢見老子尊而祀之于時陳將邊韶典國之禮材薄思淺不能測度至人辯是與非按據書籍以為老子生於周之末世玄虛守靜樂無名守不德危高官安下位遺孔子以仁言避世而隱居變易姓名惟恐見知夫日以幽明之節月以虧盈自成損益盛衰之原倚伏禍福之門天道惡盈而好謙蓋老子勞不定國功不加民所以見隆崇于今為時人所以享祀乃昔日逃祿處微損之又損之之餘昨也顯虛無之清寂云先天地而生乃守真養壽獲五福之所致也敢演而明之。

第四段

其辭曰：於惟玄德抱虛守清樂居下位祿執不盈為繩能直屈之可縈。三川之對舒憤散逞。陰不填陽孰能滯并。見機而作需郊出垧。肥遁之吉避世隱聲。見迫遺言道德之經。譏時微喻尋顯推冥。守一不失為天下正。處厚不薄居實含榮。稽式為重金玉是輕。絕嗜去欲還歸嬰兒皓然歷載莫知其情。頗違法言先民之程。要以無為。大化用成進退無恆。錯綜其貞。以智為愚充而不盈。大人之度非凡所訂。九等之敘何足累

名. 同光日月合之五星. 出入丹爐呼吸至精. 世不能原仰其永生. 天人
秩祭以昭厥靈. 羨彼延期勒石是旌.

Phiên âm:

ĐỀ NHẤT ĐOẠN

Lão tử tính Lý, tự Bá Dương, Sở Tương huyện nhân dã. Xuân thu chi hậu, Chu phân vi nhị, xưng Đông, Tây quân. Tấn lục khanh chuyên chinh, dữ Tề Sở tịnh tiếm hiệu vi vương. Dĩ đại tính tiểu, Tương huyện hư hoang, kim thuộc Khổ. Cố thành do tại. Tại Lại hương chi đông oa thủy xứ kỳ dương, kỳ thổ địa uất ông cao tề, nghi sinh hữu đức quân tử yên. Lão tử vi Chu tử tàng thất sử. Đường U vương thời, tam xuyên thật chấn dĩ Hạ Ân chi quý, âm dương chi sự, giám dụ thời vương. Khổng tử dĩ Chu Linh vương trấp (Hỗn nguyên tác: nhị thập nhất) niên sinh. Chí Cảnh vương thập niên, niên thập hữu thất, học Lễ ư Lão Đàm. Kế kỳ niên kỷ, Đàm thời dĩ nhất bách dư tuế. Đàm nhiên lão mạo dã. Khổng tử tốt hậu bách trấp cửu niên, hoặc vị Chu thái sử vi Lão tử, mạc tri kỳ sở chung.

ĐỀ NHỊ ĐOẠN

Kỳ nhị thiên thư xưng: thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ bất tự sinh dã. Quyết sơ sinh dân, di thể tương tục, kỳ tử sinh chi nghĩa khả tri dã. Hoặc hữu Cốc thần bất tử, thị vị Huyền tấn chi ngôn. Do thị thể chi hiểu đạo giả, xúc loại nhi trường chi, dĩ Lão tử ly hợp ư hỗn độn chi khí, dữ tam quang vi chung thủy, quan thiên tác sấm, giáng thẳng đầu tinh. Tùy nhật cửu biến, dữ thời tiêu tức, qui củ tam quang. Tứ linh tại bàng, tồn tướng đan điền. Thái nhất tử phòng, đạo thành thân hóa. Thiên thoát độ thể. Tự Hi Nông dĩ lai, vi thánh giả tác sử. Ban Cố dĩ Lão tử tuyệt thánh khí trí lễ vi loạn thủ, dữ Trọng Ni đạo vi, thuật Hán thư cổ kim nhân biểu, kiểm dĩ pháp độ, ức nhi hạ chi, dữ Sở Tử Tây đồng khoa, tài bất cập Tuân Khanh Mạnh Kha. Nhị giả chi luận thù hĩ. Sở vị đạo bất đồng bất tương vi mưu dã.

ĐỀ TAM ĐOẠN

Diên Hi bát niên, bát nguyệt Giáp Tí, Hoàng thượng, thượng đức hoàng đạo, hàm hoàng quang đại, tồn thần dưỡng tính, ý tại lăng vân. Thị dĩ tiềm tâm Hoàng Hiên, đồng phù Cao tông, mộng kiến Lão tử, tôn nhi tự chi. Vu thời Trần tướng Biên Thiệu, diễn quốc chi lễ, tài bạc tư thiển, bất năng trắc độ chí nhân, biện thị dữ phi, án cứ thư tịch, dĩ vi Lão tử sinh ư Chu chi mật thể, huyền hư thủ tĩnh, lạc vô danh, thủ bất đức, nguy cao quan, an hạ vị.

Di Khổng tử dĩ nhân ngôn, tị thế nhi ẩn cư. Biến dịch tính danh duy khủng kiến tri. Phù nhật dĩ u minh vi tiết, nguyệt dĩ khuy doanh tự thành, tổn ích thịnh suy chi nguyên, ý phục họa phúc chi môn. Thiên đạo ố doanh nhi hiểu khiêm. Cái Lão tử lao bất định quốc, công bất gia dân. Sở dĩ kiến long sùng vu kim, vi thời nhân sở dĩ hưởng tự, nãi tích nhật đào lộc xử vi, tổn chi hữu tổn chi chi dư tạc dã. Hiên hư vô chi thanh tịch, vân tiên thiên địa nhi sinh, nãi thủ chân dưỡng thọ, hoạch ngũ phúc chi sở trí dã. Cảm diễn nhi minh chi.

ĐỀ TỨ ĐOẠN

Kỳ tứ viết: Ư duy huyền đức bảo hư thủ thanh, lạc cư hạ vị, lộc chấp bất doanh, vi thẳng năng trực, khuất chi khả oanh. Tam xuyên chi đối, thư phần tán trình. Âm bất điền Dương, thực năng trệ tính. Kiến cơ nhi tác, nhu giao xuất quynh. Phi độn chi cát tị thế ẩn thanh. Kiến bách di ngôn, đạo đức chi kinh. Ky thì vi dụ, tầm hiên suy minh. Thủ nhất bất thất, vi thiên hạ chính. Xử hậu bất bạc, cư thật hàm vinh. Kê thức vi trọng, kim ngọc thị khinh. Tuyệt thị khứ dục, hoàn qui anh nhi. Hạo nhiên lịch tải mạc tri kỳ tình. Phả vi pháp ngôn, tiên dân chi trình. Yêu dĩ vô vi. Đại hóa dụng thành, tiến thoái vô hằng. Thác tống kỳ trình. Dĩ trí vi ngu, sung nhi bất doanh. Đại nhân chi độ, phi phạm sở đĩnh. Cửu đẳng chi tự, hà túc lụy danh. Đồng

quang nhật nguyệt, hợp chi ngũ tinh. Xuất nhập đơn lô, hô hấp chí tinh. Thế bất năng nguyên, Ngưỡng kỳ vĩnh sinh. Thiên nhân trật tể, dĩ chiêu quyết linh, tiện bỉ diên kỳ, lạc thạch thị tinh.

Dịch:

I. Lão tử tính lý, tự Bá Dương, người huyện Tương nước Sở. Sau thời Xuân thu, Chu triều chia làm hai gọi là Đông quân, Tây quân. Lục khanh nước Tấn tự ý động binh gây chinh chiến. Tấn cùng với Tề, Sở tự xưng vương. Nước lớn thôn tính nước nhỏ. Huyện Tương trở nên hoang vu, ngày nay thuộc Khổ. Thành lũy cũ nay hãy còn. Phía đông làng Lại có con sông chảy qua. Vùng này là một cao nguyên cỏ cây tươi tốt, dễ sinh ra một bậc thượng nhân tài đức. Lão tử là quan coi thư viện nhà Chu. Thời U vương, vùng ba sông bị động đất. Lão tử dựa vào những biến động của nhị khí âm dương về thời Hạ, Thương, để cảnh cáo nhà vua. Khổng tử sinh năm 20 thời Linh vương. Đến năm Cảnh vương thứ mười, Khổng tử, mới 17 tuổi, đến học lễ với Lão Đam. Nếu ta tính tuổi, thì khi ấy Lão Đam đã hơn 200 tuổi. Đam nghĩa là đạo mạo, lão mạo. Có người quả quyết rằng, 129 năm sau khi đức Khổng mất Chu Thái sử Đam cũng chính là Lão tử. Nhưng không ai biết Ngài mất bao giờ.

II. Trong quyển sách chia làm hai thiên của ngài có chép: «Nếu trời đất trường cửu, chính là vì không vì mình sống.» Từ khi có loài người đến nay, thế xác nối tiếp nhau. Như vậy là biết ngài (Lão tử) nghĩ thế nào về tử sinh. Vì trong sách ngài có câu: «Cốt thần bất tử, thị vị Huyền tấn.» cho nên những người yêu Đạo mới nhân đấy mà luận về Lão tử như sau:

Ngài cùng với Hỗn nguyên ly hợp,
 Với tam quang, ngài vượt thời gian.
 Trông trời, đoán vận trần hoàn,
 Bảy vì tinh đấu, nhẹ nhàng xuống lên.
 Cùng với ngày, biến thiên chín bận,
 Tùy theo mùa, khi giảm khi tăng.
 Tinh huy, qui củ chuẩn thẳng,
 Tứ linh, tứ tượng vốn hằng châu bên.
 Ngưng thần khí, đơn điền não bộ,
 Cung nê hoàn mấy độ tiêu dao.
 Sánh vai Thái nhất ra vào,
 Đạo thành, thân thoát, từ bao độ đời.
 Từ Hi, Nông, đến thời hiện tại,
 Bao thánh hiền, ngài mãi là thầy...

Ban Cố [\[32\]](#) vì thấy Lão tử khinh thường kiến văn, coi nghi lễ là đầu mối loạn, không cùng đường lối với đức Khổng, nên khi lập đồ biểu liệt kê nhân vật cổ kim trong Hán thư đã hạ Lão tử xuống ngang hàng với Tử Sản nước Sở, và dưới hàng Mạnh tử, Tuân tử. Như vậy hai bên (phe của Ban Cố, phe của Lão giáo) có quan niệm khác nhau, chính là vì «khác đạo với nhau thì không cộng tác với nhau được.»

III. Năm Diên Hi thứ 8, tháng 8, ngày Giáp tý, [\[33\]](#) Hoàng thượng, vì chuộng đức, ước mong tiến tới chỗ tinh hoa cao đại, nên đã tôn thần dưỡng tính, để vươn lên đến chốn cửu tiêu. Chính vì thế nên Ngài đã tiềm tâm học đạo Hoàng Hiên [\[34\]](#) Ngài như Cao tông đã nằm mộng thấy Lão tử nên đã tôn sùng và tế lễ

Lão tử. Lúc này Biên Thiệu tôi, đang làm tướng nước Trần, nên chủ sự cuộc tế lễ ở đây. Tôi tài hèn trí mọn không thấy hiểu được bậc chí nhân cũng không biết biện phân phải trái, nên chỉ dựa vào thư tịch mà chủ trương:

Đức Lão tử sinh thời Chu mạt.
Yêu hư vô, mà bạn thanh nhàn,
Không cầu danh với thế gian,
Không ưa những thói phô phang đức tài.
Coi chức trọng là nơi nguy hiểm,
Vui sống trong chốn kém, chốn hèn,
Tặng cho đức Khổng lời khuyên,
Giã từ thế tục, lâm tuyền ẩn cư.
Thay họ mạc cũng như danh tánh,
Sợ đời hay, nên lánh chuyện đời.
Vùng dương sáng tối lẫn hời,
Vàng trắng tròn khuyết đầy với tương tùy.
Thêm với bớt thịnh suy ấy gốc,
Và trên đời họa phúc theo nhau,
Trời kia nào thích đầy đâu,
Mà thương những kẻ gót đầu khiêm cung.
Theo Lão tử, lao lung vất vả,
Định giang sơn mấy nả mà mong?
Vi dân xin chớ kể công,
Công lênh rồùt cuộc cũng không ích gì.
Ngài nay được tôn suy, sùng thượng,
Chính vì xưa chẳng tưởng công danh,
Một ngày một giảm công trình,
Sống trong hư tĩnh, siêu linh tuyệt vời.
Rằng ngài trước đất trời sinh xuất,
Chính vì ngài chẳng mất lòng son,
Thiên chân giữ được vẹn tròn,
Cho nên ngũ phúc chẳng còn thiếu chi.
Nên tôi mạn mà ghi tiếp tục:
IV. Đức độ ngài rất mực cao siêu,
Hư không, thanh tĩnh đến điều,
Ưa nơi thấp kém, chê chiều quang hoa.

Giây khi thẳng, thời đà thẳng dẳng,
Nhưng đem khoanh cũng chẳng ngại cong,
Trời làm chấn động ba sông,
Can vua, và khiến cho lòng dân an.
Nếu Âm chẳng lằng loàn lẩn át,
Át Dương kia, tan tác sao sinh?
Cơ suy vừa lộ mỗi manh,
Thời đà rũ áo, ẩn mình từ đây.
Người nài nỉ: ra tay sáng tạo,
Đạo đức kinh di cảo dạy đời.
Nhẹ nhàng chỉ trích đương thời,
Đem điều sáng sửa soi nơi mịt mù.
Cùng Thái nhất thủy chung bầu bạn,
Treo cho đời gương sáng chính trung.
Dặn dầy, chân thực thời ưng,
Mỏng manh hào nháng thời không ngó ngang.
Ưu cốt cách, bạc vàng rẻ rúng.
Bao dục tình chặn đứng mới nghe.
Trở về trạng thái Anh nhi,
Mái sương vượt quá hạn kỳ trần gian.
Hành tung ngài, khó toan, khó luận,
Luật gian trần chẳng bận niềm riêng,
Khinh phiêu phôi phối tự nhiên,
Vô vi, vô dục biến thiên mặc tình.
Tiến hay thoái phiêu linh tùy tiện,
Tùy thời cơ thiên biến vạn năng.
Xá chi kiến thức gian trần,
Dầu đầy mà vẫn ngỡ rằng còn vơi.
Bậc đại nhân siêu thời xuất thế,
Kẻ phàm phu, hồ dễ mà hay.
Uống công xếp hạng nợ này,
Miệng phàm hồ dễ xấu lây danh người.
Cùng nhật nguyệt chói ngời sáng láng,
Cùng ngũ tinh chiếu rạng quang huy.
Vào ra nơi chốn đản trì,

Huỳnh đình lên xuống muôn bề khinh phiêu.

Cùng lưu tục chẳng điều quyền luyện,

Dấu phong quang làm biến hình hài.

Chắt chiu ôm ấp tính trời,

Muôn nghìn biến hóa theo đòi thần minh.

Hô hấp khí khinh thanh thuần túy,

Trong trần hoàn hồ dễ ai hay,

Vĩnh sinh ấy chính là ngài,

Đời rằng ngài với đất trời trường sinh.

Vua tế tự linh đình bày biện,

Để oai ngài trình hiện muôn nơi,

Tôi nay muốn để tiếng Người.

Cho nên ghi tạc những lời ngợi khen.

C. TIỂU SỬ ĐỨC LÃO TỬ THEO LÃO TỬ BIẾN HÓA KINH [35]

LÃO TỬ BIẾN HÓA KINH 老子變化經

Hán văn:

立大始端行乎大之原浮熬幽靈空之入窈冥之先門親乎皆誌之未別和清濁之外彷彿之與切古慌忽之廓然衝撞而之容[?]同門之先邊印步宙天門其生無騷獨立而無倫行乎古昔在天地之前乍匿還歸存亡則為先成則為人慌忽天濁化變其神託形李母胎中易身優命腹中七十二年中,現楚國李口序與肩頰有參午大理日角月玄鼻有雙柱,耳有三門足(蹈)二年(五)手把天關其性無欲其行無為欲天輔佐,三皇倚徙觀之匿見無常本皆由此彌歷久長國將衰,王道崩毀,則去楚國,北之崑崙以乘白鹿,訖今不還此皆自然之至精,道之根蒂為乘之父母,為天地之本根,為生梯端為神明之帝君,為陰陽之祖首,為萬物之魂魄條暢靈無造化應因挨帝八極載地懸天遊騁日月,迴走日辰呵投六甲此乾坤紀易四時推移寒溫手把仙錫玉簡今字稱以銀人喜初鳳頭,絕聖父制,物屋命直,父為之生焉老子能明能冥,能亡能存,能大能小,能屈能伸,能高能下能縱能橫,能反能覆;無所不施無所不能在火不焦在水不寒;逢惡不疾;觸禍不患厭之不苦,傷之無榮長生不死,須滅身形偶而不雙,隻而不奇附而不離,莫于其無為也莫能不隨世(之)此老子之行也嚴誠眇矣誠難知矣老子既生九重之外形變化自然子知吾九人何優仙夫為生道,甚易難子學吾生道,無如中止,卅日共月道畢滄第一姓李名老字元陽第二姓李名聃字伯陽第三姓李名中字伯光第四姓李名石字子光第五姓李名石字子文第六姓李名宅字子長

第七姓李名元字子始第八姓李名願字子生第九姓李名德字伯文老子合元汭元混成隨世沉浮退則養精進帝王師皇苞羲時號曰溫爽子皇神農時號曰春成子,一名陳豫皇祝融時號曰廣成子帝顓頊時號曰赤精子帝嚳時號曰真子名黃帝時號曰天老帝堯時號曰茂成子帝舜時號曰廓叔子化形舜立壇春秋祭祀之夏禹時老子出號曰李耳,一名禹師殷湯時號曰斯宮周父皇時號曰先王國柱下吏武王時號曰衛成子成王時號曰成子如故元康五年老子入婦女腹中七十二年生託母姓名聃字伯陽,為柱下吏七百年還變楚國而平王高蹇不從諫道德不流則去楚而西度咸谷關以五千文上下二篇授關長尹喜秦時號曰蹇叔子大胡時號曰浮慶君漢時號王方平陽加元年始見城都為鷗爵鳴山建康元年化於白鹿山託澗太初元年復出白鹿廟中治崔號曰仲伊建和二年於崩山卒出城都左里城門,壞身形為真人漢知之改為照陽門楚國知之生司馬照永壽元年復還白鹿山,號曰僕人大賢問閉口不言,卅年建廟白鹿為天傳老子曰:吾敖以清吾事以明,吾證以成吾變易身形託死更生,周流四海時出黃庭經歷渡踐履三皇戴冒三台,被服無形愚者不知死復更生儼至為身僮兒為群外為亡僕,內自為真自屋俱漂,自有精神晝夜念我,吾不忽云味夢想吾,我自見信吾發動官漢令自易身愚者踊躍,智者受訓天地事絕,吾自移運當世之時,簡擇良民,不須自去,端質守身吾自知之翁養文鱗欲知吾處,讀五千文過萬變首自知身急來詣我吾與精神子當念父,父當念子怡忽想忘去之萬里,所治解怠,神不為使,疾來遂我我絕綱紀青白為表,黃黑為裡赤為生我,從一而始,中有黃氣,可絕酒,教子為道,先當修己,恬泊靜寧(穿),檢其滿手,無為無欲,不憂患谷(苦),道來附,身可度矣精思放我神為走使吾衝剛,吾更勝負生氣在左,原氣在右中有黃氣元陽為上,通無極九宮僮子精之,思之,可以成己一僮道成教告諸子吾六度太白橫流,疾來逐我,南嶽相求,可以度危,恐子稽留,立春癸巳放縱罪囚五穀驚起,人民有憂,疾病欲至餓者縱橫吾轉衝撞漢事吾民間之自有志棄鄙自凍無姓字因漢自識,萬民見端直實心乃知吾事合知聖者習吾意,邪心狠性謂我何人吾以度數出有時節而化知吾者少非吾者多老子變化經大業八年八月十四日,經生王儁寫用紙四張玄都玄壇道士覆校裝潢人秘書省寫.

Phiên âm:

[1] Lập đại thủy đoan, hành hồ đại chi nguyên. Phù ngao u linh không chi. [2] Nhập yếu minh chi tiên môn. Thân hồ giai chí chi vị biệt. [36] Hòa thanh trọc chi ngoại. [37] [3] Phảng phát chi dữ thiết cổ hoảng hốt chi khuếch nhiên sung tràng nhi chi dung. [4] (?) đồng môn chi tiên. Biên ấn bộ trụ thiên môn. Kỳ sinh vô tao. Độc lập nhi vô luân. [5] Hành hồ cổ tích, tại thiên địa chi tiền. Sạ nặc hoàn qui tồn [6] vong tắc vi tiên, thành tắc vi nhân. Hoảng hốt thiên trọc. [38] Hóa biến kỳ thần. [7] Thác hình Lý mẫu thai trung. Dịch

thân ưu mệnh. Phúc trung thất thập nhị niên trung, hiện [8] Sở quốc. Lý khẩu tự dữ [39] kiên giáp hữu tam
ngọ đại lý. [40] Nhật giác, nguyệt huyền. [9] Tị hữu song trụ, nhĩ hữu tam môn; túc [41] [10] nhị niên (ngũ).
Thủ bá thiên quan. [42] Kỳ tính vô dục; Kỳ hành vô vi. Dục thiên phụ. [11] tá, tam hoàng ỷ tử. Quan chi nặc
kiến vô thường bản giai do thử. Di lịch [12] cửu trường. Quốc tương suy, vương đạo băng hủy, tắc khứ Sở
quốc, bắc chi Côn lôn [13] dĩ thừa bạch lộ, cật kim bất hoàn. Thử giai tự nhiên chi chí tinh, Đạo chi [14]
căn đế. Vi thặng chi phụ mẫu, vi thiên địa chi bản căn, vi sinh thê đoan [15] vi thần minh chi đế quân, vi
âm dương chi tổ thủ, vi vạn vật chi hồn [16] phách. Điều sưởng linh vô [43] Tạo hóa ứng nhân, sĩ đế bát
cực [44] tài địa huyền thiên. [45] [17] Du sính nhật nguyệt, hồi tẩu nhật thần. Ha đầu lục giáp. [46] Thử
Kiền Khôn [47] Kỷ dịch [18] tứ thời. Suy di hàn ôn. Thủ bả tiên tích [48] ngọc giản kim tự. Xưng dĩ ngân
[19] nhân. Thiện sơ phụng đầu; tuyết thánh phụ chế, vật ốc mệnh trực, phụ vi chi sinh [20] yên. Lão tử
năng minh, năng minh; năng vong năng tồn, năng đại năng tiểu, năng khuất [21] năng thân; năng cao
năng hạ; năng tung năng hoành; năng phản năng phúc; vô sở bất [22] thi, vô sở bất năng; tại hòa bất tiêu;
tại thủy bất hàn, phùng ác bất tạt; [23] xúc họa bất hoạn. Yểm chi bất khổ, [49] thương chi vô bàn. [50]
Trường sinh bất tử, tu diệt [24] thân hình. Ngẫu nhi bất song, chích nhi bất cơ. Phụ nhi bất ly mạc vụ kỳ
[25] vô vi dã. Mạc năng bất tùy chi. [51] Thử Lão tử chi hành dã. Nghiêm giới miếu [26] hĩ. Thành nan tri hĩ.
[27] Lão tử ký sinh cửu trùng chi ngoại. Hình biến hóa tự nhiên. Tử tri ngô cửu [28] nhân hà ưu tiên. Phù vi
sinh đạo, thậm dị nan. Tử học ngô sinh đạo, vô [29] như trung chỉ, trấp nhật cộng nguyệt đạo tất thương.
[30] Độ nhất tính Lý, danh Lão Đàm tự Nguyên Dương. [31] Độ nhị tính Lý, danh Đàm, tự Bá Dương. [32]
Độ tam tính Lý, danh Trung, tự Bá Quang. [33] Độ tứ tính Lý, danh Thạch, tự Tử Quang. [34] Độ ngũ tính
Lý, danh Thạch, tự Tử Văn. [35] Độ lục tính Lý, danh Trạch, tự Tử Trường. [36] Độ thất tính Lý, danh
Nguyên, tự Tử Thủy. [37] Độ bát tính Lý, danh Nguyên, tự Tử Sinh. [38] Độ cửu tính Lý, danh Đức, tự Bá
Văn. [39] Lão tử hợp nguyên đất, nguyên hỗn thành. Tùy thể trầm phù thoái tắc dưỡng tinh. [40] Tiên đế
vương sư. [41] Hoàng Bao Hi thời, hiệu viết Ôn Sảng tử. [42] Hoàng Thần Nông thời, hiệu viết Xuân Thành
tử, nhất danh Trần Dự. [43] Hoàng Chúc Dung thời, hiệu viết Quảng Thành tử. [44] Đế Chuyên Húc thời,
hiệu viết Xích Tinh tử. [45] Đế Cốc thời, hiệu viết Chân tử danh Bích. [46] Hoàng đế thời, hiệu viết Thiên
Lão. [47] Đế Nghiêu thời, hiệu viết Mậu Thành tử. [48] Đế Thuấn thời, hiệu viết Quách Thúc tử hóa hình.
Thuấn lập đàn xuân thu tế tự [49] chi. [50] Hạ Vũ thời, Lão tử xuất, hiệu viết Lý Nhĩ, nhất danh Vũ sư. [51]
Ân Thang thời, hiệu viết Tư Cung. [52] Chu phụ hoàng thời, hiệu viết tiên vương quốc trụ hạ lại. [53] Võ
vương thời, hiệu viết Vệ Thành tử. [54] Thành vương thời, hiệu viết Thành tử như cố. [55] Nguyên Khang
ngũ niên, Lão tử nhập phụ nữ phúc trung. Thất thập nhị niên [56] sinh. Thác mẫu tính lý danh Đàm, tự Bá
Dương, vi Trụ hạ lại, thất bách niên [57] hoàn biến Sở quốc, nhi Bình vương cao kiến bất tòng gián. Đạo
đức bất lưu, tắc. [58] khứ Sở nhi Tây. Độ Hàm cốc quan, dĩ ngũ thiên văn dĩ thượng hạ nhị thiên, thụ [59]
quan trường Doãn Hĩ. [60] Tần thời, hiệu viết: Kiến Thúc tử. [61] Đại Hồ thời hiệu viết Phù Khánh quân.
[62] Hán thời, hiệu Vương Phương Bình. [63] Dương gia nguyên niên thủy hiện Thành Đô vi Biển Tước
Minh Sơn. [64] Kiến Khang nguyên niên hóa ư Bạch Lộ sơn thác táng giản. [65] Thái sơ nguyên niên
phục xuất Bạch Lộ miếu trung, trị thời hiệu viết Trọng Y. [66] Kiến Hòa nhị niên ư Bằng Sơn tốt xuất
Thành Đô tả lý thành môn, hoại thân [67] hình vi chân nhân. Hán tri chi, cải vi Chiếu Dương môn. Sở quốc
tri chi sinh. [68] Tư Mã Chiêu. [69] Vĩnh Thọ nguyên niên phục hoàn Bạch Lộ Sơn. Hiệu viết Bộc Nhân
đại hiền. Vấn [70] bế khẩu bất ngôn, trấp niên kiến miếu Bạch Lộ, vi Thiên phó. [71] Lão tử viết: ngô ngao
dĩ thanh, ngô sự dĩ minh. Ngô chính dĩ thành ngô biến [72] dịch thân hình. Thác tử cánh sinh. Chu lưu tứ
hải, thời xuất Huỳnh đình. Kinh lịch [73] độ, tiền lý Tam hoàng, đới mạo tam thai, bị phục Vô hình. Ngu giả
bất tri [74] Tử phục cánh sinh. Lụy chí vi thân, đồng nhi vi quần. Ngoại vi vong bộc, nội [75] tự vi chân. Tự

ốc câu cảnh, tự hữu tinh thần; trú dạ niệm ngã, ngô bất [76] hốt vân. Vị mộng tưởng ngô ngã tự kiến tín, ngô phát động quan Hán, lệnh tự [77] dịch thân. Ngu giả dừng được trí giả thụ huấn. Thiên địa sự tuyệt, ngô tự di [78] vận. Đương thế chi thời, giản trách lương dân, bất tu tự khứ, đoan chất thủ thân. [79] ngô tự tri chi, ông dưỡng văn lân. Dục tri ngô xứ, độc ngũ thiên văn quá. [80] vạn biến. Thủ tự tri thân. Cấp lai nghệ ngã, ngô dữ tinh thần. Tử đương niệm [81] phụ, phụ đương niệm tử, di hốt tương vong. Khứ chi vạn lý sở tri giải đãi, thần bất vi sứ; tật lai toại ngã, ngô tuyệt cương kỷ. Thanh bạch vi biểu, hoàng [83] hắc vi lý. Xích vi sinh ngã, tòng nhất nhi thủy. Trung hữu hoàng khí, khả tuyệt [84] tửu, giáo tử vi đạo, tiên đương tu kỷ, điền bạc tĩn ninh (xuyên), kiểm kỳ mãn thủ, [85] vô vi vô dục, bất ưu hoạn cốc (khổ) Đạo lai phụ, thân khả độ hĩ. Tinh tư [86] phóng ngã, thần vi tẩu sứ. Ngô hành cương, ngô canh thắng phụ. Sinh khí tại tả, [87] nguyên khí tại hữu, trung hữu hoàng khí Nguyên dương vi thượng, thông Vô cực cửu cung. [88] Đồng tử tinh chi, tư chi, khả dĩ thành kỷ. Nhất mẫn đạo thành, giáo cáo chư [89] tử; ngô lục độ. Thái bạch hoành lưu, tật lai trực ngã, nam nhạc tương cầu, khả [90] dĩ độ nguy. Khủng tử kê lưu, lập xuân Quý tị phóng túng tội tù, ngũ cốc [91] kinh khởi, dân nhân hữu ưu, tật bệnh dục chí. Ngạ giả tung hoành, ngô chuyển [92] xung chàng Hán sự. Ngô dân văn chi, tự hữu chí khí, bỉ tự đồng vô tính [93] tự. Nhân Hán tự thức, vạn dân kiến đoan trực thực tâm, nãi tri ngô sự. [94] Hợp tri thánh giả tập ngô ý, tà tâm, ngận tính vị ngã hà nhân; ngô dĩ [95] độ số, xuất hữu thời tiết nhi hóa. Tri ngô giả thiếu, phi ngô giả đa. [96] Lão tử biến hóa kinh. [97] Đại nghiệp bát niên, bát nguyệt, thập tứ nhật, Kinh Sinh, Vương Trù tả [98] dụng chỉ tứ trượng [99] Huyền đô, Huyền đàn đạo sĩ phúc hiệu. [100] Trang Hoàng nhân. [101] Bí thư tinh tả.

Dịch nghĩa:

1. Những từ có trước đất trời,
Vui trong thái thủy tuyệt vời ngao du.
2. Thung dung từ thừa thái sơ,
Khi còn chưa có bến bờ dục trong.
4. Tịch nhiên tiêu sái, (5.) vô song,
Trước trời, trước đất thung dung vui hòa.
- Hai bề ẩn, hiện lại qua,
6. Ẩn là Thái nhất, hiện ra là người.
Đục trong biến chuyển dòng đời,
Thần ngài mới mượn hình hài thế nhân.
7. Mượn lòng Lý mẫu giáng trần,
Bảy hai năm chốn gửi thân mẹ lành.
8. Mượn nơi đất Sở giáng sinh,
Môi dày, miệng rộng, thiên đình nở nang.
- Có văn tam ngũ rõ ràng,
Hai vầng nhật nguyệt ẩn tàng quang hoa;
9. Mũi hai sống, lỗ tai ba,
10. Chân hai chữ ngũ, tay hoa số mười.
- Thiên nhiên vô dục tính trời,

Vô vi ấy chính nết người ở ăn.

Giúp trời lại giúp thánh quân.

11. Tam hoàng âu cũng nhờ ân hộ trì.

Đời người ẩn ước ly kỳ,

Biến thiên ảo hóa huyền vi khôn lường.

12. Gặp khi vận nước nhiều nhượng,

Hôn quân vô đạo tìm đường ẩn thân,

Giã từ nước Sở, lánh trần,

Cưỡi con bạch lộc băng chừng Côn Lôn,

Dặm Tần mù mịt nguồn cơn,

13. Người xưa vết cũ, nay còn thấy đâu.

Tinh hoa trời đất gồm thâu.

14. Đạo trời đạo đất gót đầu chốt then.

Sinh cơ chủ chốt diệu huyền,

15. Muôn thần, vạn thánh mọi miền, quản cai.

Âm dương mặc sức phân phối,

Là hồn, là phách muôn loài thụ sinh.

16. Hư vô chường quản mặc tình,

Biến thiên huyền hóa siêu linh tuyệt vời.

Bao trùm khắp tám phương trời,

Đất thời lo chờ, trời thời lo treo.

17. Ruổi rong nhật nguyệt khinh phiêu,

Tinh huy vận chuyển muôn chiều chẳng ngại.

Chư thần Lục Giáp nương hơi,

Càn khôn cũng mặc ý người ruổi rong.

18. Tứ thời chuyển biến thông dong,

Hai chiều nóng lạnh mặc lòng xở xoay.

Tiêu phù cầm gọn nơi tay,

Chữ vàng, thẻ ngọc sẵn bày từ khi.

20. Lão quân sáng tối tùy nghi

Tồn vong, đại tiểu, cao đê tung hoành.

21. Khuất thân, tiến thoái mặc tình,

22. Không gì thoát khỏi uy linh của người.

Đi vào nước lửa như chơi,

Dầu lâm họa hoạn, pha phối nhẽ nào.

23. Gặp cơn bức bách chẳng sao,
Vương thương, vết tích tơ hào chẳng khi.

Trường sinh chẳng có hạn kỳ,
24. Tiêu thân, diệt thể, quyền uy vô ngần.

Sánh đôi mà vẫn đơn thân,
Cô đơn mà vẫn chẳng phần lẻ loi.

Ngài luôn gần gũi con người.
25. Không ai có thể sánh tài vô vi,
Chẳng ai mà chẳng phải tùy,
Người người đều dõi bước đi của ngài.

Hành vi Lão tử để đời,
26. Lời ngài giảng dạy, mấy người tinh thông.

27. Ngài sinh ngoài cõi cửu trùng,
Những điều biến hóa mung lung khôn lường.
Biết ta chín kiếp nhân lương,

28. Đời ta mà biết lối đường ta hay.

29. [Không dịch] [\[52\]](#)

Ta là chín vị sau đây.

30-38

Họ 姓	Tên 名	Tự 字
1. Lý 李	Lão Đàm 老聃	Nguyên Dương 元陽
2. Lý 李	Trung 中	Bá Dương 伯陽
3. Lý 李	Thạch 石	Bá Quang 伯光
4. Lý 李	Thạch 石	Tử Quang 子光
5. Lý 李	Trạch 宅	Tử Văn 子文
6. Lý 李	Nguyên 元	Tử Trường 子長
7. Lý 李	Nguyên 願	Tử Thủy 子始
8. Lý 李	Đức 德	Tử Sinh 子生
9. Lý 李		Bá Văn 伯文

39. Ngài sinh cùng với Hư vô,
Tùy thời ly hợp trầm phù tiến lui.

Khi lui, nguyên thể tài bồi,
40. Đến khi tiến bước, dạy đời, dạy vua.

41. Thời Phục Hi, tên Ôn Sùng tử, [\[53\]](#)

42. Thời Thần Nông, lấy chữ Xuân Thành, [\[54\]](#)

43. Thời Chúc Dung, gọi Quảng Thành, [\[55\]](#)

44. Đến đời Chuyên Húc, Xích Tinh là người. [\[56\]](#)
45. Thời Đế Cốc, tên ngài Chân tử, [\[57\]](#)
46. Thiên Lão khi cộng sự Hiên Viên; [\[58\]](#)
47. Thời Nghiêu, tên gọi Mạo Thiềng, [\[59\]](#)
48. Thời Thuấn, Quách Thúc là tên của ngài. [\[60\]](#)
50. Thời Hạ Võ, tên thời Lý Nhĩ, [\[61\]](#)
51. Thời Ân Thang, đích thị Tư Cung. [\[62\]](#)
52. Đời Văn, ngài thủ thư tàng, [\[63\]](#)
53. Đến đời vua Võ, tên mang Vệ Thành. [\[64\]](#)
54. Đời Thành vương, tên Thành gọi lại, [\[65\]](#)
55. Nguyên Khang 5, lại tái giáng trần; [\[66\]](#)
- Trong lòng mẹ bảy hai năm,
56. Ra đời mới gọi tên bằng Lý Đam.
- Ngài cũng có Bá Dương là tự.
- Và từng là quản thủ thư tàng;
- Bảy trăm tuổi nguyệt chứa chan,
57. Bể chùng Sở quốc, lai hoàn cố hương.
- Lại gặp khi Bình vương ngoan cố.
- Đạo đức trời tới độ suy vi.
58. Ngài liền bỏ Sở ra đi,
- Bể chùng tây tiến lâm ly dặm trường.
59. Đến Hàm Cốc, gặp quan Doãn Hỉ,
- Đạo đức kinh ngài ký thác cho;
60. Thời Tần, Kiến Thúc cũng là, [\[67\]](#)
61. Tên ngài Phù Khánh [\[68\]](#) thời Hồ nhiều nhường.
62. Thời nhà Hán, Vương Phương Bình gọi, [\[69\]](#)
- (Mỗi khi cần, ngài mỗi hiện ra;)
63. Năm đầu niên hiệu Dương Gia, [\[70\]](#)
- Thành đô núi Tước hiện ra đường hoàng.
64. Năm đầu niên hiệu Kiến Khang,
- Đỉnh non Bạch Lộc, rõ ràng quang hoa. [\[71\]](#)
65. Năm đầu niên hiệu Thái Sơ,
- Nơi đền Bạch Lộc hiện ra với đời. [\[72\]](#)
66. Kiến Hòa vào khoảng năm 2,
- Lão quân lại hiện cửa ngoài Thành đô. [\[73\]](#)

69. Năm đầu Vĩnh Thọ hiện ra,
Đầu non Bạch Lộc xưng là Bộc Nhân. [74]
Những là lẳng lẳng trầm ngâm,
Dẫu ai gạn hỏi cũng không trả lời.
70. Đòi sau lập miếu thờ ngài,
Xưng ngài Thiên Phó, tên ngài hiển linh. [75]
71. Ngài rằng:
Ta vui trong cảnh Thái thanh,
Quang hoa xử sự, tinh thành trị dân.
72. Nhiệm huyền biến hóa tẩm thân,
Lấy tuần lâm tử, làm tuần phục sinh.
Chu du bốn biển phiêu khinh,
Tứ thời bát tiết Huỳnh đình vào ra.
Dòng đời khinh khoát vượt qua,
73. Tam hoàng mỗi bước ta đà theo chân.
Tam thai ta đội làm khăn,
Áo ta đã được dệt bằng Hư vô.
Phàm phu sao biết được ta,
74. Tử sinh, phản phục, biết là bao phen.
Dân ta đông đảo muôn miền,
Phàm phu ngoài mặt, mà tiên đáy lòng.
75. Quang huy thu liễm vào trong,
Tinh thần sung mãn bởi không hao gầy.
Ai về ta tưởng đêm ngày,
76. Ta luôn phù trợ phút giây chẳng rời.
Ai mà mơ đến ta hoài,
Hiển linh, ta sẽ vì người hiện ra.
Cơ đồ nhà Hán phôi pha,
77. Xót vì, ta lại sinh ra ở đời.
Phàm phu nhảy nhót dễ duôi,
Nhưng mà trí giả nghe lời bảo ban.
Đất trời nghiêng ngửa nguy nàn,
78. Ta bèn chuyển hóa mà toan cứu đời.
Nay ta lựa chọn hiền tài,
79. Người hay người phải, ta thời nhận ra.

Những ai mà muốn tìm ta,

80. Sách ta hãy đọc cho qua vạn lần,

Tội khiên phải biết tự thân,

Làm người tri kỷ, tri thân mới là.

Ta đây chẳng ở đâu xa,

Thần người cùng với Thần ta khác nào.

81. Cha con tưởng nhớ gần sao,

Bằng không nhớ tưởng, xa bao dặm đường.

Chớ nên biếng nhác buông tuồng,

82. Biếng lười, thần có cũng nhường như không.

Theo ta mau mắn mới mong,

Mới mong ta tháo gỡ tung buộc ràng.

Trắng, xanh ngoài mặt ngõ ngang,

83. Vàng, đen ẩn áo tiềm tàng bên trong.

Sinh ta, màu đỏ ấy công,

Ta sinh từ Nhất, từ trong điểm vàng.

84. Rượu nồng người chớ có ham,

Để ta đem đạo, chỉ đànng nẻo cho.

Tu thân người phải nên lo,

Tâm thần an tĩnh, lòng hồ như vơi!

85. Vô vi, vô dục thành thời,

Lầm than, hoạn nạn có đời nào đâu !

Cốc thần kháng khí trước sau,

Con đường giải thoát cơ màu là đây.

86. Lìa ta, suy tưởng đông dài,

Tâm thần lạc lõng, càng ngày càng mê.

Cương nhu cân nhắc mọi bề,

Hai chiều thành bại, đi về do ta.

Tả biên sinh khí mới là,

87. Hữu biên tử khí, giữa là Hoàng trung.

Giữa là Hoàng khí mung lung,

Nguyên dương nghi ngút muôn trùng cửu tiêu.

88. Khuyên chư đồng tử sớm chiều,

Tiềm tâm tu luyện, để theo Đạo màu.

89. Ta đà căn dặn từ lâu,

Kim tinh lịch lạc thì cầu tới ta.
 Mau mau rong ruổi mới là,
 90. Gặp ta Nam Nhạc, sẽ qua nguy nàn.
 Chớ đừng bịn rịn tơ vương,
 Xuân ngày Quý ty nên thương thả tù.
 91. Đâu đâu dân cũng âu lo,
 Bệnh tình chất ngất, ngã cơ đầy đường.
 Ta nay hoán cải mỗi giường,
 92. Cơ đồ nhà Hán tan hoang từ rày.
 Dân ta đã biết, đã hay,
 Tránh điều vạ gió, tai bay sá nào.
 93. Những người thành khẩn thanh cao,
 Việc ta thông tỏ tơ hào khó chi.
 94. Ý ta hiền thánh minh tri,
 Phàm phu nào biết vân vi gót đầu.
 95. Bao lần giáng thế trước sau,
 Theo dòng lịch sử cơ mầu biến thiên.
 Hiểu ta hỏi mấy thánh hiền,
 Chê ta, vô số phàm hèn bấy nay.

Khảo sát ba tiểu sử nói trên ta có những nhận xét sau đây:

1. Càng theo đà thời gian, tiểu sử Lão tử càng trở nên huyền thoại.

- Tiểu sử do Tư Mã Thiên (145-86 trước công nguyên) gần thực tế nhất, mô tả Lão tử như một ẩn sĩ, một hiền triết có gia đình con cái như mọi người, bất quá là sống lâu hơn người thường, biết đường tu luyện hơn người thường.

- Lão tử minh, do Biên Thiệu tạc năm 165 công nguyên, đã thấy có nhiều phần huyền thoại.
- Lão tử biến hóa kinh, viết khoảng năm 612 công nguyên, đã thấy đầy rẫy những huyền thoại.

Ta sẽ toát lược những huyền thoại ấy và giải thích những huyền thoại ấy. Tất cả những huyền thoại về Lão tử có thể toát lược như sau:

- Ngài có một cuộc thai sinh kỳ bí: ở trong lòng mẹ bảy mươi hai năm, lúc sinh ra đã bạc đầu. [76]
- Ngài có trước trời đất, sống vĩnh cửu cùng với đất trời.
- Ngài là Thượng đế giáng trần nhiều lần từ xưa tới nay để cứu độ chúng sinh.

Về cuộc thai sinh kỳ bí của Lão tử, ta không thấy có gì lạ, vì dân gian xưa nay đều thêu dệt rất nhiều huyền thoại quanh cuộc thai sinh của vị giáo chủ mình.

2. Một đặc điểm khác trong tiểu sử của đức Lão tử cho thấy rằng ngài có từ trước đất trời, sống vĩnh cửu cùng với đất trời.

Trong Lão tử minh ta thấy những câu:

«Ngài cùng với hỗn nguyên ly hợp,
 Với tam quang ngài vượt thời gian.»... [77]
 «Rằng ngài trước đất trời sinh xuất,
 Chính vì ngài chẳng mất lòng son.
 Thiên chân giữ được vẹn tròn,
 Cho nên ngũ phúc chẳng còn thiếu chi.» [78]

Lão tử biến hóa kinh viết:

«Những từ có trước đất trời,
 Vui trong Thái thủy tuyệt vời ngao du.»... [79]
 «Trường sinh chẳng có hạn kỳ,
 Tiêu thân diệt thể, quyền uy vô ngần.» [80]
 Khảo Trang tử ta cũng thấy có câu:
 «Ta và trời đất cùng sinh,
 Ta và vạn vật sự tình chẳng hai.» [81]

Khảo Phúc âm, ta thấy chúa Jesus xưng mình có trước vua David. [82]

Tất cả những sự kiện trên chỉ có thể hiểu được nếu chúng ta chấp nhận con người có:

- Phần Thiên, phần Thần, bất sinh bất tử mà Lão tử gọi là Đạo, nho gia gọi là Thái cực, Bà la môn gọi là Atman, Phật giáo gọi là Chân như hay Bản lai diện mục.
- Phần nhân, phần tâm, phần hồn, có sinh, có tử mà ta thường gọi là phàm tâm, hay tiểu ngã, vọng ngã.

Các huyền thoại trên cho thấy xưa nay con người đều mơ ước bất tử chính là vì đã thấu đáo được sự huyền nhiệm ấy. Còn dân gian thì chỉ hiểu lơ mơ vấn đề, qua trung gian các huyền thoại còn sót lại.

3. Một huyền thoại đáng chú ý hơn nữa là từ thời nhà Hán. Lão tử đã được coi như là Thượng đế, chẳng những giáng trần một lần mà đã giáng trần nhiều lần.

Khảo lịch sử Trung Hoa ta thấy từ thời thượng cổ các vua chúa đã tế lễ Thượng đế [83] hoặc Thái nhất ở Nam Giao. Năm 123, đời Hán Vũ đế ta thấy Mậu Kỵ 繆忌 người đất Bạc 亳 đã làm sớ tâu xin Hán Vũ đế thờ Thái nhất. Mậu Kỵ tâu rằng Thái nhất trọng hơn chư thần. Ngũ đế chỉ là những cộng sự viên của Thái nhất. [84]

Lịch sử ghi rằng: sáng ngày đông chí năm 113, Vũ đế dùng lễ Giao để tế Thái nhất. [85]

Khảo thư tịch đạo Lão ta lại thấy rằng Ngọc Hoàng Thượng đế thực ra có ba ngôi, tuy danh hiệu khác nhau nhưng đồng một bản thể. [86] Ba ngôi đó là:

- (1) Nguyên thủy Thiên tôn, hay Thiên bảo quân, hay Ngọc hoàng ở cung Ngọc thanh.
- (2) Linh bảo Thiên tôn hay Linh bảo quân ở cung Thượng thanh.
- (3) Thần bảo Thiên tôn hay Lý Lão quân hay Lão tử ở cung Thái thanh.

Linh mục Wieger cho rằng quan niệm «tam vị nhất thể» của đạo Lão này đã được vay mượn của

Thiên chúa giáo, qua trung gian Giáo phái Nestoriens. Giáo phái này có lẽ đã truyền sang Trung Quốc từ đời Đường. Đời Đường, ở Chu Ốc 周屋 cách Tây Nam Phủ 100 dặm có một dòng tu Nestoriens. Năm 781 họ đã dựng một bi ký, mà gần đây các nhà khảo cổ đã đào được.

Sự giải thích của Wieger mới đầu tưởng hữu lý, nhưng rút cuộc cũng không ổn, vì Nestorius sinh khoảng năm 380, chết khoảng năm 440 công nguyên, mà Lão tử đã được coi như là Thượng đế giáng trần từ thời nhà Hán, ít nhất là từ năm 165 công nguyên, như Lão tử mình đã ghi.

Đọc quyển La Divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han của Anna K. Seidel do École Française d'Extrême Orient xuất bản năm 1969 với những tài liệu chứng minh một cách hết sức hùng hồn, ta liền thấy lập luận của Wieger không đứng vững. Ta nên nhớ đạo Lão bắt đầu thịnh từ thời Hán Vũ đế (140-87 trước công nguyên). Còn giáo phái Nestorianisme chỉ được truyền vào Trung Hoa khoảng năm 635 đời Đường Thái tông. [87] Như vậy muốn hiểu sự kiện «Lão tử được coi là một phân thân của Thượng đế giáng trần» cho đứng đắn, ta phải giải thích như sau:

(1) Xưa nay các thượng trí, thượng nhân đều tin rằng Trời chẳng xa người.

(2) Thiên đạo hay huyền học, chỉ cốt dạy người chân lý thiết yếu ấy.

(3) Thánh nhân, chân nhân là những người đã sống phối kết với Thượng đế, vì thế nên được đồng hóa với Trời. Huyền thoại về Lão tử ở Trung Hoa là một bằng cứ. Huyền thoại về Krishna trong Bhagavad-Gita là một bằng cứ khác. Các nhà huyền học Hồi giáo cũng thường xưng mình là Chân lý, là Thượng đế. Al-Hallaj, một thánh nhân Hồi giáo thường xưng mình là Chân lý, là Trời nên đã bị cầm tù từ năm 915 đến ngày 23 tháng 3 năm 922 thì bị xử tử vì tội dám phối hợp lẫn lộn trời người (confondre le divin et l'humain) gây hoang mang cho mọi người. [88]

Al-Hallaj đã nói: «Ta là đấng ta yêu, Đấng ta yêu là ta. Chúng ta là hai thần trong một xác. Nếu bạn thấy ta bạn sẽ thấy ngài, nếu bạn thấy ngài, bạn sẽ thấy ta.» Ta có thể dịch thành thơ như sau:

Ta cùng với đấng ta yêu,

Hai đàng là một, khôn chiều qua phân.

Một thân mà có hai thần,

Thấy ta, thấy Chúa cũng ngần ấy thôi. [89]

Kỳ lạ thay những lời lẽ này có âm hưởng như lời lẽ trong Phúc âm Jean: «Ai đã thấy ta, tức là thấy Cha. Sao người lại nói rằng: Xin chỉ Cha cho chúng tôi? Người, há không tin rằng ta ở trong Cha và Cha ở trong ta hay sao?» [90]

Sự tháo gỡ những huyền thoại về Lão tử, cho ta trông thấy rõ căn cơ con người, mà Lão tử là một tượng trưng, và định mệnh con người, mà Lão tử là một trong những người đã thực hiện được. Nó cũng giúp ta hiểu rõ nhiều huyền thoại của các đạo giáo thế giới. Bàn cãi rộng hơn cũng không lợi gì thêm. Ta có thể tạm kết thúc bằng một lời trong sách Khải huyền (Apocalypse): «Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ngồi với ta trên ngôi ta, như chính ta đã thắng và ngồi với Cha ta trên ngôi Ngài.» [91]



Hàm Cốc Quan: Quan lệnh Doãn Hi bái Lão Tử, xin Lão Tử viết quyển Đạo Đức Kinh

II. ĐẠI CƯƠNG ĐẠO ĐỨC KINH

Đạo đức kinh của Lão tử chia làm hai phần:

Thượng kinh gồm ba mươi bảy chương, 2140 chữ, bắt đầu bằng chữ Đạo 道.

Hạ kinh gồm bốn mươi bốn chương (từ chương 38 đến hết chương 81), 2815 chữ, bắt đầu bằng chữ Thượng đức 上德.

Vì thế nên gọi là Đạo đức kinh 道德經. Tổng cộng toàn kinh có tám mươi mốt chương, 4999 chữ.

Đạo đức kinh là một quyển sách nhỏ, nhưng nổi tiếng là khó hiểu xưa nay. Mỗi người bình giải một cách, Tây có, Tàu có, Việt có, không biết cơ man nào là người bình, mà bức màn bí mật nhiều khi vẫn còn nguyên vẹn.

Riêng Lão tử thời cho rằng quyển Đạo đức kinh là một quyển sách dễ hiểu, có mạch lạc. Đạo đức kinh chương 70 viết:

Lời ta dễ biết dễ làm,
Nhưng mà thiên hạ chẳng am chẳng tường.
Lời ta nói có chủ trương,
Việc ta vốn có lối đường chốt then.
Nhưng mà tục tử ngu hèn,
Hiểu ta chẳng nổi chuyện xem thường tình.
Hiểu ta mấy bậc tinh anh,
Ít người hiểu nổi nên danh càng lừng.
Xưa nay các bậc thánh nhân,
Ngọc tàng dưới lớp áo quần xác xơ.

Vậy trước khi đi vào Đạo đức kinh ta phải tìm cho ra những lối đường, những then chốt của Đạo đức

kinh. Trước hết chúng ta sẽ phải ghi nhận rằng Lão tử là một bậc chân nhân đã sống phối kết với Trời.

Theo danh từ châu Âu hiện đại, thì ngài là một nhà huyền học. Nói như vậy, tức là ngài không phải là Thượng đế giáng trần để cứu nhân loại, như người Trung Hoa thời Hán đã suy tôn, mà ngài chính là một con người, nhờ công phu học hỏi, nhờ công phu tu luyện đã liễu đạt được chân tính con người, đã sống phối kết với Thượng đế.

Suy tôn ngài là Thượng đế giáng trần chẳng những một lần mà nhiều lần để cứu nhân loại như Biến hóa kinh chủ trương hay là một con người bất tử đã sang cả Ấn Độ dạy đạo cho đức Phật như Hóa Hồ kinh chủ trương, thực ra cũng chẳng có lợi gì cho chúng ta, vì như vậy chúng ta không có cách nào để tìm cho ra đường lối ngài.

Ngược lại, coi ngài là một người học vấn, vì tu luyện đã tìm ra được chân đạo, đã đạt tới trạng thái cực cao minh linh diệu của con người, sẽ giúp ta hiểu đạo ngài, và giúp ta biết đường theo chân nối gót ngài.

Cát Hồng tiên ông 葛洪仙翁 viết: «Các học giả có óc hẹp hòi đã coi Lão tử như là một người trời siêu xuất quần sinh và khuyên các thế hệ tương lai bắt chước ngài; nhưng làm thế tức là ngăn cản không cho mọi người tin được rằng có thể nhờ học hành mà tìm ra được bí quyết trường sinh bất tử. Thực vậy, nếu Lão tử chỉ là một hiền nhân đã đắc đạo, thì mọi người phải hết sức để theo gương bắt chước ngài. Nhưng nếu ra nói rằng: đó là một nhân vật đặc biệt, có thiên tính thì ta không thể nào bắt chước ngài được nữa.»

[\[92\]](#)

A. Lão tử một con người hiếu cổ

Thực ra đức Lão tử không phải là người đầu tiên đã khám phá được Chân đạo, Chân lý. Nhiều người trước ngài đã khám phá và đã thực hiện được Chân đạo, Chân lý. Trong Đạo đức kinh Lão tử nhiều lần đã long trọng tuyên dương đời sống cao siêu của người xưa, những phương châm cao đại của người xưa, mục đích cao đại của người xưa. [\[93\]](#)

Ngài để cả chương 15 để mô tả lại đời sống huyền diệu của các nhà huyền học đời xưa. Ngài viết:

Ai người xưa khuôn theo Đạo cả,
Sống huyền vi rất khó tri tường.
Nay ta gạn ép văn chương,
Hình dung dáng dấp liệu đường phác ra.
Họ e ấp như qua băng tuyết,
Họ ngỡ ngàng như khiếp lảng giềng.
Hình dung phong thái trang nghiêm,
Băng tan, tuyết tán như in lạnh lùng.
Họ đầy đặn in chùng mịch mịch,
Nhưng phiêu khinh man mác hang sâu.
Hỗn mang ngỡ nước đục ngầu,
Đục ngầu lắng xuống một màu trong veo.
Ngỡ ù cạc một chiều an phận,
Nào ai hay sống động khôn lường.

Phù hoa gom góp chẳng màng,
 Đã say đạo cả coi thường phù hoa.
 Sống ẩn dật không phô thanh thế,
 Việc thế gian hồ dễ đổi thay...

Nơi chương 41, ngài viết:

Lời xưa đã từng khi truyền tụng,
 Biết đạo thời như vụng như đần.
 Tiến lên mà ngỗ lui chân,
 Tới bên đạo cả mà thân tưởng hèn, v.v.

Nơi chương 42, ngài nhắc lại một phương châm của người xưa:

Người xưa dạy câu này chí lý,
 Ta cũng đem ta chỉ cho đời:
 Xin đừng bạo động ai ơi,
 Ai mà bạo động chết thôi bạo tàn.
 Đó lời «then chốt» ta ban.

Nơi chương 68, ngài viết: «Sống kết hợp với Trời là tuyệt điểm của đời xưa...»

- Liệt tử cho rằng câu: «Cốc thần bất tử, thị vị Huyền tẩn» đã có trong Hoàng đế thư. [\[94\]](#)

- Trang tử cho rằng câu: «Thất Đạo nhi hậu đức... thất nghĩa nhi hậu lễ, v. v.» là lời của Hoàng đế.

[\[95\]](#)

- Hàn Phi tử cho rằng câu: «Tương dục hấp chi, tất cố trượng chi, v. v.» là lời của Chu thư. [\[96\]](#)

- Các chương 22, 46, 57, 69, 78 đều trích dẫn cổ thư. [\[97\]](#)

Xem như vậy, thì Lão tử:

1. Chuộng cổ nhân.
2. Mộ đạo cổ nhân.
3. Yêu nếp sống thiên nhiên của cổ nhân.
4. Đã đạt tới tinh hoa mà cổ nhân đã đạt.
5. Muốn làm sống lại nếp sống của cổ nhân, về phương diện cá nhân cũng như về phương diện chính trị.

Cũng nên ghi nhận rằng về phương diện hiếu cổ, hoài cổ này Lão tử hoàn toàn giống Khổng tử.

Trong Luận Ngữ, Khổng tử cũng nói:

«Ta trần thuật, chứ không sáng tạo,
 Tin cổ nhân mộ đạo cổ nhân.» [\[98\]](#)

Như vậy người xưa phải có cái gì đẹp đẽ, siêu việt cho nên, các thánh hiền sau này mới ra công khai thác, bảo vệ và lưu lại cho hậu thế.

Cái tinh hoa, siêu việt của người xưa là gì?

1. Người xưa sống gần Đạo, gần Trời.

Đã đành không phải người xưa đều có điểm phúc sống gần Đạo, gần Trời, nhưng chắc chắn là đã có một số người đạt được cực điểm tinh hoa đó.

Ngày nay chúng ta gọi họ là những người có «tâm địa ban sơ» nghĩa là những tâm hồn sống kề cận với căn bản, với cốt cách con người. [\[99\]](#)

Đó là những người hãy còn hồn nhiên toàn vẹn, chưa bị pha phối bởi vọng niệm, tư tâm, kiến văn, kiến thức.

2. Những người xưa ấy sống trong cảnh tĩnh lặng buổi thái sơ, có một tâm thần hồn nhiên tiêu sái; không bị dục vọng cuốn lôi; danh lợi dụ dỗ, họ như sống trên một vùng Đào nguyên, ngoài dòng biến thiên của lịch sử, ngoài sự quay cuồng của hồng trần.

Còn chúng ta ngày nay như là những người đang ở trong một thời kỳ tăm tối, bị đà thời gian lôi cuốn đến nỗi phải điêu đứng hao mòn, không còn cái duyên may là được thường xuyên tiếp xúc với những gì linh thiêng siêu việt như người xưa nữa.

3. Người xưa tóm lại y như sống ngoài sự vận chuyển của thời gian, sống trong trạng thái ban sơ (état primordial), hồn nhiên, toàn mỹ, không bị những tập tục xã hội ràng buộc; không bị những nhà cầm quyền với những luật pháp khắt khe chèn ép.

Lão tử đã gọi lại cuộc đời lý tưởng ấy, và cố gắng giải thoát con người khỏi những thăng thác do những tập tục, những qui ước của nhân quần xã hội và lịch sử gây nên. [\[100\]](#)

B. Lão tử là một nhà huyền học [\[101\]](#)

Nói Lão tử là một nhà huyền học, nhiều người tưởng như vậy sẽ hạ giá Lão tử. Trái lại, nếu chúng ta hiểu rõ thế nào là huyền học, ta sẽ thấy đó là một huy hiệu rất cao siêu.

Huyền học (mystique) là một danh từ hiện đại tặng dữ cho những ai có một đời sống siêu nhiên mãnh liệt, ý thức như đã tiếp xúc được với luồng quyền lực vô biên củavũ trụ.

Những nhà huyền học là những người:

1. Có tâm thần rất thông minh, tinh tế
2. Nhìn thấy Đạo, thấy Trời nơi tam khảm mình
3. Nhận thức được tấn tuồng biến thiên ảo hóa của vũ trụ cũng như của lịch sử nhân quần.
4. Cố tu luyện, cố thanh lọc tâm thần để đi đến chỗ cao minh linh diệu. [\[102\]](#)
5. Sống phối hợp với Trời, coi mình là hiện thân của Thượng đế.

Các nhà huyền học đông cũng như tây đều tin tưởng rằng sau bức màn hiện tượng biến thiên chất chường, còn có một Bản thể siêu việt, tuyệt vời.

Các ngài không biết dùng danh từ gì để mô tả Tuyệt đối thể ấy cho hay, cho xứng, cho nên hoặc là tuyên bố mình bất lực trước Tuyệt đối vô biên ấy, hoặc là dùng những danh từ tiêu cực, mơ hồ để diễn tả, để đề cập đến Tuyệt đối thể ấy.

Các ngài cho rằng con người sinh ra phải tìm cho về được nguồn mạch linh thiêng huyền diệu ấy, và tất cả các sự biến hóa của vũ trụ lúc chung cuộc cũng kết thúc trong đại thể vô biên vô tận ấy.

Mà nguồn mạch linh thiêng huyền diệu ấy đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người. Con người chỉ việc lắng lòng lại, chỉ việc thu thần định trí, nhìn sâu vào tâm khảm mình sẽ tìm ra được Bản thể siêu việt huyền nhiệm ấy.

Tìm ra được rồi, chỉ việc sống một cuộc đời khiêm cung, giản dị, hồn nhiên, tiêu sái, hạnh phúc.

Từ nay không còn lo âu, không còn háo hức, vì biết rằng ngoại cảnh chẳng qua chỉ là những tấn tuồng phù du hư ảo. Từ nay sẽ thoải mái, hạnh phúc vì biết rằng mình đã nắm giữ được một cái gì quý báu nhất, linh thiêng nhất trần gian.

C. Toát lược Đạo Đức kinh

Trong quyển Đạo Đức kinh tất cả tư tưởng của Lão tử đều xoay quanh mấy vấn đề then chốt đó.

(a). Thoạt đầu sách, Lão tử đã đề cập đến Đạo. Chữ Đạo đây phải được hiểu là Tuyệt đối thể bất khả tư nghị, vô biên tế, là căn cơ, là nguồn gốc muôn loài.

Ngoài chương đầu sách, Lão tử còn đề cập đến Đạo, đến tính chất của Đạo, đến quyền năng của Đạo ở các chương: 4, 14, 21, 25, 32, 34, 51.

(b). Còn chữ Đức phải được hiểu là sự hiển dương của Đạo. ^[103]Thánh nhân chính là sự hiển dương tuyệt vời của Đạo, cho nên cũng được gọi là Thượng đức 上德 nơi đầu chương 38, tức là chương đầu của Hạ kinh.

(c). Sau khi đã hiểu Đạo là bản thể của vũ trụ, là trục cốt của vũ trụ, thì những sự biến thiên bên ngoài đều được coi là tương đối không mấy đáng cho ta quan tâm (Xem các chương 2 và 36). Mục đích của cuộc biến hóa chính là sự trở về hiệp nhất với Đạo (chương 42).

(d). Thánh nhân là những người lãnh hội được đạo thể, thực hiện được đạo thể nơi mình, nên không ra khỏi nhà mà vẫn thấu suốt thiên hạ sự (chương 47). Các ngài sống khiêm cung đơn sơ, hồn nhiên, tiêu sái, phối hợp với trời, treo gương sáng cho đời, sống giữa hồng trần mà chẳng vương tục lụy, chẳng để cho vinh nhục lợi danh và những thú vui giác quan làm tản lạc tâm thần, mờ ám lương tâm (Xem các chương 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 34, 35, 37, 38, 41, 44, 45, 47, 48, 49, 50, 55, 63, 64, 66, 67, 71, 72, 79, 81).

(e). Nguyên ước của Lão tử là muốn cho mọi người đắc Nhất, đắc đạo, để trần hoàn này sống trong thanh bình hoan lạc (các chương 39 và 46).

Chương 53, ngài viết:

Đạo trời tu dưỡng nơi mình,
Trước sau ắt sẽ tinh thành chẳng sai.
Gia đình tu đạo hôm mai,
Đức Trời ắt sẽ lắng lại trần trề.
Đạo Trời giải sáng làng quê,
Đức Trời ân cũng thêm bề quang hoa.
Đạo Trời rạng chiếu quốc gia,
Đức Trời lai láng tuôn ra vô ngần.
Đạo Trời soi khắp gian trần,

Đức Trời âu sẽ muôn phần mệnh mang...

(f). Con đường tu luyện của ngài rất là giản dị:

- Không tập thở, tập hít,
- Không cần tư thế ngồi thiền,
- Không cầu trường sinh bất tử cho thân xác.
- Không nấu thuốc luyện đơn, cũng không cầu linh chi, linh thảo, tuyệt thực, tuyệt cốc.

Nơi chương 30, ngài viết:

Người đức cả coi thường tục đức,
Thế cho nên thơm phức hương nhân.

Phàm phu nệ đức phàm trần,
Cho nên xơ xác thêm phần xác xơ.

Người đức cả vô vi khinh khoát,
Người phàm phu lao tác tây đông.

Người nhân dạ ít đèo bông,
Con người nghĩa khí kể công kể giờ.

Con người nghi lễ so đo,
Làm chưa thấy ứng, nhỏ to bất bình.

Nơi chương 48, ngài viết:
«Học nhiều càng lắm rườm rà,
Càng gần Đạo cả càng ra đơn thuần.

Giản phân, rồi lại giản phân,
Tần phiên rũ sạch còn trần vô vi.

Vô vi huyền diệu khôn bì,
Không làm mà chẳng việc chi không làm.

Vô vi mà được thế gian,
Càng xoay xử lắm đời càng rối beng.»[\[104\]](#)

Nơi chương 52, ngài viết:

Âm thầm ấp ủ tắc son,
Một đời trần cấu chẳng mòn mỏi ai.

Mặc ai đầy đọa hình hài,
Một đời tất tưởi phí hoài tấm thân.

Quang minh là thấu vi phân,
Cương cường là biết giữ phần mềm non.

Hãy dùng ánh sáng ngàn muôn,
Đem về soi tỏ gốc nguồn chói chang.

Thế là thoát mọi tai ương,
Thế là biết sống cửu trường vô biên.

(g). Lão tử rất ghét hình thức bên ngoài. Nơi chương 38, ngài viết:

Hễ Đạo mất, nặng tình với Đức,
Đức không còn lục tục theo nhân.
Hết nhân, có nghĩa theo chân,
Nghĩa không còn nữa thấy thuần lễ nghi.
Nên nghi lễ là chi khinh bạc,
Cũng là mầm loạn lạc chia ly.
Bề ngoài rục rờ uy nghi,
Bề trong tăm tối, ngu si, ngỗ ngang.
Nên quân tử chỉ ưa đầy đặn,
Chứ không ưa hào nháng phong phanh.
Chỉ cần thực chất cho tinh,
Không cần bóng bẩy lung linh bên ngoài.
Bắc cân khinh trọng cho tài.
Biết đường ôm ấp, biết bài dễ xuôi.

(h). Về phương diện chính trị, Lão tử chủ trương:

- Không làm khổ dân, không vẽ chuyện (các chương 3, 17, 29, 75).
- Tránh chiến tranh (chương 30).
- Không sùng thượng chiến tướng (chương 31).
- Để cho dân sống hồn nhiên, không kích thích lòng tham của dân (các chương 17, 65).
- Ngài mơ ước các nước trong thiên hạ đều nhỏ như những làng xóm, gần nhau đến nỗi gà kêu chó cắn đều nghe thấy; mà rất xa nhau, vì chẳng ai muốn tới nước của nhau.

Khảo Trang Tử, ta thấy quan niệm của Lão tử cũng như của Trang tử là phục hồi lại thời hoàng kim của các vua Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế, Chúc Dung, v.v. khi ấy dân còn sống trong những bộ lạc rất nhỏ, còn hồn nhiên chưa biết chữ nghĩa luật pháp, nhưng sống sung sướng trong thanh bình thịnh trị.

Trang Tử viết: «Xưa vào thời Dung Thành... Hoàng đế Chúc Dung, Phục Hi, Hoàng đế, dân mới biết kết giây để nhớ việc. Họ cho cơm của họ là ngon, áo của họ là đẹp, phong tục của họ là hay, nhà của họ là yên ổn. Các nước láng giềng nhìn thấy nhau, nghe thấy tiếng gà kêu chó cắn của nước cạnh, mà dân đến chết cũng chẳng đi đâu. Thế mà thời ấy dân lại thịnh trị.» [\[105\]](#)

Như vậy về phương diện chính trị, Lão tử cũng không nêu được ra quan niệm gì mới mà chỉ muốn làm sống lại khung cảnh thời hoàng kim xa xưa.

Thời Hán Vũ Đế, Cấp Ấm đã áp dụng những tôn chỉ đạo Lão vào nghệ thuật trị dân. Ông không can thiệp vào đời sống của dân, chỉ để ý đến đại cương không đi vào chi tiết.

Một hôm Cấp Ấm trách Hán Vũ Đế: «Bệ hạ có nhiều dục vọng quá, mà bề ngoài làm ra vẻ thi nhân nghĩa, như vậy làm sao mà có thể bắt chước Nghiêu, Thuấn được? Ngày xưa Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang,

Văn, Vũ không có dục vọng. Chỉ có những minh quân thánh đế mới vô dục. Còn các bậc quân vương khác đều lệ thuộc dục tình, như là rượu chè, sắc dục, tiền tài cung thất, hoặc ngao du, săn bắn, hoặc nuôi chó nuôi ngựa; hoặc mê văn chương; hoặc mê võ nghiệp; hoặc lo chinh phạt, chiếm đất đai; hoặc mê say Phật, Lão. Những dục vọng ấy tuy tác hại nhiều, ít khác nhau, nhưng chung qui đều làm tổn hại tâm thần, và làm sai lạc chính lý. Những bậc quân vương như vậy, mà lại gượng ép thi hành nhân nghĩa thì làm sao có thể cảm lòng dân được. Xưa muốn làm cho người khác trở nên hay, nhà vua trước phải sửa mình. Mà muốn sửa mình, trước hết phải bớt ham muốn. Một tâm hồn bớt ham muốn sẽ hư linh, và thiện sẽ nhập, khí sẽ bình, lý sẽ thắng, cho nên bất kỳ hành động nào cũng hợp lý, cũng tốt đẹp. Nghiêu Thuấn trị dân âu cũng không ngoài những nguyên tắc ấy.»^[106]

Những lời lẽ của Cấp Ấm, làm ta hiểu rõ những nguyên tắc trị dân của đạo Lão. Một vua tham sắc, tham tài, tham danh, tham lợi, sẽ làm cho muôn dân khổ cực. Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý trường thành, Hốt Tất Liệt với mộng xâm lăng, Trụ Vương với lòng hiếu sắc cho dân gặp biết bao điều đứng. Nhiều vị vua nước Tàu đã tôn trọng chủ nghĩa vô vi, nên trên chỗ ngai vàng đã treo hai chữ Vô vi thật lớn.^[107]

(i). Trong Đạo Đức kinh, Lão tử đề cao Vô vi (xem các chương 3, 10, 37, 38; 43; 48; 63; v. v.) và muốn đem chủ trương vô vi vừa vào công cuộc tu thân, vừa vào công cuộc trị dân.

Vô vi về phương diện tu thân, dĩ nhiên không phải là sống nhàn cư vô sự, mà chính là sống một cuộc đời cao siêu, huyền hóa với Trời. Liệt tử định nghĩa «vô vi» là hoạt động siêu việt.»^[108] Trang tử định nghĩa «vô vi» là hoạt động của Trời.^[109]

Thái Thượng xích văn đồng cổ kinh viết: «Mọi việc hữu vi đều do vô vi mà ra, có vô vi thần mới trở về.»^[110]

(Hữu vi sinh tự vô vi,

Vô vi, thần sẽ hồi qui vẹn toàn.)

Vô vi về phương diện chính trị, là cảm hóa dân bằng thần uy, thần lực của mình, chứ không phải là vô cớ làm phiền dân, bắt dân hi sinh để thực hiện những tham vọng của mình.

III. TỔNG LUẬN

Những bài học Lão tử cho ta về phương diện tu thân, cũng như về phương diện chính trị, tuy giản dị nhưng rất cao siêu, và rất khó thực hiện. Đó là một lý tưởng cho cá nhân cũng như nhân quần phải vươn lên. Có lẽ đến thời hoàng kim mai hậu nhân loại mới thực thi được. Ước gì học Đạo Đức kinh xong chúng ta sẽ:

Thanh thoi, ta sống thanh thoi,
 Đời ta chẳng chút lời thôi tằm phiền.
 Đời ta thơm phức hương tiên,
 Bao nài lớn nhỏ, sá xem ít nhiều.
 Cởi giày thù oán chẳng đeo,
 Ta đem đức độ đổi điều gian ngoan.
 Khó gì ta cũng cứ làm,
 Bắt đầu từ dễ ta sang khó dần.

To gì ta cũng không cần,
 Bắt đầu từ nhỏ, ta vẫn sang to.
 Đời người vạn sự gay go,
 Đều từ dễ dãi lần mò mãi ra.
 Những điều cao đại xưa giờ,
 Đều từ nhỏ nhặt đem vo cho thành.
 Cho nên những bậc tinh anh;
 Chẳng cần lớn lối vẫn dành cao sang.
 Những ai hứa hẹn muôn ngàn,
 Tình xuông rồi sẽ bể bàng đờn sai.
 Những ai khinh thị cuộc đời,
 Càng ngờ dễ dãi, càng ngời khó khăn.
 Cho nên những bậc thánh nhân,
 Biết e cái khó, khó khăn chữa người.
 (ĐĐK, chương 63)

CHÚ THÍCH

- [1] Âm phù kinh 陰符經: Thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã. Lập thiên chi đạo dĩ định nhân dã 天性, 人也. 人心, 機也. 立天之道以定人也.
- [2] Thế tức là chay lòng (tâm trai 心齋) chứ không phải là chay bụng (nhịn ăn uống).
- [3] Ngọc đỉnh chính tại não trung tâm. 玉鼎正在腦中心. Tính mệnh pháp quyết 性命法訣, quyển 2, tr. 1b.
- [4] Hỏa hầu 火候 có nhiều nghĩa: (1) Khí hô hấp; (2) Chân tức 真息; (3) Khí 氣; (4) Thần 神. Tôi tóm tắt bằng một câu: Chí khí nghị lực. Cf. Trúc cơ tham chứng 筑基參證, tr. 189-190; Thiên tiên chính lý 天仙正理, tr. 27-28.
- [5] Tâm giả tư lự chi tổng xưng dã. Đại đạo dĩ vô tâm vi thể, vong ngôn vi dụng. Tâm bất tri tắc tính định. Hình bất lao, tắc tinh toàn; thần bất nhiễu tắc đan kết. 心者思慮之總稱也. 大道以無心為體. 忘言為用. 心不馳則性定. 形不勞. 則精全. 神不擾則丹結.
- [6] Textes historiques I, pp. 218, 222.
 Textes historiques I, p. 459.
 Textes historiques I, p. 446.
- [7] Léon Wieger, Taoïsme, Tome I, Bibliographie générale, p. 26.
- [8] Léon Wieger, Taoïsme, Tome I, Bibliographie générale, p. 26.
- [9] Textes historiques. Tome I, p. 475-476.
- [10]... Nhất nhật hữu vũ sĩ tạo môn tương yết. Đức Tụ thiết trai cung dưỡng, khẩu vấn Nguyên môn diệu

chỉ. Vũ sĩ viết: Tâm tức thị Đạo, Đạo tức thị Tâm. Tâm dữ Đạo ly, tắc nhập lục đạo, tam đồ. Tâm dữ Đạo hợp tắc tạo Bồng lai, Tam đảo. Địa ngục thiên đường chỉ tranh thử nhất niệm nhĩ. Nhược phụ giảng bạch vân hoàng nha, sản anh nhi, xá nữ, vô luận vạn bất năng thành... chung thành vọng mai chỉ khát, họa bính sung cơ... 一日有羽士造門相謁. 德聚設齋供養. 叩問元(玄)門妙旨. 羽士曰. 心即是道. 道即是心. 心與道離. 則入六道. 三途. 心與道合. 則造蓬萊. 三島. 地獄天堂只爭此一念耳. 若夫講白雲黃芽. 產嬰兒. 姪女. 無論萬不能成... 終成望梅止渴. 畫餅充饑... Thái thượng bảo phiệt đồ thuyết 太上寶筏圖說, tr. 16a.

[11] Vũ lưu 羽流: thuật ngữ Đạo giáo, nói chung những thuật sĩ, người tu tiên luyện đan; cũng gọi là vũ sĩ 羽士 (kẻ mặc áo lông hạc).

[12] Thái thượng bảo phiệt đồ thuyết 太上寶筏圖說, tr. 15b.

[13] Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, p. 138.

[14] Textes historiques 2, p. 1498.

[15] Textes historiques 2, p. 1592-1593.

[16] Mạnh tử, Ly lâu chương cú hạ 孟子離婁章句下, 1.

[17] Henri Maspero, Le Taoïsme, Tome II, p. 232. Zhuangzi (Trang tử), section 27, p. 451.

[18] Maspero, Le Taoïsme, Tome II, p. 232 - 233. Zhuangzi (Trang tử), section 6, p. 255.

[19] Henri Maspero, Le Taoïsme, Tome II, chương Chez Laozi et Zhuangzi, Le Saint et la vie mystique, p. 227- 242.

[20] Jean Grenier, L'Esprit du Tao, p. 217.

[21] Năm 1941 ông M. H. Dubs dựa vào Sử ký Tư Mã Thiên 史記司馬遷, và Chiến quốc sách 戰國策 để quyết đoán như vậy. Lý do là vì Sử ký Tư Mã Thiên có ghi: Con đức Lão tử tên là Tông 宗, làm tướng nước Ngụy 魏 ở Đoạn Can 段干. Mặt khác Chiến quốc sách ghi là Sùng 崇, đã ký hòa ước với Tần năm 237 trước CN. Như vậy thì Lão tử phải sống khoảng năm 300. Xem Anna K. Seidel, La divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han, p. 11.

[22] Xem Nam hoa kinh, chương 3 đoạn C. ; Wieger, Les Pères du système Taoïste, p. 229.

[23] Textes historiques, p. 1420. Henri Doré, Variétés sinologiques, No 66, Chap. I, art. IX: La Conversion des Ho (Le Hoa Hou King).

[24] Trong quyển Variétés sinologiques, No 66, Linh mục Henri Doré đã khảo về Lão tử và đạo Lão. Ngài cho chúng ta một tiểu sử hết sức là phong phú. Tôi không lấy tài liệu trong đó, nhưng khuyên độc giả nên đọc thêm quyển sách giá trị đó.

[25] Sự tích Khổng tử tới vấn lễ Lão tử cũng được ghi nơi: Khổng tử thế gia 孔子世家; Lễ ký Tăng tử vấn 禮記曾子問; Trang tử, 莊子 Nam hoa kinh 南華經, Ngoại vật thiên 外物篇 và Thiên vận 天運, đoạn F; Đại Đới ký, Tăng Tử chế ngôn thượng. (Xem Tường Bá Tiềm, Chư tử thông khảo 諸子通考, tr. 169).

[26] Có tiểu sử khác đọc là Lại 賴.

- [27] Có sách cho rằng Khổ huyện trước thuộc nước Trần, sau mới thuộc nước Sở.
- [28] Trong Lễ ký 禮記 nơi thiên Tăng tử vấn 曾子問 có ghi nhận Lão tử đã dạy Khổng tử về tang lễ, táng lễ (xem Couvreur, Li Ki, t. 1, pp. 434-435, 457-459, 460, 461, 463). Trong Khổng tử gia ngữ 孔子家語, chương 3, tr. 1a, đức Khổng nhận đức Lão tử đã dạy ngài về nguồn gốc lễ, nhạc.
- [29] Tư Mã Thiên coi Lão tử là một ẩn sĩ, là một hiền triết. Đúng với luận điệu của một sử gia ông không quyết Lão tử đã sống lâu, mà chỉ nói «Có người cho rằng Lão tử biết cách tu dưỡng nên đã thọ 160 hay 200 tuổi.» Tư Mã Thiên kể con cháu của Lão tử cho đến mãi đời ông (Tư Mã Thiên sống khoảng 145 đến 86 trước công nguyên) để tỏ ra ông viết chính xác.
- [30] Phỏng theo bản đồ: Lão tử cổ tích đồ 老子古跡圖 trong Trương Kỳ Quân 張其昀, Trung Hoa ngũ thiên niên sử 中華五千年史, quyển 3, tr. 198.
- [31] Bia này do Biên Thiệu 邊韶, quan cai xứ Trần 時陳 khắc ngày Giáp tí năm Diên Hi 延熹 thứ 8 (24. 9. 165) đời vua Hán Hoàn đế 漢桓帝 (147-168) và được dựng tại đền thờ Lão tử, tại Khổ huyện. Có thể chia Lão tử minh thành bốn phần:
1. Đời sống gian trần của Lão tử
 2. Tín ngưỡng của những người theo đạo Lão. Họ coi:
 - Lão tử là Thượng đế có trước đất trời.
 - Lão tử là thần nhân đặc đạo.
 - Lão tử đem đạo dạy người.
 3. Trong trường hợp nào đã khắc bia này.
 4. Bi ký thực sự.
- Ghi chú: Ta thấy văn chương của bi ký này lắm đoạn rất tầm thường.
- [32] Ban Cố 班固 sinh năm 32 chết năm 92 công nguyên, đời Hán Minh đế 漢明帝.
- [33] 24 tháng 9 năm 165 công nguyên.
- [34] Hoàng đế 黃帝 (Hiên Viên).
- [35] Lão tử biến hóa kinh. (Manuscrit de Touen hoang MS. Stein Londres) 2295, do Vương Trù 王儒 chép và được một đạo sĩ ở Huyền Đô xem lại. Ngày 14 tháng 8 âm lịch, năm Đại Nghiệp thứ 8 đời Tùy Dương đế (605-618) tức là ngày 14. 9. 612 Công nguyên. Bản kinh này viết rất khó hiểu, nhiều khúc lại mất. Ông M. Yosioka và ông M. Obuchi có đề cập bản kinh này nhưng không sửa lại. A. K. Seidel đã lược dịch trong sách La divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han (tr. 60-73). Bản văn cũng được chụp lại nơi cuốn sách trích dẫn. Đây tôi cũng chỉ dịch thoát nghĩa đại khái mà thôi.
- [36] Quan hồ hỗn hợp chi vị biệt 觀乎混合之未別.
- [37] Khuy thanh trọc chi vị phân 窺清濁之未分.
- [38] Hoảng hốt thanh trọc 慌忽清濁.
- [39] Phương khẩu hậu thần 方口厚唇.
- [40] Kiên ngạch hữu tam ngũ đại lý 肩額有三五大理.

- [41] Túc đạo 足蹈.
- [42] Thủ bả thập văn 手把十文.
- [43] Đào dã hư vô 陶冶虛無.
- [44] Khâm đới bát cực 衿帶八極.
- [45] Thiên phúc địa tải 天覆地載.
- [46] Hô hấp lục giáp 呼吸六甲.
- [47] Xá ngự Kiền Khôn 吒御乾坤.
- [48] Thủ bả tích trượng 手把錫杖.
- [49] Nguyên văn là chữ 槃.
- [50] Anna K. Seidel chữa thành chữ bàn 槃 có bộ nạch 疒.
- [51] Nguyên văn là chữ thế 世.
- [52] Câu 29 này đại khái nói: phải mất hai mươi chín ngày hay một tháng mới thực hành được «sinh đạo» 生道 của Lão tử.
- [53] Thời Phục Hi 伏羲 ngài tên Ôn Sảng tử 溫爽子.
- [54] Thời Thần Nông 神農, ngài tên Xuân Thành tử 春成子 hay Trần Dự 陳豫.
- [55] Thời Chúc Dung 祝融, ngài tên Quảng Thành tử 廣成子.
- [56] Thời Chuyên Húc 顓頊 ngài tên Xích Tinh tử 赤精子.
- [57] Thời Đế Cốc 帝嚳 ngài tên Chân tử 真子.
- [58] Thời Hoàng đế 黃帝 ngài tên Thiên Lão 天老.
- [59] Thời Nghiêu 堯 ngài tên Mậu Thành tử 茂成子.
- [60] Thời Thuấn 舜 ngài tên Khoách Thúc tử 廓叔子.
- [61] Thời vua Vũ 禹 nhà Hạ 夏, ngài tên Lý Nhĩ 李耳.
- [62] Thời vua Thang 湯 nhà Ân 殷 ngài tên Tư Cung 斯宮.
- [63] Thời vua Văn 文 nhà Chu 周 ngài giữ chức «Tiên vương quốc trụ hạ sử.» 先王國柱下吏.
- [64] Đời Võ vương 武王 ngài tên Vệ Thành tử 衛成子.
- [65] Đời Thành vương 成王 ngài tên Thành tử 成子.
- [66] Năm Nguyên Khang 元康 thứ 5 (đời Khang Vương năm 1075).
- [67] Thời Tần 秦 tên ngài là Kiển Thúc tử 蹇叔子.
- [68] Thời Đại Hồ 大胡, tên ngài là Phù Khánh quân 浮慶君.

- [69] Thời Hán, tên ngài Vương Phương Bình 王方平.
- [70] Năm Dương Gia 陽加 thứ 4 (132 công nguyên) ngài hiện ra ở Thành Đô 成都, trên núi Biển Tước Minh 鷗鷺鳴山.
- [71] Năm Kiến Khang nguyên niên 建康元年 (144 công nguyên) ngài biến hóa trên núi Bạch Lộc 白鹿.
- [72] Năm Thái Sơ nguyên niên 太初元年 (146 công nguyên) ngài hiện ra ở đền Bạch Lộc, tên ngài là Trọng Y 仲伊.
- [73] Năm Kiến Hòa 建和 thứ 2 (148 công nguyên) ngài hiện ra nơi cửa đông Thành đô 城都.
- [74] Năm Vĩnh Thọ nguyên niên 永壽元年 (155 công nguyên) ngài hiện ra trên núi Bạch Lộc 白鹿 xưng là Bộc Nhân đại hiền 僕人大賢.
- [75] Ba mươi năm sau người ta dựng miếu tại núi Bạch Lộc thờ ngài và xưng ngài là Thiên Phó.
- [76] Suivant quelques-uns, sa mère le porta 72 ans; quand il naquit il sortit en fendant le côté de gauche de sa mère. Il avait la tête blanche à sa naissance: C'est pourquoi on l'appelle Lao Tseu. (Cf. Thần Tiên Luận, k1, 1b). Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, p. 177.
- [77] Lão tử ly hợp ư Hỗn độn chi khí, dữ tam quang vi chung thủy. 老子離合於混沌之氣, 與三光為終始 (Lão tử minh, đoạn 2).
- [78] Vân: Tiên thiên địa nhi sinh, nãi thủ chân, cưỡng thọ, hoạch ngũ phúc chi sở trí dã. 云先天地而生, 乃守真養壽, 獲五福之所致也 (Lão tử minh, đoạn 3).
- [79] Il établit le Grand Commencement, Il circule dans la Grande Origine. Il contemple le chaos primordial avant son ouverture, il est en harmonie hors de la distinction du pur et du trouble. (Lão tử biến hóa kinh, câu 1 và 2, bản dịch của Anna K. Seidel, trong Anna K. Seidel, La divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han, p. 61. Trong quyển Tiểu đạo luận 笑道論 của Chân Loan 甄鸞(570 cn) cũng ghi: Lão tử đã phân thân để sinh xuất vạn hữu, y như Bàn Cổ. (LaoTseu transforma son corps. Son œil gauche devint le soleil, son œil droit devint la lune, sa tête devint le mont K'ouenlouen, sa barbe devint les planètes et les mansions; ses os devinrent les dragons; sa chair devint les quadrupèdes, ses intestins devinrent les serpents; son ventre devint la mer; ses doigts devinrent les Cinq Pics; ses poils devinrent les arbres et les herbes, son cœur devint (la constellation du) Dais-Fleuri; et ses deux reins, s'unissant, devinrent le Père et la Mère du Réel On Zhenyao fumu 真要父母 (Chân yếu phụ mẫu) H. Maspero, Le Taoïsme, p. 108).
- [80] Il vit longtemps et ne meurt pas, il ne fait qu'anéantir sa forme. Lão tử biến hóa kinh, câu 23, bản dịch.
- [81] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. 天地與我並生, 而萬物與我為一 Nam Hoa kinh, chương 2, đoạn E.
- [82] Matt. 22, 42-45; Marc 12, 35-37; Luc 20, 41-44.
- [83] Kinh thư, Nghiêu điển, Thuấn điển.
- [84] Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 445.
- [85] Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 457.

[86] Tam hiệu tuy thù, bản đồng nhất dã. 三號雖殊, 本同一也 Wieger, Taoïsme, Tome I, p. 20.

[87] Wieger, Textes historiques, Tome II, p. 1329.

Trong quyển Thăng huyền kinh 昇玄經 viết khoảng thế kỷ thứ 3 hay thứ 4 công nguyên cũng đã đề cập vấn đề «Tam vị nhất thể». Maspero dịch như sau: L'immortel Dou Ziming 寶子明 (Đậu Tử Minh) demanda: «Bien que j'observe respectueusement la pratique de «garder» les Trois Uns, je n'ai jamais pu comprendre. Je souhaite que vous me l'expliquiez, pour que désormais je l'étudie et puisse connaître l'essentiel. Le maître de la Loi dit: Les Trois Uns, c'est juste Un seulement. (C'est parce que) dans les trois lieux (différents où il réside) on lui donne des noms (différents) qu'on appelle les Trois Uns» 三一 (Tam Nhất). H. Maspero, Le Taoïsme, p. 140)

[88] Cf. Henri Corbins, Histoire de la Philosophie islamique, p. 277.

[89] Je suis celui que j'aime, et celui que j'aime est moi.

Nous sommes deux esprits infus en un seul corps.

Si tu me vois, tu le vois; et si tu le vois, tu me vois.

(Le divin Al Hallaj, ed. Massignon, p. 57; Marijan Molé, Les Mystiques musulmans, p. 70)

[90] Jean 14, 9-10.

[91] Apocalypse 3, 21.

[92] La Voie rationnelle, p. 9. Nguyễn Văn Thọ, Le Comte de Noüy và học thuyết Viễn đích, p. 331-332.

[93] Trương kỳ Quân 張其昀, Trung Hoa ngũ thiên niên sử 中華五千年史, quyển 3, nơi chương nói về Lão tử cũng chủ trương như tôi. Ông đưa ra chín chứng cứ tất cả để chứng minh trong khi viết Đạo đức kinh, Lão tử đã tham bác các tác phẩm, các học thuyết của người xưa, nhất là của Sử Dật 史佚.

[94] Xem Lão tử ĐĐK chương 6. Liệt tử 列子, Xung Hư Chân Kinh 沖虛真經, Thiên đoan 天端 (chương 1), B.

[95] Xem Trang tử, Nam Hoa kinh 南華經, chương 22, A. Đạo Đức kinh, chương 38.

[96] Xem Hàn Phi tử 韓非子, Thuyết lâm 說林. Xem Trung Hoa ngũ thiên niên sử 中華五千年史, quyển 3, tr. 199. ĐĐK 77. Xem Lão tử ĐĐK, chương 36.

[97] Xem Trung Hoa ngũ thiên niên sử, quyển 3, tr. 199. Xem J. Legge, The Texts of Taoism, p. 47.

[98] Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ. 述而不作, 信而好古 Luận Ngữ 論語 chương Thuật nhi 述而.

[99] Dans un article publié il y a quelques années par Clémence Ramnoux dans Psychanalyse, cette équivalence entre archaïque et primitif apparaissait déjà nettement et cela grâce à la médiation de la notion de subconscient: l'archaïsme y est considéré comme une structure permanente de l'esprit humain, plus accentuée dans les sociétés dites primitives et qui tiendrait à l'influence exercée par le système préconscient. L'archaïque ne serait pas seulement ce qui est avant nous, mais aussi ce qui est au fond de nous et que nous avons oublié... (Cf. Critique Mars 1961, No. 166, p. 251) Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân dung Khổng tử, tr. 164.

[100] Người xưa đây nên hiểu là những người sống vào thời đại Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế hay trước

nữa. Đối với Khổng tử thì người xưa là thời Nghiêu Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vũ. Hai đẳng như vậy chênh nhau ít là 500 hay 1000 năm.

[101] Người Âu châu gọi là huyền học. Người Á châu gọi là thánh nhân, chân nhân, tiên nhân, hay thiên nhân. Các nhà huyền học đông tây đều có và ngôn ngữ, hành vi đều giống nhau, bất phân đạo giáo. Trương kỳ Quân, trong quyển Trung Hoa ngũ thiên niên sử (tập 3, tr. 207) giải Huyền học là Thiên học, Thiên đạo, hay Hình Nhi thượng học.

[102] Mais la conversion n'est que l'entrée dans la vie mystique. Celui qui veut la suivre jusqu'au bout, doit passer par une longue phase de purification, la voie purgative des Chrétiens que Tchouang tseu appelle le Jène du Cœur xinzhai (tâm trai 心齋), l'opposant au jène du sacrifice: ainsi les mystiques musulmans opposent à la purification rituelle extérieure du corps, la purification de l'âme et Shibli raconte qu'un jour qu'il venait de faire des ablutions pour aller à la mosquée, il entendit une voix qui lui criait: «Tu as lavé ton extérieur, mais où est ta pureté intérieure.» (Henri Maspero, Le Taoïsme, p. 234)

[103] Đạo tán chi vi đức. Đức vi Đạo chi kỷ dã 道散之為德, 德為道之紀也. Xem chương 14 Đạo Đức kinh và lời bình của Wieger; xem chương 51.

[104] «Lao Tzeu et Tchouang Tzeu surtout étaient en marge de la religion dans ce qu'elle avait de magique. C'est qu'il ne cherchait pas les moyens d'échapper à la mort, mais d'échapper à la transformation (Houa) 化, c'est à dire toutes les formes d'être diverses créées perpétuellement par le tao. Le but sera donc pour l'individu de s'unir au tao indifférencié tout en gardant d'une manière mystérieuse, sa personnalité. L'extase, chez les Pères, sera d'abord un moyen de participer à l'immortalité du tao, raccourci qui évite les fastidieuses pratique de la religion populaire, puis un but en elle-même, avec les joies supérieures qu'elle comporte.» Jean Grenier, L'Esprit du Tao, p. 170.

[105] Nam Hoa kinh, chương 10, câu D. Lão tử ĐĐK, chương 80.

[106] Cố nhân quân mạc đại hồ tu thân. Nhi tu thân mạc thiên hồ quả dục. Dục thành bất hành, tắc tâm hư nhi thiện nhập, khí bình nhi lý thẳng, động vô phi lý, sự vô bất thiện. Đường ngu chi trị, bất việ hồ thử 故人君莫大乎修身. 而修身莫善乎寡欲. 欲誠不行, 則心虛而善入, 氣平而理勝, 動無非理, 事無不善. 唐虞之治, 不越乎此. Textes historiques I, p. 431 - 432.

[107] Et encore dans les derniers temps de la Chine impériale, l'on voyait au-dessus du trône de l'empereur, tournée vers le Sud une inscription sur un grand tableau en laque portant les deux caractères: Wou Wei (J. J. Duyvendak, The Philosophy of Wu Wei, «Asiatische Studien», No. 3, 4/ 1947 (Berne) Jean Grenier, L'esprit du Tao, p. 138.

[108] Chí ngôn khứ ngôn, chí vi vô vi 至言去言, 至為無為. Liệt tử, chương 8, 4, chương 3, J.

[109] Đạo hữu thiên đạo, hữu nhân đạo, vô vi nhi tập giả, thiên đạo dã. Hữu vi nhi ti giả, nhân đạo dã 道有天道, 有人道, 無為而尊者, 天道也 Nam Hoa kinh, chương 11, F.

[110] Hữu vi chi vi xuất ư vô vi. Vô vi tắc thần qui. 有為而卑者, 人道也有為之為出於無為無為則神歸. Thái Thượng xích văn đồng cổ kinh chú, tr. 1a.

» mục lục » bình dịch

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

Thượng Kinh

ĐẠO KINH

上經 • 道經

CHƯƠNG I

THỂ ĐẠO [1]

體道

Hán văn:

道可道非常道. 名可名非常名. 無名天地之始; 有名萬物之母. 故常無欲以觀其妙; 常有欲, 以觀其徼. 此兩者同出而異名. 同謂之玄. 玄之又玄. 眾妙之門.

Phiên âm:

1. Đạo khả đạo phi thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh.
2. Vô danh thiên địa chi thủy; Hữu danh vạn vật chi mẫu.
3. Cổ thường vô dục dĩ quan kỳ diệu; Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu.
4. Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh. Đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền. Chúng diệu chi môn.

Dịch xuôi:

1. Đạo (mà) có thể gọi được, không phải là Đạo thường (hằng cửu). Tên mà có thể gọi được, không (còn) phải là tên thường (hằng cửu).
2. Không tên là gốc của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật.
3. Cho nên thường không có dục để nhìn thấy chỗ vi diệu của mình. Thường có dục, để nhìn thấy chỗ

giới hạn (công dụng) [2] của mình.

4. Hai cái đó cùng một nguồn gốc, nhưng tên khác nhau, đều gọi là Huyền nhiệm. (Cái) tối ư huyền nhiệm ấy chính là cửa phát sinh ra mọi điều huyền diệu.

Dịch thơ:

1. Hóa công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
2. Không tên sáng tạo thế gian,
Có tên, là mẹ muôn vàn thụ sinh.
3. Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình vân vi.
4. Hai phương diện một Hóa Nhi,
Huyền linh khôn xuất huyền vi khôn lường.
Ấy là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

BÌNH GIẢNG

Chương 1 này rất quan trọng vì bàn về Đạo thể của vũ trụ. Ta có thể nương theo ý Lão tử mà bình giải như sau:

Đạo là gì?

1. Đạo chính là Tuyệt đối, là Bản thể thường hằng cửu vũ trụ. Vì Tuyệt đối, nên Đạo khó bàn cãi, khó xưng danh.
2. Đạo chính là nguồn gốc sinh xuất vũ trụ quần sinh.
3. Đạo có thể ở vào một trong hai trạng thái: tĩnh và động. Tĩnh là trạng thái chưa hiển dương. Động là trạng thái đã hiển dương. Chưa hiển dương thời minh linh, ảo diệu, không biết đâu là bến bờ. Đã hiển dương, thời mới thấy công trình vân vi, giới hạn.
4. Nhưng hiển dương hay không hiển dương, vẫn chỉ là một đạo thể siêu vi. Danh hiệu tuy khác nhau nhưng tựu trung vẫn là một thực thể. Đạo thể siêu vi ấy là cửa thiêng sinh xuất ra mọi điều huyền vi ảo diệu.
5. Quan niệm của các nhà bình giải về chữ Đạo: Các nhà bình giải và các dịch giả Âu châu thường hiểu Đạo là Nguyên lý vũ trụ. Wiegner dịch Đạo là Principe (Nguyên lý). A. Rémusat dịch Đạo là Logos (Thần ngôn). Stanislas Julien dịch Đạo là La Voie (Đường). P. B. Blakney dịch Đạo là The Way (Đường). Các dịch giả người Đức dịch Đạo là Weg (Đường), Vernunft (Lý), Wort (Logos, Thần ngôn), Wahrheit (Chân lý). A. W. Watts dịch Đạo là Réalité ultime (Thực thể tối hậu). Trong bản dịch Đạo Đức Kinh đầu tiên ra tiếng Latinh chữ Đạo đã được dịch là: Lý; Nguyên lý; Tạo hóa. [3] A. Rémusat, giáo sư Hoa ngữ ở Đại học Paris, dịch giả Đạo đức kinh, cho rằng chỉ có thể dịch chữ Đạo bằng chữ Logos với nghĩa là Nguyên thể, Nguyên lý, Nguyên âm. [4] Hardwick, giáo sư đại học Cambridge, cho rằng chữ Đạo phải được hiểu là Nguyên nhân trừu tượng, là Nguyên lý, Nguyên sinh vô hình, vô tượng, vô thủy vô chung, vô biên tế, v.v. [5]

Các nhà bình giải Đạo đức kinh, Hoa hay Việt cũng đều giải Đạo là Nguyên lý tối cao, là nguồn gốc sinh ra trời đất vạn vật, là Thái cực, v.v.

Để giải thích chữ Đạo cho rõ hơn, tôi mượn lời lẽ của Hoài Nam tử 淮南子 trong thiên Nguyên đạo huấn 原道訓 (xem Hoài Nam tử, chương I), và trình bày như sau:

«Hóa công chở đất che trời,
Mênh mông bốn hướng, chơi vui tám từng.
Cao cao vô tận vô ngần,
Thẳm sâu, sâu mấy muôn tầm đo sao.
Trùm trời mà đất cũng bao,
Vô hình, vô tượng, nhẽ nào hình dung.
Nguồn tung, suối tỏa từng bưng,
Ngõ là sắp cạn, bỗng dưng đầy tràn.
Ào ào, cuộn cuộn, vang vang,
Ngõ là vẫn đục, vẫn hoàn trong veo.
Giồng lên, đất ngợp trời teo,
Tung ra, bốn biển có chiều mung lung.
Ra tay linh diệu khôn cùng,
Quang âm khôn cản, dậm chừng vân du.
Khi tung trời đất không vừa,
Khi thu, nhỏ xíu lọt vừa nắm tay.
Tuy co mà dẫn như mây,
Tuy mờ mà sáng như ngày nắng chang.
Tơ non mà rất cương cường,
Mềm nhưng, mà rắn in tường thép gang.
Gồm tứ đức, vai mang tuế nguyệt,
Ngất trời mây soi hết trăng sao.
Mịn màng, thắm thiết biết bao,
Tế vi, tươm tất tả sao cho cùng.
Núi nhờ thế, mà tung cao vút,
Vực dựa uy, sâu ngút ngàn trùng.
Ngài cho thú chạy trong rừng,
Cho chim tung cánh chín từng mây xanh.
Ngài tô ánh quang minh nhật nguyệt,
Ngài rong cương ruổi hết tinh vi.
Kỳ lân đùa rồn cũng vì,

Phượng loan bay bổng quyền uy không ngoài.

Đời thái cổ, có hai hoàng đế,

Nhờ ơn ngài chỉ vẽ trước sau,

Mới nên nhân đức nhiệm màu;

Thần thông hóa dục, dẫn đầu muôn phương.

Quyền uy ngài khôn lường, khôn tả,

Rung cả trời, lắng cả đất đai,

Quay cho trời đất vẫn xoay,

Xô cho nước chảy đêm ngày chẳng thôi.

Thủy chung để sánh vai muôn vật,

Thổi gió giông, ủ ấp làn mây,

Việc gì cũng có đúng tay,

Ầm ầm sấm động, mưa bay tỏ quyền...»

Sau khi đã hiểu Đạo là Nguyên lý tối của của vạn hữu, sau khi đã nhận định rằng Đạo vô hình danh và bất khả tư nghị, tôi sẽ dùng những từ ngữ «hữu hình danh» như: Hóa Công, Hóa Nhi, Tạo hóa, Khuôn xanh, Khuôn thiêng, v.v. để dịch chữ Đạo.

Sở dĩ tôi dám làm như vậy là vì:

1. Đạo không có tên, cho nên dùng danh từ nào cũng bất xứng như nhau, kể từ ngay cả chữ Đạo.

Chính Lão tử cũng chủ trương như vậy. Ngài viết: «Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo.» 吾不知其名, 字之曰道 (Ta không biết tên ngài, ta gọi bằng Đạo.)

2. Trang tử nhiều khi cũng đã nhân cách hóa Đạo và gọi bằng Tạo Hóa, Tạo vật giả, v.v. (Xem Nam Hoa kinh, chương 6, F).

Câu «Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu, thường hữu dục dĩ quan kỳ diệu.» 常無欲以觀其妙, 常有欲以觀其徼 nơi đoạn 3 chương này xưa nay thường được dịch và giải như sau:

«Không có dục tình mới thấy được bản thể vi diệu của Đạo, có dục tình thì chỉ thấy được những hình tướng, vạn thù, sai biệt bên ngoài của Đạo mà thôi.»

Ý rằng muốn hiểu Đạo, thời cần phải sống phối kết với Đạo, vì thế nên Hà Thượng Công 河上公 mới gọi chương này là «Thể Đạo» 體道. Các nhà Đạo học cũng còn cho rằng hai câu này chính là chìa khóa để đi vào công phu tu luyện, đắc đạo, thành tiên. Hà Thượng Công 河上公, Huỳnh Nguyên Cát 黃元吉, Wiegner, Legge, Stanislas, Julien, v.v. đều hiểu nhất loạt như vậy.

«Rằng hay thì thật là hay», nhưng riêng tôi thấy rằng nếu dịch như vậy, chương nhất này sẽ mất mạch lạc. Đoạn 3 này sẽ không ăn ý với đoạn 4. Wiegner đã nhìn thấy sự mất mạch lạc ấy nên ông đã đánh số đoạn 3 thành đoạn 4, và lúc dịch đã đem đoạn 3 này xuống cuối chương.

Chẳng lẽ Lão tử viết sách mà không lưu ý đến mạch lạc của chương cú hay sao. Chính vì vậy mà khi dịch tôi vẫn áp dụng hai câu này cho Đạo, thay vì cho người, và cho rằng hai câu này mô tả hai phương diện ẩn hiện của Đạo.

Tịch nhiên cho thấy uy linh,

Hiển dương cho thấy công trình vân vi.

Dịch như vậy ta thấy hai câu sau cùng mới có ý nghĩa:

«Hai phương diện một Hóa Nhi,
Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,
Ấy là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.»

Lỗi dịch và hiểu của tôi làm cho chương này trở nên nhất trí, vì trên dưới chỉ luận về Đạo, về Đạo thể. Và nếu có thể đặt tên cho chương này, tôi sẽ đặt là Đạo thể thay vì hai chữ Thể đạo của Hà Thượng Công.

Nhận xét rằng Lão tử sau này còn dùng nhiều chương để bàn luận về Đạo (xem các chương 4, 14, 6, 25, 34, 42, 52) thì không có lẽ nơi chương I, ngài lại nói được có một hai câu về Đạo, rồi vội vàng quay ra dạy công phu tu luyện, biết Đạo, hiểu Đạo. Chính vì vậy mà tôi mới có lỗi bình và dịch như trên. Sai hay phải sau này tùy công luận phê phán. [\[6\]](#)

[\[1\]](#) Tên các chương theo Hà Thượng Công 河上公.

[\[2\]](#) Annie Besant dịch:

Nous devons être trouvés toujours sans désir
Si nous voulons en sonder le mystère profond.
Mais si le désir est toujours en nous,
Nous n'en verrons que la frange extérieure
Annie Besant, La Sagesse antique, p. 22.

[\[3\]](#) The first translation of the Tao Teh King into a Western language was executed in Latin by some of the Roman Catholic missionaries and a copy of it was brought to England by a Mr. Matthew Raper, F. R. S. and presented by him to the Society at a meeting on the 10th January 1788, – being the gift to him of P. Jes. De Grammont, Missionarius Apostolicus, ex-Jesuita. In this version, Tào is taken in the sense of Ratio, or the Supreme Reason of the Divine Being, the Creator and Governor. James Legge, The Text of Taoism, p. 58.

[\[4\]](#) Ce mot me semble ne pas pouvoir être bien traduit si ce n'est par le mot Logos, dans le triple sens de souverain Être de raison et de parole.» (Ibid., p. 58)

[\[5\]](#) The indefinite expression Tao was adopted to denominate an abstract cause, or the initial principle of life and order, to which worshippers were able to assign the attributes of immateriality, eternity, immensity, invisibility. (Ibid., p. 59)

[\[6\]](#) a) Hai phương diện ẩn hiện của Đạo thường hay được các nhà huyền học đề cập tới. Annie Besant viết trong quyển La Sagesse antique như sau: Dans le Tào Teh Ching, l'enseignement traditionnel au sujet du Non-Manifesté et du Manifesté ressort clairement: Le Tào qui peut être suivi n'est pas le tao éternel et immuable. Le nom qui peut être nommé n'est pas le nom éternel et immuable. Lorsqu'il n'a point de nom, il est Celui qui a engendré le Ciel et la Terre; lorsqu'il possède un nom, il est la Mère de toutes choses. (...) Sous ces deux aspects, il est identique en réalité mais à mesure que le développement se produit, il reçoit différents noms. Ensemble nous les appelons le Mystère. (I, 1, 2,

4) Xem La Sagesse antique, p. 18.

b) Ramakrishna nhận định về Tuyệt đối cũng giống y như Lão tử. Ông viết trong quyển L'Enseignement de Ramakrishna như sau:

- L'Absolu est ineffable, impensable, inconcevable. (op, cit. p. 467)
- L'Absolu est l'Être non conditionné par quoi que ce soit: ni, par le temps, ni par l'espace, ni par la causalité, comment les paroles pourraient-elles l'exprimer. (Ibid., p. 467)
- Quand on pense à l'Être Suprême sous son aspect inactif (nishkriya) on le nomme Dieu absolu (Shuddha-Brahman) et quand on le représente sous son aspect actif créant soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou Divinité personnelle. (Ibid., p. 475)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 2

DƯỠNG THÂN

養身

Hán văn:

天下皆知美之為美, 斯惡已; 皆知善之為善, 斯不善已. 故有無相生, 難易相成, 長短相形, 高下相傾, 音聲相和, 前後相隨. 是以聖人處無為之事, 行不言之教. 萬物作焉而不辭, 生而不有, 為而不恃, 功成而弗居. 夫唯弗居, 是以不去.

Phiên âm:

1. Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, ^[1] cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy.

2. Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. ^[2]

3. Vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, ^[3] công thành nhi phát cư.

4. Phù duy phát cư, thị dĩ bất khứ. ^[4]

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ đều biết đẹp là đẹp, thế là xấu vậy; đều biết tốt là tốt thế là không tốt vậy, bởi vì có không sinh ra nhau dễ khó thành tựu lẫn nhau, ngắn dài tạo thành lẫn nhau, trên dưới lộn lạo ra nhau, thanh âm hòa hợp với nhau, sau trước theo nhau.

2. Cho nên thánh nhân dùng Vô vi mà xử sự, dùng «vô ngôn» mà dạy dỗ.

3. Vạn vật hoạt động mà vẫn im lìm; sống động mà không (đòi quyền) sở hữu; lao tác mà không cậy

công; công thành mà không lưu luyện.

4. Không lưu luyện nên mới không mất.

Dịch thơ:

1. Người đời thấy đẹp biết khen,
Thế là cái xấu đã chen vào rồi.
Điều hay đã rõ khúc nhôi,
Thời đà dang dở lời thôi sinh dần.
Mới hay: Không có chuyển vần,
Dễ sinh ra khó, vẫn nhân thành dài.
Thấp cao tùy ngó ngược xuôi,
Tiếng ca, trầm bổng, dòng đời trước sau.
2. Thánh nhân khinh khoát tầng cao,
Vô vi, thâm lặng, tiêu hao dạy đời.
3. Kia xem muôn vật thành thời,
Im lìm sinh hoạt, một lời cũng không.
Ngày đêm làm chẳng kể công,
Công thành phơi phới, tuyệt không bận lòng.
4. Không nấn ná lúc thành công,
Cho nên tồn tại mãi cùng thiên thu.

BÌNH GIẢNG

1. Sau khi đã cho ta thấy Đạo thể siêu việt tuyệt đối ở nơi chương I, Lão tử liền cho ta thấy nơi đây một cái nhìn bao quát về thế giới tương đối biến thiên, đầy mâu thuẫn, và cho rằng những mâu thuẫn ấy đều là tương đối, giả tạo đối với một nhà đạo học.

Theo Lão tử trong cái hay có cái dở, trong cái dở lại có cái hay. (ĐĐK, chương 58). Vả lại, «Thiện ác cũng chẳng khác nhau là bao nhiêu.» (ĐĐK, ch. 20)

Tại sao vậy? Bởi vì vạn vật ảo hóa biến thiên. Nếu ta tách mọi sự ra khỏi vòng biến dịch, ta sẽ thấy xấu tốt khác nhau. Nhưng nếu ta lồng mọi sự vào vòng biến chuyển, ta sẽ thấy thiện cũng như ác, đẹp cũng như xấu, không có gì là cố định.

Héraclite cũng đã viết: «Trong chu kỳ biến hóa, sống chết đắp đổi nhau. Tiên tục, tục tiên; tục sống thời tiên chết, tục chết thời tiên sống.» [5]

«Sống hay chết, thức hay ngủ, trẻ hay già chỉ là một, vì sự biến hóa, cái này sẽ thành cái kia, cái kia sẽ thành cái nọ. [6] [...] Nhất tán thời thành vạn, vạn tụ thời thành nhất.» [7]

Kinh nghiệm cũng cho chúng ta thấy rằng: Sự thiện ác theo đà thời gian, theo trào lưu lịch sử cũng đã luôn luôn thay đổi bộ mặt.

Sử gia Henry Steele Commager viết: «Lịch sử cho chúng ta thấy rằng các tiêu chuẩn, các giá trị, các nguyên tắc biến đổi theo thời gian và xã hội. Ở trong một xã hội, chúng biến đổi theo mỗi thế hệ. Các giáo hoàng xưa đã được lựa chọn vì học vấn và nhân đức đã tin rằng luân lý bắt buộc các ngài phải tiêu trừ

«loạn giáo» (hérésies) bằng sắt bằng lửa, bằng bạo tàn bằng tra tấn. Các người Âu châu thế kỷ XVI đã không ngần ngại, giết người da đỏ, vì cho rằng họ không có linh hồn. Những người thanh giáo (puritains) giỏi giang và ngay thẳng đã không ngần ngại kết án tử hình những mục phù thủy, và ở thế kỷ XIX, các người Công giáo miền Nam nước Mỹ đã cho rằng chế độ nô lệ là một ân sủng của Trời.» [8]

Trang tử cũng viết đại khái rằng: «Trên phương diện Đạo thể thì một cọng cỏ hay một xà nhà, nàng Lệ hay Tây Thi, vui hay buồn, khôn hay dại, tất cả đều là một. Thịnh suy thành bại chỉ là những trạng thái tương tục luân phiên. Tất cả đều là một nhưng chỉ có những bậc đại trí mới thấy được. Cho nên thánh nhân vượt lên trên các quan niệm thị phi yên nghỉ trong Hóa Công, mặc cho sự vật chuyển vần xuôi ngược.» [9]

Thế tức là trong thế giới biến dịch, ta phải chấp nhận mọi trạng thái, mọi khía cạnh, và phải biết vươn mình lên trên những cặp mâu thuẫn tương đối ấy để sống trong Đạo thể đại đồng. Vì thế tiếp theo Lão tử mới khuyên chúng ta: Xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.» 處無為之事, 行不言之教.

2. Xử vô vi chi sự

Hai chữ Vô vi rất là quan trọng. Lão tử, Liệt tử, Trang tử thường đề cập đến hai chữ vô vi. Ta thấy Đạo đức kinh đề cập hai chữ Vô vi nơi các chương:

- Chương 2, B
- Chương 3, C
- Chương 10, D
- Chương 37, A
- Chương 38, A
- Chương 43, B
- Chương 48, B
- Chương 57, C
- Chương 63, A
- Chương 64, C

Xung Hư chân kinh 沖虛真經 đề cập Vô vi nơi các chương:

- Chương 2, J (Léon Wieger, Les Pères du Système Taoiste, tr. 94)
- Chương 8, H (tr. 186) (Định nghĩa Vô vi).

Nam Hoa kinh đề cập Vô vi nơi các chương:

- Chương 6, G (tr. 258) và E (tr. 254)
- Chương 7, F (tr. 266)
- Chương 10, D (tr. 280)
- Chương 11 A (tr. 284)
- Chương 11 D (tr. 290)
- Chương 11 F (tr. 292) (Định nghĩa Vô vi)
- Chương 12 A và B (tr. 294)
- Chương 13 A (tr. 308)

- Chương 13 B (tr. 310)
- Chương 15 B (tr. 130)
- Chương 18 A (tr. 350)
- Chương 22 H (tr. 396)

Vô vi là gì? Các học giả bình giải Đạo Đức kinh thường cho rằng Vô vi là sống thuận theo tự nhiên. Thiết tưởng giải như vậy chưa cho chúng ta thấy được hết tầm quan trọng của hai chữ Vô vi.

Liệt tử cho rằng: «Lời nói cao siêu nhất là sự thâm lặng, việc làm cao siêu nhất là vô vi.» [\[10\]](#)

Trang tử cho rằng: «Vô vi là đường lối của trời đất.» [\[11\]](#) «Vô vi là công việc của Trời.» [\[12\]](#) «Tịch mịch vô vi là căn bản của vạn vật.» [\[13\]](#) «Vô vi để trở về khế hợp với bản căn, bản tính, để thành thần.» [\[14\]](#)

Chương 37 Đạo Đức kinh cũng cho rằng Vô vi là hoạt động của Đạo. [\[15\]](#)

Các nhà luyện đan thời cho rằng:

- Vô vi là nhập đại định. [\[16\]](#)

- Đạt tới Vô vi là đạt tới Đại chu thiên 大周天, giai đoạn tối hậu của khoa luyện đan, tức là nhập định hóa thần 入定化神. [\[17\]](#)

Tóm lại, ta có thể nói rằng theo đạo Lão thì: Ở cõi hữu vi là cõi người; lên cõi vô vi là lên cõi trời.

Chính vì thế mà xưa cao tăng Cưu Ma La Thập 鳩摩羅什 (Kumarajiva, 340-413) đã dùng hai chữ Vô vi để dịch chữ Niết Bàn 涅槃. Như vậy đạt tới Vô vi tức là đạt tới cõi bất sinh bất diệt. [\[18\]](#)

Mặt khác chúng ta cũng nên ghi nhận rằng chữ Niết bàn còn được phiên âm ra tiếng Hán bằng hai chữ Nê hoàn 泥丸. [\[19\]](#)

Đạo Phật cũng đã dùng chữ Nê Hoàn để phiên âm chữ Niết Bàn. Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết:

Phục thỉnh thể tôn vị chứng minh

Ngũ trước ác thế đệ tiên nhập.

Nhất nhất chúng sinh vị thành Phật

Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.

Dịch:

Cúi xin Thế Tôn hãy chứng minh,

Đời ác ngũ trước thề vào trước.

Như một chúng sinh chưa thành Phật

Trót chẳng về nơi cảnh Niết Bàn. [\[20\]](#)

Như vậy ta có: Niết Bàn = Vô vi = Nê Hoàn = Não thất ba. Phương trình này làm ta liên tưởng đến câu nói sau đây của một nhà Tâm lý học Âu châu: «Sự khác biệt giữa kiến thức và tín ngưỡng chẳng qua là sự khác biệt giữa cổ não (trung não) và tân não (ngoại não).» [\[21\]](#)

Vượt lên trên thế giới phù sinh, tương đối để đi vào thế giới của chân nhất, của Đạo thể, đó là: Xử vô vi chi sự 處無為之事.

Khảo kinh Kim Cương, ta cũng thấy nói y như vậy. Phật nói: «Phàm cái gì có hình tướng, thấy đều hư vọng.»^[22] Lại nói: «Phải lìa tất cả các chấp tướng mới gọi là chư Phật.»^[23]

Ngài Cảo thiền sư ngộ được câu «Lìa tất cả các vọng chấp mới là chư Phật» nên có làm hai bài tụng rằng:

«Thân khẩu ý thanh tịnh,
Thị danh Phật xuất thế.
Thân khẩu ý bất tịnh,
Thị danh Phật diệt độ.
Tức tâm thị Phật vô dư pháp.
Mê giả đa ư tâm ngoại cầu.
Nhất niệm quách nhiên qui bốn tế
Hoàn như tẩy khước thượng thuyền đầu.

Phỏng dịch:

Thân khẩu ý thanh tịnh,
Đó là Phật xuất thế.
Thân khẩu ý bất tịnh,
Đó là Phật nhập diệt.
Tâm kia là Phật chớ nên quên,
Mê mới ngoài tâm kiếm mọi miền
Nhẽ ấy vỡ ra là tới Phật,

Để như rửa cẳng bước lên thuyền.^[24]

Phật lại dạy: Tu Bồ Đề, Bồ tát phát tâm Bồ đề phải xa lìa tất cả các chấp tướng. Bồ tát không nên sinh tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần [...] Nói tóm lại, Bồ tát đừng sinh vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả. Nếu Bồ tát tâm còn trụ chấp nơi nào, thì không phải thật an trụ chân tâm. (Ib. 109).

Ta cũng có thể mượn mấy vần thơ phỏng theo ca vịnh David XV mà giải câu «Xử vô vi chi sự» như sau:

Ai lên núi Chúa cao quang,
Dừng bước đèn vàng sang trọng huyền linh.
Là ai giữ tấm lòng thanh,
Giữ bàn tay khỏi vẩn tanh mùi phàm.
Ai lên núi Chúa cao quang,
Dừng bước đèn vàng sang trọng huyền linh.
Là ai sống giữa phù sinh,
Chẳng hề mơ ước quan bận hồn.^[25]

Hành vô ngôn chi giáo

Nếu trên đã giải Vô vi là hoạt động của thần, của Đạo, của Trời, thì bây giờ lại phải giải Vô ngôn là tiếng nói của Đạo, của Thần, của Trời. Tiếng nói của Thần, của Đạo tưởng là thầm lặng nhưng chính là sấm vang rung chuyển vũ trụ.

Lão tử Đạo đức kinh, chương 41 viết: «Đại âm hi thanh.» 大音希聲 (Tiếng to như sấm mà dường vô thanh.) Liệt tử giải: Vô ngôn là chí ngôn, là tiếng nói cao siêu nhất chính là vì vậy. [26]

Trang tử cũng viết trong Nam Hoa kinh: «Vô vi chi chi vị Thiên, vô vi ngôn chi chi vị Đức.»

(Vô vi là việc của Trời,
Hễ là Đức cả không lời lặng thinh.)

Vì thế cho nên những bậc đại trí thường muốn vô ngôn. Liệt tử viết: «Đắc ý giả vô ngôn, tiến trí giả diệc vô ngôn.» 得意者無言,進智者亦無言 (Người được như ý thời không nói. Người đại trí cũng không nói.) [27]

Khổng tử cũng muốn Vô ngôn, vì đó là thái độ của Trời. Ngài nói: «Trời có nói gì đâu mà bốn mùa vẫn vùn xoay, vạn vật vẫn sinh hóa.» [28]

Phật nói:

«Thủy tùng thành đạo hậu,
Chung chí Bạt đề hà.
Ư thị nhị trung gian,
Vị thường thuyết nhật tự.»

Dịch:

«Từ khi mới thành đạo,
Đến lúc nhập Niết Bàn,
Trong khoảng thời gian này,
Ta không nói một chữ.» [29]

Kinh Kim Cương cũng viết: «Vô thuyết, vô văn, chân Bát Nhã.» 無說無聞真般若. [30] Mới hay: Tiếng của người thì hữu thanh, hữu ngôn, tiếng của Trời, của Đạo thời vô thanh, vô ngôn.

3. Sống tự nhiên vô vi, vô ngôn như vậy chính là khuôn theo đường lối của trời đất, vì vũ trụ vạn vật đều im lìm sinh hoạt, tuy sinh mà không cho mình là có, tuy làm mà không tự thi, tuy thành công mà không lưu luyến với thành quả đã thu lượm được.

4. Thánh nhân cũng phải vô tự, vô dục, phải theo được gương người xưa «đầu được cả thiên hạ, lòng cũng không dính bén.» [31] Có thể mới trường cửu cùng trời đất. [32]

[1] Bản của Vương Bật in là Trường đoản tương giáo 長短相較. Các bản sau này đổi là Trường đoản tương hình 長短相形 cho hợp vận với câu Nan dị tương thành 難易相成 ở trên.

[2] Đoạn này sẽ được bàn lại nơi chương 43 Đạo đức kinh.

[3] Đoạn này có hai cách dịch:

a. Coi chữ «vạn vật» là chủ từ (sujet) (Xem James Legge, The Texts of Taoism, tr. 96; Nghiêm Toản,

Đạo Đức kinh, tr. 11)

b. Coi chữ «thánh nhân» là chủ từ (sujet) chữ «vạn vật» là túc từ (complément) (Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, tr. 19; Nguyễn duy Cần, Đạo Đức Kinh, tr. 46); Duyvendak lại cho câu này xuống nơi chương 51 (Xem J. J. L. Duyvendak, Tao To King, tr. 7, tr. 121). Tôi theo cách thứ nhất, vì lẽ động từ «tác» 作 và «sinh» 生 đều là những động từ không có bổ từ trực tiếp (complément direct).

[4] Wieger phân câu như sau: Công thành nhi phát cư. Phù duy phát cư, thị dĩ bất khứ. Tôi coi câu Công thành nhi phát cư thuộc vào cuối câu 3. James Legge cũng làm như vậy.

[5] Dans le cycle, vie et mort s'échangent. «Immortels, mortels, mortels immortels; notre vie est leur mort, et notre mort est leur vie.» (Abel Jannière, La Pensée d'Héraclite d'Éphèse, Aubier, Editions Montaigne, 1959, p. 80)

[6] C'est la même chose d'être, ce qui est vivant et ce qui est mort, éveillé ou endormi, jeune ou vieux, car par le changement ceci est cela, et par changement cela est à son tour ceci. (Ib. 80-81)

[7]... Grand cycle de la concentration et de la déconcentration de l'Identique. (Ib.)

L'un pénètre dans la multiplicité et la multiplicité n'est qu'une forme de l'Unité, bien plus, elle est l'Unité même... (Ib. 91.)

[8] Si l'histoire «nous apprend» quelque chose, c'est bien que les normes, les valeurs et les principes varient considérablement d'âge en âge, de société en société, et même d'une génération à l'autre, dans la même société. Des papes qui avaient été choisis pour leur savoir et leurs vertus étaient convaincus que la morale exigeait qu'ils abattent les hérésies par le fer et par le feu, par la cruauté et la torture; les Européens du XVIe siècle ne se faisaient aucun scrupule de tuer les Indiens, parce que les Indiens n'avait pas d'âme; des puritains doctes et droits envoyaient sans broncher les sorcières à la mort, et au XIXe siècle, dans le Sud des Etats Unis les chrétiens considéraient l'esclavage comme une béunédiction. Henry Steele Commager, L'historien et l'histoire, Nouveaux Horizons 1967, p. 149.

[9] Nam Hoa Kinh, chương 2, C.

[10] Chí ngôn khứ ngôn, chí vi vô vi 至言去言, 至為無為 (Xung Hư chân kinh, chương 2, J; Wieger, p. 94.)

[11] Vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã 無為而尊者, 天道也 (Nam hoa kinh, chương II, F; Wieger, p. 292.)

[12] Vô vi vi chi chi vị Thiên, vô vi giả, vạn vật chi bản dã 無為之謂天, 無為者萬物之本也. Nam hoa kinh, chương 12, B; Wieger, p. 294.)

[13] Phù hư tĩnh, điền đạm tịch mịch, vô vi giả, vạn vật chi bản dã 夫虛靜, 恬淡, 寂寞, 無為者, 萬物之本也 (Nam hoa kinh, chương 13, A; Wieger, p. 302.)

[14] Vô vi phục phác, thể tính, bảo thần 無為復樸, 體性抱神 (Nam hoa kinh, chương 12, K; Wieger, p. 302.)

[15] Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道常無為而無不為 (Đạo đức kinh, chương 37, A.)

[16] Đại chu nhập định 大周入定 (Thiên tiên chánh lý trực luận, tr. 36a.) Hữu vi giả tiểu chu thiên dã; vô vi giả đại chu thiên dã 有為者小周天也; 無為者大周天也 (Thiên tiên chính lý trực luận 天仙正理直論, tr. 28a.)

- [17] Cái tiểu chu thiên giả hóa khí, đại chu thiên giả hóa thần 蓋小周天者化氣, 大周天者化神 (Ib. 35a.)
- [18] Vô vi tức Niết bàn, Phạn ngữ cụ túc viết Ban niết bàn. Dịch vi tịch diệt, hoặc bất sinh bất diệt. La Thập tự Trung Quốc cứu danh, dịch tác Vô vi. [...] Vô vi giả chỉ tự tính thanh tịnh chi tâm, nguyên lai cụ túc, vô tạo tác tướng. Phật kinh thượng vô tu vô chứng, tức chỉ thủ nhi ngôn. Chỉ yếu bất sinh diệt tâm diệt liễu, thủ tịch diệt tức hiện tiền. Chí tu hành hạ thủ, tức thượng văn phi pháp phi pháp, lưỡng biên bất thủ. Tương phân biệt vọng tưởng trừ tận phương khả... 無為即涅槃, 梵語具足曰般涅槃. 譯為寂滅, 或不生不滅. 羅什就中國舊名, 譯作無為. [...] 無為者指自性清淨之心, 原來具足, 無造作相. 佛經上無修無證, 即指此而言. 祇要把生滅心滅了, 此寂滅即現前. 至修行下手, 即上文非法非非法, 兩邊不取. 將分別妄想除盡方可 (Giang Vị Nông cư sĩ di trước, Kim cương kinh giải nghĩa, quyển 2, tr. 129.)
- [19] Le terme Niwan (Nê hoàn) qui signifie littéralement Pilule de Boue est en réalité une transcription du mot sanscrit Nirvana. (Henry Maspero, Le Taoïsme, p. 94 (Xem thêm p. 19, 20, 92, 117, 141, 143.)
- [20] Đại đức Thích Chân Giám dịch, Thủ lăng nghiêm, Linh sơn Phật học Nghiên cứu hội, tr. 243.
- [21] L'opposition entre la connaissance et la foi se remène à celle qui existe entre l'archipallium et le néopallium. -- Ernest Aeppli, Psychologie du Conscient et de l'Inconscient, Payot Paris, 1953, p. 19.
- [22] Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng 凡所有相皆是虛妄 (Kinh Kim cương, Thích Thiện Hoa dịch, Hương đạo xuất bản, 1967, tr. 101.
- [23] Ib., tr. 102.
- [24] Kinh Kim Cương, Thích Thiện Hoa dịch, Hương đạo xuất bản, tr. 10.
- [25] Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh, Cung thánh tổng hợp, 1963, tr. 70.
- [26] Xung Hư chân kinh, chương 2, J.
- [27] Nam hoa kinh, chương 12, B (Wieger, p. 294.)
- [28] Xung Hư chân kinh, chương 4, E (Wieger, p. 120.)
- [29] Tử viết: Dư dục vô ngôn. Tử Cống viết: Tử như bất ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên? Tử viết: Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai? 子曰: 予欲無言. 子貢曰: 子如不言, 則小子何述焉? 子曰: 天何言哉, 四時行焉, 萬物生焉, 天何言哉? (Luận ngữ, XVII, 18)
- [30] Tử viết: Nguy nguy hồ! Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã, nhi bất dư yên 子曰: 巍巍乎! 舜禹之有天下也, 而不與焉 (Luận ngữ, VIII, 18)
- [31] Đắc thiên hạ nhi bất dự 得天下而不預 (Luận Ngữ)
- [32] Về sự tương đối của các cặp mâu thuẫn, xin đọc thêm: Đạo đức kinh 20, D-36; A-40, A-58, B. Nam hoa kinh chương 2, C; 6, C.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 3

AN DÂN

安民

Hán văn:

不尚賢, 使民不爭. 不貴難得之貨, 使民不為盜. 不見可欲, 使民心不亂. 是以聖人之治, 虛其心, 實其腹, 弱其志, 強其骨. 常使民無知無欲. 使夫知不敢為也. 為無為, 則無不治.

Phiên âm:

1. Bất thượng hiền, sử dân bất tranh. Bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn.

2. Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, ^[1] nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục. ^[2] Sở phù trí giả bất cảm vi dã.

3. Vi vô vi, tắc vô bất trị.

Dịch xuôi:

1. Không sùng thượng hiền tài, khiến cho dân không tranh. Không quý của khó được, khiến cho dân không trộm cướp. Không phô trương những gì kích thích lòng ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.

2. Vì vậy phép trị nước của thánh nhân là làm cho dân: Trống lòng; No dạ; Yếu chí; Mạnh xương. Thường khiến cho dân không biết, không ham. Khiến cho kẻ trí không dám làm gì cả.

3. Làm theo phép Vô vi, thời không gì là không trị.

Dịch thơ:

1. Không sùng thượng hiền tài trần thế,

Cho dân gian bỏ lệ tranh đua,
 Không tham vật quý khó mua,
 Cho dân hết thiết đi vợ của người.
 Mọi vẻ đẹp bên ngoài chẳng thiết,
 Cho lòng dân cao khiết trong veo.

2. Trị dân hiền thánh muốn điều,
 Ít ham, ít muốn, ăn nhiều uống no.
 Bao tư tưởng làm cho yếu hết,
 Nhưng thịt xương sắt thép kháng cường. [3]

Tò mò, cố tưởng vấn vương,
 Dân ta ta giữ cho thường vô lo,
 Khiến người xảo quyệt mưu cơ,
 Sống trong cảnh ấy khó mà ra tay.

3. Sống khinh khoát mảy may chẳng bận,
 Thời muôn điều ngang chướng hết ngay.

BÌNH GIẢNG

Chương này là một trong những chương của Đạo Đức kinh bàn về cách trị dân theo Lão tử. Vậy trước khi bình giải chương này chúng ta nên biết đại khái chủ trương của Lão tử và Trang tử về chính trị.

Chủ trương của Lão tử là muốn cho dân trở lại đời sống thời thái cổ, vì thời buổi ấy dân chúng sống thuần phác hồn nhiên, thuận thiên lý, chưa có chút gì là nhân vi ngụy tạo.

Thời thái cổ ấy đại khái là thời Tam Hoàng - Phục Hi, Thần Nông, Chúc Dung (khoảng 2800 trước kỷ nguyên trở về trước) - hoặc là thời trước nữa: càng mộc mạc, càng thô sơ càng tốt.

Ta có thể mượn lời Trang tử nói trong thiên Khư Khiếp 胠篋, Nam Hoa kinh mà mô tả thời thái cổ ấy như sau:

Thời thượng cổ là thời đạo đức,
 Thời Đại Đỉnh, Lật Lục, Chúc Dung,
 Hiền Viên, Lý Súc, Thần Nông,
 Hách Tư, Thái Hạo, Hoàng, Trung, Dung Thành. [4]

Thời buổi ấy thanh bình an lạc,
 Và chúng dân thuần phác ung dung.
 Thắt thừng bện lõi mà dùng,
 Ăn ngon, mặc đẹp, chưa từng xoắn xang.
 Thời buổi ấy lân bang giáp cạnh,
 Tiếng gà kêu chó cắn đều nghe,
 Tuy không cách trở sơn khê,

Mà không tiếp xúc đi về với nhau.

Thời buổi ấy đâu đâu cũng trị,

Sống yên bình đến thế thì thôi. [5]

Gần đây Ernest Aeppli, một nhà tâm lý học Âu châu đã mô tả trạng thái ban sơ ấy của nhân loại như sau: «Người ban sơ ít ngã chấp, sống hồn nhiên, thuận theo thiên lý.» Vì ngã chấp còn ít ỏi, nên họ sống hầu như hòa mình với đoàn thể, và chính vì thế, trách nhiệm họ cũng được giảm thiểu đến mức tối đa. Lúc ấy, đời sống tri thức họ rất thô sơ, nhưng sức mạnh vô thức họ lại hoạt động rất mạnh. Người thời buổi văn minh ngày nay thường ước mơ trạng thái ấy. Họ muốn trút bỏ trách nhiệm và muốn thoát nợ suy tư. Họ muốn trở lại tình trạng thiên nhiên, và họ tưởng tượng ra một đời sống tiên cảnh, khi mà con người chưa ăn phải trái tri thức đắng đót. [6]

Lão tử ước mơ cho dân con sống lại những ngày hoàng kim ấy. Đạo Đức kinh chương 80, Lão tử viết:

«Nước ta bé nhỏ dân thưa,
Vài mươi tôi giỏi, ta chưa hề dùng.
Dạy dân sợ chết làm lòng,
Cho nên dân chẳng vẫy vùng phiêu lưu.
Xe kia thuyền nọ điều hiu,
Nào ai muốn cưới, muốn chèo mà chi.
Binh kia giáp nọ ủ ê,
Chẳng ai dở dỏi nghĩ khoe, nghĩ bày.
Dạy dân trở lại thắt dây,
Sống đời thuần phác tháng ngày tiêu dao.
Cho dân ăn uống thanh tao,
Cho dân ăn mặc bảnh bao, chẳng chàng.
Cho dân đời sống bình an,
Cho dân phong tục dịu dàng đẹp tươi.
Liên bang nào cách mấy mươi,
Gà kêu, chó cắn đòi nơi rõ ràng.
Tuy rằng gần gũi tắc gang,
Suốt đời dân chúng nào màng tới nơi.

Lão tử cũng như Trang đều cho rằng người xưa vẹn được thiên chân, thiên tính của mình, vì thế nên sung sướng hạnh phúc.

Ngày nay các nhà cầm quyền vì bày vẽ quá nhiều luật pháp, lễ nghi, hình thức, nên đã làm cho dân con mất thiên chân thiên tính, để rồi chạy theo những văn minh, những kiến thức kiến văn giả tạo bên ngoài. Những cái đó không đem lại hạnh phúc, an bình cho con người được; trái lại chúng chính là mầm loạn lạc chia ly.

Trang tử chủ trương đại khái như sau nơi thiên Mã đề 馬蹄:

«Kìa thiên hạ ung dung tự tại,

Sống đơn sơ vui với muông chim.
Sống đời mộc mạc tự nhiên,
Thung dung cùng đạo một niềm sắt son.
Vì đâu đã mỗi mồn nhón nhác,
Vì đâu nên tan tác phân ly?
Bày ra nhân nghĩa mà chi?
Để cho thiên hạ suy vi tần phiền.
Gỗ không nát, sao nên được chén,
Ngọc không tan, sao vẹn chương khuê.
Đạo tan đức nát ê chề,
Mới bày ra được những bề nghĩa nhân.
Loạn năm sắc, mới văn mới vẽ,
Rối thanh âm, bày vẽ đàn ca.
Ai làm đạo đức xác xơ,
Lập ra nhân nghĩa vẫn vợ hại đời.
Lập nghi lễ, hình hài trói buộc,
Lập nghĩa nhân, bày chước ủi an.
Lòng người vì thế ly tan,

Khôn ngoan càng lắm, gian ngoan càng nhiều. [\[7\]](#)

Trong thiên Biền Mẫu 駢拇, Trang tử lại viết đại khái rằng:

«Vậy đừng có suy bì vẽ sự,
Đừng chia phối quân tử tiểu nhân.
Đã cùng đánh mất thiên chân,
Dù phân biệt hão, cũng ngần ấy thôi.
Đem thiên tính làm tôi nhân nghĩa,
Giỏi Sử, Tăng ta kể như không.
Vì ăn mà tổn tắc lòng,
Du nhĩ có giỏi, chớ hòng ta khen.
Đem nhã nhạc đảo điên tính khí,
Sư Khoáng kia, nào quý chi đâu.
Tính Trời lệ thuộc năm mầu,
Ly Chu ta cũng trước sau coi hèn.
Ta sau trước chỉ khen đạo đức,
Phục tính trời, chẳng phục nghĩa nhân.
Thông minh chẳng tại kiến văn,

Mà do tìm được cốt căn của mình.
 Bỏ căn cốt tông mình đâu nữa,
 Đạo Chích [8] kia cũng lữa Bá Di, [9]
 Đều là đấm đuối, sân si,
 Đều là thiên lệch có gì khác đâu.
 Nên ta chẳng tìm cầu nhân nghĩa,
 Chẳng mơ màng dâm tị, đảo điên,
 Cốt sao giữ vẹn căn nguyên,

Tính trời cốt giữ tinh truyền trước sau...» [10]

Vì thế cho nên theo Lão tử, làm chính trị là phải cố phục hồi trạng thái hồn nhiên nguyên thủy ấy cho dân. Muốn được vậy đại khái sẽ:

1. Không sùng thờ hiền tài, để dân hết tranh dành.
2. Không tham vật quý khó mua, khó chuốc, để dân hết trộm cắp.
3. Không ngó ngang đến những vẻ đẹp bên ngoài, để cho dân khỏi loạn.
4. Lo cho dân ăn uống no đủ, sống một đời sống khỏe mạnh. (Thực kỳ phúc, cường kỳ cốt.)
5. Không đem kiến văn kiến thức dạy dân. (Thường xử dân vô tri.)
6. Không kích thích thị hiếu của dân, cho lòng dân không bợn ham muốn tư dục, thanh thản hồn nhiên. (Hư kỳ tâm..., thường sử dân vô tri vô dục.)
7. Giữ không cho những người khôn ngoan, tinh quái lũng đoạn tinh thần dân, đời sống dân.
8. Như vậy, dân sẽ sống hồn nhiên, hạnh phúc, thế làm không làm mà vẫn làm được hết mọi sự, vẫn trị được hết mọi sự. (Vi vô vi tắc vô bất vi.)

Trong thiên Khư Khiếp 祛 箴, Trang Tử cũng theo chủ trương của Lão tử, nhưng đã trình bày chủ trương ấy với một luận điệu quyết liệt hơn nhiều. Ông viết đại khái như sau:

... Nên dứt tánh, dứt tình với trí,
 Thời cướp ngày sẽ bí lối sinh.
 Trầm châu, đắm ngọc tan tành,
 Rồi ra trộm cắp lưu manh hết liền.
 Phá ấn tín, dân nên thuần phác,
 Đập đấu cân, dân gác ghen tuông.
 Phá tan thánh pháp, kỷ cương,
 Rồi ra dân sẽ rộng đường tới lui.
 Vứt đàn sáo, bịt tai Sư Khoáng,
 Thời chúng dân sẽ sáng tai ra.
 Tung hê màu sắc văn hoa,

Cho mờ văn vẻ, cho lòa Ly Châu. [11]

Hãy hủy hản giây, câu, khuôn, thước,
 Tay Công Thủy [12] tìm chước chặt đi.
 Sử, Tăng [13] ta hãy khinh khi,
 Bịt mồm Dương, [14] Mặc, [15] bịt đi đỡ phiền.
 Điều nhân nghĩa đảo điên hãy bỏ,
 Bỏ đi rồi, sẽ rõ huyền đồng.
 Huyền đồng là chính thần thông,
 Hợp cùng đạo cả, thung dung vẹn nghi.
 Kìa Tăng, Sử, Công Thủy, Sư Khoáng,
 Hạng Ly Chu hay hạng Mặc Dương.
 Đều là nhân đức phô trương,
 Dốc bầu tinh tú, huynh hoang bên ngoài.
 Chính vì vậy gieo tai gieo họa,
 Loạn dân tình, loạn cả nước non.
 Tưởng là ích lợi ngàn muôn,
 Nào ngờ điên đảo, mỗi mòn lòng ai. [16]

Tóm lại, chủ trương của Lão tử, chính là không can thiệp vào đời sống dân, không đem kiến văn, kiến thức dạy dân. Tại sao?

a. Vì con người là một nghệ phẩm tối cao, không được nhào nặn bậy bạ. Đạo Đức kinh chương 29 viết:

Những muốn nặn muốn nhào thiên hạ,

Suy cho cùng chẳng khá được nào.

Lòng người nghệ phẩm tối cao.

Ai cho ta nặn ta nhào tự do?

Lòng người ai nắm giữ hoài,

Già tay nặn bóp bao đời tiêu ma...» [17]

b. Vì thánh nhân chỉ giúp cho vạn vật sống tự nhiên theo thiên chân, thiên lý mà thôi. Đạo Đức kinh chương 64 viết:

Cho nên hiền thánh trên đời,

Chỉ say Đạo cả chơi với ngàn trùng.

Của khan, vật hiếm chẳng mong,

Của đời người tể đèo bòng mà chi.

Học là học đạo siêu vi,

Dạy đời làm lạc hướng đi tuyệt vời.

Giúp ai thanh thả đường trời,

Chứ không chọc nước quấy trời uống công.

c. Vì đem điều xảo trá, đem kiến văn kiến thức dạy dân, là làm hại dân, làm cho họ trở nên xa Đạo, xa trời, trở nên bất trị, chứ không làm lợi cho họ. Đạo Đức kinh chương 65 viết:

Nên những kẻ am tường đạo cả,

Chẳng đem điều xảo trá dạy dân,

Muốn dân chất phác ôn thuần...» [\[18\]](#)

Đọc thiên Biện Mâu của Trang tử ta càng thấy rõ chủ trương để mặc cho dân sống theo «tự nhiên» của Đạo Lão. Trang tử viết đại khái như sau:

«Chân nhân biết nhẹ chân thường,

«Thường nhiên», «chí chính» am tường vân vi.

Cũng vì vậy nên chê ngục tạo,

Ghét những điều đánh tráo, lộn sòng.

Chân liền ngón chạnh, bấu sừng,

Ấy đâu có phải của chung con người.

Cũng một lẽ, hán hài cổ mãng,

Với những điều mô phạm nghĩa nhân.

Cùng là lễ nhạc, gian trần,

Ấy đâu có thuộc chân tâm con người.

Kìa Sư Khoáng vẽ vờ tơ trúc,

Nọ Ly, Chu háo hức xiêm y,

Sử, Tăng bày chuyện lễ nghi,

Mặc, Dương biện bác thôi thì trăm khoanh.

Thế đâu phải nhân tình chất phác,

Toàn là điều bôi bác bên ngoài.

Le le cổ ngắn lẽ trời,

Hạc kia dài cổ cũng thời tự nhiên.

Dài hay ngắn bớt thêm đều khổ,

Phá tự nhiên phá vỡ lòng ai.

Keo sơn, qui củ bên ngoài,

Chẳng qua vá víu nhất thời ích chi...

Bình chương này, Duvendak cho rằng về phương diện chính trị, đạo Lão phản văn hóa. [\[19\]](#) Wieger cho rằng Lão tử muốn cho dân chúng trở thành những con vật siêng năng cần cù, để bảo. [\[20\]](#) Những lời phê bình như vậy hơi quá đáng, vì thực ra Lão tử muốn điều hay cho dân, chứ không muốn điều dở cho dân; muốn cho dân sống yên vui chứ không muốn lợi dụng dân.

Trở về lối sống hồn nhiên nguyên thủy, Lão Trang không cho đó là phục cổ, mà là phục hồi lối sống

thiên nhiên của con người.

Phục cổ theo Lão trang có nghĩa là đem áp dụng những chính sách, những lễ nghi, những pháp độ của các vua chúa xưa vào đời sống dân ngày nay. Điều đó Lão cũng như Trang và nhất là Trang không hề cổ súy. Trang thì cho rằng «lễ nghi pháp độ biến thiên theo thời gian» nên người nay không thể theo pháp độ người xưa. [21]

Chúng ta chỉ có thể nhận xét rằng từ khi Lão tử chủ xướng những quan điểm trên về chính trị đến nay, chưa có một triều đại vua chúa nào ở Trung Hoa dám đem ra mà áp dụng.

Chẳng những vua chúa không theo nổi Lão tử, mà chính ngay khi đạo Lão cực thịnh vào đầu đời Tam Quốc với những nhà lãnh đạo nổi tiếng như Trương Lỗ 張魯, Trương Giác 張角, Trương Bảo 張寶, Trương Lương 張梁, Trương Tu 張修, với những vùng đất lớn lao đã được đặt dưới tầm ảnh hưởng như vùng Hán Trung, với một số giáo dân lớn lao, ta thấy các nhà lãnh đạo tinh thần đạo Lão lúc ấy cũng hoàn toàn đi vào hữu vi, hữu tướng với một giáo hội có hệ thống tổ chức, có nhiều loại cán bộ, có binh lực, có lễ nghi, có kinh kệ, có bùa chú, có đóng góp, hội hè, v.v. [22]

Xem thế đủ biết, muốn đem nhân loại ra khỏi trào lưu lịch sử thực là một điều không thể làm được.

[1] Câu: Hư kỳ tâm, thực kỳ phúc 虛其心實其腹 nhiều người thường tách ra, để hướng về phía tu dưỡng. Sách Đông du bát tiên 東遊八仙 viết: «Phép sống lâu chẳng có lạ gì, lòng phải trống mà bụng phải đặc. Chung Ly nguyên soái hỏi: Xin ông cất nghĩa cho rành. Ông ấy nói: Trong lòng đừng lo việc gì cả, để cho thư thái như không, ấy là trống lòng. Còn đừng theo việc sắc dục, dưỡng tinh thần, nguyên khí chẳng hao, gọi là đặc bụng.» (tr. 27)

[2] Hoài Nam tử 淮南子 (quyển 1, chương 11b) có một đoạn tương tự: «Thị cố chí nhân chi trị dã yểm kỳ thông minh, diệt kỳ văn chương, y đạo, phế trí, dự dân đồng xuất vu công chính, ước kỳ sở thủ, quả kỳ sở cầu, khứ kỳ dụ mộ, trừ kỳ thị dục, tổn kỳ tư lự.» 是故至人之治也掩其聰明,滅其文章,依道,廢智,與民同出于公正,約其所守,寡其所求,去其誘慕,除其嗜欲,損其思慮.

[3] Trước kia tôi dịch mấy câu này theo xu hướng tu dưỡng như sau:

Lối đường hiền thánh khó theo,

Rảnh rang niềm tục, chật chiu niềm trời.

Bỏ ham muốn thành thói hồn phách,

Lo tài bồi cốt cách thiện lương.

Lưu Nhất Minh 劉一明 trong Chu Dịch Xiển Chân 周易闡真, chương Văn Vương Hậu Thiên Bát Quái 文王後天八卦, cũng giải như vậy.

[4] Thái Hạo 太昊 = Phục Hi 伏羲. Hoàng 皇 = Bá Hoàng 伯皇. Trung 中 = Trung ương 中央. Đại Đình 大庭, Lật Lục 栗陸, Chúc Dung 祝融, Hiên Viên 軒轅, Ly Súc 驪畜, Thần Nông 神農, Phục Hi 伏羲, Hách Tư 赫胥, Bá Hoàng 伯皇, Trung Ương 中央, Dung Thành 容成.

[5] Nam hoa kinh, chương 10, Khư khiếp 祛僥, đoạn C.

[6] L'homme très peu conscient de lui-même qui ne se dirige pas dans la vie par ses propres initiatives conscientes, le primitif, enfant de la nature, vit en harmonie inconsciente avec les archétypes. Son moi est cependant très réduit, de telle sorte que toute son individualité n'est pas différenciée de la

collectivité. Sa responsabilité en est diminuée pour autant. C'est vers cet état, alors que les forces du moi sont très réduites alors que celles de l'inconscient sont très importantes, que tend souvent la nostalgie de l'homme civilisé. Il voudrait se libérer de ses responsabilités et-dit-il, ne plus être obligé de penser. Il voudrait retourner «à la nature» et il imagine une existence paradisiaque dans laquelle il n'a pas mordu encore au fruit amer de la connaissance. — Ernest Aeppli, Psychologie du Conscient et de l'Inconscient, Payot Paris, 1953, p. 60.

[7] Xem Nam hoa kinh, chương IX, C, D.

[8] Đạo Chích: Tên một người ăn trộm nổi tiếng.

[9] Tên một người hiền cuối đời Ân. Bá Di và em là Thúc Tề không thần phục nhà Chu, đã nhịn đói cho đến chết ở núi Thử Dương.

[10] Nam hoa kinh, chương VIII, Biền mẫu 駢拇, C, và D.

[11] Ly Châu 離朱: tên người thợ vẽ đã nghĩ ra vẽ, trang hoàng.

[12] Công Thù 工倕: tên của một người giỏi về lễ nhạc.

[13] Sử 史, Tăng 曾: Sử Thu 史猷 và Tăng Sâm 曾參, tên hai người giỏi về lễ, nhạc.

[14] Dương: Dương Chu 楊朱, triết gia thời Xuân thu.

[15] Mặc: Mặc Địch 墨翟, triết gia thời Xuân thu.

[16] Nam hoa kinh, chương X, Khư khiếp, B.

[17] Xem thêm Nam hoa kinh, chương XI, Tại hữu, B.

[18] Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi 古之善為道者非以明民將以愚之.

[19] Dans son application politique, le Taoïsme est donc anti-culturel. Duvendak, Tao To King, Adrien Maisonneuse, 1953, p. 9.

[20] Faites des hommes, des bêtes de travail productives et dociles, veillez à ce que, bien repus, ils ne pensent pas, ne sachant rien, les hommes n'auront pas d'envies, ne coteront pas de surveillance, et rapporteront à l'État. -- Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, Cathasia, 1950, p. 20, commentaires.

[21] Cf. Nam hoa kinh, chương XIV, Thiên vận 天運, D.

[22] Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, Civilisation du Sud S. A. E. P. Paris, 1950, p. 149-184.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 4

VÔ NGUYÊN

無源

Hán văn:

道冲而用之或不盈. 淵兮似萬物之宗. 挫其銳, 解其紛, 和其光, 同其塵. 湛兮似或存. 吾不知誰之子. 象帝之先.

Phiên âm:

1. Đạo xung [1] nhi dụng chi hoặc [2] bất doanh. [3]
2. Uyên [4] hề tự vạn vật chi tông. [5]
3. Tỏa [6] kỳ nhuệ, [7] giải kỳ phân, [8] hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.
4. Trầm hề [9] tự hoặc tồn. [10]
5. Ngô bất tri thù chi tử. Tượng [11] đế chi tiên. [12]

Dịch xuôi:

1. Đạo rộng không mà dùng không hết.
2. Đạo sâu xa man mác tựa hồ như là tổ tông vạn vật.
3. Làm nhụt bén nhọn, tháo gỡ rối rắm, pha trộn ánh sáng, hòa mình cùng bụi rậm.
4. Trong trẻo thay, tựa hồ trường tồn.
5. Ta không biết Đạo con ai; hình như có trước Thiên đế.

Dịch thơ:

A. Dịch cách thứ nhất:

1. Đạo không hư dùng muôn đời không cạn,
2. Sân ngàn trùng, sinh ngàn vạn chúng sinh.
3. Dấu sâu sắc, gỡ cho hết mối manh,
Pha ánh sáng hòa mình cùng trần cấu.
4. Nhưng trong trẻo, muôn đời không nhớ dấu,
5. Ta chẳng hay, ngài sinh xuất từ đâu,
Trước Thiên đế, (trước muôn ngàn hiện tượng).

B. Dịch cách thứ hai:

1. Đạo với, dùng mãi không với,
2. Thắm sâu, tông tổ muôn loài thụ sinh.
3. Làm tầy mũi nhọn (cho tình),
Gỡ tung rối rắm, (quần sinh hòa hài).
- Sáng mình pha sáng muôn loài,
Hòa mình cùng với trần ai mới là.
4. Thế nhưng trong (ngọc) trắng (ngà),
Muôn đời vẫn chẳng chút là hư hao.
5. Con ai ta biết đâu nào,
Trước ngôi Thiên đế, từ bao lâu rồi.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại bàn luận về Đạo. Đạo vượt tầm tri thức của ta.

1. Đạo huyền linh cao diệu, tưởng như là hư không, trống rỗng mà dùng chẳng bao giờ với, chẳng bao giờ hết.

2. Đạo sâu man mác, đã sinh xuất ra vũ trụ quần sinh.

3. Chẳng những thế, Đạo lại còn luôn lồng trong vạn hữu (immanence). Muốn vậy, Đạo đã dấu hết sắc bén, bỏ mọi phiền tạp, hòa ánh sáng cùng vạn hữu, đồng hóa mình với sự thấp hèn của vạn hữu.

4. Tuy nhiên, Đạo vẫn luôn trong trẻo, vẫn vĩnh viễn trường tồn, tự nhiên tự tại.

5. Không thể biết Đạo đã sinh xuất từ đâu. Có lẽ Đạo có trước Thượng đế.

Vì vậy mà Hà Thượng Công đặt tên chương này là «Vô nguyên» (Không đầu cội).

Lão tử luôn luôn tỏ ra dè dặt khi bàn luận về Đạo. Chương này ngài dùng: hai chữ tự 似 (tựa hồ); hai chữ hoặc 或 chỉ nghi ngờ, không quyết đoán); một chữ bất tri 不知. Như vậy Lão tử tỏ ra rất khiêm tốn không hề dám quyết đoán gì về Đạo, mà toàn là phỏng đoán.

Chương này chỉ có ý nói: (1) Đạo vô biên tế, vô cùng tận; (2) Đạo là căn nguyên vạn hữu; (3) Đạo hằng lồng trong vạn hữu; (4) Đạo có trước mọi hiện tượng.

Trang tử, nơi chương Đại tông sư, có một đoạn bình về Đạo cũng na ná chương này của Lão tử. Đại khái như sau:

Đạo thời hữu tín, hữu tình,
Vô vi mà lại vô hình mới hay.
Để truyền, khó bắt lạ thay,
Giữ thời giữ được, trông rày hăn không.
Tự sinh, tự bản vô cùng,
Có từ trời đất còn không có gì.
Sinh trời, sinh đất ra uy,
Quỉ thần âu cũng là tùy sở do.
Cao cao vô tận khôn dò,
Cao hơn Thái cực vẫn cho là thường.
Thẳm sâu, sâu mấy ngàn muôn,
Sâu hơn vũ trụ, mà nhường không hay.
Lâu lai nào kể tháng ngày,
Trước trời trước đất, lâu này lâu chi.
Sống từ muôn thủa vẫn y,
Ngàn muôn tuổi thọ đã gì già nua.
Hi Vi, Hoàng Đế, Kiên Ngô,
Kham Phi, Chuyên Húc đã nhờ thần thông.
Đạo trời soi sáng cõi lòng,
Mới thành thần thánh, sống cùng trời mây.
Lão Bành, Phó Duyệt nhờ tay,
Ngung Cường, Vương Mẫu may thay được ngài.
Mới nên thần thánh tuyệt vời,
Ngự cung Thiếu Quảng, chơi nơi Ngân Hà.
Biết bao thỏ lặn ác tà,
Hai vàng nhật nguyệt khôn qua Đạo Trời.
Kìa như Bắc đẩu thành thời,
Cũng nhờ Đạo cả, mới ngôi cửu trùng.
Đạo Trời ngấm thực vô cùng,
Bao nhiêu quyền phép thần thông nhiệm màu. [\[13\]](#)

A. Nói rằng Đạo vô biên thể, Đạo là tông tổ vạn hữu thì đó là một chuyện để nói, đạo gia nào cũng nói được như vậy. Hoài Nam tử 淮南子 cũng đã viết: «Lúc còn là toàn thể, thời như là thuần phác, lúc đã phát tán, thời y như là đục ngầu; đục rồi dần dần lại trong, vơi rồi dần dần lại đầy, lặng lẽ như vực sâu, phơ phất như mây nổi; tựa như không mà vẫn có, tựa như mất mà vẫn còn, tất cả vạn vật, vạn sự đều phát xuất từ một cửa Đạo.» [\[14\]](#)

B. Còn như nói rằng Đạo lồng trong vạn hữu, thì chỉ những bậc chân sư mới dám nói. Lão tử đã đề xướng chủ trương này nơi chương này. Trang tử cũng đã long trọng chủ trương như vậy trong thiên Tri Bắc du, đoạn F, khi ông đối thoại với Đông Quách tử. Wiegier đã dịch rất thoát ý phần kết đoạn ấy như sau: «Xin đừng hỏi Đạo ở trong đây hay đó. Đạo ở trong lòng vạn vật. Vì thế người ta mới gọi Đạo là lớn, là tuyệt luân, là toàn bích, là phổ quát, là viên mãn. Tất cả những từ ngữ đó đều áp dụng cho một thực thể duy nhất đó là Bản thể vũ trụ.» [\[15\]](#)

Lão tử chủ trương Đạo có trước mọi hiện tượng; nơi chương 25, Đạo đức kinh, ta thấy viết:

Có một vật an nhiên tự hữu,
Trước đất trời vĩnh cửu, tự thành.
Tịch liêu, vắng ngắt vắng tanh,
Một mình mình biết, một mình mình hay.
Muôn vàn chẳng chút đổi thay,
Đó đây quanh khắp, đó đây chẳng chồn.
Sinh muôn vật mẹ muôn thiên hạ,
Tính danh ngài ta há biết sao,
Tên ngài phải gọi thế nào,
Gọi liêu là Đạo, gọi ào là To.
Vi quá to nên xa thăm thẳm,
Thăm thẳm xa mà vẫn gần kề,
Đạo to, to lớn muôn bề...

Câu «Tượng Đế chi tiên» 象帝之先 này đã làm điên đầu các nhà bình giải châu Âu, vì đối với châu Âu Thượng đế là tuyệt đối, là rốt ráo rồi, thì sao lại có thể nói được rằng Đạo có trước Thượng đế. Thực ra vấn đề này cũng dễ bình giải, nếu chúng ta nhận định rằng các nhà huyền học trong đó có Lão tử, đều chấp nhận rằng: Tuyệt đối có hai phương diện:

Vô 無: Tuyệt đối chưa hiển dương; Hữu 有: Tuyệt đối đã hiển dương.

Tuyệt đối chưa hiển dương, Lão tử gọi là Vô 無 hay là Đạo 道. Tuyệt đối đã hiển dương, Lão tử gọi là Hữu 有 hay là Đế 帝. Như vậy nói rằng Đạo có trước Thượng đế thực ra cũng không sai quấy gì. Châu Âu thực ra cũng đã có quan niệm này từ lâu đời.

Xưa Hésiode (thế kỷ 8 trước công nguyên) đã có lần nhắc tới. Đối với Hésiode «Hồng môn» không phải là «hư vô tuyệt đối» mà là một cái gì vô định và bất khả tư nghị có trước trời đất và thần minh». [\[16\]](#)

Và lại, từ ngữ châu Âu cũng đã có những chữ: Godhead và God; Deité và Dieu. Cũng như Bà la môn có chữ: Brahma và Brahman.

Ramakrishna cũng đã nói: «Khi ta nghĩ đến thực thể tối cao dưới hình thức thái tĩnh (Nishkriya) ta gọi Ngài là Thượng đế siêu việt tuyệt đối (Shuddha Brahman), còn khi ta nghĩ đến Ngài dưới hình thức hoạt động, tạo dựng, gìn giữ hay hủy hoại, ta gọi Ngài là Shakti hay Thượng đế hữu ngã.» [\[17\]](#)

Tóm lại, theo tôi, phân tuyệt đối thành Vô 無, Hữu 有, hay Hữu ngã 有我, Vô ngã 無我, chỉ là những phân biệt của gian trần. Sau trước cũng chỉ có một Tuyệt đối. Đó là điều mà tôi đã chủ trương trong tập Vô cực luận 無極論.

- [1] Xung 冲 : rỗng, trống không. Hoài Nam tử 淮南子 (tr. 11b) có câu: Xung nhi từ doanh 冲而徐盈.
- [2] Hoặc 或: Duyvendak giải: rỗng nhưng từ từ lại đầy, đổi thành chữ cửu 久 .
- [3] Doanh 盈: đầy, không hết. (Cao Hanh 高亨 giải)
- [4] Uyên 淵: 1. vực; 2. sâu.
- [5] Tông 宗: tông tổ; gốc.
- [6] Tỏa 挫: bề.
- [7] Nhuệ 銳: nhọn.
- [8] Phân 紛: rối rít, rối rắm.
- [9] Trầm 湛: 1. sâu; 2. trong.
- [10] Hoặc tồn 或存: Duyvendak sửa là cửu tồn 久存 (bền vững, lâu dài).
- [11] Tượng 象: hình như (Cf. Legge).
- [12] Đế 帝: Vương Bất 王弼 giải là Thiên đế 天帝. Legge, Wieger đều giải là Thượng đế 上帝.
- [13] Cf. Trang Tử Nam hoa kinh 莊子南華經, chương 6, Đại tông sư 大宗師, D.
- [14] Cf. Hoài Nam tử 淮南子, tr. 11b. Tứ bộ bị yếu 四部備要: «Kỳ toàn dã thuần hề nhược phác, kỳ tán dã hồn hề nhược trọc. Trọc nhi từ thanh, sung nhi từ doanh, đạm hề kỳ nhược thâm uyên, tấn hề kỳ nhược phù vân. Nhược vô nhị hữu, nhược vong nhi tồn. Vạn vật chi tổng giai duyệt nhất khổng, bách sự chi căn giai xuất nhất môn.» 其全也純兮若樸,其散也混兮若濁.濁而徐清,冲而徐盈,澹兮其若深淵,汎兮其若浮雲.若無而有,若亡而存.萬物之總皆閱一孔,百事之根皆出一門.
- [15] «Ne demandez pas si le Principe est dans ceci ou dans cela. Il est dans tous les êtres. C'est pour cela qu'on lui donne les épithètes de Grand, de suprême, d'entier, d'universel, de total. Tous ces termes différents, s'appliquent à une seule et même réalité, à l'unité cosmique.» Cf. Wieger, Les pères du système Taoïste, Tchouang Tzeu, chap. 22, F, p. 395.
- Câu «Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần» sẽ còn được thấy nơi chương 56, và Duyvendak đem đoạn này xuống nơi chương 56, theo lối Mã Tự Luân và Trần Tử. Nhưng làm như vậy, mặc nhiên đã bỏ đi mất một nhận xét tối ư quan trọng về Đạo, đó là nhận xét: «Đạo chẳng xa lìa vạn hữu.»
- [16] Le mythe à la fois théogonique et cosmogonique à été repris, on le sait, par Hésiode. Le Chaos, répétons-le, n'est pas exactement le néant absolu, c'est quelque chose d'indéterminé et d'indéfinissable qui précède l'être au monde et des dieux. -- Claude Tresmontant, P. E. D. p. 76.
- [17] Quand on pense à l'Être suprême sous son aspect inactif (nishkriya), on le nomme Dieu absolu (Shuddha-Brahman) et quand on le représente sous son aspect actif et créant, soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou divinité personnelle. -- L'Enseignement de Ramakrishna, p. 475.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 5

HƯ DỤNG

虛用

Hán văn:

天地不仁, 以萬物為芻狗. 聖人不仁, 以百姓為芻狗. 天地之間, 其猶橐籥乎. 虛而不屈, 動而愈出. 多聞數窮, 不如守中.

Phiên âm:

1. Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu. [\[1\]](#)
2. Thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu.
3. Thiên địa chi gian, [\[2\]](#) kỳ do thác thược [\[3\]](#) hồ.
4. Hư nhi bất khuất, [\[4\]](#) động chi dĩ xuất.
5. Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung. [\[5\]](#)

Dịch xuôi:

1. Trời đất không có lòng nhân, coi bách tính như chó rơm.
2. Thánh nhân không có lòng nhân, coi bách tính như chó rơm.
3. Khoảng trời đất giống như ống thổi. Trống không mà không hao kiệt, càng động, hơi càng ra.
4. Nói nhiều cũng chẳng hết, thà giữ lấy Trung.

Dịch thơ:

1. Đất trời chẳng có lòng nhân,

- Mà xem vạn vật in tâm chó rơm.
 2. Thánh nhân chẳng có lòng nhân,
 Mà xem bách tính in tâm chó rơm.
 3. Kiền khôn mở đóng khôn lường,
 Trống nhưng mãi mãi là nguồn hóa sinh.
 4. Thà rằng ôm ấp Đạo mình,
 Còn hơn vất vả thuyết minh suốt đời.

BÌNH GIẢNG

Chương này bình về sự hoạt động của Đạo, của trời đất.

1. Thiên địa bất nhân 天地不仁

Trời đất đối với vạn vật chỉ công vô tư, không hề có sự thiên tư, thiên vị. Vạn vật trong trời đất này đều được chi phối bằng những định luật vĩnh cửu, chính vì vậy mới trường tồn. Mùa xuân vạn vật sinh sôi, hoa cỏ đua tươi, khí hậu ấm áp, lúc ấy không phải là trời đất có lòng thương hơn; mùa đông khi sương sa tuyết phủ, lá rụng hoa rơi, mưa phùn gió bắc, lúc ấy không phải là trời đất mang dạ oán hờn, mà chính là vì chu kỳ biến dịch đã tạo nên những hình thái như vậy.

Trời đất cứ mang, sinh trưởng, che chở vạn vật như vậy, không phải bằng lòng nhân tâm thường của nhân thế, mà bằng một lòng nhân siêu việt. Vì siêu việt nên người ta lại cho là trời đất bất nhân.

Trang tử trong thiên Đại tông sư, đã dùng Hứa Do mà bình về Đạo như sau: «Thầy ta hỏi, Thầy ta hỏi (Đạo), Thầy sắp đặt vạn vật mà không cho thế là làm nghĩa; rưới ân trạch khắp muôn đời mà không cho thế là nhân; có từ trước đời thượng cổ, mà không cho thế là già! Che chở trời đất, chạm trở hình hài, mà không cho thế là khéo. Ta hoạt động trong Ngài vậy!» [6]

Cũng vì có lòng nhân siêu việt như vậy, nên không thương loài nào, hơn loài nào vị loài nào hơn loài nào. Trong Xung Hư chân kinh có chép:

«Điền thị nước Tề nhà có giỗ tổ, mời thực khách có thời ngàn người. Có một người khách đem biếu cá vàng và ngỗng trời. Điền thị trông thấy, liền nói: 'Trời đối với con người thật là hậu hĩ. Chẳng những đã sinh ra lúa gạo, lại còn sinh ra chim, cá cho con người dùng. Các thực khách đều đồng thanh hưởng ứng. Duy có con ông Bào thị, mới mười hai tuổi, tiến ra và nói với Điền thị rằng: Điều ông vừa nói đó không đúng. Trời đất muôn vật và ta đều là các loài như nhau, chẳng có hơn kém. Các loài khôn, các loài mạnh, ăn thịt các loài ngu, các loài yếu, chứ chẳng phải loài này vì loài kia mà sinh ra. Người bắt loài vật mà ăn thịt, chứ đâu phải trời vốn vì người mà sinh vật. Cũng như muỗi, mòng hút máu người, hổ lang ăn thịt, nhưng không phải là trời đã vì muỗi mòng mà sinh ra người, vì hổ lang mà sinh ra thịt.» [7]

Dĩ vạn vật vi sở cầu 以萬物為芻狗

Cho nên đối với đất trời, không có loài nào tuyệt đối là trọng, loài nào tuyệt đối là khinh; mà khinh trọng đều là tương đối, đều là tùy theo thời gian, không gian, nhu cầu, công dụng nhất thời. Y như con chó cỏ trước khi hành lễ, thì được nâng niu, quý báu; sau khi hành lễ rồi, thì bị vứt ra đường, cho mọi người mặc tình chà đạp. [8]

Thật đúng là:

Có thời có tự may mắn,

Không thời cả thế gian này cũng không.

2. Thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sở cẩu 聖人不仁, 以百姓為芻狗

Thánh nhân theo gương đất trời, cũng sống vượt lên trên lòng nhân tầm thường của chúng nhân, không thương kẻ này mà bỏ kẻ kia, không trọng đây khinh đó, nhưng sống thuận theo thời gian, hoàn cảnh, hòa mình cùng muôn vật.

3. Thiên địa chi gian, do ư thác thược hồ. Hư nhi bất khuất động nhi dĩ xuất 天地之間其猶橐籥乎虛而不屈動而愈出

Ở đây Lão tử lại tiếp tục nói đến cái diệu dụng của trời đất. Trời đất y như là hư không, mà càng dùng lại càng có, «hồ hết lại có, hồ vơi lại đầy», chẳng khác gì như cái bể thợ rèn; để yên thì không có hơi, nhưng hễ kéo, thì hơi sinh ra mãi không bao giờ hết.

4. Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung 多聞數窮, 不如守中

Bàn về Đạo cần chi phải nhiều lời, vì:

«Nhất ngôn khả dĩ đại ngộ,

一言可以大悟

Bán cú khả dĩ thông huyền.»

半句可以通玄

(Một lời đủ giác ngộ,

Nửa câu đủ thấu huyền.)

«Thủ trung bảo nhất.» 守中抱一 (Nắm giữ chân tâm, ôm ấp Đại nhất), thế là đủ rồi, cần chi phải bàn bạc cho nhiều.

[1] Sở cẩu 芻狗: chó cỏ, chó rơm. Xưa, người ta bện cỏ, rơm thành chó, để dùng khi tế lễ; trước khi dùng đến, người ta quý báu chắt chiu; khi lễ xong rồi, người ta đem vứt bỏ. (Xem Nam hoa kinh, chương 14, D.)

[2] Thiên địa chi gian 天地之間: có bản chép là thiên địa chi môn 天地之門.

[3] Thác thược 橐籥: ống bể thợ rèn. Nó gồm hai phần: một ống tròn bên ngoài 橐 (thác), một nòng thật sinh gió bên trong 籥 (thược).

[4] Khuất 屈: hết, hao kiệt.

[5] Trung 中: ở đây tức là Đạo.

[6] Nam hoa kinh, chương VI, Đại tông sư 大宗師, đoạn I.

[7] Liệt tử 列子, Xung Hư chân kinh 沖虛真經, chương VIII, đoạn Y.

[8] Xem Nam hoa kinh, chương 14, Thiên vận 天運, đoạn D.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 6

THÀNH TƯỢNG

成象

Hán văn:

谷神不死是謂玄牝. 玄牝之門, 是謂天地根. 綿綿若存. 用之不勤.

Phiên âm:

1. Cốc thần [1] bất tử thị vị Huyền tẫn. [2]
2. Huyền tẫn chi môn thị vị thiên địa căn.
3. Miên miên [3] nhược tồn. Dụng chi bất cần. [4]

Dịch xuôi:

1. Cốc thần bất tử, đó là Huyền tẫn.
2. Cửa Huyền tẫn chính là gốc rễ trời đất.
3. Miên man trường tồn, dùng không bao giờ hết.

Dịch thơ:

Trời bất tử, trường sinh bất tử,
Cửa trường sinh là cửa càn khôn. [5]
Miên man muôn kiếp vẫn còn,
Muôn nghìn biến ảo mà tường trợ trợ.

BÌNH GIẢNG

Chương sáu này thực ra rất giản dị; đại ý rằng: Đạo hay Cốc thần trường sinh bắt tử đó là cánh cửa kiền 乾 (Huyền 玄) khôn 坤 (tấn 牝) đó là gốc gác, căn cơ của đất trời. Đó là một nguồn sinh tung tỏa vô cùng vô tận, dùng mãi chẳng hề vơi.

Chương này được các Đạo gia đặc biệt khai thác để áp dụng vào phương pháp tu thân, luyện đơn, cầu đạo, đi tìm trường sinh bất tử. Chính vì vậy mà ta cần khảo cứu chương này cho thấu đáo.

A. Cốc thần 谷神 là gì?

Tiên học từ điển 仙學辭典 giải: Cốc là hư 虛; thần là linh giác 靈覺. Phép luyện đơn lấy «hư linh bất muội làm căn bản» 虛靈不昧為本. Nên Cốc thần chính là «Không linh chi nguyên thần» 空靈之元神.

[6]

Lưu Nhất Minh 劉一明 trong quyển Chu dịch xiển chân 周易闡真 minh định rằng: «Cốc thần chính là: Thái cực 太極 theo Nho giáo; Viên giác 圓覺 theo Phật giáo; Kim đan 金丹 theo Lão giáo.

«Cốc, ở đồ bản tròn của Dịch, thời ở vào điểm trống không ở giữa; ở đồ bản vuông của Dịch thời ở nơi tâm điểm chữ thập; ở nơi con người thời ở chỗ tứ tượng hòa hợp. Thần, ở đồ bản tròn của Dịch thời ở nơi Kiền Khôn tương giao; ở đồ bản vuông của Dịch thời ở nơi hai cánh chữ thập giao tiếp nhau; ở nơi con người, thời ở nơi tứ tượng động tĩnh. [...] Cổ nhân gọi đó là ‘Sinh môn, tử hộ’ 生門死戶, ‘Tạo hóa lô’ 造化爐 ‘Âm dương hộ’ 陰陽戶. Nho gia gọi là ‘Đạo nghĩa chi môn’ 道義之門. Phật gia gọi là ‘bất nhị pháp môn’ 不二法門. Đạo gia gọi là ‘Chúng diệu chi môn’ 眾妙之門. Cũng có thể gọi chung là «Giá cá» 這個.

[7]

Lưu Nhất Minh cũng còn cho rằng: Cốc thần 谷神 hay Nguyên tấn 元牝 [8] (Huyền tấn 玄牝) cũng chỉ là một. [9]

Bạch tổ 白祖 cho rằng: «Đầu con người có chín cung, cung chính giữa là Cốc thần. Thần thường ở trong hang động của mình ban ngày tiếp xúc với vật, đêm tối tiếp xúc với mộng, vì thế không yên ở nơi chốn được». [10]

Như vậy Cốc thần chính là ở nơi nê hoàn cung, vì Nê hoàn chính là «Bản cung của Thần» ở trong con người. [11]

B. Huyền tấn 玄牝 là gì?

Lão tử cho rằng Huyền tấn chính là Cốc thần: «Cốc thần bất tử, thị vị huyền tấn.»

Các dịch giả châu Âu thường dịch là: la Femelle obscure (Duyvendak); la mère mystérieuse (Wieger); the Female mystery (J. Legge), v. v...

Nhưng khảo cứu Đạo gia ta thấy: Huyền tấn chính là Thái cực, là nơi âm dương hợp nhất, kiền khôn giao thái, vì thế Lưu Nhất Minh mới nói: «Huyền tấn tương giao, lương tri, lương năng hỗn thành vô ngại, kim đan ngưng kết. Danh viết: Cốc thần, hựu danh Thánh thai.» 玄牝相交良知良能混成無礙金丹凝結. 名曰: 谷神又名聖胎 [12] Sách Kim đan đại thành tập viết: «Huyền tấn là gì? Đáp viết: Ở trên là Huyền, ở dưới là Tấn. Một khiếu Huyền quan phía trái là Huyền, phía phải là Tấn.» [13]

Vì thế các nhà luyện đơn mới cho rằng:

«Yếu đắc Cốc thần trường bất tử,

Tu bằng Huyền tấn lập căn cơ.» [14]

要得谷神長不死；須憑玄牝立根基.

Nói nôm na rằng: Muốn đắc đạo, muốn trường sinh bất tử, phải biết phối hợp Huyền tấn, nghĩa là phối hợp âm dương, phối hợp nhân tâm với Đạo tâm, phối hợp Thần, Hồn.

ÂM + DƯƠNG = THÁI CỰC

TẤN + HUYỀN = ĐẠO

NHÂN TÂM + ĐẠO TÂM = CỐC THẦN

HỒN + THẦN

Mà nơi phối hợp chính là ở Nê hoàn cung 泥丸宮 ở chính giữa đầu não con người (Huyền quan nhất khiếu 玄關一竅, Huyền tấn 玄牝, Thượng đan điền 上丹田).

Chính vì thế mà Huyền tấn còn được gọi là: Huỳnh phòng 黃房, Thần thất 神室, Kim đỉnh 金鼎, Ngọc lô 玉爐, Huyền quan 玄關, Chân thổ 真土, Ngân ngọc 鄴鄂 ...[\[15\]](#)

Sách Thông thiên bí thư 通天秘書 có cả một chương nói về Huyền tấn. Đại loại Huyền tấn là:

Thái hư chi cốc 太虛之谷

Tạo hóa chi nguyên 造化之源

Hỗn độn chi căn 混沌之根

Thái cực chi đế 太極之蒂

Hư vô chi hệ 虛無之系

Qui căn khiếu 歸根竅

Phục mệnh quan 復命關

Mậu kỷ môn 戊己門

Hoàng trung cung 黃中宮

Đan nguyên phủ 丹元府

Chân nhất xứ 真一處

Huỳnh bà xá 黃婆舍

Chu sa đỉnh 朱砂鼎

Long hổ huyết 龍虎穴

Qui trung 規中

Trung 中(trung điểm vòng Dịch), v. v... [\[16\]](#)

C. Huyền tấn chi môn, thị vị thiên địa căn.

玄牝之門是謂天地根

Biết được Cốc thần, biết được Huyền tấn chi môn, tức là biết được gốc gác, căn cơ của trời đất, vạn vật. Chẳng những thế còn biết được căn cơ, gốc gác của con người. Biết được căn cơ, gốc gác, tức là biết được nơi chốn trở về, vì thế trên đã nói Huyền tấn chi môn cũng chính là: Qui căn khiếu, Phục mệnh quan.

Sách Kim đan đại thành tập viết: «Giữ được chân nhất ở Thiên cốc (Nê hoàn) khí vào được Huyền quan, tức là đạt tới Bản lai thiên chân». [\[17\]](#)

Đạt tới Căn nguyên 根源 tức là tìm ra được «Bản lai diện mục» 本來面目. [\[18\]](#) Biết được Huyền tấn chi môn, tức là biết chỗ luyện đan, biết nơi ngưng kết thánh thai.

Sách Thông thiên bí thư viết: «Ở trong con người có một khiếu gọi là Huyền tấn... Huyệt này là gốc gác căn cơ cho khoa luyện đan, hoàn phần; là nơi thần tiên ngưng kết thánh thai.» [19]

D. Biết được lò cừ Tạo hóa rồi, biết được Chân thể của Đạo rồi thì thấy mọi sự đều vĩnh cửu.

Từ biến chuyển nhìn ra trời đất,

Thì đất trời chớp mắt đã qua.

Từ trong vĩnh cửu nhìn ra,

Muôn loài muôn vật như ta, vô cùng. [20]

[1] Cốc thần 谷神: các dịch giả châu Âu thường dịch Cốc thần là l'Esprit de la Vallée, như vậy không có nghĩa gì. Wieger dịch là: «La puissance expansive transcendante qui réside dans l'espace médian», không sai nhưng dài dòng quá.

[2] Huyền tấn 玄牝: nên hiểu Huyền là dương, tấn là âm, và Huyền tấn Thái cực nơi âm dương hợp nhất.

[3] Miên miên 綿綿: dài dằng dặc.

[4] Cần 勤: hết.

[5] Ngộ chân thiên 悟真篇 vân:

Yếu đắc Cốc thần trường bất tử	要得谷神長不死
Tu bằng Huyền tấn lập căn ky	須憑玄牝立根基
Chân tinh ký phản huỳnh kim ốc	真精既返黃金屋
Nhất khỏa minh châu vĩnh bất ly.	一顆明珠永不離

[6] Đái Nguyên Trường 戴源長, Tiên Học từ điển 仙學辭典, tr. 89: Cốc giả hư dã, thần giả linh giác dã, đan pháp dĩ hư linh bất muội vi bản, thị cốc thần giả, nãi không linh chi nguyên thần dã. 谷者虛也, 神者靈覺也, 丹法以虛靈不昧為本, 是谷神者, 乃空靈之元神也.

[7] Xem Lưu Nhất Minh, Chu dịch xiển chân, tr. 11. Thị cốc dã, tại viên đồ tắc Kiền Khôn trung hư xứ thị, tại phương viên tắc thập tự trung phân xứ thị, tại nhân thân tắc tứ tượng hoà hợp xứ thị. Thị thần dã, tại viên đồ tắc Kiền Khôn giao đại xứ thị, tại phương viên tắc thập tự giao tiếp xứ thị, tại nhân thân tắc tứ tượng động tĩnh xứ thị. [...] Cổ nhân hiệu viết sinh môn tử hộ, hữu viết tạo hoá lô, âm dương lô; Nho viết Đạo nghĩa chi môn; Thích viết bất nhị pháp môn; Đạo viết chúng diệu chi môn. Tổng nhi ngôn chi viết Giá cá nhi dĩ. 是谷也, 在圓圖則乾坤中虛處是, 在方圓則十字中分處是, 在人身則四象和合處是. 是神也, 在圓圖則乾坤交代處是, 在方圓則十字交接處是, 在人身則四象動靜處是. [...] 古人號曰生門死戶, 又曰造化爐, 陰陽爐; 儒曰道義之門; 釋曰不二法門; 道曰眾妙之門. 總而言之曰這個而已. (xem Tiên Thiên Phương Viên Đồ 先天方圓圖; ấn bản Chu Dịch Xiển Chân, Tây An 西安 Trung Quốc, 1995, tr. 25-26.)

[8] Huyền tấn 玄牝 từ đời nhà Thanh được cải là Nguyên tấn 元牝 để tránh tên húy nhà vua.

[9] Xem Lưu Nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân, tr. 9: Sở vân cốc thần bất tử, thị vị nguyên tấn, nguyên tấn chi môn, thị vị thiên địa căn dã. 所云谷神不死, 是謂元牝, 元牝之門, 是謂天地根也 (Bản Tây An 1995, tr. 25)

- [10] Bạch tổ viết: «Nhân chi đầu hữu cửu cung, trung nhất cung danh viết Cốc thần. Thần thường cư kỳ cốc, nhật tắc tiếp ư vật, dạ tắc tiếp ư mộng, bất năng an định kỳ cư dã.» 白祖曰：人之頭有九宮中一宮曰谷神常居其谷日則接於物夜則接於夢不能安定其居也。Tiên học từ điển, mục từ Cốc thần, tr. 89.
- [11] Nê hoàn thần chi bản cung 泥丸神之本宮 (Thôi Hi Phạm 崔希范, Nhập dược kính 入藥鏡, tr. 10b.)
- [12] Lưu Nhất Minh, Chu dịch xiển chân, các đồ hình tr. 9. Như vậy Huyền là dương, Tản là âm.
- [13] Kim đan đại thành tập 金丹大成集, chương 4a.
- [14] Xem Chu dịch xiển chân, tr. 9a.
- [15] Chú viết: Huỳnh phòng, Thần thất dã, Kim đỉnh dã; Ngọc lô dã; Huyền quan dã; Chân thổ dã; Ngân ngạc dã... 注曰：黃房神室也金鼎也玉爐也元關也元牝也真土也鄞鄂也 Thôi Hi Phạm, Nhập dược kính, tr. 4b.
- [16] Thông thiên bí thư 通天秘書, quyển 4, tr. 9b.
- [17] Vấn: Thái ất hàm chân. Đáp viết: Thủ chân ư Thiên cốc, khí nhập Huyền quan, tức đạt «bản lai Thiên chân» 問：太乙含真答曰：守真於天谷氣入玄關即達本來天真。Kim đan đại thành tập, tr. 6b.
- [18] Đồng kiến bản lai diện mục, chứng triệt vô thượng căn nguyên 洞見本來面目證徹無上根源。Xướng đạo chân ngôn 倡道真言, quyển 1, tr. 2b.
- [19] Phù thân trung nhất khiếu danh viết Huyền tẩn. Thử huyệt nãi kim đan hoàn phản chi căn; thần tiên ngưng kết thánh thai之地 Thông thiên bí thư, quyển 4, tr. 9b.
- [20] Cái tương tự kỳ biến giả nhi quan chi, tắc thiên địa tăng bất năng dĩ nhất thuận; tự kỳ bất biến giả nhi quan chi, tắc vật dữ ngã giai vô tận dã. 蓋將自其變者而觀之則天地曾不能以一瞬;自其不變者而觀之則物與我皆無盡也。Tô Đông Pha 蘇東坡, Tiền Xích Bích phú 前赤壁賦. Xem bài phú Tiền Xích Bích của Tô Thức 蘇軾, bản dịch Nguyễn Văn Thọ, tạp chí Văn đàn, năm thứ 3, bộ 3, số 41, ngày 9 đến 15. 8. 1962.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 7

THAO QUANG ^[1]

韜 光

Hán văn:

天長地久. 天地所以能長且久者, 以其不自生, 故能長生. 是以聖人後其身而身先, 外其身而身存. 非以其無私耶? 故能成其私.

Phiên âm:

1. Thiên trường, địa cửu. Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh.

2. Thị dĩ thánh nhân, hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn.

3. Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.

Dịch xuôi:

Trời dài, đất lâu. Trời đất sở dĩ dài lâu chính vì không sống cho mình, vì thế nên trường sinh.

Vì vậy thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà thân còn.

Phải chăng vì không riêng tây, nên vẫn thành được cái riêng tây?

Dịch thơ:

Trời đất bền, không vì mình sống,
Rẻ tấm thân, hiền thánh vinh danh.
Khinh thân, chẳng xá chi mình,
Vô tư nên mới hoàn thành riêng tư.

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta hai bài học trọng đại:

1. Bắt chước đất trời mà hành sự.
2. Sống một cuộc đời vô ngã, vô kỷ, chí công, vô tư.

1. Lão tử chủ trương: Thánh nhân phải biết noi gương trời đất mà hành sự. Chủ trương này cũng chính là chủ trương của kinh Dịch.

Dịch kinh 易經 viết: «Thiên thùy tượng, hiện cát hung, thánh nhân tượng chi.» 天垂象現吉凶聖人象之 (Trời sinh hiện tượng, cho biết hay dở, thánh nhân trông đó mà bắt chước.) [2]

Nếu chúng ta nhìn vào thiên nhiên, vào vũ trụ để mà tìm ra những bài học luân lý tiềm ẩn trong mọi hiện tượng, thì trời đất đối với ta sẽ trở thành một cuốn sách vĩ đại.

2. Lão tử cũng dạy cho ta bài học «vô ngã, vô kỷ». Lão tử cho rằng trời đất trường cửu chính là vì không có lòng tư tâm, tư kỷ, hằng lồng trong vạn vật chẳng hề lìa xa, [3] sinh dưỡng vạn vật chẳng hề bỏ sót vật nào. [4]

Cũng một lẽ nếu thánh nhân, chỉ lo lợi lộc riêng tư của mình, thì chỉ mua oán chuốc sầu, mà chẳng thành tựu được công trình chi to tát.

Muốn trường cửu, cần phải biết quên mình. Quên mình tức là rũ bỏ hết tiểu kỷ, tiểu ngã, hòa mình với Đại đồng:

Tống Long Uyên cho rằng: Thánh nhân coi đạo đức là gốc, coi ảo thân là ngọn, không cầu vinh hiển cho mình. [5]

Trang tử viết: Chí nhân vô kỷ 至人無己. [6]

Lại viết: «Chỉ có thể tán tụng bậc chí nhân rằng: Ngài đã hợp nhất với đại đồng, và không còn cái mình nhĩ nhoi nữa.» [7]

Đã không còn cái mình nhĩ nhoi, tức là đã thể hiện được Đại ngã. Thể hiện được Đại ngã tức là nhập Niết bàn, theo từ ngữ Phật giáo. [8]

Thánh nhân vì không còn lòng tư kỷ, nên lấy lòng người làm lòng mình, không còn tranh chấp. Chính vì thế mà tồn tại cùng với thời gian, chính vì thế mà những cái gì riêng tư của mình cũng chẳng mất.

Lưu Tư 劉思, tác giả quyển Bạch thoại dịch giải Lão tử kể một truyện rất dí dỏm sau đây để giải thích câu «Phi dĩ kỳ vô tư da, cố năng thành kỳ tư» 非以其無私耶? 故能成其私: Công Nghi Hựu làm tướng nước Lỗ, tính rất thích cá. Cả nước dâng cá. Công Nghi không nhận. Đệ tử trách: “Thầy thích cá, mà không nhận cá, vì sao?” - Công Nghi nói: “Chính vì thích cá, mà không nhận cá. Nếu nhận cá sẽ mất chức tướng quốc, dẫu thích cá, cũng không thể cung cấp cá cho mình. Không nhận cá, thời còn chức tướng quốc, vì thế nên vẫn có cá ăn lâu dài...” [9]

Đạo Đức kinh, chương 66, cũng viết:

«Sông biển kia có sao mà trọng,

Nước muôn khe thao túng vì đâu?

Biển sông vì thấp vì sâu,

Cho nên mới được đứng đầu muôn khe.

Muốn cao cả, ngò che nhân thế,
Phải hạ mình, nhỏ nhẹ khiêm cung.
Cầm đầu phải ẩn sau lưng,
Mình sau, người trước chớ đừng kiêu căng.
Cho nên những nhân quân thánh đế,
Ở trên dân, dân nhẹ như không.
Trước dân, dân vẫn nức lòng,
(Người tung kẻ hứng, như rồng gặp mây).
Dạ vốn chẳng toan bài tranh chấp,
Thế cho nên chẳng gặp đấu tranh.»

[1] Thao quang 韜光: che giấu bớt ánh sáng.

[2] Hệ từ thượng, chương 11.

[3] Thể vạn vật nhi bất khả di 體萬物而不可遺. Đạo đức kinh giảng nghĩa 道德經講義, tr. 10b.

[4] Sinh vạn vật nhi bất quĩ 生萬物而不匱. ib. 10b.

[5] Dĩ đạo đức vi bản, dĩ ảo [huyễn] thân vi mạt, bất cầu vinh hiển ư nhất thân 以道德為本, 以幻身為末, 不求榮顯於一身 (Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 10)

[6] Nam hoa kinh, I, Tề vật luận, C.

[7] Luận tụng hình khu, hợp hồ Đại đồng. Đại đồng nhi vô kỷ. 論頌形軀, 合乎大同. 大同而無己. Cf. Wieger, Les pères du système Taoïste, Tchoang Tzeu, chap. 11, E. p. 291-293.

[8] Hữu đại ngã cố, danh đại Niết bàn. 有大我故名大涅槃 «Niết bàn kinh».

[9] Lưu Tử, Bạch thoại dịch giải Lão tử, tr. 16.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 8

DỊ TÍNH ^[1]

易 性

Hán văn:

上善若水。水善利萬物而不爭，居眾人之所惡，故几於道。居善地，心善淵，與善仁，言善信，政善治，事善能，動善時。夫唯不爭，故無尤。

Phiên âm:

Thượng thiện nhược thủy.

Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ^[2] ư Đạo.

Cư thiện ^[3] địa, tâm thiện uyên, dĩ ^[4] thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời.

Phù duy bất tranh, cố vô vu. ^[5]

Dịch xuôi:

Bạc trộn lành giống như nước.

Nước khéo làm ích cho muôn loài mà không tranh giành, ở chỗ mọi người đều ghét, cho nên gần Đạo.

Ở thì lựa nơi chốn; tâm hồn thời thâm trầm sâu sắc; giao tiếp với người một mực nhân ái; nói năng thành tín; làm chính thời trị bình; làm việc thời có khả năng; hoạt động cư xử hợp thời.

Chính vì không tranh, nên không ai chê trách oán thán.

Dịch thơ:

1. Người trộn hảo giống in làn nước,

2. Nuôi muôn loài chẳng chút cạnh tranh.

Ở nơi nhân thế rẻ khinh,

Nên cùng Đạo cả mặc tình thanh thoi.

3. Người trọn hảo, chọn nơi ăn ở,

Lòng trong veo, cố giữ đức nhân.

Những là thành tín nói năng,

Ra tài bình trị chúng dân trong ngoài.

Mọi công việc an bài khéo léo,

Lại hành vi mềm dẻo hợp thời.

4. Vì không tranh chấp với ai,

Một đời thanh thân, ai người trách ta.

BÌNH GIẢNG

Có nhiều cách bình giảng chương này:

a. Vương Bật, Hà Thượng công, Tống Long Uyên toàn đề cập các đức tính của nước.

b. James Legge và Duyvendak cho rằng chương này nói về sự trọn hảo.

c. Có nhiều tác giả khác như Nghiêm Toản, Nguyễn Duy Cần áp dụng chương này vào «bậc trọn hảo», vào thánh nhân. Tôi cũng chủ trương như vậy.

Ở chương này, Lão tử khuyên các bậc thánh nhân phải bắt chước nước. Nước bao giờ cũng chảy chỗ trũng, chỗ thấp, làm ơn ích cho muôn loài muôn vật.

Bậc thánh nhân cũng phải như vậy: phải sống cuộc đời khiêm cung, từ tốn, quên mình vì người, không tự cao tự đại có như thế mới gần Đạo gần Trời. [6]

Ngoài ra thánh nhân phải:

(1) Chọn nơi ăn chốn ở, vì chỗ ăn ở ảnh hưởng rất nhiều đến toàn thể con người. (2) Phải sống thâm trầm, không phô phiem, xốc nổi.

Tham Đồng Khế 參同契 của Ngụy Bá Dương 魏伯陽 có câu: «Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung.» 真人潛深淵,浮游守規中 và giải rằng đó là luôn giữ được Nguyên thần ở Nê hoàn. [7]

3. Giao tiếp với người bằng một lòng nhân ái.

4. Nói lời thành tín.

5. Nếu cầm quyền chính, sẽ đem bình trị lại cho thiên hạ.

6. Khi làm công việc, tỏ ra có khả năng.

7. Hoạt động uyển chuyển theo thời. Chẳng những thế thánh nhân sẽ không tranh chấp với ai.

Cát Trường Canh toát lược chương này như sau: «Nước bỏ chỗ cao, mà chảy xuống chỗ thấp – ngày đêm, nước làm việc chẳng ngừng. Trên trời, nước làm mưa, làm sương. Dưới đất, nước sinh sông, sinh lạch. Đâu đâu nước cũng thấm nhuần, tắm gội. Nước làm ích cho mọi loài. Nước luôn tuần phục, không kháng cự. Đắp đê ngăn thời nước ngừng; mở cửa cống cho thoát thời nước chảy. Nước cũng đổi hình thù vòng tròn tùy theo bình chứa. Con người thường có khuynh hướng khác hẳn. Con người luôn ưa lợi lộc, luôn luôn vị kỷ. Vì thế con người phải bắt chước làm nước. Kẻ nào hạ mình để phục vụ người, sẽ được mọi

người thương mến, và không bị ai chống đối.» [8]

[1] Dị tính 易性: sống giản dị, theo tính tự nhiên.

[2] Cơ 幾: gần.

[3] Thiện 善: (a) ưa thích, chịu. (b) nên, tốt,... mới tốt. (Ví dụ: Tâm phải sâu xa mới tốt. Lời nói phải tín thành mới tốt.)

Duyvendak theo James Legge, dịch câu này như sau:

On considère:

- bon pour la demeure, le lieu (favorable)
- bonne pour le cœur, la profondeur,
- bonne pour les rapports sociaux, l'humanité
- bonne pour la parole, la bonne foi
- bon pour le gouvernement, l'ordre
- bonne pour le service, la capacité
- bon pour l'action, de saisir le moment favorable

Duyvendak, Tao Te King, p. 19.

[4] Dữ 與: sự giao tiếp.

[5] Vưu 尤: lỗi lầm oán trách.

[6] Thánh nhân dĩ khiêm thoái tự xử, dĩ ti hạ tự an, ninh khúc kỷ dĩ toàn nhân, bất hiếu cao nhi tự đại. 聖人以謙退自處, 以卑下自安, 寧曲己以全人, 不好高而自大. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 11.

[7] Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung... Tùy chân tức chi vãng lai, nhiệm chân tức chi thăng giáng, tự triêu chí mộ, nguyên thần thường thê ư nê hoàn... 真人潛深淵, 浮游守規中... 隨真息之往來, 任真息之升降, 自朝至暮, 元神常棲於泥丸... Phục mệnh thiên vân: «Hội hưởng ngã gia viên lý, tài bồi nhất mẫu thiên điền. 復命篇云: 會向我家園裏, 栽培一畝天田. Thiên điền 天田 là thiên tâm 天心, thiên cốc 天谷, nê hoàn 泥丸) Chu dịch tham đồng kế phát huy 周易參同契發輝, quyển trung, tr. 18b.

[8] Xem Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 25.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 9

VẬN DI ^[1]

運夷

Hán văn:

持而盈之, 不如其已. 揣而銳之, 不可長保. 金玉滿堂, 莫之能守. 富貴而驕, 自遺其咎. 功成名遂, 身退, 天之道.

Phiên âm:

1. Trì ^[2] nhi doanh ^[3] chi bất như kỳ dĩ. ^[4]
2. Suyễn ^[5] nhi nhuệ ^[6] chi bất khả trường bảo.
3. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ.
4. Phú quý nhi kiêu, tự di ^[7] kỳ cữu. ^[8]
5. Công thành, danh toại, thân thoái, ^[9] thiên chi đạo.

Dịch xuôi:

1. Giữ mà làm cho đầy mãi, không bằng dừng lại.
2. Mài cho nhọn, cho sắc không giữ được lâu.
3. Vàng ngọc đầy nhà, chẳng thể giữ được.
4. Giàu sang mà kiêu căng, sẽ tự vùi tai họa.
5. Thành công, thành danh rồi thời nên lui thân, ấy là đạo Trời.

Dịch thơ:

1. Bình nước đầy giữ sao khỏi đổ,
Đổ chi đầy quá cỡ chứa chan?
2. Ra công mài nhọn dao oan,
Giữ sao cho được vẹn toàn trước sau?
3. Đầy vàng ngọc nhà nào bền bỉ,
4. Quá giàu sang chắc sẽ kiêu sa,
Suy vong do đó sinh ra,
5. Nên giờ vinh hiển là giờ thoái lui.
Công thành thân thoái lẽ Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về sự thăng trầm của cuộc đời.

Léon Wieger bình chương này như sau: «Một bình nước đầy, hơi đựng tới sẽ tràn, hoặc sẽ hao dần vì bốc hơi. Một lưỡi nhọn quá nhọn, sẽ bị khí trời làm giảm sức bén. Một kho tàng trước sau sẽ bị cướp bóc, bị tịch thu. Mặt trời lên đến đỉnh sẽ xế; trăng mà tròn thời sẽ khuyết. Một bánh xe quay tới điểm cao nhất sẽ lộn xuống. Ai mà hiểu định luật phổ quát và bất biến này của trời đất là hết doanh sẽ đến hư, khi thấy công danh của mình đã lên tới cực điểm rồi, thì phải liệu bề rút lui. Làm vậy không phải vì sợ nhục sau này, mà chính là để bảo thân, để theo đúng đường lối của số mệnh. Một nhà bình giải cho rằng: khi giờ đã điểm, thánh nhân sẽ tháo cũi, sổ lồng, để sống ngoài vòng cương tỏa. Như kinh Dịch đã nói, lúc ấy thánh nhân không còn phục vụ vua chúa nữa, vì tâm trí ngài đã ở trên một bình diện cao hơn. [\[10\]](#) Nhiều đạo gia xưa nay đã theo đường lối này và đã qui ẩn lúc đang thời thịnh mãn. [\[11\]](#)

Con người cần phải biết định luật doanh hư, tiêu trưởng của trời đất, mới bảo tồn được tấm thân. Đó chính cũng là chủ trương của Dịch, và của Khổng giáo.

Kinh Dịch nơi Thoán truyện quẻ Phong 豐 viết:

«Vùng dương cao sẽ xế ngang,
Trăng tròn rồi sẽ chuyển sang hao gầy.
Đất trời lúc rỗng, lúc đầy,
Thăng trầm, tăng giảm đổi thay theo thời.
Đất trời còn thế nửa người,
Quĩ thần âu cũng một bài thịnh suy.» [\[12\]](#)

Trong quyển Khổng tử thánh tích đồ có kể: «Trong miếu thờ Lỗ Hoàn công có treo một bình gọi là y khí. Để không thì nghiêng; đổ nước vào lưng chừng thời ngay ngắn, đổ nước đầy đến miệng thì lập úp xấp lại. Vua chúa treo để tự răn. Đức Khổng bảo môn đệ đổ nước thí nghiệm, thấy đúng như vậy. Ngài dạy các môn đệ rằng: Muốn trì mãn (giữ sự sung mãn) phải hết sức khiêm cung.» [\[13\]](#)

Thoán truyện quẻ Khiêm 謙 cũng viết:

«Trời làm vơi chốn dồi dào,
Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.
Đất soi mòn bớt cao phong,

Mà cho lòng biển, lòng sông thêm dày.

Quỉ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.

Người thường ghét kẻ thừa dùng,

Còn người khiêm tốn thật lòng thời ưa.

Trên khiêm thời sáng mãi ra,

Dưới khiêm ai kẻ hơn ta được nào?

Khiêm cung giữ vẹn trước sau,

Rồi ra quân tử gót đầu hanh thông.» [\[14\]](#)

Rút lui đúng lúc đúng thời, kinh Dịch gọi thế là:

- Hiếu độ 好遯 (rút lui mà vui thích); [\[15\]](#)

- Gia độ 嘉遯 (rút lui một cách đẹp đẽ); [\[16\]](#)

- Phi độ 肥遯 (rút lui mà lòng khoan khoái). [\[17\]](#)

Ta có thể tóm tắt tư tưởng của Lão, của kinh Dịch về sự cần phải rút lui khi đã thành công như sau:

- Bị rận mà chỉ lúc rút lui,

Tư tình, quân tử rũ xong rồi,

Thênh thang nhẹ gót đường bùn tấu,

Tiểu nhân tình lụy, khó êm xuôi.

(phóng tác hào cửu tứ quẻ Độ)

- Rút lui đẹp đẽ mới là lui,

Phải thời, mọi chuyện sẽ êm xuôi,

Mình mạnh, mình lui người mới phục,

Lui cho lý tưởng khỏi pha phôi.

(phóng tác hào cửu ngũ quẻ Độ)

- Rút lui hơn hờ mới là hay,

Về với điền viên, với cỏ cây,

Bỏ chuyện công danh vui đạo lý,

«Công thành thân thoái» lẽ xưa nay.

(phóng tác hào thượng cửu quẻ Độ) [\[18\]](#)

[\[1\]](#) Vận di 運夷: có thể là «bị hại vì vận mệnh».

[\[2\]](#) Trì 持: cầm.

[\[3\]](#) Doanh 盈: đầy.

[\[4\]](#) Dĩ 已: thôi.

- [5] Sủy 揣: mài nhón.
- [6] Nhuệ 銳: làm cho sắc bén.
- [7] Di 遺: để lại.
- [8] Cửu 咎: lỗi.
- [9] Công thành, doanh toại, thân thoái: Có nhiều sách chỉ chép có công toại, thân thoái.
- [10] Xem quẻ Cổ 蠱, hào thượng cửu: «Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.» 不事王侯高尚其事.
- [11] Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, tr. 25 - 26.
- [12] Xem Dịch kinh, quẻ Phong 豐, Thoán truyện: Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực; thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức, nhi hướng ư nhân hồ? Hướng ư quỷ thần hồ? 日中則昃月盈則食; 天地盈虛與時消息而況於人乎? 況於鬼神乎 Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân dung Khổng Tử, tr. 209.
- [13] Xem Khổng tử thánh tích đồ, tr. 62 - 63. -- Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân dung Khổng tử, tr. 210.
- [14] Xem kinh Dịch, quẻ Khiêm 謙, Thoán truyện: Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quỷ thần hại doanh nhi phúc khiêm, nhân đạo ố doanh nhi háo khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du: Quân tử chi chung dã. 天道虧盈而益謙, 地道變盈而流謙, 鬼神害盈而福謙, 人道惡盈而好謙. 謙尊而光, 卑而不可踰: 君子之終也. Xem Chân dung Khổng tử, tr. 210-211.
- [15] Xem Kinh Dịch quẻ Độn 遯, hào cửu tứ: Hiếu độn, quân tử cát, tiểu nhân phủ. 好遯君子吉小人否.
- [16] Xem Kinh Dịch quẻ Độn 遯, hào cửu ngũ: Gia độn, trinh cát. 遯嘉遯貞吉.
- [17] Xem Kinh Dịch, quẻ Độn 遯, hào thượng cửu: Phì độn, vô bất lợi. 遯肥遯無不利.
- [18] Xem Kinh Dịch, dịch thơ và bình giảng của Nguyễn Văn Thọ, nơi quẻ Độn 遯.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 10

NĂNG VI

能為

Hán văn:

載營魄抱一能無離乎？專氣致柔，能如嬰兒乎？滌除玄覽，能無疵乎？愛民治國，能無為乎？天門開闔，能無雌乎？明白四達，能無知乎？生而畜之，生而不有，為而不恃，長而不宰，是謂玄德。

Phiên âm:

1. Tải doanh phách^[1] bảo nhất^[2] năng vô ly hồ?
2. Chuyên khí trí nhu, ^[3] năng anh nhi^[4] hồ?
3. Dịch ^[5] trừ ^[6] huyền lẫm, ^[7] năng vô tì hồ? ^[8]
4. Ái dân trị quốc năng vô vi hồ? ^[9]
5. Thiên môn khai hạp, năng vô thư hồ? ^[10]
6. Minh bạch tứ đạt năng vô tri hồ? ^[11]
7. Sinh nhi súc chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường chi bất tể, thị vị huyền đức. ^[12]

Dịch xuôi:

Năng vi (Làm được không?)

1. Có thể đem hồn phách ôm ấp lấy Đạo, không lìa xa chăng?
2. Có thể giữ cho nguyên khí không tán loạn, giữ vẹn thiên chân, hoàn toàn theo được đạo Trời, (định

luật trời đất) như anh nhi chẳng?

3. Có thể tẩy trừ được (trần cấu), giữ được cho gương lòng trong sáng không tì vết chẳng?

4. Có thể yêu dân trị nước, mà vẫn vô vi chẳng?

5. Cơ trời mở đóng, có thể thuận ứng như con mái chẳng?

6. Có thể sáng suốt mà như người vô tri chẳng?

7. Sinh dưỡng vạn vật; sống mà vẫn như không có; làm mà không cậy công; khiến cho lớn mà không đòi làm chủ, thế là đức sâu xa vậy.

Dịch thơ:

1. Làm sao đem hết xác hồn,
Hòa mình với Đạo chẳng còn lìa xa.
2. Làm sao giữ vẹn tinh hoa,
Sống đời thanh thần, như là Anh Nhi!
3. Làm sao rũ sạch hà tì,
Gương lòng vắng vặc, quang huy vẹn tuyền!
4. Thương dân trị nước cho yên,
Vô vi mà vẫn ấm êm mới là!
5. Cửa trời mở đóng lại qua,
Thuận theo, chẳng dám phôi pha mệnh trời!
6. Muốn điều thông suốt khúc nhôi,
Ở sao vẫn tựa như người vô tri!
7. (Những người đức hạnh huyền vi,)
Dưỡng sinh muôn vật chẳng hề tăng công,
Sống đời vẫn tựa như không,
Cần cù lao tác, chẳng mong đáp đền.
Giúp dân, nhưng chẳng tranh quyền,
Ấy là đức hạnh nhiệm huyền, siêu vi.

BÌNH GIẢNG

Chương này, theo James Legge, là một chương tối nghĩa nhất của sách. Vì thế ta thấy các nhà bình giải chương này theo nhiều trình độ cao thấp khác nhau.

Trước khi đi vào chi tiết, ta hãy tóm tắt đại ý của chương. Chương này nói lên những nguyện vọng chính yếu của Lão tử.

1. Làm sao sống kết hợp với trời, với Đạo (ba câu đầu).
2. Làm sao thương dân, trị dân mà không làm những loạn dân (câu 4).
3. Làm sao sống thuận mệnh trời (câu 5).
4. Làm sao thông minh duệ trí, mà không phô trương (câu 6).
5. Làm sao làm ơn ích cho muôn loài, mà không tự thị (câu 7).

1. Làm sao sống kết hợp với Trời, với Đạo

a. Tài doanh phách, bảo nhất:

- Lão tử cho rằng muốn sống kết hợp với Trời với Đạo, thời phải dùng hết hồn, xác mình, hết khả năng mình.

Đạo Lão gọi thế là:

- Thủ Trung 守中, Bảo Nhất 抱一
- Bảo Nguyên 抱元, Thủ Nhất 守一
- Kiến tố 見素, Bảo phác 抱樸
- Đắc Nhất 得一, Đắc Đạo 得道

Thượng phẩm đơn pháp cũng có đề cập đến «bảo nguyên, thủ nhất» và giải Nguyên là «Nguyên thủy tế khí»; Nhất là «Bản lai nguyên tính».

Lão tử đề cập đến:

- «Thủ trung» ở chương 5.
- «Bảo nhất» ở chương này.
- Và «Đắc nhất» ở chương 39.

Hà Thượng Công cho rằng nếu con người ôm ấp được Trời, được Nhất, khiến không lìa xa thân mình, sẽ được trường tồn; và sau đó ông cũng đề cập đến chương nói về Đắc Nhất của Lão tử. Sống kết hợp với Trời, với Đạo là lý tưởng của mọi đạo giáo.

Lão tử nói: «Tài doanh phách bảo nhất năng vô ly hồ.» thì Chúa Jesus cũng nói: «Người phải mến Chúa, là Chúa Trời người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí người.» (Luc, 10-26).

Theo từ ngữ của huyền học, thì Bảo Nhất, Đắc Nhất, chính là tìm ra được Trung điểm tâm hồn, đáy thăm tầng sâu tâm hồn, nơi phát xuất tung tỏa ra mọi quan năng. Đó tức là tìm ra được vô cùng lòng trong vạn hữu, vĩnh cửu lòng trong tạm bợ, biến thiên. [\[13\]](#)

Trong quyển Yoga và Thiền học của Nguyễn Duy Hình, nơi trang 55, ta thấy một đoạn rất lý thú như sau:

«Người tu được Một mới là linh,
 Một ấy gắng tìm ở giữa mình.
 Lặng lẽ tịch ngời, gom tứ tổ,
 Im lìm ngưng ngó, hiệp tam tinh.
 Đem thần về cội, tâm vô động,
 Dẫn khí qui nguyên, khí phải bình.
 Nhất khiếu huyền linh, thông vạn pháp.
 Thiên kinh, vạn quyển nhất thời minh.

«Một là gì? Tức là Chân Như, Chân thần, Chân nhân, Chân tâm, là Đạo, Niết Bàn, là Chân lý v. v...

Một ấy, bạn khỏi tìm đâu xa. Hãy tìm ngay trong cái Tâm thanh tịnh, sáng suốt của mình. Tứ tổ là tứ đại, tức là tất cả các giác quan gom về một mối.

Khi tinh, khí, thần hiệp làm một, tất nhiên cái tâm phát sinh diệu dụng, sáng suốt tỏ tường, soi thấu mọi sự vật.

Bởi trong cái tâm thanh tịnh và sáng suốt ấy gom chứa và thông suốt tất cả, cho nên nói là «Thiên kinh vạn quyển nhất thời minh». Tất cả các kinh sách đều do một cái chân tâm mà có, tuy bày ra muôn ngàn lời lẽ, gương tích, nhưng cũng đồng một chân lý.»

Tam Mao Chân Quân 三茅真君 có thơ:

Linh đài trạm trạm tựa băng hồ
靈臺湛湛似冰壺
Chỉ hứa nguyên thần lý diện cư
只許元神裏面居
Nhược hướng thủ trung lưu nhất vật
若向此中留一物
Khởi năng chứng Đạo hợp hư vô. [14]
起能証道合虛無

Tạm dịch:

Tâm linh man mác tựa băng hồ,
Nơi ấy Nguyên thần độc nhất cư,
Nếu để vật chi vương vấn đó,
Làm sao chứng Đạo, hợp Hư vô.

Khẩu quyết «Tải doanh phách bảo nhất» cũng giúp chúng ta hiểu các khẩu quyết tương tự khác như:

- Toàn thốc ngũ hành 攢簇五行
- Tam hoa qui đỉnh 三花歸頂
- Ngũ khí triều nguyên 五氣朝元
- Tứ tổ qui gia 四祖歸家
- Tính 性, tình 情, hồn 魂, phách 魄, ý 意, qui trung 歸中, v. v... của Đạo Lão.

b. Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ.

«Chuyên khí trí nhu» tức là giữ sao cho vẹn thiên chân, thiên tính, không để cho nó hao tán, và để cho nó được tới chỗ nhu hòa tốt mức. (Lưu Tư)

Hà Thượng Công cũng cho rằng «chuyên khí» là giữ cho tinh khí không tán loạn.

Tống Long Uyên cho rằng «chuyên khí chí nhu» là trạng thái vô tư, vô lự, vô tri, vô dục, khi mọi vọng niệm đã tiêu tan. [15]

«Anh nhi» thường được hiểu là anh hài, là trẻ sơ sinh.

Nhưng kết quả của công phu tu luyện không phải là trở về trạng thái trẻ sơ sinh, mà chính là trở thành «thần minh».

Vì tu tiên đạo đức là phải đi hết con đường nhân đạo, rồi mới lên tới tiên đạo, [16] mới có thể thông linh đạt biến, [17] tâm tĩnh, khí định, sống một cuộc đời tiêu sái, hồn nhiên.

Thượng phẩm đan pháp cho rằng: Anh nhi tức là Thiên chân ngưng kết, chứ không còn phải là phàm tinh, phàm khí, phàm thần, ẩn hiện tùy tâm, có thể xuyên qua vàng, qua sắt, mà không hề để lại vết tích gì. [18]

Thế tức là «Tiên thiên chân thể» đã hiển lộ, [19] «phàm tâm đã sạch», «chân tính» đã được phát huy. [20]

Lúc ấy con người sẽ sống hoàn toàn tự nhiên, tự tại, sáng khoái, thần tiên. Thế gọi là «sống chí thành bất chước tự nhiên». [21]

Nhập được kính 入藥鏡 của Thôi Hi Phạm 崔希范 có thơ rằng:

Đại đạo hư vô pháp tự nhiên

大道虛無法自然

Tự nhiên chi ngoại cánh vô huyền

自然之外更無玄

Trí nhu, chuyên khí, anh nhi dạng

致柔專氣嬰兒樣

Cơ tức cầu san, khốn tức miên. [22]

飢即求餐困即眠

Tạm dịch:

Hư vô, đạo phỏng tự nhiên,

Ngoài ra, nào có phép huyền nào đâu?

Sống đời thanh thản, tiêu dao,

Đói ăn mệt ngủ, khác nào anh nhi.

c. Định trừ huyền lẫn, năng vô tì hồ.

Tống Long Uyên cho rằng «huyền lẫn» là kiến thức, kiến văn.

Khi chưa đắc đạo thì tạm dùng nó, như là thuyền bè để qua sông. Khi đã đắc đạo, thời phải rũ bỏ kiến thức gian trần cho tâm hồn được thanh thoi, y như khi đã hết bệnh thời thôi dùng thuốc. [23]

Hà Thượng Công cho rằng «huyền lẫn» là nhìn thấu u huyền và giải rằng khi đã tẩy rửa cho tâm hồn trở nên thanh khiết, thì tâm hồn sẽ thấu suốt vạn sự, vạn duyên, sẽ nhìn thấu u huyền. [24]

Trương Mặc lại cho rằng gột rửa trừ bỏ những bụi bặm xấu dơ bám vào tấm gương siêu hình «huyền lẫn» khiến cho nó trở nên trong suốt sáng ngời không chút bợn nhơ, vẫn đục. [25]

Nếu ta chấp nhận chủ trương của Trương Mặc, thì câu này cũng giống như câu kệ của Thần Tú:

Thân thị bồ đề thụ

身是菩提樹

Tâm như minh kính đài

心如明鏡臺

Thời thời cần phát thức

時時勤拂拭

Mạc sử nhạ trần ai

莫使惹塵埃

«Thân như cây bồ đề,

Tâm như đài gương tỏ,

Thường khi lo phủi chùi,

Đừng để đóng bụi nhọ.»

Nhiều nhà bình giải cho rằng chương này dạy về phép vệ sinh, cốt sao cho «linh, nhục điều hòa». [26]

Thiết tưởng giải như vậy, mặc nhiên đã hạ Lão tử xuống một trình độ rất thấp.

Riêng tôi, tôi cho rằng chương này đã cho ta những tôn chỉ, những phương pháp để đạt tới Thái cực, tới Tuyệt đối, thực hiện được Thiên chân, Thiên thể.

Muốn vậy phải giữ cho tâm thần được nguyên tuyền, thanh sáng, thần thanh, trí định, tâm bình, khí hòa, phải hết lòng hết sức ao ước kết hợp với Thiên lý, Thiên chân... [27]

2. Làm sao trị dân trị nước mà vẫn vô vi

Lão tử chủ trương không dùng lối hữu vi, hữu dục mà lũng đoạn đời sống tự nhiên của dân. Thương dân chính là để cho dân thuận sinh, thuận hóa.

Cai trị bằng lối vô vi, thương dân mà dân không biết, trị dân mà dân không hay, như vậy mới cao siêu.

3. Làm sao sống thuận mệnh Trời

Muốn sống thuận mệnh trời, phải biết theo đường lối nhu thuận, không bao giờ được gàng quải sự biến hóa của trời đất. Đó là theo đường lối Âm nhu, thuận ứng, mà Dịch đã đề cập trong quẻ Khôn.

Muốn vậy phải sống theo «thiên thời, địa lợi, nhân hòa» và nhất là phải biết sống thuận theo tuổi tác mình.

Khi còn trẻ, phải thuận theo lẽ trời mà hướng ngoại để góp phần xây dựng gia đình, quốc gia, xã hội.

Khi đã đứng tuổi, phải biết hướng nội, tu tâm, tu tính, mong có ngày qui nguyên, phản bản.

Gẫm đạo lý có sau, có trước,

Lẽ Âm dương có ngược, có xuôi.

Ngược là gió cuốn bụi đời,

Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lằm.

Có thử thách mới phân vàng đá,

Có lằm than mới rõ chuyện đời.

Khi xuôi, sấm chớp tới bờ,

Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm.

Trông tỏ đức chí nhân, chí chính,

Biết mục phiêu sẽ định, sẽ an,

Rồi ra suy xét nguồn cơn,

Con đường phối mệnh chu toàn túc tở. [\[28\]](#)

Sự thuận thảo cao siêu nhất là sống hoàn toàn thuận theo Thiên chân, Thiên lý tiềm ẩn trong lòng mình.

Các nhà huyền học đều cho rằng nhu thuận, tự nhiên là điều kiện để tiếp xúc với Chân ngã.

Họa sĩ Raphael bảo họa sĩ Léonard de Vinci: «Tôi nhận thấy rằng khi vẽ, mình không được nghĩ gì; lúc đó sẽ vẽ đẹp hơn.»

Tiểu ngã như vậy cần phải nhận định được sự thiếu sót, bất toàn của mình, và cần phải thuận theo thiên chân, thiên tính, hoạt động trong tầng sâu tâm hồn mình. [\[29\]](#)

Thế là thuận phục để thần thánh hóa mình. [\[30\]](#)

4. Làm sao thông minh, duệ trí mà không phô trương

Đạo vốn quang minh, nên đạt đạo sẽ trở nên thông minh, duệ trí.

Trung Dung viết:

«Vốn hoàn thiện, quang hoa mọi lẽ,
Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh,
Quang minh rồi mới tinh thành,
Ấy nhờ giáo hóa, tập thành mà nên.
Đã hoàn thiện, tất nhiên thông tuệ,
Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.» [\[31\]](#)

Thế nhưng, cần phải biết che dấu bớt sự thông tuệ của mình đi, như vậy mới an thân.

Đạo Lão gọi thế là: «Hàm chương» [\[32\]](#) và «Dụng hối nhi minh». [\[33\]](#)

5. Làm sao ơn ích cho muôn loài mà không tự thị

Trời đất làm ơn, ích cho muôn loài mà chẳng bao giờ tự cao, tự đại, tự tôn, tự thị.

Thánh nhân suốt đời làm ơn ích cho muôn loài, mà chẳng bao giờ khoe công, như vậy mới gọi là «Huyền đức».

Huyền đức là đức hạnh huyền vi, cao diệu.

[\[1\]](#) Doanh phách 營魄: Hồn phách (doanh 營: hồn). Wieger lại giải doanh là xác.

[\[2\]](#) Bao nhất 抱一: ôm ấp Đạo.

[\[3\]](#) Chuyên khí trí nhu 專氣致柔: giữ vẹn sinh khí, cho đến chỗ hoàn toàn nhu thuận.

[\[4\]](#) Anh nhi 嬰兒: a) trẻ thơ; b) hóa nhi, chân nhân.

[\[5\]](#) Dịch 滌: rửa.

[\[6\]](#) Trừ 除: bỏ đi.

[\[7\]](#) Huyền lãm 玄覽: gương siêu hình (Trương Mặc); sự hiểu biết sâu xa huyền diệu (Hà Thượng Công); xem nhiều, biết nhiều (kiến thức) (Tống Long Uyên)

[8] Tì 疵: tì vết.

[9] Vô vi 無為: có sách viết là vô tri.

[10] Vô thư 無雌: thư 雌: con mái. Tống Long Uyên viết là vi thư 為雌.

[11] Vô tri 無知: có sách viết là vô vi 無為.

[12] Huyền đức 玄德: đức sâu xa nhiệm màu.

[13] «There is a root or depth in thee», says Law, «from whence all these faculties come forth as lines from a centre, or as branches from the body of a tree.

This depth is called the centre, the fund, or bottom, of the soul. This depth is the Unity, the Eternity, I had almost said the infinity of the soul, for it is so infinite that nothing can satisfy it, or give it any rest, but the infinity of God.» -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 61.

[14] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 14.

[15] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 14b.

[16] Dục tri tiên đạo, tiên tận nhân đạo, nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hĩ. 欲知仙道先盡人道人道不修仙道遠矣.

[17] Thượng phẩm đan pháp 上品丹法 Tiết thứ tr. 7a. Thái ất kim hoa tông chỉ 太乙金華宗旨, 15b.

[18] Thượng phẩm đơn pháp, tr. 10a.

[19] ib. 1a.

[20] Luyện khử phàm tâm độc tồn chân tính 鍊去凡心獨存真性. ib. 1a.

[21] Thôi Hi Phạm, Nhập dục kính, tr. 6b.

[22] Thôi Hi Phạm, Nhập dục kính, tr. 6b.

[23] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giải nghĩa, tr. 14b.

[24] Âm chú, Hà Thượng Công, Lão tử Đạo đức kinh, tr. 5a.

[25] Nghiêm Toàn, Lão tử Đạo đức kinh, quyển 1, tr. 53.

[26] Xem Lưu Tư, Bạch thoại thích giải Đạo đức kinh, tr. 23.

Xem Nghiêm Toàn, Lão tử Đạo đức kinh, tr. 58-59.

[27] Đọc thêm Trang Tử, Nam Hoa Kinh, chương Đại Tông Sư, đoạn J; Trí bắc du đoạn C, v. v...

[28] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung tân khảo, tr. 499-500.

[29] To let oneself go, be quiet, receptive, is the condition under which such contact with the comic Life may be obtained. «I have noticed that when one pains, one should think of nothing: everything then comes better,» says the young Raphael to Leonardo Da Vinci. The superficial self must here acknowledge its own insufficiency, must become the humble servant of a more profound and vital consciousness...

Then the conscious mind being passive, the more divine mind below the threshold – organ of our free creative life – can emerge and presents its report. In the words of an older mystic, «The soul leaving all things and forgetting herself, is immersed in the ocean of Divine Splendour, and illuminated by the sublime Abyss of the Unfathomable Wisdom».

(Evelyn Underhill, Mysticism, p. 76-77)

[\[30\]](#) Surrender and deification, lb. p. 113.

[\[31\]](#) Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung tân khảo, tr. 50.

[\[32\]](#) Kinh Dịch, quẻ Khôn, hào lục tam.

[\[33\]](#) Kinh Dịch, quẻ Minh Di, Tượng truyện.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 11

VÔ DỤNG

無用

Hán văn:

三十輻共一轂. 當其無, 有車之用. 埴埴以為器. 當其無, 有器之用. 鑿戶牖以為室. 當其無, 有室之用. 故有之以為利, 無之以為用.

Phiên âm:

1. Tam thập phúc, [1] cộng nhất cốc. [2] Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.
2. Duyên [3] thực [4] dĩ vi khí. Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.
3. Tạc hộ [5] dĩ [6] dĩ vi thất. Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.
4. Cổ hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng. [7]

Dịch xuôi:

1. Ba chục căm, hợp lại một bầu. Nhờ chỗ «trống không», mới có cái dùng của xe.
2. Nhào đất để làm chén bát. Nhờ chỗ «trống không», mới có cái dùng của chén bát.
3. Đục cửa lớn, cửa sổ để làm nhà; nhờ có chỗ trống không, mới có cái dùng của nhà.
4. Cho nên lấy cái «có» để làm cái lợi, lấy cái «không» để làm cái dụng.

Dịch thơ:

1. Bánh xe ba mươi tai hoa,
Cái bầu giữa trống, nó nhờ nó quay.

2. Bát kia lấy đất dựng gầy,
Nhờ lòng bát rỗng, mới hay đựng đồ.
3. Làm nhà trở cửa nhỏ, to,
Nhờ cửa mở trống, cái nhà mới quang.
4. Hữu hình để chở, để mang,
Vô hình mới thực chính tang «cái dùng».

BÌNH GIẢNG

Trong chương này, Lão tử dùng ba ví dụ để nói lên sự quan trọng của Hư vô. Đó là:

- Khoảng không của trục xe
- Khoảng không trong lòng bát
- Khoảng không nơi các cửa lớn nhỏ, và
- Khoảng không trong lòng nhà.

Suy ra, thì cái hữu hình hữu tướng chỉ cốt là để dung chứa cái không, và cái không mới thực sự quan hệ.

Nhân chương này, thiết tưởng nên bàn về chữ Vô, chữ Không của đạo Lão.

1. Chữ Hư, Vô trong siêu hình học Lão giáo

Chữ Hư, chữ Vô, chữ Không, trong siêu hình học đạo Lão, tức là Tuyệt đối. Đạo đức kinh chương 40 viết: «Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư Vô.»

Xương đạo Chân ngôn viết: Đạo gia gọi là Hư; Phật gia gọi là Không. «Không có thể nhìn thấy mọi sự, nghe thấy mọi sự. «Không» vẫn không làm gì gián cách, không vốn vô lượng, vô biên. Cho nên khi một người suy nghĩ, người cùng nhà không hay biết, mà Hư không vô lượng, vô biên đã biết, đã hay... Vì thế, Nho gia «thận độc, úy không» (cẩn thận khi ở một mình, sợ hãi cái Không).^[8]

Nơi con người hư vô chính là chân tâm, bản tâm con người. Sách Tựa Chính lục viết: «Thiên hạ vạn sự vạn vật giai hữu hình, hữu tích, duy có tâm là không thể lấy hình tích mà tìm cầu; không tiếng không hơi; không không, đặng đặng...»^[9]

2. Những khoảng không trong con người

Nếu ở nơi bánh xe, chén bát, nhà cửa, khoảng không trọng hơn khoảng có, thì ở nơi con người các khoảng không, đều trọng hơn khoảng có.

Y gia chỉ biết các khoảng có. Đạo gia chuyên chú trọng đến các khoảng không. Theo đạo gia thì có ba khoảng không quan trọng nhất trong con người, mà họ thường gọi là Thiên cốc, Ứng cốc, Linh cốc.

a) Thiên cốc 天谷 hay Thượng đan điền 上丹田 hay Huyền quan khiếu 玄關竅 ở Nê hoàn cung 泥丸宮 hay Não thất ba.^[10]

b) Ứng cốc 應谷 hay Giáng cung 絳宮 hay Trung đan điền 中丹田 ở xoang giữa ngực (médiastin) gần tim.^[11]

c) Linh cốc 靈谷 hay Khí hải 氣海 hay Hạ đan điền 下丹田 xoang bụng dưới rốn (cavité abdominale, région Hi pogastrique).^[12]

Thiên cốc 天谷 hay Huyền quan khiếu 玄關竅, dĩ nhiên là quan trọng hơn cả. [\[13\]](#)

Sách Tu chân biện nạn tiền biên viết:

Tại thiên, tắc Vô cực 在天則無極

Tại nhân, tắc Huyền khiếu. [\[14\]](#) 在人則玄竅

Các xoang cốc trong người đều không thương với nhau bằng những kinh lạc vô hình và nhất là qua ngả ống giữa tủy xương sống (canal épendymaire).

3. Tu đạo là đi tìm không, thực hiện không

Người tu đạo chính là đi tìm Không. Những cái có, nhỡn tiền, ai chẳng thấy. Xác thịt trần trần, ai chẳng thấy. Cho nên người cao siêu, tu đạo, tức là đi tìm cái vô hình, vô tướng mà mọi người không tìm thấy; chỉ cho nhau cái không, mà người thường không thấy.

Tính mệnh khuê chỉ 性命圭旨 có thơ rằng:

«Đại đạo căn kinh thức giả hi

大道根莖識者稀

Thường nhân nhật dụng thực năng tri

常人日用孰能知

Vị quân chỉ xuất thần tiên quật

為君指出神仙窟

Nhất khiếu loan loan tự nguyệt mi.»

一竅灣灣似月眉

Tạm dịch:

Căn kinh đại đạo ít ai hay,

Thường nhân dùng mãi, biết nào ai?

Vì người, xin chỉ thần tiên động,

Một khiếu cong cong tựa nét ngài... [\[15\]](#)

Tu là đem tâm thần về Không động.

Trương Vô Mộng nói: «Tâm tại linh quan, thân hữu chủ. Khí qui nguyên hải thọ vô cùng.» 心在靈關身有主氣歸元海壽無窮.

«Tâm ở linh quan thân có chủ,

Khí về nguyên hải thọ vô cùng...» [\[16\]](#)

Nhập dược kính nói: «Nê hoàn là bản cung của Thần, Thần về Nê hoàn thời vạn thần triều hội. Vì thế nói: «Người muốn bất tử, thời tu Côn Lôn.» [\[17\]](#)

Mục đích của sự tu trì là: Thành thần trở về với Vô cực. (Luyện thần hoàn hư. Phục qui vô cực. 煉神還虛, 復歸無極)

Các đạo sĩ Yoga xưa tu luyện không phải đi tìm «Thiên đường» mà cốt là kết hợp với bản nguyên của vũ trụ. [\[18\]](#)

Như vậy con người một nửa là Hữu một nửa là Vô. Tìm ra được nửa Vô trong người, làm cho các năng lực còn tiềm tàng trong Vô đó được thi triển, mới là con người toàn diện. [19]

Lý tưởng đời sống theo đạo Lão đều xoay quanh chữ VÔ 無. Ta thấy đạo Lão toàn chủ trương VÔ:

- Vô kỷ 無 己
- Vô công 無 功
- Vô danh 無 名
- Vô vi 無 為
- Vô dục 無 欲

Có hoàn toàn Vô, mới hòa mình được với Bản thể vũ trụ vô biên tế.

Thiệu Khang Tiết nói: «Vô ngã, nhiên hậu vạn vật giai ngã. Thử thị chí ngôn, diệc thị chân quyết.» [20]

Tổng Long Uyên bình chương này đại khái như sau: Trời đất có trống giữa thì âm dương mới có diệu dụng. Thánh nhân có «hư tâm» sự vạn dụng mới vi diệu. Nếu đất trời không trống giữa, thì bốn mùa sẽ không vần xoay, quí thần sẽ không biến hóa, cho nên người biết thế nào là «Hư Trung», sẽ biết căn bản của Tạo hóa. Nếu thánh nhân không «hư tâm», sẽ không hiểu được thiên lý vi diệu, không làm cho nhân tâm trở nên chính đính, không thể sửa đổi phong tục, treo gương cho nhân quần. Cho nên người biết thế nào là «hư tâm» sẽ biết căn bản của đạo đức. [21]

[1] Phúc 輻: tai hoa (rayons, rais).

[2] Cốc 穀: bầu (moyeu).

[3] Duyên 埏: pha trộn, nhào nặn.

[4] Thực 埴: đất sét, đất thó.

[5] Hộ 戶: cửa một cánh, (cửa 2 cánh là môn).

[6] Dũ 牖: cửa sổ.

[7] Xướng đạo chân ngôn (tr. 28b) có một đoạn dài nói về Hư vô.

[8] Đạo gia vị chi Hư, Phật gia vị chi Không. Không năng vô sở bất kiến, vô sở bất văn... Không vô sở cách. Không bản vô lượng vô biên. Cổ nhất nhân phát nhất niệm đồng thất chi nhân bất tri, nhi vô lượng chi không tri chi. Nho gia chi thận độc, úy không cố dã. 道家謂之虛佛家謂之空. 空能無所不見無所不聞. 空無所隔空本無量無邊. 故一人發一念同室之人不知而無量之空知之. 儒者之慎獨畏空故也. Xướng đạo chân ngôn, quyển 5, tr. 31.

[9] Thiên hạ vạn vật giai hữu hình, hữu tích, duy tâm bất khả dĩ hình tích cầu, vô thanh vô xú, không không, đẵng đẵng. 天下萬物皆有形有跡惟心不可以形跡求無聲無臭空空蕩蕩 Tự Chính lục, tr. 1b.

[10] Lạc Dục Đường Ngữ Lục 樂育堂語錄, quyển 2: Hà vị thiên cốc? Cái nhân đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết thiên cốc. Thanh tịnh vô trần, năng tương nguyên thần an trí kỳ trung, hào bất ngoại tri, tắc thành chân chứng thánh. 何謂天谷蓋人頭有九宮中有一所名曰天谷. 清淨無塵能將元神安置其中毫不外馳則成真証聖 (Thiên cốc là gì? Đầu người có 9 cung, trong đó

có một chỗ tên là thiên cốc. Thanh tịnh không nhiễm trần thì có thể đem nguyên thần an trí tại nơi đó, không may may [để nguyên thần] thoát chạy ra ngoài ắt sẽ chứng thành tiên thánh).

[11] Từ Thanh Chỉ Huyền Tập 紫清指玄集 giải thích: Trung hữu ứng cốc giáng cung, tàng khí chi phủ dã. Hậu thế xưng vi trung đan điền 中有應谷絳宮藏氣之府也. 後世稱為中丹田 (Bên trong có ứng cốc [tức là] giáng cung, là nơi chứa khí. Người đời sau gọi là trung đan điền.)

[12] Từ Thanh Chỉ Huyền Tập 紫清指玄集 giải thích: Hạ hữu linh cốc quan nguyên, tàng tinh chi phủ dã. Hậu thế xưng vi hạ đan điền 下有靈谷關元藏精之府也. 後世稱為下丹田 (Phía dưới có linh cốc [tức là] quan nguyên, là nơi chứa tinh.)

[13] Dans les trois sections du corps, ils (les Taoïstes) placent trois régions principales, l'une dans la tête, la deuxième dans la poitrine, la troisième dans le ventre. Ce sont en quelque sorte les portes du commandement de chacune des sections. On les appelle les Champs de Cinabre dantian (đan điền) pour rappeler le nom de l'élément essentiel de la drogue d'immortalité, le cinabre. Le premier, ou Palais du Nihuan (Nirvâna) est dans le cerveau; le deuxième, le Palais Écarlate, est près du cœur; le troisième, le Champ de Cinabre inférieur, est au-dessous du nombril. Henri Maspéro, Le Taoïsme, p. 92.

Thiên cốc (thượng đan điền) cũng gọi là tính căn 性根 là nơi phát xuất tư duy thần chí, sách Tu Chân Thập Thư 修真十書 (quyển 3) gọi đó là «nơi tụ tập của vạn thần» 萬神會集之鄉 (vạn thần hội tập chi hương), tức là não bộ 腦部. Sách Kim Đan Đại Thành 金丹大成, chương Kim Đan Vấn Đáp 金丹問答, bảo: «Não vi thượng điền.» 腦為上田 (Não là thượng [đan] điền). Thượng đan điền cũng gọi là thâm uyên 深淵 hay thái uyên 太淵. Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy 周易參同契發揮, quyển trung, nói: «Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ quy trung.» 真人潛深淵浮游守規中. Chân nhân ở đây là nguyên thần 元神; thâm uyên là thái uyên hay thượng đan điền. Sách Chu Dịch Tham Đồng Khế này đưa ra 67 thuật ngữ khác nhau cùng chỉ thượng đan điền như: 1. Nê hoàn cung 泥丸宮, 2. Lưu châu cung 流珠宮, 3. Ngọc Thanh cung 玉清宮, 4. Tử Thanh cung 紫清宮, 5. Thúy vi cung 翠微宮, 6. Thái Nhất cung 太一宮, 7. Thái huyền quan 太玄關, 8. Huyền môn 玄門, 9. Huyền thất 玄室, 10. Huyền cốc 玄谷, 11. Huyền điền 玄田, 12. Sa điền 砂田, 13. Đệ nhất quan 第一關, 14. Đô quan 都關, 15. Thiên quan 天關, 16. Thiên môn 天門, 17. Thiên cốc 天谷, 18. Thiên điền 天田, 19. Thiên tâm 天心, 20. Thiên luân 天輪, 21. Thiên trục 天軸, 22. Thiên nguyên 天源, 23. Thiên trì 天池, 24. Thiên căn 天根, 25. Thiên đường 天堂, 26. Thiên cung 天宮, 27. Càn cung 乾宮, 28. Càn gia 乾家, 29. Giao cảm cung 交感宮, 30. Ly cung 離宮, 31. Thần cung 神宮, 32. Thần thất 神室, 33. Thần quan 神關, 34. Thần kinh 神京, 35. Thần đô 神都, 36. Huyền đô 玄都, 37. Cố đô 故都, 38. Cố hương 故鄉, 40. Cố khâu 故丘, 41. Cố lâm 故林, 42. Cố cung 故宮, 43. Tử phủ 紫府, 44. Tử đình 紫庭, 45. Tử kim thành 紫金城, 46. Tử kim đỉnh 紫金鼎, 47. Chu sa đỉnh 朱砂鼎, 48. Hồng đỉnh 汞鼎, 49. Ngọc đỉnh 玉鼎, 50. Ngọc thất 玉室, 51. Ngọc kinh 玉京, 52. Ngọc vũ 玉宇, 53. Diêu phong 瑤峰, 54. Đệ nhất phong 第一峰, 55. Tối cao phong 最高峰, 56. Chúc Dung phong 祝融峰, 57. Côn Lôn đỉnh 崑崙頂, 58. Không Động sơn 崆峒山, 59. Bồng Lai 蓬萊, 60. Thượng đảo 上島, 61. Thượng kinh 上京, 62. Thượng cung 上宮, 63. Thượng huyền 上玄, 64. Thượng nguyên 上元, 65. Thượng cốc 上谷, 66. Thượng thổ phủ 上土釜, 67. Thái vi cung 太微宮. Sách Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨 (nơi Phán Chiếu đồ 反照圖) đưa ra 47 thuật ngữ khác nhau của thượng đan điền. Ngoài 21 danh từ đã kể trùng lặp trong Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy, Tính Mệnh Khuê Chỉ còn kể thêm các thuật ngữ: 1. Thanh hư phủ 清虛府, 2. Thượng thiên quan 上天關, 3. Tam ma địa 三摩地, 4. Hoàng phòng 黃房, 5. Chân tế 真際, 6. Bỉ ngạn 彼岸, 7. Diêu trì 瑤池, 8. Nê hoàn泥

丸, 9. Nội viện 內院, 10. Liêu thiên 寥天, 11. Đế Ất 帝乙, 12. Tảng sơn 甑山, 13. Thiên phù 天符, 14. Ma ni châu 摩尼珠, 15. Ngọc kinh sơn 玉京山, 16. Thái uyên trì 太淵池, 17. Uy quang đỉnh 威光鼎, 18. Bát nhã ngạn 般若岸, 19. Ba la mật địa 波羅密地, 20. Bách linh chi mệnh trạch 百靈之命宅, 21. Tân dịch chi sơn nguyên 津液之山源, 22. Viên giác hải 圓覺海, 23. Trung nhất cung 中一宮, 24. Đà la ni môn 陀羅尼門, 25. Não huyết chi quỳnh phòng 腦血之瓊房, 26. Hồn tinh chi ngọc thất 魂精之玉室.

[14] Tu chân biện nạn tiền biên, tr. 25a.

[15] Xương đạo chân ngôn, tr. 10b có một đoạn nói về Hư trong con người.

[16] Tính mệnh khuê chỉ, quyển Hạnh.

[17] Nê hoàn, Thần chi bản cung dã. Thần qui nê hoàn tắc vạn thần triều hội. Tử dục bất tử tu Côn Lôn thị dã. 泥丸神之本宮也。神歸泥丸則萬神朝會。子欲不死修昆崙是也。 Nhập được kính, tr. 10b.

[18] Aucun Yogi ne cherche «le Ciel» mais l'union avec ce qui est la source de tous les mondes. Arthur Avalon, La Puissance du Serpent.

[19] Only the mystic can be called a whole man, since in the other half, the powers of the self always sleep. -- Evelyn Underhill, Mysticism, p. 75.

[20] Thiệu tử vân: Vô ngã, nhiên hậu vạn vật giai ngã. Thử thị chí ngôn, diệc thị chân quyết 邵子云：無我然後萬物皆我。此是至言亦是真訣 (Vô ngã rồi sau vạn vật mới đều có ngã. Thực chí lý vậy). Tựu Chính lục, tr. 3b.

[21] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giải nghĩa, tr. 16a.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 12

KIỂM DỤC

檢 欲

Hán văn:

五色令人目盲. 五音令人耳聾. 五味令人口爽. 馳騁田獵令人心發狂. 難得之貨, 令人行妨. 是以聖人為腹不為目. 故去彼取此.

Phiên âm:

1. Ngũ sắc lệnh [1] nhân mục manh. [2] Ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung. [3] Ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng. [4] Trĩ sính [5] điền liệt [6] lệnh nhân tâm phát cuồng. Nan đắc chi hóa, lệnh nhân hành phương. [7]
2. Thĩ dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mục. Cố khứ bỉ thủ thử.

Dịch xuôi:

1. Năm màu khiến người mù mắt. Năm giọng khiến người điếc tai. Năm mùi khiến người tê lưỡi. Ruồi rong săn bắn, khiến lòng người hóa cuồng. Của cải khó được, khiến người bị tai hại.
2. Bởi vậy, thánh nhân vì bụng không vì mắt. Nên bỏ cái kia, lấy cái này.

Dịch thơ:

1. Sắc năm màu làm ta choáng mắt,
Thanh năm cung ngậy ngất lỗ tai.
Năm mùi tê lưỡi mềm sai,
Ruồi rong săn bắn, lòng người hóa điên.
Của hiếm có ngả nghiêng nhân đức,

Kinh giác quan, giữ chắc lòng son.

2. Thánh nhân hiểu lẽ mất còn.

BÌNH GIẢNG

Các lời khuyên của Lão tử trên đây rất hữu ích cho công phu tu luyện.

Như ta đã biết Lão tử là một nhà huyền học. Mà Huyền học là sự vươn vượt lên trên thế giới hiện tượng hữu hình để đạt tới Chân thể nấp sau bức màn hiện tượng. [\[8\]](#)

Nhà huyền học là một người «phản vọng, qui chân», bỏ điều sai lạc, trở về cùng chân lý», [\[9\]](#) không hướng ngoại, mà trở về tâm điểm tâm thần. [\[10\]](#)

Muốn hướng nội, để tìm ra thiên chân thiên thể, cần phải thoát mọi phiền trước, thúc phọc bên ngoài, cần phải định thần, tĩnh trí. Chính vì vậy, mà những thú vui giác quan bên ngoài trở thành chướng ngại. Chúng làm cho tản thần, hao khí; chúng làm cho tâm hồn trở nên bất định không hoàn toàn chuyên chú vào được vấn đề trọng đại nhất của người tu đạo, là thực hiện thiên chân.

Những nhà huyền học chân chính thường sống rất thâm trầm nơi tâm khảm, nơi mà «tiểu ngã» trở nên vô nghĩa, vì «tâm hồn» tiếp xúc với nguồn sống của đại thể... [\[11\]](#)

Vì thế cho nên họ rất sợ những cảm dỗ ngoại lai, mặc dầu là những cảm dỗ nhỏ nhặt.

Thánh Jean de la Croix viết: «... Tâm hồn bị sa lầy trong tình ái, mắc mưu trong cám dỗ của dục vọng và lòng vị kỷ, dầu là nhỏ nhoi mấy chẳng nữa, cũng bị ngăn cản không thể vươn mình lên đến Chân Thiện. Sự luyến ái tạo vật đó đã thành trở ngại lớn lao không cho tâm hồn phối kết với Thượng Đế.» [\[12\]](#)

Các vị thiên sư cũng cho rằng lòng khát khao sự vật sẽ tạo nên một trạng thái sắc tướng, một trạng thái nô lệ. Vì thế nên họ muốn đời sống mình vô sắc tướng. [\[13\]](#)

Lại nói:

Mảng vui là mất kinh phiêu,

Kinh thường hoan lạc, có chiều trường sinh. [\[14\]](#)

Suy ra ta mới hiểu tại sao xưa nay tại sao có nhiều người lại đi ẩn tu trong các tu viện, hoặc nơi sa mạc hoang vu. Đó là vì họ đã chọn đời sống tinh thần vĩnh cửu, thay vì đời sống giác quan tạm bợ.

Trong các pháp môn tu luyện, ta lại thấy môn «thiền định» là quan trọng và phổ quát hơn cả, mà thiền định chính là khép cửa giác quan, vận khí, điều thần, tập trung tư tưởng, thần trí, để cuối cùng đi đến chỗ cao siêu nhất là xuất thần nhập định, huyền hóa với Đại đạo.

Trang tử gọi thế là «Tọa vong». [\[15\]](#)

Tóm lại chương này khuyên ta hãy rũ bỏ cái phù hoa sắc tướng bên ngoài, để giữ gìn cái «Ta» thiên nhiên, chân thực, giữ gìn lấy cái Đại ngã siêu linh, vô sắc tướng.

Trong khi vạn sự, vạn loài trong vũ trụ phá tán và hủy hoại hình thể mình, [\[16\]](#) thì nhà huyền học cố thu thần định trí, hồi quang phản chiếu, như vậy có phải là đã thoát ly được mọi định luật chi phối vạn vật không, và đã siêu thoát không?

[\[1\]](#) 令: hay lệnh, khiến.

- [2] Mạnh 育: mù.
- [3] Lung 聾: điếc.
- [4] Sảng 爽: sai.
- [5] Trì sính 馳 騁: rong ruổi.
- [6] Điền liệp 田獵: săn bắn. Săn mùa Xuân gọi là Điền 田; Săn mùa Hạ gọi là Miêu 苗; Săn mùa Thu gọi là Tiễn 獮; Săn mùa Đông gọi là Liệp (lạp) 獵, vì thế săn bắn mới gọi là Điền liệp (lạp) 田獵.
- [7] Phương 妨: tổn thương hư hỏng.
- [8] The hermetic science is a method of transcending the phenomenal world and attain to the realty which is behind phenomena. -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 181.
- [9] Xem Đạo đức kinh giải nghĩa, tr. 17a.
- [10] Not outward bound, but rather on the journey to its centre. -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 123.
- [11] In the deepest recesses of her (St. Teresa) spirit, in that unplumbed abyss where selfhood ceases to have meaning and the individual soul touches the life of the All, distinction vanished and she «saw God in a point». -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 123.
- [12] L'Âme est engluée dans ses affections, prise au piège de ses passions et de son égoïsme, même infime, et se trouve ainsi empêchée de s'élancer vers son véritable bien. C'est cet attachement à la créature qui constitue l'obstacle majeur à l'union de l'âme avec Dieu. St Jean de la Croix, p. 114.
- [13] La soif des choses produit l'état coloré que le Yogi considère comme une servitude, un esclavage. C'est l'état incolore qu'il s'impose à sa vie. -- Ernest E. Wood, *La Pratique du Yoga*, p. 31.
- [14] Celui qui accapare une joie,
Détruit la vie ailée.
Celui qui embrasse la joie au passage,
Vit dans l'aurore de l'éternité.
Ib. p. 32.
- [15] Xem Nam Hoa kinh, Đại tông sư, J và Trí Bắc Du, C.
- [16] All the phenomena of nature visible and invisible, within the atom and in outer space, indicate that the substance and energy of the universe are inexorably diffusing like vapor through the insatiable void. The sun is slowly but surely burning out, the stars are dying embers, and everywhere in the cosmos, heat is turning to cold, matter is dissolving into radiation, and energy is being dissipated into empty space. -- Lincoln Barnett, *The Universe and Dr Einstein*, p. 110.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 13

YẾM SỈ

厭恥

Hán văn:

寵辱若驚. (貴) 大患若身. 何謂寵辱若驚. 寵為 (上, 辱為) 下. 得之若驚, 失之若驚. 何謂 (貴) 大患若身. 吾所以有大患者, 為吾有身. 及吾無身, 吾有何患? 故貴以身為天下, 若可寄天下. 愛以身為天下, 若可托天下.

Phiên âm:

1. Sủng nhục nhược [1] kinh. (Quý) [2] đại hoạn nhược* thân.
2. Hà vị sủng nhục nhược* kinh. Sủng vi (thượng, nhục vi) hạ. [3] Đắc chi nhược* kinh, Thất chi nhược* kinh.
3. Hà vị (quí) [4] đại hoạn nhược* thân. Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?
4. Cố quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược [5] khả ký thiên hạ. Ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược* khả thác thiên hạ.

Dịch xuôi:

1. Vinh, nhục cũng làm lo âu. Sở dĩ hoạn nạn là vì có thân.
2. Tại sao vinh, nhục đều làm lo âu? Vinh là ở ngôi cao, nhục là ở địa vị thấp. Được cũng lo, mất cũng lo. Vì thế nên nói: Vinh nhục đều lo.
3. Tại sao nói: «Hoạn nạn là vì có thân?» Ta sở dĩ phải lo âu nhiều, chính vì ta có thân. Nếu không có

thân, ta đâu có lo !

4. Cho nên ai quý thiên hạ hơn thân mình, thì có thể đem thiên hạ giao phó cho, ai yêu thiên hạ hơn thân mình, thì có thể gửi gắm thiên hạ cho họ được. [6]

Dịch thơ:

1. Vinh hay nhục lo âu cũng rửa,
Ta lo âu vì có tấm thân.
2. Nhục vinh là mối bận tâm,
Lên voi xuống chó cũng ngần ấy lo.
3. Luôn sợ hãi là do thân thể,
Không thân này hồ dễ âu lo.
4. Xin đem thiên hạ hiến cho,
Ai vì thiên hạ, chẳng tơ tưởng mình.

BÌNH GIẢNG

Hai chương trên, Lão tử khuyên ta: (1) Phải sống hư tâm, khinh khoáng. (2) Phải biết tiết dục, đừng mê mải chạy theo những thú vui giác quan.

Trong chương này, Lão tử tiếp tục khuyên ta: Đừng nên bận tâm vì công danh trần tục cũng như nên vươn lên khỏi đời sống phàm tục của tiểu ngã.

1. Không nên bận tâm vì công danh trần tục

Lão tử cho rằng công danh chỉ làm khổ con người.

Vinh cũng lo, cũng khổ.

Nhục cũng lo cũng khổ.

Cái vinh nhục đầy lo âu ấy, chỉ có những người đã qua cầu mới hay.

Vinh nhục ở đời như là những đợt sóng cồn kế tiếp nhau trên bể hoạn.

Câu Tiễn đương là vua nước Việt, bỗng thua trận, bị Phù Sai bắt, cùng với vợ, về nước Ngô chăn ngựa.

Sở Chiêu Vương, đang làm vua nước Sở, bị vua Hạp Lư nước Ngô, cùng Tôn Vĩ và Ngũ Tử Tư tấn công, phải bỏ kinh đô, xuống thuyền mà chạy. Bỗng gặp bọn thảo khấu. Tùy tùng nói đây là Sở Chiêu Vương xin đừng xâm phạm. Bọn thảo khấu trả lời: «Ta chỉ biết có của, chứ không biết có chúa.» Nói đoạn đánh người, cướp của đốt thuyền. Vua, tôi phải bỏ thuyền lên bờ mà chạy. Sau gặp thuyền của quân đại phu Lâm Doãn Vĩ cũng đi lánh nạn. Vua tôi xin cho lên thuyền. Lâm Doãn Vĩ đáp: «Ta chở chúa mất nước đi làm gì?» Rồi đi luôn không ghé.

Napoléon trước kia ở cung vàng, điện ngọc, mà khi bị đày ra Sainte Hélène cũng chỉ nằm trên một giường sắt nhà binh cũ, dùng một cái chậu rửa mặt cũ, đặt trên một cái giá gỗ cũ, như một người nghèo nhà quê.

Nhiều vua chúa Trung Đông xưa bị vua nước địch bắt được, phải khom lưng làm ghế, để vua địch bước lên, mỗi khi lên ngựa.

Bacon nói: «Người trên làm đầy tớ đến ba lần: đầy tớ cho vua, đầy tớ cho danh vọng, đầy tớ cho công

việc, vì thế họ mất hết tự do; bản thân mất tự do; hoạt động mất tự do; giờ giấc mất tự do. Thật là kỳ dị: người có quyền cai trị người khác, lại không cai trị nổi mình.» [7]

Young nói: «Địa vị cao không mang lại hạnh phúc, mà mang lại rắc rối. Không ai nghĩ rằng người trên khổ, chỉ có người trên mới thấy điều đó.» [8]

Ugo Foscolo nói: «Danh vọng của những người lớn, một phần là do sự liêu lĩnh, hai phần là do may mắn, còn một phần nữa là do tội ác của họ.» [9]

Cung Oán Ngâm Khúc viết:

«Mùi phú quý dừ làng xa mã,
Bả vinh hoa lừa gã công khanh.
Giấc Nam Kha khéo bắt bình,
Bừng con mắt dậy, thấy mình tay không.»

Chính vì thế mà Lão tử khuyên ta đừng nên bận tâm đến vinh nhục bên ngoài.

2. Phải vươn lên khỏi đời sống phàm tục của tiểu ngã

Lão tử cũng khuyên chúng ta không nên bám víu vào thân tâm bên ngoài, vì nó cũng chỉ phù du tạm bợ như những cái gì hữu hình, hữu tướng, vì nó chính là nguồn gốc của mọi sự khổ đau, phiền trước của con người.

Người tu đạo phải biết vươn lên trên những giới hạn hình hài sắc tướng của tiểu ngã để tiến lên đến bình diện vô biên tế của Đại Ngã, bình diện của tự do và hạnh phúc trường tồn. [10]

Như vậy Lão tử đã chỉ cho ta thấy nguồn gốc lo âu sầu khổ chính là cái phàm thân của ta, là cái tiểu ngã của ta. Thế tức là ngài dạy ta: muốn thoát khổ phải đi đến chỗ vô kỷ, vô ngã.

Khổng tử đã đạt tới vô ngã. [11]

Phật giáo chủ trương diệt ngã.

Như vậy Phật, Lão, Khổng đều chủ trương rằng cái phàm thân là giả tướng, cái chân tâm, chân ngã mới là con người đích thực, là «Chân nhân».

Huyền học Âu Châu cũng đề cập hai con người:

- Một con người phù phiếm, phàm tục mà các nhà huyền học đều lo rũ bỏ. [12]
- Một con người siêu việt, mà các nhà huyền học đều muốn thực hiện. [13]

3. Không cầu danh tranh lợi

Lão tử kết luận rằng chỉ những người không cầu danh, tranh lợi, chỉ những người thoát được ra ngoài vòng phàm thân, phàm tâm, mới là những người xứng đáng cầm đầu thiên hạ.

[1] Sáu chữ nhược 若 trên đều có nghĩa như chữ giả 者.

[2] Bản của Lưu Tư bỏ chữ quý 貴, cho là thừa, Cao Hanh cũng nghĩ vậy.

[3] Nhiều sách chỉ viết: Sùng vi hạ 寵為下. Nhưng Trần Danh Nguyên và Lý Đạo Thuần sửa lại như trên là: Sùng vi thượng, nhục vi hạ 寵為上 辱為下.

- [4] Chữ quý 貴 ở đây cũng nên bỏ đi. (Cao Hanh).
- [5] Hai chữ nhược 若 sau nghĩa như chữ tắc 則 (: thì).
- [6] À celui qui est uniquement soucieux de la grandeur de l'empire (et non de la sienne), à celui qui ne désire que le bien de l'empire (et non le sien propre), qu'à celui-là on confie l'empire (et il sera en bonnes mains). -- Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste.
- [7] Men in great place are thrice servants, servants of the sovereign or state, servants of fame, and servants of business; so that they have no freedom, neither in their person, in their actions, nor in their times. It is a strange desire to seek powers over others, and to lose power over a man's self - (Bacon). The New Dictionary of Thoughts, p. 250.
- [8] High Stations tumult, not bliss create, - None think the great unhappy, but the great (Young) ib. 251.
- [9] La gloire des grands hommes tient pour un quart à leur audace, pour deux quarts au hasard, pour le dernier quart à leurs crimes. Encyclopédie des Citations, p. 432.
- [10] The law of this Infinite life, which was in the Incarnation expressing its own nature to a supreme degree, must then also be the law of the finite life; in so far as that life aspires to transcend individual limitations, rise to freedom and attain union with Infinity. Evelyn Underhill, Mysticism, p. 145.
- [11] Tử tuyệt tứ. Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã 子絕四：毋意，毋必，毋固，毋我 (Luận Ngữ, Tử Hãn chương 9, câu 4) Đức Khổng có bốn không: (1) Không có ý riêng (lòng tư dục); (2) Không có lòng kỳ tất, nhưng biết tùy cảnh mà làm; (3) Không cố chấp, tức là biết bao dung; (4) Vô ngã: tức là không vị kỷ, tư kỷ.
- [12] Xem Evelyn Underhill, Mysticism, các trang viết trong dấu ngoặc. Surface personality (272), surface consciousness (68), superficial consciousness (?), superficial mind (69), surface mind (262), the finite Life (145), the natural mind (122), the lower nature (145, surface life (80).
- [13] The transcendental consciousness (272), the interior man (272), the mystical consciousness (273), the subliminal mind (190), the superhuman plane (191), the supersensual plane (147), subconscious deeps (80), the divine Substance (144), the absolute (144), The Principle of Life (144), The Principle of Restitution (144), The Infinite Life (145), The Divine (133), The Archetypal world (186), the deified Life (212).

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 14

TÁN HUYỀN

贊玄

Hán văn:

視之不見, 名曰夷. 聽之不聞, 名曰希. 搏之不得, 名曰微. 此三者不可致詰. 故混而為一. 其上不皎, 其下不昧, 繩繩不可名, 復歸於無物. 是謂無狀之狀, 無物之象. 是謂惚恍, 迎之不見其首. 隨之不見其後. 執古之道, 以御今之有. 能知古始, 是謂道紀.

Phiên âm:

1. Thị chi bất kiến, danh viết Di. Thính chi bất văn, danh viết Hi. Bác chi bất đắc, danh viết Vi. Thử tam giả bất khả trí cật. [\[1\]](#) Cố hỗn nhi vi nhất.
2. Kỳ thượng bất kiến. [\[2\]](#) Kỳ hạ bất muội. Thằng thẳng [\[3\]](#) bất khả danh, phục qui ư vô vật. Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng. Thị vị bất hốt hoảng, nghinh chi bất kiến kỳ thủ. Tùy chi bất kiến kỳ hậu.
3. Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng tri cổ thủy, Thị vị đạo kỳ. [\[4\]](#)

Dịch xuôi:

1. Nhìn không thấy, gọi là Di. Nghe không thấy, gọi là Hi. Nắm không được, gọi là Vi. Ba điều ấy không thể suy cứu đến cùng. Cho nên hợp lại làm một.
2. Trên nó không sáng. Dưới nó không mờ. Miên man dằng dặc mà không thể đặt tên. Rồi lại trở về chỗ không có gì. Đó là trạng thái của cái không trạng thái. Hình tượng của cái không có vật chất. Cái có hoảng hốt, đón trước không thấy đầu, theo sau không thấy đuôi.
3. Giữ cái Đạo xưa để trị chuyện nay; biết cái đầu mối của thời xưa, ấy là nắm được giềng mối đạo.

Dịch thơ:

1. Gọi là Di vì nhìn chẳng nổi,
Nghe không ra nên gọi là Hi,
Thoát tay nên gọi là Vi,
Ba điều ấy, khôn suy cho cùng.
Suy không cùng nên chung làm một,
2. Trên chẳng trong, dưới suốt chẳng mờ,
Mung lung nên khó gọi thừa,
Miên man bất tận nên vô tượng hình.
Không đáng dấp, siêu linh ta gọi,
Không tượng hình nên mới siêu linh.
Phất phơ không bóng không hình,
Đầu đuôi chẳng có, cung nghinh đằng nào.
3. Đành phải sống ướm vào «cổ giả».
Thấu nguồn xưa là rõ đạo Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại luận về Đạo thể. Đại khái Lão tử cho rằng Đạo thể huyền vi, mung lung, ảo diệu, thoát tầm kích quan năng của con người. Đại đạo vô hình tượng, nên không có đầu đuôi, dù đón trước theo sau cũng không truy lùng ra đáng dấp.

Tuy nhiên, ta vẫn có cách biết được Đạo, nếu ta biết cách khảo sát đời sống các vị thánh nhân đời trước. Hiểu được thời cổ, tức là biết được chuyện nay, hiểu được Đạo thể.

*

Như vậy chương này Lão tử lại luận về Đạo và cho rằng Đạo vô thanh vô xú, bất khả tư nghị.

Rémusat năm 1823 đã cho rằng ba chữ Di, Hi, Vi có lẽ là đã được phiên âm từ chữ Yod, He, Vau, He: Yahweh: Thượng đế). Chữ này có lẽ đã được nhập vào Trung Hoa trước thời Lão tử. Sau này các Ông Victor von Strauss (1870) và Bác sĩ Edkins (1884) cũng lại chủ trương như vậy. James Legge cho rằng chủ trương này vu khoáng. [\[5\]](#)

Tôi không nghĩ rằng ba chữ Di, Hi, Vi đã được phiên âm từ chữ YHVH của Do Thái, nhưng biết chắc là nơi đây Lão tử bàn về Đạo thể, tức là bàn về Thượng đế theo từ ngữ các nhà huyền học. Nhan Hồi cũng đã nói trong Luận ngữ:

«Càng trông lên, càng thấy cao,
Càng dùi vào càng thấy kiên cố,
Mới thấy đằng trước,
Thoát đã ra sau...» [\[6\]](#)

Các bậc đại thánh Âu châu, từ Ruysbroeck, Jean de la Croix đến Thérèse d'Avila, đều phân biệt rõ ràng giữa Thực tại mà họ thấy, với những hình ảnh mà họ dùng để mô tả Thực tại ấy.

Họ luôn luôn chủ trương như Dionysius và Eckhart rằng Cái mà họ chiêm ngưỡng vốn không có hình tướng. Họ lại cũng chủ trương như Jean de la Croix rằng: tâm hồn không thể nào phối hiệp hoàn toàn được với Đạo, nếu họ còn phải qua trung gian của Hình, Thức, Sắc, Tướng. [7]

Phật cũng nói: «Nhuộc dĩ sắc kiến Ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất kiến Như Lai.» 若以色見我, 以音聲求我, 是人行邪道, 不見如來 (Kim Cương kinh).

Nếu Đạo đã vô hình tướng như vậy thì làm sao mà tìm thấy Đạo? Các nhà bình giải đoạn này bình giải mỗi người một cách. Chung qui ta thấy có ba cách này:

- a) Muốn tìm Đạo phải truy kỳ nguyên, từ lúc chưa có đất trời. [8]
- b) Muốn tìm Đạo phải biết hồi quang phản chiếu, để tìm ra Đạo thể ở đáy lòng. [9]
- c) Muốn tìm Đạo, phải nương theo cách thức của người xưa.

Khảo các nhà huyền học, ta thấy xưa cũng như nay, đạo lý chỉ có một, đó là: Trời chẳng xa người. Tewekkul Beg, một nhà huyền học Hồi giáo thế kỷ 17 nói: «Ngài chính là tôi, thế mà trước kia tôi u mê, không biết điều huyền diệu siêu việt ấy.» [10]

Plotin nói: «Thượng đế chẳng ở ngoài ai, nhưng hiện diện trong mọi sự vật, mặc dầu mọi người không biết vậy.» Nói cách khác: «Thần Chúa ở trong các bạn.» [11]

«Tuyệt đối mà mọi người tìm cầu không có ở cao xa diệu vợi tách rời khỏi vũ trụ hình tướng bất toàn này, nhưng đã ở ngay trong lòng biến dịch; đã đứng chờ ngay ở cửa lòng con người và gõ và chờ cho phàm tâm con người dần dà tìm ra được kho tàng của nó.» [12]

Đại đồng chân kinh 大洞真經 cũng viết: «Trời vốn dĩ chẳng xa người.» (Thiên nhân bản thị vô sai biệt 天人本是無差別); [13] và mục đích của khoa luyện đan cũng chính là tìm ra được, Thái cực, được Trời, được Đạo trong lòng mình. [14]

[1] Trí cật 致詰: gạn hỏi đến cùng.

[2] Kiểu 皎: sáng.

[3] Thằng thẳng 繩繩: miên man.

[4] Đạo kỷ 道紀: giềng mối của Đạo.

[5] Cf. J. Legge, The Textes of Taoism, p. 106.

[6] Nhan Uyên vị nhiên thán viết: Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên. Chiêm chi tại tiền, hốt nhiên (yên) tại hậu 顏淵喟然歎曰: 仰之彌高, 鑽之彌堅. 瞻之在前, 忽然(焉)在後. Luận Ngữ, chương 9, câu 10.

[7] The great mystics, however - Ruysbroeck, St. John of the Cross, and St Teresa herself in her later stages - distinguish clearly between the indicible Realty which they perceive and the image under which they describe it. Again and again they tell us with Dionysius and Eckhart, that the Object of their contemplation «hath no image»: or with St John of the Cross that «the Soul can never attain to the height of the divine union, so far as it is possible in this life, through the medium of any forms or figures.» Evelyn Underhill, Mysticism, p. 94.

- [8] Cổ thủy giả, chỉ Đại Đạo tại Tượng đế chi tiên. Cổ vãn cổ thủy 古始者, 指大道在象帝之先. 故云古始. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 21b.
- [9] Nhân năng phản quan tự tính, bất chước thanh sắc, bất chấp hữu vô, tiền niệm bất khởi, hậu niệm bất tục, niệm niệm bất hữu, ly nhất thiết sắc tướng, tắc vô trạng chi trạng, vô tượng chi tượng, tự nhiên vạn pháp hỗn nhi vi nhất. 人能返觀自性, 不著聲色, 不執有無, 前念不起, 後念不續, 念念不有, 離一切色相, 則無狀之狀, 無象之象, 自然萬法混而為一. lb. tr. 32a.
- [10] «Thou art I, but dark was my heart, I knew not the secret transcendent» says Tewekkul Beg, a moslem mystic of the seventeenth century. Cf. Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 119.
- [11] «God» says Plotinus «is not external to anyone, but is present with all things, though they are ignorant that he is so.» In other and older words: The Spirit of God is within you. lb. p. 119.
- [12] The Absolute Whom all seek does not hold Himself aloof from an imperfect material Universe, but dwells within the flux of things: stands as it were at the very threshold of consciousness and knocks, awaiting the the self's slow discovery of her treasures. Evelyn Underhill, *Mysticism* p. 119.
- [13] Thiên nhân bản thi vô sai biệt; Nhất điểm linh quang hỗn thái huyền. 天人本是無差別; 一點靈光混太玄. Tr. 5b.
- [14] Đại đồng chân kinh: Đan giả hà dã, nhân trung chi thái cực dã 大洞真經: 丹者何也, 人中之太極也.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 15

HIỂN ĐỨC

顯德

Hán văn:

古之善為士者，微妙玄通，深不可識。夫唯不可識，故強為之容。豫焉若冬涉川。猶兮若畏四鄰。儼兮其若客。渙兮其若冰之將釋。敦兮其若朴。曠兮其若谷。混兮其若濁。孰能濁以止，靜而徐清。孰以安以久，動而徐生。保此道者，不欲盈。夫唯不盈，故能蔽，不新成。

Phiên âm:

1. Cổ chi thiện vi sĩ [1] giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cường vi chi dung.
2. Dự [2] yên nhược đông thiệp xuyên. Do [3] hề nhược úy tứ lân. Nghiễm [4] hề kỳ nhược khách. [5] Hoán hề nhược băng chi tương thích. Đôn hề kỳ nhược phác. [6] Khoáng [7] hề kỳ nhược cốc. Hồn hề kỳ nhược trọc.
3. Thực năng trọc dĩ chỉ, tĩnh nhi từ thanh. Thực dĩ [8] an dĩ cửu động nhi từ sinh. [9]
4. Bảo thử Đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh cố năng tế, [10] bất tân thành. [11]

Dịch xuôi:

1. Bậc hoàn thiện xưa siêu vi, huyền diệu, thâm thúy, thông suốt; thâm thúy khôn lường. Vì khó lường nên gượng tả hình dung.
2. Các ngài thận trọng như mùa đông đi qua sông; các ngài e dè sợ lúng giềng bốn bên; kính cẩn như

khách; lạnh lùng như băng tan; mộc mạc chất phác như chưa đẽo gọt; man mác như hang núi; hỗn mang như nước đục.

3. Ai có thể đục mà nhờ tĩnh lại dần dần trong. Ai có thể yên mà nhờ động lại dần dần linh hoạt.

4. Kẻ giữ đạo không muốn đầy. Chỉ vì không muốn đầy, nên mới che dấu và chẳng đổi mới.

Dịch thơ:

1. Ai người xưa khuôn theo đạo cả,
Sống huyền vi, rất khó tri tường.
Nay ta gạn ép văn chương,
Hình dung dáng dấp, liệu đường phác ra.
2. Họ e ấp như qua băng tuyết,
Họ ngỡ ngàng như khiếp lảng giềng.
Hình dung khách khí trang nghiêm,
Băng tan, tuyết tán, như in lạnh lùng.
Họ đầy đặn như tường mộc mạc,
Nhưng phiêu khinh man mác hang sâu.
Hỗn mang ngỡ nước đục ngầu,
3. Đục ngầu lắng xuống một màu trong veo.
Ngỡ ừ cạc một chiều an phận,
Nào ai hay sống động khôn lường.
4. Phù hoa gom góp chẳng màng,
Ai say đạo cả, coi thường phù hoa.
Sống ẩn dật, không ưa thanh thế,
Việc thế gian hồ dễ đổi thay.

BÌNH GIẢNG

Chương này chứng tỏ các bậc chân nhân đắc đạo đã có từ thượng cổ. Lão tử cho rằng các ngài là những người siêu việt huyền vi, nan trắc, nên rất khó hình dung. Tuy nhiên, Lão tử cũng đã phác họa ra chân dung một vị chân nhân đắc đạo.

1. Bậc chân nhân đắc đạo vi, diệu, huyền, thông.

(Vi 微 = ẩn áo; Diệu 妙 = bất trắc; Huyền 玄 = u thâm; Thông 通 = vô ngại.) Ẩn áo, huyền vi, tứ thông, bát đạt, hành tung khôn lường, in tựa thần minh.

2. Các ngài thận trọng như người qua sông băng giá, buổi đông thiên.

Sự cẩn thận là một đức tính cố hữu của các bậc triết nhân. Kinh Dịch viết:

«E dè thắng bột bánh xe,
Hồ kia đuôi ướt, ngại bề lội sông.
Thế thời mới khỏi lỗi lầm.»
(Dịch, quẻ Ký tể, hào Sơ lục)

3. Các ngài kính cẩn như sợ lảng giềng. Bậc chí nhân luôn luôn kính sợ Trời, kính sợ Đạo tiềm ẩn đầy lòng mình, nên lúc nào cũng thận trọng, nên dẫu ở một mình cũng tưởng như ở nơi: mười mắt trông vào, mười tay chỉ vào (Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ.) 十目所視,十手所指,其嚴乎 (Đại học, chương 6)

4. Vì tin rằng Trời, Đạo cũng ngự trị trong lòng mọi người nên các ngài đối với ai cũng nghiêm trang cung kính, như gặp khách quý. [\[12\]](#)

5. Các ngài, mới thoát gặp, có một vẻ ngoài lạnh lùng. Ấy chính là:

Quân tử chi giao đạm như thủy 君子之交淡如水.

Tiểu nhân chi giao cam như mật 小人之交甘如蜜.

Tống Long Uyên lại giải rằng các bậc nhân xưa coi mọi chuyện đời như là «bào ảnh quang hoa» 泡影光華 (Xem: Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 23).

6. Các ngài có một vẻ ngoài đơn sơ, chất phác. Luận Ngữ cũng nói: «Những người cương nghị, chất phác, ít nói thời gần sự hoàn thiện.» [\[13\]](#)

7. Các ngài có một tâm hồn rộng rãi, bao la, không câu nệ cố chấp. Uyên Giám loại hàm ghi: Thánh nhân có độ lượng vũ trụ. [\[14\]](#)

8. Các ngài sống cuộc đời ẩn dật, không phô trương thanh thế đức độ, tài năng.

Đó là chủ trương: Thao quang hối tích, ẩn thánh hiển phàm (che bớt ánh sáng làm mờ dấu tích, che dấu vẻ thánh, làm lộ nét phàm) của người xưa. [\[15\]](#)

9. Vì thế cho nên các bậc thánh nhân bề ngoài thời rất tầm thường, tưởng chừng như vẫn đục, ù lì, mà bề trong thời trong trẻo, linh động. Đạo đức kinh chương 70 viết:

«Xưa nay các bậc thánh nhân,

Ngọc tàng dưới lớp quần áo xác xơ.»

10. Thánh nhân không chuộng phù hoa; chẳng những không ưa phô trương thanh thế, hiện tại (tế) mà cũng chẳng mơ ước vinh quang tương lai [\[16\]](#) cũng như chẳng có những mộng tưởng chộc nước quấy trời. [\[17\]](#)

[\[1\]](#) Mã Tự Luân, Phó Dịch đều viết: Thiện chi vi đạo giả 善之為道者.

[\[2\]](#) Dự 豫: do dự.

[\[3\]](#) Do 猶: do dự.

[\[4\]](#) Nghiễm 儼: nghiêm trang.

[\[5\]](#) Khách 客: có sách viết là dung.

[\[6\]](#) Phác 樸: chất phác.

[\[7\]](#) Khoáng 曠: rộng.

[\[8\]](#) Tống Long Uyên thay chữ dĩ 以 bằng chữ năng 能.

[\[9\]](#) Lưu Tư đổi cả câu này lại như sau: Thực năng hối dĩ lý chi từ minh; thực năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh;

thực năng an dĩ động chi (đích) từ sinh 孰能晦以理之徐明, 孰能濁以靜之徐清; 孰能安以動之(的)徐生.

[10] Có sách viết là tế 蔽 (che). Hà Thượng Công giải là che dấu ánh sáng. Có sách viết là tệ 弊 (tệ lậu, xấu). Có sách viết là tệ 敝 (nát, tệ).

[11] Tân thành 新成: Hà Thượng Công giải là quý công danh.

[12] Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế. 出門如見大賓, 使民如承大祭. Luận ngữ chương 12 Nhan Uyên.

[13] Cương, nghị, mộc, nột cận nhân 剛, 毅, 木, 訥 近 仁. Luận Ngữ, chương 13, câu 27.

[14] Thánh nhân giả, thiên địa chi lượng dã 聖人者, 天地之量也 (Trình tử 程子). Uyên giám loại hàm 淵鑑類函, q. IV, tr. 4670, mục chữ Thánh 聖.

[15] Xem Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 22-23.

[16] Thí như vị lai chi công danh, vị lai chi vinh quý, giai thị tân thành chi sự 譬如未來之功名, 未來之榮貴, 皆是新成之事. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 24.

[17] Celui qui garde cette règle de ne pas se consumer en désirs stériles d'un état chimérique, celui là vivra volontiers dans l'obscurité, et ne prétendra pas à renouveler le monde. -- Wiegner, Les Pères du Système Taoïste, p. 30.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 16

QUI CĂN

歸根

Hán văn:

致虛極, 守靜篤. 萬物并作, 吾以觀其復. 夫物芸芸, 各歸其根. 歸根曰靜, 靜曰復命. 復命曰常. 知常曰明. 不知常, 妄作, 凶. 知常容. 容乃公. 公乃王. 王乃天. 天乃道. 道乃久. 沒身不殆.

Phiên âm:

1. Trí hư cực, thủ tĩnh đốc.
2. Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục.^[1] Phù vật vân vân, các qui kỳ căn.^[2]
3. Qui căn viết tĩnh. Tĩnh viết phục mạng.^[3] Phục mạng viết thường.
4. Tri thường viết minh. Bất tri thường, vọng tác, hung.^[4]
5. Tri thường dung. Dung nãi công. Công nãi vương.^[5] Vương nãi thiên. Thiên nãi Đạo. Đạo nãi cửu.^[6] Một ^[7] thân bất đãi.^[8]

Dịch xuôi:

1. Hư không cùng cực, hết sức yên tĩnh.
2. Vạn vật đua sống, ta nhân đó xem chúng trở về (nguồn). Vạn vật trùng trùng đều trở về cội.
3. Trở về cội rễ là tĩnh; tĩnh là phục mệnh; phục mệnh tức là trường cửu.
4. Biết «trường cửu» mới là sáng suốt. Không biết trường cửu sẽ làm càn và gây hung họa.

5. Biết «trường cửu» sẽ thung dung như công hầu vương tước, sẽ hợp với Trời với Đạo. Hợp Đạo rồi sẽ cửu trường: thân có mất đi, cũng chẳng nguy hại gì.^[9]

Dịch thơ:

Thử tách khỏi vòng đời luân chuyển,
 Để lặng thinh ngắm chuyện trần hoàn.
 Muôn loài sinh hóa đa đoan,
 Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
 Hoàn bản nguyên, an nhiên phục mệnh.
 Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.
 Biết trường tồn mới là thông,
 Trường tồn không biết, ra lòng tác yêu.
 Biết trường tồn muôn điều thư thái,
 Lòng ung dung hưởng khoái công hầu.
 Công hầu, vương tước, xa đâu,
 Vượt thang thần thánh, lên bầu trời cao.
 Lên trời thăm hòa vào Đạo cả,
 Cùng đất trời, muôn thừa trường sinh.
 Xác tan, chẳng hại chi mình.^[10]

BÌNH GIẢNG

1. Đi đến chỗ «hư cực, tĩnh đốc» tức là đã tách rời khỏi vòng biến chuyển của trần hoàn, «dữ Đạo hợp chân», huyền hóa với Trời với Đạo.

«Hư cực» tức là khi lòng trống, không còn vấn vương sắc tướng, trần ai, tục lụy. «Tĩnh đốc» tức là khi tâm tư không phát sinh một niềm lự nào.

Tách rời khỏi vòng biến dịch, để nhìn xem dòng biến dịch sẽ chuyển hướng về đâu? Lão tử đã cho thấy vạn sự biến dịch chung qui sẽ trở về cội gốc, mà cội gốc ấy chính là Trời, là Đạo. Biết được lẽ phản phục, tuần hoàn của Vũ trụ, tức là bao quát được lẽ Dịch. Đó là quan niệm «Nhất bản tán vạn thù; Vạn thù qui nhất bản.» 一本散萬殊, 萬殊歸一本 của triết học Đông Phương.

Đó là một cuộc biến hóa có hai chiều tiến thoái, thăng giáng, thịnh suy, để thực hiện một vòng tuần hoàn của Tạo Hóa. Khoa học ngày nay mới chỉ biết rằng «tiến hóa có một chiều» theo định luật Dương tiêu Âm trường (hoạt lực giảm, tiềm lực tăng) của Carnot Clausius.^[11] Nhưng các nhà huyền học đều sớm nhận thấy vòng trần hoàn biến dịch ấy của vũ trụ. Radhakrishnan nói: «Đầu và cuối sẽ ăn khớp với nhau.»^[12] «Lịch trình của lịch sử đã từ thần minh đi xuống, và rồi ra sẽ trở về lại Thần minh.»^[13]

Các môn phái triết học Á đông Ấn Độ hay Trung hoa, cũng đều nhận định rằng: Vũ trụ này có trở về tâm, trở về nguồn mới thoát được sự phá tán, suy vong.^[14]

Khảo các Giáo phụ Công giáo, ta thấy chỉ có Origène là có chủ trương như Lão tử. Origène cho rằng mọi hồn đã phạm tội ở trần gian, khi chết đi, sẽ bị lửa làm cho tinh khiết, rồi dần dà, các tâm hồn sa đọa ấy, cũng như ma quỷ, sẽ siêu thăng dần dần; cuối cùng sẽ được thanh lọc hoàn toàn và sẽ sống lại trong

những thể xác khinh phiêu và Thượng đế sẽ là mọi sự trong mọi người.^[15]

Biết được lẽ phản phục, tuần hoàn của trời đất ta sẽ thấy vũ trụ này sinh hóa tuy có những chu kỳ cố định như không bao giờ cùng, không bao giờ hết miên man vô tận.

Biết được nhờ ấy, sẽ thung dung, khinh khoáng, và sẽ phóng tâm tu luyện để đi đến chỗ huyền hóa với Trời với Đạo, và dẫu cái xác này tiêu ma đi theo định luật chi phối vật chất, thì ít là cái thần ta cũng vĩnh cửu với đất trời...

[1] Bản của Phó Dịch chép: «Ngô dĩ quan kỳ phục.» Nhiều bản chép: «Ngô dĩ quan phục.» 吾以觀復 Hà Thượng Công chép: «Ngô dĩ thị quan kỳ phục.» 吾以是觀其復.

[2] Nhiều bản viết: «Các phục qui kỳ căn.» 各復歸其根. Bản của Phó Dịch không có chữ «phục»: 各歸其根.

[3] Nhiều bản chép là «Thị vị phục mạng» 是謂復命. Nhưng bản của La Chấn Ngọc 羅振玉 Cảnh Long ngữ chú và Anh Luân 英倫 đều viết: «Tĩnh viết phục mạng.» 靜曰復命.

[4] Vọng tác 妄作: làm càn.

[5] Bản của Vương Bật chép: «Công nãi vương, vương nãi thiên» 公乃王, 王乃天. Nhưng nhiều bản sửa là: «Công nãi chu, chu nãi thiên» 公乃周, 周乃天.

[6] Năm chữ «nãi» 乃 ở trên trong bản Cảnh Long đều đổi thành chữ «năng» 能.

[7] Một 沒: hết.

[8] Đãi 殆: nguy.

[9] Các nhà bình giải thường hiểu đoạn này như sau: «Biết trường cửu sẽ bao dung, bao dung sẽ công bình; công bình sẽ bao quát; bao quát là Trời, Trời là Đạo. Đạo thì trường cửu. Chung thân không nguy.»

[10] Đoạn sau có thể dịch khác như sau:

«Biết trường tồn muôn chiều khoan quảng,

Lượng bao dung, rộng choán càn khôn.

Bao dung, rộng rãi ngàn muôn,

Như trời, bao quát chẳng còn riêng tư,

Không riêng tư, y như Đạo cả,

Hợp Đạo rồi, muôn thừa lâu lai.

Tiêu tan là cái hình hài,

Tinh thần âu sẽ muôn đời trường sinh.

[11] L'énergie se dégrade et l'univers tend vers l'immobilité. André Lamouche - La destinée humaine, Flammarion, p. 94.

Rappelons que le Principe de Carnot traduit la tendance de l'énergie à se dégrader ou à se dissiper, ce qui entraîne une augmentation de l'entropie, c'est-à-dire de l'extension spatiale de l'énergie au cours de ses transformations. Ib. p. 49 note 16.

... C'est cette marche à sens unique, toujours dans le sens de dégradation irréversible, qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le second principe de Carnot. Ib. p. 95.

[12] Radhakrishnan says, «There is coincidence of the beginning and the end.» Grace E. Cairns, Philosophy of History, p. 312.

[13] The process of history has come from the divine Spirit and to the Divine Spirit it returns. Ib. 312.

[14] For all Oriental cyclical Philosophies - Hindou, Buddhist, Jain or Chinese, Taoist, Yoga system - spiritual freedom is the goal. This means escape from the bondage of the matter world of fragmentation and desintegration - to the world of spiritual unit and integration with the one, the Center, who is at the same time the All. Ib., p. 459.

[15] Un point principal de sa (Origène) doctrine était «l'apocastatase universlle»; les âmes de ceux qui ont commis le péché sur la terre, vont après la mort, dans un feu de purification, mais peu à peu toutes, ainsi que les démons, montent de degré en degré et finalement, totalement purifiées, ressusciteront dans des corps éthérés et Dieu sera de nouveau tout en tous. Berthold Altaner, Précis de Patrologie, p. 306.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 17

THUẦN PHONG

淳風

Hán văn:

太上, 不知有之. 其次, 親而譽之. 其次, 畏之. 其次, 侮之. 信不足焉, 有不信焉. 悠兮, 其貴言. 功成事遂, 百姓謂我自然.

Phiên âm:

1. Thái thượng, [1] hạ [2] tri hữu chi.
2. Kỳ thứ, thân nhi dự chi.
3. Kỳ thứ, úy chi.
4. Kỳ thứ, vũ chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.
5. Du hề, [3] kỳ quý ngôn. Công thành, sự toại, bách tính vị ngã tự nhiên.

Dịch xuôi:

1. Thánh quân thời cổ xưa (cai trị), dân ở dưới không biết rằng có.
2. Bậc dưới, họ thân và ngợi khen. Bậc dưới nữa họ sợ. Bậc dưới nữa, họ khinh. Vì không đủ tin, nên dân không tin.
3. Bậc thánh xưa quý lời nói. Công việc xong xuôi, mà dân đều bảo rằng: «Tự nhiên bởi ta.»

Dịch thơ:

Thánh xưa trị nước, trị dân,
Bàn dân ở dưới coi gần như không.

Rời ra thân cận tán đồng,
 Rồi ra sợ hãi, rồi đâm khinh nhờn.
 Bởi không thủ tín đảng hoàng,
 Cho nên dân mới ngỗ ngược chẳng tin.
 Thánh xưa lời nói giữ gìn,
 Khi xong công việc, dân xem tự mình.

BÌNH GIẢNG

Lão tử cho thấy nền chính trị Trung Hoa đã trải qua nhiều thời kỳ, và càng ngày càng sa đọa, từ thời đại hoàng kim «vô vi nhi trị» 無為而治 xuống dần mãi cho tới thời kỳ hữu vi 有為 dùng bá đạo trị dân.

Để dễ bề khảo sát, ta có thể chia nền chính trị Trung Hoa thành nhiều thời kỳ như sau:

1. Trước thời Tam Hoàng 三皇 và thời Tam Hoàng (khoảng 2800 trở về trước) (Phục Hi 伏羲, Thần Nông 神農, Chúc Dung 祝融). [4] Đó là thời của Vô vi nhi trị 無為而治.
2. Thời Ngũ Đế 五帝 (2700 - 2200) (Hoàng đế 黃帝, Chuyên Húc 顓頊, Đế Cốc [Khốc] 帝嚳, Nghiêu 堯, Thuấn 舜). [5] Đó là thời của Đức trị 德治. Thời này phát minh ra lễ nhạc, tôn ti trật tự, cung thất, áo xống, thư tịch, xe cộ, cầu đồ, v.v.
3. Thời Tam Vương 三王 (2200 - 1000): [Đại Vũ 大禹 (2505-2197); Thành Thang 成湯 (1766-1753); Vũ Vương 武王 [6] (1122-1115)]. Đó là thời của Nghĩa trị 義治 và Hình phạt 刑罰.
4. Thời Ngũ Bá 五霸 (伯) (từ 1000 về sau): [Tề Hoàn Công 齊桓公 (683-641); Tấn Văn Công 晉文公 (634-626); Tần Mục Công 秦穆公 (673-644); Tống Tương Công 宋襄公 (649-653); Sở Trang Vương 楚莊王 (612-589)]. Đó là thời của Trí trị 智治 và Mưu lược 謀略.

- Thời thái thượng tức là thời Tam Hoàng về trước. Thời ấy các bậc chân quân trị dân bằng phương pháp vô vi, tự nhiên đến nỗi dân như không hay không biết.

Trang tử viết: «Thời chí đức, không chuộng hiền, không dùng tài; người trên như cành cây (rủ bóng mà không hay); người dưới như hươu rừng (đến nương bóng mà không ơn). Các bậc lãnh đạo cư xử đoan chính mà không cho thế là nghĩa; thương yêu mà không biết đó là nhân; thành thực mà không biết thế là trung; xử phải mà không biết thế là tín; hoạt động lao tác một cách tự nhiên mà không mong báo đền. Vì thế nên không có chuyện gì nổi bật, và cũng chẳng có sử ký.» [7]

Thời buổi vô vi, ở nơi đường cái, dân chúng thường gõ mõ đất mà ca rằng: «Sáng làm, tối nghỉ, đào giếng để uống, trồng tía để ăn, có thấy đâu đức vua reo rắc đến ta?» [8]

- Kịp đến thời Ngũ Đế, dân chúng ngày càng cảm thấy ảnh hưởng của vua chúa, và thân vua, khen vua.

- Đến thời Tam Vương, vua chúa đã bắt đầu xa dân, hình phạt đã được bày đặt, pháp luật đã trở nên chặt chẽ, nên dân chúng đâm ra sợ sệt các nhà lãnh đạo.

- Đến thời Ngũ Bá, vì vua chúa dùng xảo thuật, mưu kế để chiếm nước, đoạt dân, nên dân bắt đầu khinh khi, không còn mến phục nhà cầm quyền nữa.

Chung qui cũng là vì vua chúa không biết thủ tín đối với dân. Lão tử kết luận rằng nhà vua cần phải thận trọng trong lời ăn tiếng nói, và phải biết cai trị cho hết sức khéo léo, tế nhị, đến nỗi khi một công trình gì hoàn tất, dân vẫn tưởng là do dân làm, chứ không phải do vua chủ xướng và điều động.

Tóm lại trị dân mà «vô vi» mới tốt, còn đi vào «hữu vi» thì dù ít, dù nhiều cũng vẫn chẳng hay. ^[9]
Thậm chí Trang tử cho rằng con người bắt đầu sa đọa từ thời Toại Nhân 燧人 (Toại Nhân đã phát minh ra lửa) và Phục Hi 伏羲 (Phục Hi đã lập ra qui chế hôn phối gia đình). ^[10]

^[1] Thái thượng 太上: bậc chí nhân, thánh đức. Hà Thượng Công cho đó là bậc «Thái cổ vô danh chi quân» 太古無名之君. Có sách viết: «Hạ bất tri hữu chi» 下不知有之.

^[2] Hạ 下: người dân.

^[3] Do 猶: theo Hà Thượng Công. -- Du 悠: theo Vương Bật.

^[4] Theo Bạch Hổ thông 白虎通.

^[5] Theo Đại Đới, Lễ ký.

^[6] Theo Từ Nguyên.

^[7] Trang tử Nam Hoa Kinh, Thiên địa.

^[8] Vô quái hồ «vô vi» chi thế, khang cù lão nhân kích nhượng nhi ca: «Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế lực hà hữu ư ngã tai?» 無怪乎無為之世, 康衢老人擊壤而歌: 日出而作, 日入而息, 鑿井而飲, 耕田而食, 帝力何有於我哉? Lý Văn Hùng 李文雄, Trung Quốc tân thiên tự văn 中國新千字文, tr. 44.

^[9] Văn Trung tử cũng có nói: «Cường quốc chiến binh, bá quốc chiến trí, vương quốc chiến nghĩa, đế quốc chiến đức, hoàng quốc chiến vô vi» 強國戰兵, 霸國戰智, 王國戰義, 帝國戰德, 皇國戰無為. Xem Nguyễn Duy Cần, Lão tử, Đạo đức kinh, q. I, tr. 108.

^[10] Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 332-333.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 18

TỤC BẠC

俗薄

Hán văn:

大道廢, 有仁義. 智慧出, 有大偽. 六親不和, 有孝慈. 國家昏亂, 有忠臣.

Phiên âm:

1. Đại Đạo phế, [1] hữu nhân nghĩa.
Trí tuệ [2] xuất, hữu đại ngụy.
2. Lục thân [3] bất hòa, hữu hiếu từ.
3. Quốc gia hôn loạn, hữu trung thần. [4]

Dịch xuôi:

1. Đại đạo mất mới có nhân nghĩa,
Trí tuệ sinh mới có dối trá lớn.
2. Lục thân bất hòa, nên có kẻ thảo người lành.
3. Quốc gia rối loạn mới có trung thần.

Dịch thơ:

Đạo cả hết, đạo huyền đồng hết,
Mới lan tràn học thuyết nghĩa nhân.
Trí sinh, trá ngụy sinh dần,

(Dân gian còn biết thiên chân là gì !)

Tình gia tộc một khi suy giảm,

Hiếu tử sinh trong đám cháu con.

Quốc gia gặp lúc ám hôn,

Trung thần xuất hiện, giang sơn ly loạn.

BÌNH GIẢNG

Lão cũng như Trang, chủ trương sống thuận theo tự nhiên «không làm sai thực tính của tính mệnh», không bỏ mất «thiên chân», không bỏ mất lẽ thường nhiên ở đời.

Muốn được vậy phải tránh mọi chuyện hữu vi giả tạo, dầu sự hữu vi giả tạo ấy là lý tưởng nghĩa nhân.

Thà rằng sống nghĩa nhân, mà không biết nghĩa nhân là gì, còn hơn nêu cao chiêu bài nghĩa nhân, mà lại sống bất nhân, bất nghĩa.

Thà rằng như đàn cá sống tung tăng trong nước, mà không để ý đến nước là quý, còn hơn là làm đàn cá mắc cạn thiếu nước phải mớm rãi cho nhau để tỏ tình thương nhau. [5]

Trang tử, trong thiên Mã đề, đã viết như sau: «Thời xưa dân sống tự nhiên, theo tính tự nhiên.» Mọi người đều canh cửi lấy áo mặc, cày bừa lấy lúa ăn. Họ sống kết thành một hồn khối duy nhất không hề chia ly, thuận theo tính tự nhiên.

Thời buổi tự nhiên thuần túy ấy, mọi người đi lại rong chơi phỉ chí, ngắm cảnh mặc tình, chẳng có phép tắc nào chi phối đáng đi điểu đứng, lối nhìn của họ. Thời ấy, trên núi không có đường ngang, lối ngách, không có hầm hồ; dưới nước không có thuyền, đập. Muôn vật đua sinh, chung sống. Cho nên có thể buộc thú vật dắt đi chơi; tổ quạ, quet có thể trèo lên xem mà không hại. Thời ấy, người chung sống với vật và chưa có chuyện kỳ thị quân tử tiểu nhân. Tất cả đều sống hồn nhiên thuần phác, vui theo tính trời.

«Kịp đến thánh nhân cậm cụi làm nhân, tập tễnh làm nghĩa, mà thiên hạ mới mất tự tin; lan man làm nhạc, khúm núm làm lễ, mà thiên hạ mới chia ly...» [6]

Như vậy tức là ở đời «một phép lập, là một tệ sinh». Cũng một lẽ, óc chất càng mở mang, con người càng trở nên xảo trá.

Gia đình có đảo điên thì mới có sự phân biệt ai là hiếu tử, ai là ngỗ nghịch. Quốc gia có hôn loạn, thì mới có sự phân biệt giữa trung thần và nghịch tặc.

Do đó nhà nào có người hiếu tử là dấu hiệu nhà đó đã suy vi, không có tinh thuần; nước mà đã có trung thần tức là nước đã loạn ly, lòng dân đã kẻ Tần người Sở chia phối.

Như vậy, theo Lão tử, lịch sử loài người đã suy vi dần từ một thời hoàng kim, còn người đã dần dần bước xuống thời bạc, đồng, sắt, thép, loạn ly, nguy tạo. Chính vì thế mà Hà Thượng Công đã dùng hai chữ «Tục bạc» mà gọi chương này. «Tục bạc» là phong tục một ngày một trở nên phù phiếm bạc bẽo.

Sự sa đọa ấy đã được Trang tử mô tả:

«Thời thượng cổ là thời đạo đức,

Thời Đại Đình, Lật Lục, Chúc Dong,

Hiên Viên, Ly Súc, Thần Nông.

Phục Hi, Hách Tự, Hoàng, [7] Trung [8] Dung Thành.

Thời buổi ấy thanh bình an lạc,
Và chúng dân thuần phác ung dung.
Thất thường, bện lỗi mà dùng,
Ăn ngon, mặc đẹp chưa từng xốn xang.
Thời buổi ấy làm bang giáp cạnh,
Tiếng gà kêu, chó cắn đều nghe,
Tuy không cách trở sơn khê,
Nhưng không tiếp xúc đi về với nhau.
Thời buổi ấy đâu đâu cũng trị,
Sống yên bình đến thế thời thôi...
Ngày nay, người chạy theo người,
Thoạt nghe hiền thánh, là sôi lên tim.
Đùm cơm gạo, đi xem cho thỏa,
Bỏ thân tình, bỏ cả việc quan.
Xe xe, ngựa ngựa miên man,
Trước sau nô nức từng đoàn kéo đi.
Thích khôn khéo, thích nghe khôn khéo.
Nên loạn ly trăm nẻo phát sinh,
Càng khôn, càng loạn nhân tình,
Càng khôn ngoan lắm, điều linh càng nhiều.
Càng cung nỏ, càng điều dò bẫy,
Thời chim trời càng sầy, càng sa.
Cảnh nhiều mồi, lưới, đó, lờ,
Thời trôi cá nước những lo cùng phiền.
Càng cạm bẫy, lưới, ken, ke, lầy,
Thời thú rừng càng thấy lao lung.
Lọc lừa, trí trá càng tăng,
Càng nhiều biện thuyết, nhố nhăng càng nhiều.
Thiên hạ thích tìm điều chẳng biết,
Điều biết rồi lại xếp một bên,
Tưởng là không phải chê liền,
Tưởng là đã phải một niềm chấp nê.
Ấy vì thế sinh bè sinh đảng,
Thế cho nên sinh loạn, sinh ly.
Làm cho nhạt nguyệt mờ đi,

Làm cho sông núi tinh huy giảm dần.
 Làm sâu bọ phong trần, nhón nhác,
 Làm muông chim ngơ ngác bồn chồn,
 Ghê thay là bệnh thích khôn,
 Làm cho «thiên ám, địa hôn» cũng vì.
 Bỏ «điềm đạm», «vô vi» bỏ hết,
 Chỉ ưa điều bép xép, lằng nhằng,
 Nào hay bép xép xì xằng
 Là nguồn ly loạn, lổ lằng xưa rày.» [\[9\]](#)

[\[1\]](#) Phế 廢: bỏ.

[\[2\]](#) Hà Thượng Công và nhiều bản khác viết: Trí huệ 智慧.

[\[3\]](#) Lục thân 六親: cha mẹ, chú bác, anh em.

[\[4\]](#) Bản Phó Dịch đổi là «hữu trinh thần» 有貞臣. -- Bản Quảng Minh 廣明 (đời Đường Hi Tông 唐僖宗), sau mỗi vế trên, lại có thêm chữ yên 焉; tức là sau các chữ phế 廢, xuất 出, hòa 和, loạn 亂, đều có chữ yên 焉.

[\[5\]](#) Xem Nam Hoa kinh, Nhưộng Tống dịch, tr. 245.

[\[6\]](#) Trang tử, Nam Hoa kinh, chương IX, Mã đề, đoạn B, và C.

Xem Nhưộng Tống dịch, Nam Hoa kinh, tr. 170.

Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, tr. 275.

[\[7\]](#) Hoàng: Bá Hoàng 伯皇.

[\[8\]](#) Trung: Trung Ương 中央.

Đại Đình 大庭, Lật Lục 栗陸, Chúc Dung 祝融, Hiên Viên 軒轅, Ly Súc 驪畜, Thần Nông 神農, Phục Hi 伏羲, Hách Tư 赫胥, Bá Hoàng 伯皇, Trung Ương 中央, Dung Thành 容成.

[\[9\]](#) Phỏng dịch chương Khư Khiếp 胠篋, Trang tử Nam Hoa kinh, chương 10.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 19

HOÀN THUẦN

還 淳

Hán văn:

絕聖棄智, 民利百倍. 絕仁棄義, 民復孝慈. 絕巧棄利, 盜賊無有. 此三者以為文, 不足. 故令有所屬. 見素抱朴. 少思寡欲.

Phiên âm:

1. Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội. [\[1\]](#)
2. Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ. [\[2\]](#)
3. Tuyệt [\[3\]](#) xảo khí [\[4\]](#) lợi, đạo tặc vô hữu.
4. Thử tam giả dĩ vi văn, [\[5\]](#) bất túc. [\[6\]](#)
5. Cố lệnh hữu sở thuộc. [\[7\]](#) Kiến [\[8\]](#) tố bảo phác. Thiểu tư quả dục.

Dịch xuôi:

1. Dứt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm.
2. Dứt thân bỏ nghĩa dân lại thảo lành.
3. Dứt khéo, bỏ lợi, không có trộm cướp.
4. Ba điều đó hào nhoáng bên ngoài, chẳng đủ vào đâu.
5. Phải chú trọng điều này: Giữ vẹn tinh anh, chất phác: ít riêng tây, ít ham muốn.

Dịch thơ:

1. Dứt bỏ thánh, khinh thường tiểu trí,
Trong dân gian, lợi sẽ gấp trăm.
2. Tung hê, nhân, nghĩa, chẳng cần,
Tự nhiên dân sẽ mười phần hiểu từ,
3. Dứt khéo léo cùng là tài lợi,
Dân theo gương bỏ thói gian tham.
4. Ra chi phù phiếm vẽ văn,
Cốt sao nắm giữ được phần tinh hoa.
5. Hiền dương Đạo, sống cho phác thiết,
Ít đam mê và ít riêng tây.

BÌNH GIẢNG

Chương này được Hà Thượng Công đặt tên là «Hoàn thuần». Đại khái, Lão tử khuyên ta hãy bỏ hết mọi điều nhân vi, nhân tạo để trở về đời sống tự nhiên; hãy rũ bỏ những qui ước xã hội tù túng con người để sống cho khinh khoáng; hãy gạt bỏ lòng tiểu kỹ tham dục, để sống đời thuần phác hòa đồng.

Trước hết Lão tử khuyên ta hãy dứt thánh, bỏ trí.

Chữ thánh đây không có nghĩa là vị thánh nhân chân thực đã thực hiện được thiên chân, đã sống theo thiên lý, mà là những bậc thông minh hơn người, thường làm quân sư cho vua chúa, vẽ vời cho vua chúa biết những phép tắc, đường lối để khống trị dân.^[9]

Trí đây không phải là những người đại trí, đã thấu suốt được bản tính, đã nhìn thấy được thiên chân tiềm ẩn đáy lòng, mà là những bậc tiểu trí bày ra trăm mưu ngàn chước mê hoặc lòng người.

Lão tử cho rằng dẹp được những hạng thánh, trí ấy đi dân chúng sẽ hạnh phúc hơn nhiều.

Lão tử cũng cho rằng đem những chiêu bài nhân nghĩa ra để mà dạy dân tức là làm cho lòng dân rối loạn, không còn biết thế nào là sống theo tự nhiên, và bước dần vào đời sống giả tạo.

Trang tử cũng chủ trương: «Tại sao không để cho dân sống tự nhiên? Tại sao lại muốn cho dân quên mất bản tính của họ? Từ khi vua Thuấn (khoảng 2255) dùng khẩu hiệu «Nhân Nghĩa» làm lạc hướng con người, con người đã trở nên khổ sở, vì bị tù túng trong những khuôn khổ giả tạo, nhân vi.»^[10]

Lão tử khuyên ta dứt khéo, bỏ lợi thì mới có thể sống an bình. Xã hội chúng ta ngày nay đã mắc bệnh chuộng khéo, ham lợi, nên mới khổ sở vì những nạn đao binh, đao tặc lớn nhỏ; lớn như đi chinh phục nước người, nhỏ như đi cướp giết của người, hoặc bày ra những mưu thần chước quỷ để moi móc tiền người.

Lão tử cho rằng những cái hào nhoáng bên ngoài không thể nào thỏa mãn được con người. Con người muốn sống hạnh phúc vẫn cần phải quay về với thiên chân, với tự nhiên.^[11] Tóm lại, thiên chân, thiên tính bao giờ cũng hơn nhân vi qui ước. Trang tử viết trong thiên Khư Khiếp đại khái như sau:

«... Lắm phép tắc loạn ly cũng lắm,
Càng vẽ vời càng lắm điều linh.
Thánh sinh, đạo chích cũng sinh,
Thánh tiêu, trộm cắp lẽ mình tiêu luôn.
Làm đấu học, đong lường, cân trái,

Bầy tín phù, bầy ngãi, bầy nhân.
Càng nhiều phép tắc gian trần,
Gian ngoan điều trác càng tăng thêm hoài.
Ăn cắp nhỏ mới tai, mới họa,
Ăn cắp nhiều, thời bá, thời vương.
Bá vương rồi cũng huênh hoang,
Chiêu hiền, đãi khách xênh xang quanh mình.
Nên dứt thánh, dứt tình với trí,
Thời cướp ngày sẽ bí lối sinh.
Trầm châu, đắm ngọc tan tành,
Rồi ra trộm cắp lưu manh hết liền.
Phá ấn tín, dân nên thuần phác,
Đập đấu cân, dân gác ghen tuông,
Phá tan thánh pháp kỷ cương,
Rồi ra dân sẽ rộng đường tới lui.
Vứt đàn sáo, bịt tai Sư Khoáng,
Thời chúng dân sẽ sáng tai ra.
Tung hê màu sắc, văn hoa,
Cho mờ van vả, cho nhòa Ly Châu.
Hãy hủy hủn giấy, câu, khuôn thước,
Tay Công Thù tìm chước chặt đi.
Sử, Tăng ta hãy khinh khi,
Bị mồm Dương, Mặc, bịt đi đỡ phiền.
Điều nhân nghĩa đảo điên hãy bỏ,
Bỏ đi rồi sẽ rõ «Huyền đồng»
«Huyền đồng» là chính thần thông,
Hợp cùng Đạo cả, ung dung vẹn nghì.
Kìa Tăng, Sử, Công Thù, Sư Khoáng,
Hạng Ly Chu và hạng Mặc Dương,
Đều là nhân đức phô trương,
Rốc bầu tinh tú, huyền hoang bên ngoài.
Chính vì vậy gieo tai gieo họa,
Loạn dân tình, loạn cả nước non,
Tưởng là ích lợi ngàn muôn,
Nào ngờ điên đảo, mỗi mòn lòng ai.» [\[12\]](#)

Trang tử cũng còn viết trong thiên Đại Tông Sư đại khái như sau:

«Đời trần thế là đời mộng ảo,
Tình với mơ lộn lạo, khác chi.
Tử sinh như ở với đi,
Như thay hình tướng có chi bận lòng.
Dù nam bắc tây đông cũng vậy,
Trời bảo sao ta hãy vui theo,
Mặc cho ngoại cảnh xoay chiều,
Giữ lòng tạo hóa phiêu diêu thỏa tình.
Đem thân gửi mệnh mông bát ngát,
Thời thân này mất mất làm sao.
Muốn tìm ra Đạo chí cao,
Mà không suy tưởng, nhẽ nào tìm ra.
Hãy thâm lượm tinh hoa sử sách,
Hãy khơi tung nguồn mạch đáy lòng,
Hư vô khi đã khai thông,
Rồi ra sẽ được huyền đồng chẳng sai.
Tìm Trời, phải quên đời, quên cảnh,
Quên phù sinh, ảo ảnh bên ngoài,
Tâm hồn khi hết pha phôi,
Mới mong rực rỡ ảnh Trời hiện ra.
Đã thấy Đạo, đâu là kim cổ,
Hết cổ kim, vào chỗ trường sinh.
Ham sinh, thời lại điều linh,
Phù sinh chẳng chuộng, thần minh ấy là,
Hãy cố gắng vượt qua nhân nghĩa,
Hãy quên đi nghi lễ của đời,
Quên mình, quên cả hình hài,
Thông minh, trí tuệ gác ngoài tâm linh.
Hãy hợp với vô hình, vô tượng,
Cùng Đại thông vô lượng sánh đôi.
Thế là được Đạo, được Trời,
Thoát vòng biến hóa muôn đời trường sinh.» [\[13\]](#)

[\[1\]](#) Bách bội 百 倍: gấp trăm.

[2] Phục 復: trở lại.

[3] Tuyệt 絕: dứt.

[4] Khí 棄: bỏ.

[5] Văn 文: vẻ hào nhoáng bên ngoài.

[6] Bất túc 不足: không đủ.

[7] Nguyễn Duy Cần và Nghiêm Toản đọc 屬 là «chúc».

[8] Nghiêm Toản đọc 見 là «hiện».

[9] Ta thấy ở nhiều chương khác Lão tử thường đề cập đến bậc thánh nhân chân chính.

[10] Xem Nam Hoa kinh, chương Biền mẫu, đoạn A. -- Les Pères du Système Taoïste, p. 271.

[11] The work of the Church ends when the knowledge of God begins.» Evelyn Underhill, Mysticism, p. 199.

[12] Xem Nam Hoa kinh, chương 10, Khư Khiếp, đoạn B.

[13] Nam Hoa kinh, chương 6, Đại tông sư, các đoạn F, G, H.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 20

DỊ TỤC

異俗

Hán văn:

絕學無憂. 唯之與阿, 相去幾何. 善之與惡, 相去若何. 人之所畏, 不可不畏. 荒兮其未央哉. 眾人熙熙, 如享太牢, 如登春台. 我獨泊兮其未兆, 如嬰兒之未孩. 儻儻兮若無所歸. 眾人皆有餘, 而我獨若遺. 我愚人之心也哉. 沌沌兮眾人昭昭, 我獨昏昏. 眾人察察, 我獨悶悶. 澹兮其若海. 飂兮若無止. 眾人皆有以而我頑且鄙. 我獨異於人, 而貴食母.

Phiên âm:

1. Tuyệt học vô ưu. Duy [1] chi dự a, [2] tương khứ kỷ hà. [3]

Thiện chi dữ ác tương khứ nhược hà. [4]

2. Nhân chi sở úy, bất khả bất úy. Hoang [5] hề kỳ vị ương tai. [6]

3. Chúng nhân hi hi [7] như hưởng thái lao, [8] như đăng xuân đài.

4. Ngã độc bạc [9] hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hải. [10] Luy luy [11] hề nhược vô sở qui.

5. Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di. [12] Ngã ngu [13] nhân chi tâm dã tai. Độn độn hề [14] chúng nhân [15] chiêu chiêu, [16] ngã độc hôn hôn. [17] Chúng nhân [18] sát sát, [19] ngã độc muộn muộn. [20] Đạm [21] hề kỳ nhược hải. [22] Liêu [23] hề nhược vô chỉ. [24] Chúng nhân giai hữu dĩ [25] nhi ngã ngoan [26] thả bỉ. [27]

6. Ngã độc dị ư nhân, nhi quý thực mẫu.

Dịch xuôi:

1. Dứt học, hết lo. Dạ với ơi khác nhau bao lắm? Lành với dữ khác nhau mấy tầm?

2. Cái mà người sợ, ta há không sợ, nhưng không đến nỗi hoảng hốt mất tinh thần. [28]

3. Người đời hớn hờ, như hưởng cỗ bàn, như lên đài xuân.

4. Riêng ta lặng lẽ, chẳng chút phô trương, y như trẻ thơ, chưa biết mỉm cười. Đáng điệu phờ phạc, lênh đênh vô định.

5. Chúng nhân có thừa, riêng ta thiếu thốn. Lòng ta ngu dốt thay, mù mịt tay. Người đời sáng chói, riêng ta mịt mù. Vắng lặng như biển khơi, vi vu như gió thổi. Mọi người đều có chỗ dùng, riêng ta ngu xuẩn, thô kệch.

6. Riêng ta sống khác người, vì không lìa xa «mẹ thiên nhiên».

Dịch thơ:

1. Rũ tục học, sẽ quên lo lắng,

Dạ với ơi khác đặng bao lắm.

2. Dữ lành khác độ mấy tầm,

Cái điều người sợ, bình tâm được nào.

Nhưng chẳng nổi ra vào hốt hoảng,

Lo thì lo nhưng chẳng bàng hoàng.

3. Người vui như hưởng cỗ bàn,

Vui như trẩy hội đặng đàn tiết xuân.

4. Riêng ta nín lặng tần ngần,

Như tường trẻ nít chưa phân biệt gì.

Ta ngỡ ngẩn biết đi đâu tá,

5. Người giàu sang, ta há bị quên!

Lòng ta ngu độn thấp hèn,

Người đời sáng suốt, sao riêng ta đần.

Người xét nét, biện phân mọi lẽ,

Chỉ riêng ta quạnh quẽ, trong sông.

Mệnh mang trên mặt trùng dương,

Mặc cho gió cuốn, sóng vương không ngừng.

Ai cũng có chỗ dùng lợi ích,

Chỉ riêng ta thô kệch ương gàn.

Nay ta sống khác nhân gian,

Vì ưa sữa «mẹ muôn ngàn thụ sinh».

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử có ý mô tả sự khác biệt giữa hai lối sống: (a) Lối sống của thánh nhân; (b) Lối sống của phàm nhân.

Thánh nhân không mấy bận tâm về nền «tục học» vì thấy hiểu rằng trong thế giới tương đối này, dở hay, giỏi dở cũng chỉ là như tường ảo hóa. Có biết nhẽ ấy, sẽ thấy lòng được thung dung, khinh khoáng.

Tục nhân lo cái gì, thánh nhân lo cái ấy; nhưng tục nhân thì lo đến hết hoảng mất tinh thần, còn thánh nhân thì không bao giờ để ngoại cảnh làm xao xuyến tâm thần.

Phàm nhân chạy theo phù du, ảo ảnh bên ngoài, lao đầu vào những thú ăn chơi, đài các. Thánh nhân thời sống thanh đạm, bận bịu cùng những thú vui cao khiết tinh thần, nên thường bị người đời coi là quê kệch, lạc hậu, thoái hóa.

Phàm nhân chạy theo tài lợi, cố sức tích tài lợi; còn thánh nhân thì lại không am tường những cung cách kiếm tiền.

Phàm nhân tỏ ra sắc sảo, tính toán rạch ròi mọi chuyện thế gian; thánh nhân không mấy lưu tâm đến thế sự, nên khi lâm sự, thường vụng về, ngây thơ, không thể có những thủ đoạn gian ngoan, xảo nguyệt.

Xét theo tiêu chuẩn thế tục, thì phàm nhân có vẻ văn minh tân tiến, còn thánh nhân thời lại có vẻ quê mùa, chất phác, vì một đằng theo rồi thời trang, thời thế; một đằng sống nội tâm, mà không mấy chú trọng đến những hình thức bên ngoài.

Cái khác biệt của thánh nhân là:

Thánh nhân sống phối kết với Đạo, với Trời, không lìa xa Thiên chân, Thiên thể, còn phàm nhân thì sống xa Đạo, xa Trời, bị cuốn lôi trong vòng hồng trần tục lụy.

Câu «quí thực mẫu» của Lão tử toát lại đời sống huyền đồng của các bậc thánh nhân mọi nơi mọi đời.

Câu này làm ta liên tưởng đến một đoạn sau đây trong quyển Mysticism của Evelyn Underhill:

«Nhà huyền học trực giác được một thế giới siêu nhiên nằm gọn trong biên cương của lòng sốt mến, và một tâm hồn siêu thoát tục lụy, nhưng hằng khao khát muốn vươn lên cho tới Tuyệt đối; chỉ vừa lòng khi được sống phối hợp với Thượng đế. Lúc ấy, theo sự mô tả của Patmore, thánh nhân sẽ như «trẻ thơ còn ngậm vú mẹ Tạo Hóa» hay như «người tình đã tìm lại được người tình».^[29]

[1] Duy 唯: dạ (với ý cung kính).

[2] A 阿: ơ (với ý khinh thường).

[3] Kỵ hà 幾何: là bao.

[4] Nhược hà 若何: là bao. (Có sách viết là Hà nhược).

[5] Hoang 荒: rộng lớn, hoang vu.

[6] Vĩ ương 未央: không bờ bến.

[7] Hi hi 熙熙: vui vẻ.

[8] Thái lao 太牢: yến tiệc lớn.

[9] Bạc 泊: yên lặng, thuần phác.

[10] Hài 孩: cười.

- [11] Luy luy 僂 僂: nhón nhác, phờ phạc. -- Bản Hà Thượng Công viết là «thằng thẳng hề...» 乘 乘 兮 (chữ 乘 ở đây đọc là thẳng [: nghiêng đổ], không đọc là thừa).
- [12] Di 遺: bỏ sót, mất.
- [13] Ngu 愚: ngu dốt.
- [14] Độn độn 沌 沌: hỗn độn mờ mịt.
- [15] Có sách viết là «tục nhân» 俗 人.
- [16] Chiêu chiêu 昭 昭: sáng sủa.
- [17] Bản của Hà Thượng công: Ngã độc nhược hôn 我 獨 若 昏.
- [18] Có sách viết là «tục nhân» 俗 人.
- [19] Sát sát 察 察: trong trẻo, tinh tường.
- [20] Muộn muộn 悶 悶: đục vẩn, mờ mịt.
- [21] Đạm 澹: lặng lẽ, có sách viết là «Hốt» 忽.
- [22] Hải 海: có sách viết là «Hối» 晦.
- [23] Liêu 麗: vi vút.
- [24] Vô chỉ 無 止: không ngừng.
- [25] Dĩ 以: dùng.
- [26] Ngoan 頑: ngu, ương, bướng.
- [27] Bĩ 鄙: thô bỉ, dốt nát.
- [28] Dịch theo Wieger: «Mấy chữ hoang hề, kỳ vị ương tai này rất khó dịch. Vương Bật cho đó là để mô tả sự cách biệt giữa đạo nhân với tục nhân.»
- [29] The mystic vision, then, is of a spiritual universe held tight within the bonds of love, and of the free and restless human soul, having within it, the spark of divine desire, the tendency to the absolute, only finding satisfaction and true life when united with this life of God. Then in Patmore's lovely image «the babe is at its mother's breast, the lover has returned to the beloved». Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 160.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 21

HƯ TÂM

虛心

Hán văn:

孔德之容, 惟道是從. 道之為物, 惟恍惟惚. 惚兮恍兮, 其中有象. 恍兮惚兮, 其中有物; 窈兮冥兮, 其中有精. 其精甚真, 其中有信. 自古及今, 其名不去, 以閱眾甫. 吾何以治眾甫之狀哉. 以此.

Phiên âm:

1. Khổng đức chi dung, duy Đạo thị tùng. [\[1\]](#)
2. Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt. Hốt hề, hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề, hốt hề kỳ trung hữu vật; ảo hề minh hề, kỳ trung hữu tinh. Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín.
3. Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ. [\[2\]](#)
4. Ngô hà dĩ trị chúng phủ chi trạng tại, dĩ thử.

Dịch xuôi:

1. Dung nghi của bậc Đại đức, khuôn theo Đạo.
2. Đạo sinh ra muôn vật, hoảng hoảng hốt hốt nhưng trong vẫn có hình ảnh của Đạo. Hoảng hoảng hốt hốt nhưng trong vẫn có bản thể (của Đạo). Mờ mịt nhưng trong vẫn có tinh hoa (của Đạo). Tinh hoa ấy rất chân thực; trong lại có tín.
3. Từ xưa đến nay, tên ngài vẫn đó, để bẩm sinh ra muôn vật.
4. Ta làm sao biết được hình trạng đầu gốc muôn vật? Nhờ vậy !

Dịch thơ:

1. *Người chỉ thánh hòa mình với Đạo,*
Dáng dấp người ẩn áo vẽ Trời.
2. *Trời sinh ra khắp muôn loài,*
Phát phơ phát phưởng ảnh Trời ở trong.
Tưởng muôn loài tối tăm u ẩn,
Tinh quang Trời vẫn lẫn bên trong.
Tinh quang ấy thực thiên chân.
Khơi nguồn tín dưỡng xa gần xưa nay.
3. *Xưa và nay, tên ngài vẫn đó,*
Tên ngài còn mới có chúng sinh,
4. Ta hay dáng dấp quần sinh,
Là nhờ phương pháp thuyết trình trên đây.

BÌNH GIẢNG

Chương này có hai cách bình giải:

1. Đạo sinh xuất muôn loài, nên từ trong lòng Đạo đã thấy mừng lung, hoảng hốt, hình ảnh của muôn loài muôn vật.

2. Đạo sinh xuất muôn loài, nhưng vẫn lồng trong lòng muôn loài muôn vật.

Léon Wieger bình dịch theo lối thứ nhất như sau:

a. Vạn vật trong thế giới hiện tượng đều phát xuất từ nguyên thể bằng cách khai triển, hiển dương.

b. Nguyên thể là như thế này: Nguyên thể hoảng hốt khó phân, khó định. Tuy khó phân định nhưng bên trong đã có các chủng loại. Tuy khó phân định, nhưng bên trong đã có các vật, tuy còn là ở trong trạng thái tiềm ẩn. Thực là ẩn áo, thực là nhiệm màu. Trong nhiệm màu ẩn áo đó vẫn có một tinh hoa; tinh hoa đó là thực tại. Đạo là như thế đó.

c. Từ xưa đến nay tên ngài vẫn y nguyên. Ngài sinh xuất ra muôn vật.

d. Làm sao mà ta biết gốc gác quần sinh?

Ta biết bằng cách đó (bằng cách quan sát vũ trụ một cách khách quan); do đó ta thấy vạn vật tương đối đều phát xuất từ Tuyệt đối. [\[3\]](#)

Tôi bình dịch theo lối thứ hai. Đại khái rằng:

Thánh nhân trong dạ có Trời; Vạn vật trong lòng có Đạo.

Đạo chẳng hề xa rời người vật, vì thế nên bậc đại thánh chính là hiện thân của Trời.

Vạn vật bên ngoài tưởng chừng như là tối tăm, u ẩn, phàm hèn nhưng kỳ thực vẫn hàm chứa Đạo, hàm chứa Tuyệt đối bên trong.

Mới hay Tuyệt đối không hề rời xa Tương đối, hay nói theo từ ngữ Phật giáo: Niết bàn không hề rời xa Luân Hồi.

Muốn tìm Niết Bàn phải tìm trong Luân Hồi, Muốn tìm Tuyệt đối, phải tìm trong tương đối. Muốn tìm

Trời, tìm Đạo, phải tìm ngay trong lòng mình.

Ở đây tôi trình bày cả hai phương pháp bình giảng, vì chúng bổ túc lẫn cho nhau và cho chúng ta một cái nhìn viên mãn về vũ trụ vạn hữu.

Vũ trụ vạn hữu này là biểu dương của Thượng đế, của Tuyệt đối. Cho nên vũ trụ vạn hữu này vẫn hàm tàng Tuyệt đối. Đó chính là phương pháp chính xác để biết nơi đâu mà tìm ra Đạo, ra Trời !

[1] Câu này tôi giải thích theo Cao Hanh và Trương Mạc: Bậc đại đức khi nói năng cử động luôn luôn theo Đạo mà hành chỉ.

[2] Chúng phủ 眾甫: vật trước nhất đầu tiên phát sinh ra vạn vật.

[3] Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 33 - 34.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 22

ÍCH KHIÊM

益謙

Hán văn:

曲則全; 枉則直; 窪則盈; 敝則新; 少則得; 多則惑. 是以聖人抱一, 為天下式. 不自見, 故明. 不自是, 故彰. 不自伐, 故有功. 不自矜, 故長. 夫唯不爭, 故天下莫能與之爭. 古之所謂曲則全者, 豈虛言哉. 誠全而歸之.

Phiên âm:

1. Khúc tắc toàn; uốn tắc trực; hóa tắc doanh; tệ tắc tân; thiếu tắc đắc; đa tắc hoặc.
2. Thị dĩ thánh nhân bảo Nhất, vi thiên hạ thức. Bất tự hiện, cố minh. Bất tự thị, cố chương. Bất tự phạt cố hữu công. Bất tự căng, cố trường.
3. Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dĩ chi tranh.
4. Cổ chi sở vị «khúc tắc toàn giả», khởi hư ngôn tai. Thành toàn nhi qui chi.

Dịch xuôi:

1. Cái gì khiếm khuyết, thì làm cho nên toàn vẹn. Cái gì cong, thì làm cho ngay. Cái gì trũng thì làm cho đầy. Cái gì cũ thì làm cho nên mới. Ít thì lại được, nhiều thì lại mê.
2. Cho nên thánh nhân ôm giữ cái Một (Đạo), để làm mẫu mực cho thiên hạ. Không phô trương, cho nên sáng; không tự cho mình là phải, cho nên hiển dương; không kể công, nên có công; không khoe mình, cho nên hơn người.
3. Vì không tranh giành, cho nên thiên hạ không ai tranh dành với mình. Câu nói của người xưa: «Cái gì khiếm khuyết, thì làm cho nên toàn vẹn», há phải là câu nói suông? Vẹn toàn rồi sẽ trở về với Đạo.

Dịch thơ:

1. Bao dang dở, làm cho tươm tất,
Bao cong queo, hãy bắt cho ngay.
Hãy san chỗ trũng cho đầy,
Cũ cang đổi mới, mới ngay tức thì.
Đạm thanh sẽ thoả thuê, đầy đủ,
Phiền toái nhiều, trí lự ám hôn.
2. Thánh nhân một dạ sắt son,
Hoà mình với Đạo, treo gương cho đời.
Ít phô trương, (nhưng) rạng ngời, sáng quắc,
Chẳng khoe khoang, (nhưng) vằng vặc trăng sao.
Chẳng vênh váo, vẫn cao công nghiệp,
Chẳng huênh hoang, ngồi tít tầng cao.
3. Không tranh ai nữ tranh nào,
Lời người xưa nói nhẽ nào sai ngoa:
«Bao dang dở, làm cho tươm tất,
Tươm tất rồi ắt sẽ về Ngai.»

BÌNH GIẢNG

Chương này các nhà bình giải thường cho rằng Lão tử đề cao sự khiêm cung. Chính vì thế mà Hà Thượng Công đã toát lược chương này bằng hai chữ «Ích khiêm».

Nhưng thiết tưởng bình giải như vậy chưa nêu rõ được hết các ý tứ của Lão tử. Thực vậy, trong chương này Lão tử khuyên ta:

1. Sửa sang mọi lỗi lầm, khiếm khuyết để đi đến chỗ thành toàn, sống đơn sơ thuần phác. (đoạn 1)
2. Kết hợp với Trời, với Đạo, sống âm thầm lặng lẽ, không phô trương thanh thế, vô vi mà vẫn treo gương cho đời. (đoạn 2)
3. Không tranh chấp với ai. (đoạn 3)
4. Từ xưa tới nay, ai cũng công nhận rằng có thành toàn mới trở về được với Trời, với Đạo. (đoạn 4)

Phân tách như vậy ta sẽ thấy chương này hết sức phong phú. Trước tiên Lão tử cho thấy bốn phận chúng ta là cải tiến không ngừng để đi đến chỗ toàn thiện. Đó cũng chính là thiên mệnh. Trung Dung viết:

«Hoàn toàn là đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay. [\[1\]](#)

Chúa Jésus cũng dạy: «Các bạn hãy trở nên hoàn thiện, như cha các bạn ở trên trời.» [\[2\]](#)

Con người sinh ra ở đời, khó có ai hoàn thiện, hoàn mỹ ngay. Nhưng mọi người đều có thể trở nên hoàn thiện, hoàn mỹ nếu biết sang sửa tâm hồn mình.

Lão tử mô tả sự sửa sang tâm hồn bằng mấy lời bóng bẩy:

Bao dang dở làm cho tươm tất,

Bao công queo hãy bắt cho ngay.

Hãy san chỗ trống cho đầy,

Cũ càng đổi mới, mới ngay tức thì.

Câu này cũng tương tự như câu sau đây trong thánh kinh Công giáo:

«Vi Yahve, hãy mở đường trong sa mạc,

Hãy chỉnh trang đạo lộ chốn hoang vu,

Lấp thung lũng, bạt đồi núi âm u,

Biển vực thẳm cho trở thành đồng nội.» (Isaie 40, 3, 4)

Trung Dung cũng dành chương XXIII để dạy về phương pháp chỉnh trang tâm hồn ngõ hầu tiến tới hoàn thiện. Trung Dung gọi thể là «Trí Khúc». Couvreur giải hai chữ «trí khúc» là: Cố làm cho tâm tình còn khiếm khuyết trở nên hoàn hảo.

2. Khi đã sửa sang được mọi chệch mác, dở dang trong tâm hồn rồi, con người mới có thể «bảo nhất», kết hợp với Trời với Đạo, nêu gương sáng soi cho đời. Lúc này chẳng cần phô trương, mà ảnh hưởng tự nhiên sẽ ngày một lan rộng.

3. Thế là không cần chạy theo vinh quang, mà vinh quang sẽ đến với mình, không phải tranh chấp với ai, mà vẫn có địa vị sang cả.

4. Lão tử kết luận: «Tự cổ cập kim», có sửa sang được hết chệch mác, có trở nên hoàn thiện, mới trở về được với Đạo, với Trời.

Như vậy Lão tử đã tìm ra được một định luật thiên nhiên và đạo giáo rất quan trọng: «Con người phải tinh tiến, phải cải thiện mình, để đi đến chỗ hoàn thiện. Có hoàn thiện mới có thể «đắc Đạo, bảo nhất».

Chắc chắn không một vị giáo chủ nào có thể dạy ngược với định luật này được.

[1] Thành giả, Thiên chi đạo dã; thành chi giả, nhân chi đạo dã 誠者,天之道也;誠之者,人之道也. Trung Dung, chương XX.

[2] Mathieu, V, 48.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 23

HƯ VÔ

虛無

Hán văn:

希言自然. 飄風不終朝, 驟雨不終日. 孰為此者, 天地. 天地尚不能久, 而況於人乎. 故從事於道者. 道者同於道. 德者同於德. 失者同於失. 同於道者, 道亦樂得之. 同於德者, 德亦樂得之. 同於失者, 失亦樂得之. 信不足焉, 有不信焉.

Phiên âm:

1. Hi ngôn tự nhiên.
2. Phiêu phong bất chung triều, sậu vũ bất chung nhật. Thục vi thử giả, thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi hướng ư nhân hồ.
3. Cố tông sự ư Đạo giả. Đạo giả đồng ư Đạo. Đức giả đồng ư Đức. Thất giả đồng ư thất. Đồng ư Đạo giả, Đạo diệc lạc đắc chi. Đồng ư Đức giả, Đức diệc lạc đắc chi; đồng ư thất giả, thất diệc lạc đắc chi. [\[1\]](#)
4. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Dịch xuôi:

1. Ít nói, (sống) tự nhiên,
2. Vì gió lốc không suốt sáng, mưa rào không suốt ngày. Ai làm những chuyện ấy? Trời, Đất. Trời Đất còn không thể lâu, huống nữa người.
3. Cho nên theo Đạo thì đồng với Đạo. Theo Đức thì đồng với Đức. Theo mất thì đồng với mất. Đồng với Đạo, đạo vui tiếp đó. Đồng với Đức, Đức vui tiếp đó. Đồng với thất, thất vui tiếp đó.
4. Tin không đủ. Có sự không tin.

Dịch thơ:

1. Sống tự nhiên, xén lời ít nói,
 2. Vì gió giông chẳng thổi sớm, trưa.
 Mưa rào chẳng suốt ngày mưa,
 Ai làm gió sớm mưa trưa thế này?
 (Trời đất).

Trời đất còn thoảng bay chốc lát,
 Về chi người, sống thác đường bao !

3. Đem vạn vật ướm vào Đạo cả,
 Đấng thánh nhân huyền hóa đạo Trời.
 Người nhân ôm đức chẳng rời,
 Người ham đắc thất, cả đời vẫn ham.
 Ôm lấy Trời, hân hoan Trời rước.
 Ôm đức ân, sẽ được đức ân.
 Miệt mài công cuộc gian trần,
 Gian trần vui đón, cho thuần hư vinh.
 Kẻ chẳng tin, người tin chẳng đủ,
 Không đủ tin hay cứ không tin.

Đoạn 3 và 4 trên đây có thể dịch theo cách thứ hai như sau:

3. Đem vạn vật ướm vào Đạo cả,
 Đấng thánh nhân huyền hóa Đạo Trời.
 Sá chi đắc thất trần ai,
 Vui vầy cùng Đạo thanh thoi mặc tình.
 Sống huyền hóa, siêu linh thoải mái.
 Người tin, chẳng, nào ngại gì đâu.

BÌNH GIẢNG

Chương này thực ra rất khó bình giảng cho xác đáng. Mỗi bản kinh lại chép một khác. Có ba chữ chính trong chương này: Đạo 道, Đức 德, Thất 失.

Các bản Vương Bật, Hà Thượng Công, Tống Long Uyên, v.v. đều viết là Đạo 道, Đức 德, Thất 失.

Bản của Wieger, và Duyvendak lại viết là: Đạo 道, Đắc 得, Thất 失. Và cho rằng viết Đức 德 là sai.

Cho nên bình giảng chương này, chúng ta không thể có tham vọng đưa ra một ý kiến chính xác, mà chỉ mong nói lên được đại ý.

A. Đoạn 1 và 2 tương đối dễ bình giảng.

Đại khái Lão tử khuyên chúng ta nên sống giản dị, tự nhiên, tuần tự nhi tiến, đừng lo lắng làm những chuyện bất thường, để được nhĩ mục quan chiêm.

Những chuyện bất thường không thể tồn tại, y thức như những cơn giông cơn gió, những trận mưa lũ,

mưa rào, chỉ chốc lát rồi lại qua đi.

Lời lẽ Lão tử ở đây tuy khác nhưng ý tứ thì xét ra cũng giống với đoạn XI của Trung Dung. Đức Khổng nói:

«Tìm bí ẩn, làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen.
(Sá chi chuyện ấy nhỏ nhen)
Đã là quân tử chẳng thêm quan tâm.
Làm trai quyết chí tu thân,
Đường đường quân tử ta tuân Đạo trời.
Giữa đường dứt gánh trở lui,
«Bán đồ nhi phế» có đời nào đâu.
Trung Dung quân tử trước sau,
Dẫu không tầm tiếng chẳng rầu lòng ai.
Thánh nhân ấy thánh nhân rồi.» [2]

Hoặc giống với đoạn thánh vịnh David sau đây:

«Chúa, hỡi Chúa, tôi không ngạo nghễ,
Mắt tôi không đơm về kiêu căng.
Vinh quang tôi chẳng dám mong,
Không mơ những chuyện quá tầm mức tôi.
Hồn chẳng chút lồi thoi xao xuyến,
Chẳng bận lòng những chuyện viễn vông.
Hồn tôi, những muốn thông dong,
Như con trẻ nhỏ, nằm lòng mẹ chơi.» [3]

B. Đoạn 3 của Lão tử mới thực là khó giải thích. Đại khái có hai cách giải thích:

1. Chúng ta, thực sự muốn gì, sẽ được nấy:

- Muốn Đạo sẽ được Đạo.
- Muốn Đức sẽ được Đức.

(Đức 德 là sự phát huy của Đạo 道 ra bên ngoài. Đức cũng là vẻ đẹp của Đạo chiếu sáng vào tâm hồn).

- Muốn phù hoa, sẽ được phù hoa. [4]

Sở dĩ gọi Thất là phù hoa, vì những chuyện vinh hoa đắc thất ở đời thoáng bay trong chốc lát.

Như vậy ở đời muốn đạt được thành quả bất kỳ về phương diện gì, trước hết là phải:

- Đặt ra cho mình một mục phiêu, một lý tưởng.
- Cố gắng hết sức thực hiện mục phiêu ấy.

2. Hoặc chúng ta có thể giải theo Wieger: [5]

Ở đời này chúng ta chỉ nên sống hòa mình với Đạo, còn các chuyện đắc thất bên ngoài, chẳng nên quá quan tâm, như vậy lòng ta lúc nào cũng sẽ ung dung thư thái.

Tinh thần này đã được cụ Nguyễn Công Trứ lồng vào thi ca như sau:

«Được mất dương dương người thái thượng,

Khen chê phơi phới ngọn đông phong.^[6]

C. Cuối cùng Lão tử kết luận:

Ở đời sở dĩ có nhiều người không thành công trong công trình tu đạo, chính là vì đã không tin vào mình, vào những khả năng vô biên của tâm hồn mình, hoặc là tin chẳng đủ, bởi vì nếu chúng ta có đức tin bằng hạt cải, chúng ta sẽ có thể đảo hải di sơn.^[7]

Ước mong lối bình giải này phản ánh được phần nào tư tưởng của Lão tử.

^[1] Câu này Wieger, Duyvendak sửa lại như sau: «Đạo giả đồng ư Đạo, đắc giả đồng ư đắc, thất giả đồng ư thất. Đồng ư Đạo giả, Đạo diệc lạc đắc chi; đồng ư đắc giả, thất diệc lạc đắc chi.» 道者同於道, 得者同於得. 失者同於失. 同於道者, 道亦樂得之; 同於得者, 失亦樂得之. Tóm lại Wieger đã thay chữ Đức 德 bằng chữ đắc 得. Vương Bật khi bình giảng đoạn này cũng đã thay thế chữ Đức bằng chữ đắc. Hà Thượng Công lại viết: «Thất diệc lạc thất chi» 失亦樂失之.

^[2] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung Tân Khảo, quyển 2, Chương XI.

^[3] Thánh Vịnh David 131.

^[4] Nơi đây chúng ta giải theo những bản kinh có ba chữ: Đạo, Đức, Thất.

^[5] Giải theo những bản kinh có ba chữ: Đạo, Đắc, Thất.

^[6] Xem bài ca Ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ.

^[7] Xem thêm Mathieu 17, 19. Luc 17, 6

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 24

KHỔ ÂN

苦 恩

Hán văn:

企者不立, 跨者不行. 自見者不明; 自是者不彰; 自伐者無功; 自矜者不長. 其於道也, 曰餘食贅行, 物或惡之. 故有道者不處.

Phiên âm:

1. Khi [1] giả bất lập, khóa [2] giả bất hành. Tự hiện giả bất minh; tự thị giả bất chương; tự phạt giả vô công; tự căng giả bất trường.

2. Kỳ ư Đạo dã, [3] viết dư thực chuế [4] hành, vật hoặc ố chi. Cố hữu Đạo giả bất xử.

Dịch xuôi:

1. Kiểng chân lên, không đứng thẳng được. Xoạc căng ra không đi được. Tự coi là sáng, nên không sáng. Tự xem là phải, nên không hiển dương. Tự kể công, nên không có công. Tự khoe mình, nên không hơn người.

2. Đứng về phương diện Đạo mà nói, thì đó là những «đồ thừa việc thải». Cho nên người có Đạo không thiết.

Dịch thơ:

- Kiểng chân lên làm sao đứng thẳng,
Xoạc căng ra, đi chẳng được nào.
Thích khoe sáng suốt làm sao?

Tự cho mình phải, đời nào hiển dương.

Cầu cạnh quá, thời thường thất bại,

Quá ỷ mình, danh lại không cao.

2. Mắt thần ta mượn nhìn vào,

Cơm thừa, việc thải xiết bao tục tằn.

Đó đâu phải đạo thánh nhân.

BÌNH GIẢNG

Chương này ngược với chương 22. Chương 22 mô tả đường lối của thánh nhân:

- Hư vô, tự nhiên,
- Xén lời, ít nói.
- Không kiêu căng,
- Không tự thị.

Chương này mô tả đường lối của phàm nhân:

- Làm điều bất thường quái dị, chọc nước quấy trời.
- Tự kiêu, tự đại.

Nhưng Lão tử cho rằng những việc bất thường không thể nào tồn tại. Càng khoe khoang, càng cầu cạnh, càng kể công, lại càng không có danh, không có công.

Tu đạo mà đi vào con đường ấy, tức là đi vào con đường lầm lạc. Đó chẳng qua là những chuyện «cận bã» như cơm thừa, việc thải, chứ chẳng có gì là cao đẹp.

Ta có thể dùng chương 14 Trung Dung, để trình bày lại bằng những lời lẽ khác, những ý kiến mà Lão tử đã đề ra trong 2 chương 22 và 24 này.

«Người quân tử sống theo địa vị,

Không ước mơ, lo nghĩ viễn vông.

Sang giàu, sống lối giàu sang,

Nghèo nàn, sống lối nghèo nàn ngại chi.

Tới man di, sống y man mọi,

Gặp gian lao, vui nổi gian lao.

Bất kỳ sống ở cảnh nào,

Lòng người quân tử ra vào thỏa thuê.

Ở cấp trên không đè nén dưới,

Ở dưới không luồn cúi người trên.

Trời, người, chẳng oán, chẳng phiền.

Ung dung thanh thản chờ xem ý trời.

Kẻ tiểu nhân suốt đời tác quái,

Xông gian lao rong ruổi cầu may,

Người quân tử như tay xạ thủ,

Chệch hồng tâm, lỗi đó trách mình.

-
- [1] Khí (xí) 企: kiễng chân. Có bản viết là 跂.
- [2] Khóa 跨: xoạc cẳng.
- [3] Kỳ ư Đạo dã 其於道也: đứng về phương diện Đạo mà xét. Có bản chép là Kỳ tại Đạo dã 其在道也.
- [4] Chuế 贅: thừa thãi, không cần thiết. Theo Cao Hanh, bốn chữ «dư thực, chuế hạnh» 餘食贅行 nên đổi là «dư đức, chuế hạnh» 餘德贅行 và cho đó là cái «Nhân, đức, thông, minh» bên ngoài. Các nhà bình giải Âu Châu thường giải chuế là cái bướu, và hiểu bốn chữ «dư thực chuế hạnh» như «dư thực, chuế hình» 餘食贅形.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 25

TƯỢNG NGUYÊN

象元

Hán văn:

有物混成, 先天地生. 寂兮, 寥兮, 獨立而不改. 周行而不殆. 可以為天下母. 吾不知其名; 字之曰道, 強為之名曰大. 大曰逝. 逝曰遠. 遠曰反. 故道大, 天大, 地大, 王亦大. 域中有四大, 而王居其一焉. 人法地, 地法天, 天法道, 道法自然.

Phiên âm:

1. Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hề, liêu hề, độc lập nhi bất cải. Chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu.

2. Ngô bất tri kỳ danh; tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại. Đại viết thệ. Thệ viết viễn. Viễn viết phản.

3. Cổ Đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.

Dịch xuôi:

1. Có một vật hỗn độn mà nên, sinh trước trời đất; yên lặng, trống không; đứng một mình mà chẳng thay; đi khắp nơi mà không mỏi. Có thể làm mẹ thiên hạ.

2. Ta không biết tên, đặt tên chữ đó là Đạo. Gượng gọi tên đó là Lớn. Lớn là đi, đi là xa; xa là trở lại.

3. Cho nên Đạo lớn, Trời lớn, Đất lớn. Người cũng lớn. Trong đời có bốn thứ lớn, mà Người là một. Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời; Trời bắt chước Đạo; Đạo bắt chước tự nhiên.

Dịch thơ:

1. Có một đấng an nhiên tự hữu,
 Trước đất trời, vĩnh cửu tự thành.
 Tịch liêu, vắng ngắt, vắng tanh,
 Một mình mình biết, một mình mình hay.
 Muôn vàn chẳng chút đổi thay,
 Đó đây quanh quất, đó đây chẳng chồn,
 Sinh muôn vật, mẹ muôn thiên hạ.

2. Tính danh người ta há biết sao,
 Tên Ngài phải gọi thế nào,
 Gọi liêu là Đạo, xưng ào là To.
 Vì quá to, nên xa thăm thẳm,
 Thăm thẳm xa mà vẫn gần kề.

3. Đạo to, to lớn muôn bề,
 Trời to, đất lớn, Người (khoe) lớn (quyền).
 Bốn trọng đại trong miền Vũ trụ,
 Người nhiếp nhiên được ghé một vai.
 Người theo khuôn phép đất đai,
 Khuôn trời đất lấy, Đạo cai quản Trời.
 Tự nhiên, Đạo cứ thành thời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại tiếp tục bình về Đạo. Đại cương vẫn là:

1. Đạo là căn nguyên vạn hữu.
2. Đạo vô hình tướng, nên không thể nào đặt tên cho xứng
3. Đạo vô bất tại. (James Legge cho rằng những chữ «Đại, thể, viễn, phản» tương đương với chữ vô bất tại).

Đạo là Nguyên lý, nên tam tài (Trời, Đất, Người) đều do đạo xuất sinh. Đạo Nho cho rằng người là một ngôi trong Tam tài. Lão tử lại cho rằng Người là một ngôi trong «tứ Đại» (Đạo, Thiên, Địa, Nhân). Tuy nhiên, hai đẳng vẫn nói lên sự cao trọng của con người.

Vả lại, đường lối con người chung qui là phải khuôn theo trời đất, phải khuôn theo Đạo. Mà Đạo thời «tự nhiên». Cho nên đạt tới mức sống «Tự nhiên» là mức sống cao siêu nhất.

Lưu Tư, tác giả quyển «Bạch thoại dịch giải Lão tử» đã toát lược trong ĐĐK và phân loại của Lão tử trong ĐĐK về Đạo như sau:

1. Khi gọi tên Đạo 道, Lão tử dùng những chữ:

- Đạo 道 (chương 1, 4, 21, 23, v. v.)
- Nhất — (ch. 10, 22)
- Cốc thần 谷神 (ch. 6)

- Huyền tần 玄牝 (ch. 6)

2. Khi tả hình dáng của Đạo, Lão tử nói:

- Hoảng hề, hốt hề 恍兮惚兮 (ch. 21)
- Ảo hề, minh hề 窈兮冥兮 (ch. 21)
- Vô trạng chi trạng 無狀之狀 (ch. 14)
- Vô trạng chi tượng 無狀之象 (ch. 14)
- Thị chi bất khả kiến 視之不可見 (ch. 14)
- Thính chi bất khả văn 聽之不可聞 (ch. 14)
- Nghinh chi bất kiến kỳ thủ 迎之不見其首 (ch. 14)
- Tùy chi bất kiến kỳ hậu 隨之不見其後 (ch. 14)

3. Khi đề cập gốc Đạo, Lão tử nói:

- Đế tượng chi tiên 帝象之先 (ch. 5)
- Tiên thiên địa sinh 先天地生 (ch. 25)

4. Nói về sự vận hành của Đạo Lão tử nói:

- Độc lập nhi bất cải 獨立而不改 (ch. 25)
- Chu hành nhi bất đãi 周行而不殆 (ch. 25)
- Kỳ thượng bất kiếu 其上不皎 (ch. 14)
- Kỳ hạ bất muội 其下不昧 (ch. 14)

5. Nói về cái dụng của Đạo, Lão tử viết:

- Uyên hê tự vạn vật chi tông 淵兮似萬物之宗 (ch. 4)
- Dĩ duyệt chúng phủ 以閱眾甫 (ch. 21)
- Hầu vương nhược năng thủ chi vạn vật tương tự tân 侯王若能守之萬物將自賓 (ch. 32)
- Vạn vật đắc chi nhi sinh 萬物恃之而生 (ch. 34)
- Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道常無為而無不為 (ch. 39)
- Thiên đắc nhất dĩ thanh; Địa đắc nhất dĩ ninh; Thần đắc Nhất dĩ linh; Cốc đắc Nhất dĩ doanh; Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh; Hầu vương đắc Nhất dĩ thiên hạ trinh. 神得一以靈; 谷得一以盈; 萬物得一以生; 侯王得一以天下貞 (ch. 39)
- Đạo sinh Nhất; Nhất sinh nhị; nhị sinh tam; tam sinh vạn vật 道生一; 一生二; 二生三 三生萬物, v.v. (ch. 42)

Thực ra, Lão tử còn có nhiều đoạn khác luận về Đạo nhưng sự cố gắng của Lưu tiên sinh khi thu nhập và phân phối những dữ kiện trên cũng đã hết sức đáng khen ngợi.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 26

TRỌNG ĐỨC

重德

Hán văn:

重為輕根. 靜為躁君. 是以聖人終日行不離輜重. 雖有榮觀, 燕處超然. 奈何萬乘之主, 而以身輕天下? 輕則失根, 躁則失君.

Phiên âm:

1. Trọng vi khinh căn. Tĩnh vi táo quân.

2. Thị dĩ thánh nhân^[1] chung nhật hành bất ly tri trọng.^[2] Tuy hữu vinh quan,^[3] yển xử^[4] siêu nhiên.^[5]

3. Nại hà^[6] vạn thặng^[7] chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ. Khinh tắc thất căn^[8], táo tắc thất quân.

Dịch xuôi:

1. Nặng là gốc của nhẹ. Tĩnh là chủ của xao động.

2. Cho nên thánh nhân suốt ngày rong ruổi, mà không bỏ mất sự trang trọng, yên tĩnh.^[9] Tuy sống trong vinh hoa, mà lòng vẫn thung dung sống vượt lên trên.

3. Tại sao vua một nước có muôn cỗ xe lại đem thân coi nhẹ thiên hạ. Nhẹ ắt mất gốc, xao động ắt mất chủ.

Dịch thơ:

1. (Người) trang trọng hơn (người) nhẹ (dạ)

(Người) thung dung chúa (gã) long đong.

2. Đường đường là đấng thánh nhân,
 Suốt ngày rong ruổi, vẫn không buông tuồng.
 Tuy rằng ở chỗ cao sang,
 Tâm hồn thư thái, chẳng màng phần hoa.
 3. Làm vua thống trị sơn hà,
 Cớ sao dờ thói kiêu sa lộng quyền.
 Buông tuồng là mất căn nguyên.
 Lo toan trăm nỗi là quên mất Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta hai điều:

1. Sống cho trang trọng
2. Sống cho yên tĩnh

Chúng ta phải sống trang trọng vì tâm niệm rằng: trong mình ta, gồm đủ thiên lý, thiên đạo, gồm đủ tam tài (thiên, địa, nhân) tam bảo (tinh, khí, thần).

Lý Long Uyên khi bình chương này đã viết đại khái như sau: «Người quân tử đem một thân một mình mà suy hành cho cả thiên hạ; khi làm, hoặc ngồi nghỉ; khi nói năng hay im lặng, đều cảm thấy là do thiên lý lưu hành. Bất kỳ ở địa vị nào (vua, tôi, cha, con), cũng lấy cương thường luân lý để bảo đảm cho sự trang trọng mình; mỗi khi ứng sự tiếp vật, đều lấy đạo đức nhân nghĩa để bảo toàn cho sự trang trọng mình...» [\[10\]](#)

Trung Dung cũng viết:

Mỗi động tác quân tử đều nên như mẫu mực,
 Mỗi hành vi là khuôn phép chúng nhân theo.
 Mỗi lời nói, thiên hạ đời sau sẽ nương vào,

Người xa ngưỡng mộ, người gần không hề ngán. [\[11\]](#)

Thứ đến, Lão tử khuyên ta nên sống với một thần trí định tĩnh.

Lý Long Uyên bình câu «Tuy hữu vinh quan, yển xử siêu nhiên» như sau: «Nên sống vô vi trần tĩnh, «Vinh quan» tức là tất cả những vật dục phân hóa, thanh sắc hóa lợi. Mọi người đều tranh nhau hưởng mùi đời, lặn ngụp trong ba đào thế sự, chỉ có người quân tử là sống an nhàn, siêu thoát; thanh tĩnh khác đời, hư minh thuần nhất; tùy thời thuận lý; không để cho vật dục làm đổi rời; không để cho tính tình vọng động can rời; y như là gió mát trăng trong, lúc nào cũng ung dung thư thái, siêu thoát hồn nhiên... Người tu đạo nếu có thể sống trong sang giàu mà không để cho giàu sang làm thay lòng dạ, sống trong nghèo nàn, mà không để cho nghèo nàn làm lụy tấm thân, được như vậy tức là người quân tử thoát tục rồi còn gì?»

[\[12\]](#)

Gia Cát Vũ hầu cũng viết: «Phi đạm bạc vô dĩ minh chí, phi ninh tĩnh vô dĩ trí viễn.»

非淡泊無以明志, 非寧靜無以致遠.

(Không đạm bạc làm sao sáng suốt,

Không tĩnh định làm sao tiến xa.)

Lý Long Uyên cho rằng: mỗi con người chúng ta đều tôn quý vô ngần, mỗi con người chúng ta đều là một quốc gia có muôn cỗ xe, cho nên chúng ta đừng nên giảm giá trị của mình. Người tu đạo nên lấy đó làm đề tài suy nghĩ.

Lão tử kết luận: Coi nhẹ mình tức là mất căn nguyên; ôm đồm nhiều chuyện phù du, là bỏ mất Đại Đạo.

-
- [1] Có nhiều bản chép là «thị dĩ quân tử» 是以君子.
- [2] Tri trọng 輜重: xe hành lý. Hà Thượng Công giải Tri 輜 là Tĩnh; Trọng 重 là Trọng 重.
- [3] Vinh quan 榮觀: 1) cảnh đẹp; 2) cung điện.
- [4] Yến xử 燕處: 1) Ở yên; 2) nơi cung phi ở (theo cách hiểu Hà Thượng Công).
- [5] Siêu nhiên 超然: 1) vượt lên trên; 2) xa lánh (theo cách hiểu Hà Thượng Công).
- [6] Nại hà 奈何: có bản chép: Như chi hà 如之何; Như hà 如何.
- [7] Vạn thặng 萬乘: muôn cỗ binh xa, chỉ bậc thiên tử.
- [8] Căn 根: có bản chép là «thần» 臣; có bản chép là «bổn» 本.
- [9] Wieger dịch: cho nên vị quốc dân, khi đi (trong xe nhẹ) không bao giờ lìa xe nặng chở hành lý của mình.
- [10] Xem Kim Liên chính tông Long Môn pháp phái, Long Uyên tử Tống Thường Tinh chú giải, Đạo Đức kinh giảng nghĩa, tr. 41b.
- [11] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung Tân Khảo, chương 29.
- [12] Xem Đạo Đức kinh giảng nghĩa, tr. 42.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 27

XẢO DỤNG

巧用

Hán văn:

善行無轍跡. 善言無瑕謫. 善數不用籌策. 善閉無關鍵而不可開. 善結無繩約而不可解. 是以聖人常善救人, 故無棄人; 常善救物故無棄物. 是謂襲明. 故善人不善人之師, 不善人, 善人之資. 不貴其師, 不愛其資, 雖智大迷, 是謂要妙.

Phiên âm:

1. Thiện hành vô triệt tích. Thiện ngôn vô hà trích. Thiện số bất dụng trù sách. Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai. Thiện kết vô thăng ước, nhi bất khả giải.

2. Thị dĩ thánh nhân, thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật cố vô khí vật.

3. Thị vi tập minh. Cố thiện nhân bất thiện nhân chi sư, bất thiện nhân, thiện nhân chi tư. Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê, thị vị yếu diệu.

Dịch xuôi:

1. Đi khéo không để vết chân. Nói khéo không có lỗi lầm. Đếm khéo không dùng thẻ. Đóng khéo không róng, chốt mà không mở được. Thắt khéo, không dây rợ mà không cởi được.

2. Cho nên thánh nhân thường khéo cứu người, nên không có ai bị bỏ; thường khéo cứu vật nên không có vật nào bị bỏ. Thế gọi là sáng gấp đôi.

3. Cho nên người hay là thầy kẻ dở. Kẻ dở giúp người hay. Không quý người hay, không yêu kẻ dở, dẫu là bậc trí, cũng mê lầm. Sự mầu nhiệm cốt yếu là ở chỗ đó.

Dịch thơ:

1. Giỏi di chuyển, không lưu dấu tích,
Khéo nói năng tránh hết lỗi lầm.
Đếm tài, chẳng thê, chẳng thăm,
Bít bùng khéo léo, khỏi cần khóa then.
Thắt buộc giỏi chẳng phiền dây rợ,
Không rợ dây nhưng khó gỡ ra.
2. Thánh nhân cứu thế tài hoa,
Cứu người chẳng bỏ sót qua một người.
Thánh nhân lại có tài dụng vật,
Muôn sự đời chẳng vất bỏ chi.
3. Quang huy lồng bóng quang huy,
Người hay đưa kẻ dở về đường ngay.
Người bất thiện xưa nay đâu uống,
Họ đỡ đần nuôi dưỡng người lành.
Nếu không quý trọng thầy mình,
Không thương người giúp, khôn thành u mê.
Chuyện đời ẩn áo ly kỳ.

BÌNH GIẢNG

Thánh nhân khi đã đạt tới chỗ vô vi khinh thoát, sẽ trở nên hết sức khéo léo; không còn phải dùng đến những phương tiện của thường nhân, mà vẫn đạt được mục đích mong muốn.

- Không ra khỏi cửa, mà vẫn đạt đạo, vẫn tri thiên hạ.
- Dựa vào Đạo, dựa vào những định luật tự nhiên mà ăn nói, nên lời nói không phạm lỗi lầm.
- Không cần thê thăm tính toán mà vẫn giữ được phần hơn thiên hạ (vì giữ được Đạo).
- Chẳng dùng đến khóa then, mà dâm tà cũng không thể xâm nhập được vào thần trí, mà tinh thần cũng chẳng chút phơi pha.
- Chẳng cần dây rợ buộc ràng mà vẫn gắn bó được với Trời với Đạo.
- Thánh nhân không hẹp lượng, nhưng bao dung, phiếm ái muôn loài muôn vật. Thánh nhân không thiên vị người hay, không ruồng rẫy kẻ dở, vì quan niệm rằng người hay thời làm thầy kẻ dở, còn kẻ dở chính là để giúp đỡ người hay.

Sinh ra đời mà bao dung hà hải, cố gắng tác thành cho muôn loài, muôn vật, chẳng hề từ chối, hắt hủi một ai khi họ cần mình, đó chẳng phải là tâm địa của thánh hiền hay sao?

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 28

PHẢN PHÁC

反朴

Hán văn:

知其雄, 守其雌, 為天下溪; 常德不離, 復歸嬰兒. 知其白, 守其黑, 為天下式. 常德不忒, 復歸無極. 知其榮, 守其辱, 為天下谷. 為天下谷, 常德乃足. 復歸於朴. 朴散則為器; 聖人用之, 則為官長. 故大制不割.

Phiên âm:

1. Tri kỳ hùng, thủ kỳ thụ, vi thiên hạ Khê; thường đức bất ly, phục qui anh nhi.
2. Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức. ^[1] Thường đức bất thối, ^[2] phục qui ư vô cực.
3. Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc. Vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc. Phục qui ư phác.
4. Phác tán tắc vi khí; thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trường. Cổ đại chế bất cắt.

Dịch xuôi:

1. Biết sống, giữ mái, làm khe lạch cho thiên hạ. Làm khe lạch cho thiên hạ không lìa «thường đức», trở về trạng thái anh nhi.
2. Biết trắng, giữ đen, làm phép tắc cho thiên hạ. Làm phép tắc cho thiên hạ, không sai «thường đức», trở về vô cực.
3. Biết vinh, giữ nhục, làm hang sâu cho thiên hạ. Làm hang sâu cho thiên hạ, đầy đủ «đức hằng», trở về mộc mạc.
4. Mộc mạc tán thời thành đồ dùng. Thánh nhân được dùng, làm quan trên; cho nên phép lớn không chia cắt. ^[3]

Dịch thơ:

1. Cầm thư (kiếm) biết (thanh) hùng (kiếm)

Sống lem nhem, theo tiếng thế gian.

Lem nhem trước mắt trần hoàn,

Nhưng mà đức cả tiềm tàng chắt chiu.

Quá chắt chiu ra chiều trẻ nhỏ.

2. Cầm tối đen, biết có sáng trong,

Treo gương đã quyết một lòng,

Treo gương thiên hạ, «đức Hằng» tất giao.

Nghĩa tất giao gá vào Vô cực.

3. Biết Ngài vinh ta nhục có sao.

Khiêm cung như thể hang sâu,

Hang sâu thăm thẳm, đức màu chứa chan.

Bỏ phức tạp, chỉ ham phác thực,

Giữ chu toàn thực chất thiên lương.

4. Thiên chân phân tán, vãi vương,

Sẽ thành đồ đạc để nương, để dùng.

Thánh nhân nếu lâm vòng hữu dụng,

Bất quá là trường thượng bách quan.

Mới hay phép lớn mệnh mang,

Không chia, không cắt, vẹn toàn mới hay.

BÌNH GIẢNG

Các nhà bình giảng chương này thường bình và giải rằng: nên khiêm cung, không nên phô trương thanh thế.

Chẳng hạn, Wieger dịch như sau:

1. Biết mình dũng mãnh (biết mình là gà trống) mà lại ăn ở trong tình trạng thấp kém (của con gà mái); tự nguyện sống nơi thấp kém trong nước... Cư xử như vậy tỏ ra rằng mình vẫn giữ được «thường đức» (tuyệt đối vô vị lợi, sống phối kết với Đạo,

2. Biết mình thông sáng, mà vẫn ăn ở ra tuồng ngu dốt; sẵn sàng làm bậc thang cho mọi người... Cư xử như vậy tỏ ra rằng «thường đức» chưa bị giao động», và mình hãy còn phối hiệp với Đại Đạo.

3. Biết mình đáng hưởng vinh hoa, mà sẵn sàng sống trong bóng tối; nguyện làm hang (làm chỗ thấp nhất) trong thiên hạ. Cư xử được như vậy, tỏ ra rằng mình vẫn giữ được nguyên vẹn lòng vô tư nguyên thủy, và vẫn giữ được sự chất phác hồn nhiên, v.v.

Xưa nay các nhà bình giải đại loại đều cho rằng Lão tử muốn ta sống khiêm cung như vậy mà thôi. Tuy nhiên chúng ta cũng có thể bình dịch theo một khía cạnh khác như sau:

Từ những kinh nghiệm mà ta có về tâm hồn ta, [4] ta có thể suy ra [5] rằng trong ta còn có Trời, có

Đạo.

Tại sao vậy? Vì trời đất, đã có âm, thời phải có dương, đã có đen thời phải có trắng.

Cho nên nếu chúng ta nghiệm thấy rằng tâm hồn ta là âm (thư) là đen (hắc), thì lập tức ta sẽ suy ra được trong tâm hồn ta còn có Dương (Hùng), còn có trắng (Bạch) đó là phép từ «trái» suy ra «phải» từ «đầu này» suy ra «đầu kia».

Như vậy từ người tìm ra Trời ra Đạo tưởng không có khó. Ta chỉ việc áp dụng định luật Âm Dương điên đảo, Âm Dương phản phúc của Dịch lý. Thế tức là:

«Điên đảo âm dương phản cửu hoàn.» 顛倒陰陽反九還 (Lộn lạo âm dương để về với Trời với Đạo.)

Cho nên nếu chúng ta tách ra được khỏi trạng thái tâm hồn bác tạp, ô trọc, tầm thường, chúng ta sẽ tìm ra được «thường đức», tìm ra được «mẫu mực không hề sai thác» trong tâm hồn ta, mẫu mực mà từ xưa đến nay, người ta thường gọi là Di, là Trung, là Minh Đức, là Lương tri v. v., và đồng thời chúng ta cũng tìm ra được «Vô cực» vô biên tế, hồn nhiên, thuần phác.

Đó là con đường duy nhất mà các nhà Huyền học dùng để trở về với Đạo, với Trời.

Thánh Augustin cũng đã nói: «Chúa thăm sâu hơn sự thăm sâu của lòng tôi.» [6]

Bình giải theo lối thứ hai của chúng ta này, chúng ta sẽ thấy hai chữ «Phản phác» của Hà Thượng Công nơi đầu chương hết sức có ý nghĩa.

Như vậy theo Lão tử, mục đích con người là thực hiện «Thiên chân» thực hiện «Đạo thể». Có thực hiện được Đạo thể, mới trở nên toàn chân, viên mãn. Không thực hiện được Đạo thể, thời dẫu làm chức vị gì chẳng nữa, cũng vẫn khí cụ cho đời, vẫn bị phân tán, khiếm khuyết.

Trời sinh ra con người có thể có «Đại dụng», mà cũng có thể có «Tiểu dụng». Thực hiện được cái «Đại dụng» thì trời đất cũng không đủ chứa, thực hiện cái tiểu dụng thời nhiều khi không đủ miếng ăn. [7]
Đó là ý nghĩa câu thứ tư: «Phác tán tắc vi khí...»

Chúng ta có thể dùng thiên Tiêu diêu du của Trang tử để bình giải chương này như sau:

«Hồn ta hồi hỷ tiêu diêu,
Tung đôi cánh rộng khinh phiêu chín tầng.
Hãy tung cánh chim bằng muôn dặm,
Cưỡi gió mây bay thẳng về Nam.
Bay về quê cũ giang san,
Hồ Trời vùng vẫy miên man thỏa tình.
Mặc nhân thế rẻ khinh đàm tiếu,
Óc phàm phu sao hiểu chí nhân.
Vùi thân trong chốn hồng trần,
Họ như ve, sẻ, qua lần tháng năm.
Tầm mắt hẹp, mà tâm ti tiểu,
Kiếp phù du nào hiểu chi đầu.
Thân lươn bao quản lấm đầu,

Cốt sao cho khỏi cơ cầu thì thôi.
Phận sâu bọ đành rồi sâu bọ,
Thân nắm rêu, nào rõ tuần trăng.
Ve sầu nào biết thu xuân,
Minh linh ngoài mấy vạn năm hay gì.
Như Bành tổ có chi là thọ,
Mà chúng nhân quá cỡ tán dương.
Người vui tước phận lý hương,
Người vui mũ áo xênh xang trị vì.
Kìa Liệt tử thích đi mây gió,
Cưỡi gió mây đây đó thỏa lòng.
Còn ta khinh khoát vô cùng,
Sánh vai nhật nguyệt vẫy vùng khinh phiêu.
Quên mình, quên hết mọi điều,
Quên tên, quên cả bao nhiêu công trình.
Sống đời sống thần linh sáng khoái,
Như Hứa Do chẳng đoái vương hầu.
Uống ăn nào có chi đâu,
Mà lo với lắng cho dầu lòng ai.
Ta chẳng nói những bài phách lối,
Lời của ta đâu nổi hoang đường.
Lời ta mình chính đảng hoàng.
Vì người không hiểu, trách quàng, trách xiên.
Kẻ mù tối sao xem màu sắc,
Người điếc tai sao bắt âm thanh.
Cho nên những kẻ vô minh,
Tối tăm, ù cạc ngọn ngành hiểu chi.
Sao biết được uy nghi sang cả,
Của những người huyền hóa siêu linh.
Đất trời gồm tóm trong mình,
Lồng vào muôn vật sự tình nào hai.
Dầu sóng cả ngất trời không đắm,
Dầu nóng nung cũng chẳng làm sao.
Trời mây mặc sức tiêu dao,
Cho dù Nghiêu, Thuấn để nào sánh vai.

Kiếp sống nọ mấy ai biết dụng,
 Biết cách dùng cho đúng cho hay.
 Có dưa năm thạch trong tay,
 Bỏ ra năm bảy, dưa này vứt đi
 Nhưng nếu biết để y như trước,
 Dùng làm phao, sông nước nó băng.
 Đồi bất qui thủ [8] lấy vàng.
 Ngõ là đã khéo tính toán lãi lời.
 Ai ngờ nó giúp Ngô thắng Việt,
 Giúp chủ nhân mãi kiếp vinh quang.
 Biết dùng thời thực mệnh mang,
 Dùng sai, dùng dở, oán than nỗi gì.
 Nhưng hay nhất là khi vô dụng,
 Thoát vòng đời tù túng lợi danh.
 Sống trong vô cực siêu linh,
 Xa bề khổ ải, mặc tình nhớn nhơ.» [9]

[1] Thức 式: khuôn phép, mẫu mực.

[2] Thắc 忒: biến đổi, sai lầm.

[3] - Stanislas Julien dịch: Lorsque le Saint est élevé aux emplois, il devient le chef des magistrats. Il gouverne gravement et ne blesse personne.

- James Legge dịch: The sage, when employed, becomes the Head of all the officers (of Government), and in his greatest regulations he employs no violent measures.

- Nguyễn Duy Cần dịch: Một mực tán ra sinh đủ hạng người. Thánh nhân dùng hạng tài năng. Phong làm quan trưởng. Nên phép trị lớn không chia.

- Như vậy ta thấy có hai lối dịch: (a) hoặc dịch: Thánh nhân nếu được dùng, sẽ thành quan trưởng; (b) hoặc dịch: Thánh nhân dùng những quan trưởng.

[4] Giải chữ Thủ 守.

[5] Giải chữ Tri 知.

[6] «Tu eras interior intimo meo. (Conf. III. 6-11)

[7] Xem Mạnh Tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, câu 6: «Cầu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cầu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu» 苟能充之, 足以保四海; 苟不充之, 不足以事父母.

[8] Bất qui thủ 不龜手: Một thứ thuốc bôi vào chân tay cho khỏi nứt nẻ.

[9] Phóng tác theo thiên Tiêu điều du trong Nam Hoa kinh.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 29

VÔ VI

無為

Hán văn:

將欲取天下而為之，吾見其不得已。天下神器，不可為也。為者敗之，執者失之。故物或行，或隨，或歔，或吹，或強，或羸，或挫，或隳。是以聖人去甚，去奢，去泰。

Phiên âm:

1. Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.

2. Cố vật hoặc hành, hoặc tùy, hoặc hứ, ^[1] hoặc xuy, ^[2] hoặc cường, ^[3] hoặc luy, ^[4] hoặc tỏa, ^[5] hoặc huy. ^[6]

3. Thị dĩ thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

Dịch xuôi:

1. Muốn đem thiên hạ mà làm (theo ý mình) ta thấy không thể được. Thiên hạ là đồ vật linh thiêng, không thể làm (theo ý mình). Hễ làm thì hỏng, hễ giữ thì mất.

2. Cho nên vật hoặc đi hoặc theo hoặc hà hơi, hoặc thổi, hoặc mạnh hoặc yếu; hoặc bền vững hoặc mong manh.

3. Cho nên thánh nhân chỉ ngăn sự thái quá, sự xa xỉ, sự tham lam.

Dịch thơ:

1. Những muốn nặn, muốn nhào thiên hạ,

Suy cho cùng, chẳng khá được nào.
 Lòng người nghệ phẩm (thần khí) tối cao,
 Ai cho ta nặn, ta nhào tự do.
 Ngao ngán kẻ mưu đồ như vậy,
 Chẳng chóng chày, hủy hoại lòng người.
 Lòng người ai nắm giữ hoài,
 Già tay nắn bóp, bao đời tiêu ma.

2. Người trần thế (muôn hoa đua nở)
 Có nhanh chân, cũng có chậm chân.
 Người nóng nảy, kẻ lùn chần,
 Người in gang thép, kẻ thuần đào tơ.
 Người kiên gan, kẻ như cánh bướm. [7]

3. Nên thánh hiền sùng thượng chữ khoan.
 Chỉ ngăn quá lạm cực đoan,
 Quá giàu, quá chướng, quá ham tiền tài. [8]

BÌNH GIẢNG

Mọi người, mọi tổ chức đạo giáo, chính trị, xã hội đều mong muốn nhào nặn con người theo ý mình, duy Lão tử dạy ta không nên nuôi hoài bão cải tạo con người theo chiều hướng của mình.

Lão tử vốn chủ trương thiên chân thiên tính là hoàn hảo, cho nên nếu ta có dụng tâm muốn thay đổi con người thì chỉ làm cho con người trở nên sa đọa mà thôi.

Chính vì từ trước tới nay con người đã bị nhồi sọ bằng mọi chủ nghĩa, chủ thuyết, nên ngày nay con người thực y như đang bị ngậy ngất, vật vờ vì những cần sa ma túy tư tưởng.

Krishnamurti cho rằng con người cần được hoàn toàn giải độc thì mới có thể đi đến chỗ khinh khoáng tự do. [9] Ta có thể nói Krishnamurti là một con người ở thế kỷ 20 này, không ngờ mà đã thực hiện chủ trương trên đây của Lão tử. Krishnamurti từ tấm bé đã được bà Annie Besant, đồ đệ của bà Blavatsky, đem về Âu châu giáo dục vì bà có linh giác rằng Krishnamurti này sẽ thành vị «chân sư của thế giới». [10]

Krishnamurti được giáo dục rất kỹ càng ở Oxford, Pháp, California. Ông được tặng một tòa lâu đài ở Eerde với 2000 mẫu tây rừng (Hòa Lan). Tất cả tín hữu phái Thông Thiên học đều hồi hộp chờ ngày ông sẽ chính thức đăng quang làm giáo chủ Thông Thiên học. Thì đúng một cái, năm 1928 ông Krishnamurti trả lại hết mọi chức tước, tài sản mà Thông thiên học đã tặng ông đồng thời từ chối không chịu đăng quang và tuyên bố: Nhân loại đã có nhiều lồng rồi, ông không muốn tạo thêm lồng mới nữa.

Krishnamurti cho rằng: các tôn giáo không giải thoát được con người vì lẽ chúng khống chế con người, làm mất tự do con người, và gây ra những mâu thuẫn trong thâm tâm con người. Những duyên do đó làm cho con người không thể chuyển hóa để nhận ra được Chân đạo. [11]

Ông cho rằng: «Chỉ có ta mới cứu nổi ta.» [12]

Ta cũng có thể mượn lời lẽ của Trang tử trong thiên Tại hựu để bình giảng chương này, như sau:

Giữ sao cho vẹn tình trời,
Giữ sao đức cả khỏi phai khỏi mờ.
Tinh toàn đức tính trời cho.
Ắt là thái thịnh ắt là bình an.
Cần chi mòn mỗi tâm can,
Càng bày vẽ lắm càng oan trái nhiều.
Trị dân chớ có đặt điều,
Làm dân vui, khổ trăm điều mà chi.
Càng nhiều lễ độ, lễ nghi,
Gian ngoan càng lắm, gian phi càng nhiều.
Nghĩa phân mằm mống đăm chiêu,
Nặng bề hình thức, nhẹ chiều tinh hoa.
Cho nên đường lối cao xa,
Con đường tuyệt diệu phải là vô vi.
Khi người quân tử trị vì,
Cần chi thao thức, suy vi hình hài.
Vô vi bắt trước lối trời,
Ngồi yên dùng mắt tuyệt vời mà xem.
Im lìm vẫn tựa sấm rền,
Dùng thần vận chuyển khắp miền trời mây.
Im lìm lặng lẽ khoan thai,
Thế mà muôn vật muôn loài nhờ nhen.
Gặp Lão Đàm, Thôi Cồ ước hỏi,
Không trị người sao đổi lòng người.
Thưa rằng đừng lấy làm chơi,
Lòng người đâu phải là nơi rốn đùa.
Bị đè nén bơ phờ rời rạc,
Được chắt chiu vênh vác ngông nghênh.
Lúc mềm, mềm tội, mềm tình,
Đến khi cứng rắn, sắt đánh thua gì.
Lúc nóng nảy khác chi lửa đỏ,
Lúc lạnh lùng, lạnh rõ như băng.
Nhanh thời bốn biển mịt mù,
Cũng trong chớp mắt vẫy vùng rong chơi.
Khi êm ả chơi với vực thẳm,

Lúc bùng lên, vút thẳng trời mây.
 Kiêu hùng, khinh khoáng bấy nay,
 Chẳng từng nào trối, chẳng giây nào cầm.
 Lạ thay là cái nhân tâm !...
 Muốn tù túng cầm chân thiên hạ,
 Nên muôn nghìn tai họa mới sinh.
 Nghĩa nhân đảo lộn nhân tình,
 Do nhân, do nghĩa, điều linh nhân quần.
 Tẩy trừ thánh trí gian trần,
 Tẩy trừ cho hết là dân an hòa. [13]

[1] Hư 虛: hà hơi cho nóng lên (apathiques).

[2] Xuy 吹: thổi cho nguội (ardents).

[3] Cường 強: mạnh (fort).

[4] Luy 羸: yếu (faibles).

[5] Tỏa 挫: Hà Thượng Công viết là tải 載 và giải là an 安.

[6] Huy 隳: hủy nát. Hà Thượng Công giải là nguy 危.

Wieger dịch tỏa 挫 là: durables; huy 隳 là éphémères.

[7] Wieger dịch: Quand il gouverne, le Sage laisse aller tous les êtres (et l'empire qui est leur somme), d'après leurs natures diverses; les agiles et les lents; les apathiques et les ardents, les forts et les faibles, les durables et les éphémères.

[8] Wieger dịch: Il se borne à réprimer les formes d'excès qui seraient nuisibles à l'ensemble des êtres comme la puissance la richesse, l'ambition.

[9] Déconditionner la totalité de la conscience. -- Planète, no 14, p. 15.

[10] Instructeur du monde. Ib. p. 22.

[11] «Aucune croyance organisée ne peut libérer l'homme en vue de trouver la vérité». (Krishnamurti) Planète, No 14, p. 22.

... Or la liberté est l'essence même de la religion dans le vrai sens de ce mot. Cette essentielle liberté est déniée par toutes les organisations religieuses, en dépit de ce qu'elles disent. -- Ib., p. 20.

... Tant qu'elle existe dans la conscience un conflit quel qu'il soit, il n'y a pas mutation. Tant que domine sur nos pensées l'autorité de l'Église ou de l'État, il n'y a pas mutation...

Tant que l'éducation, le milieu social, la tradition, la culture, bref notre civilisation, avec tous ses rouages nous conditionne, il n'y a pas mutation... -- Ib. p. 16.

... La religion organisée ne peut produire que des réformes sociales, des changements superficiels... -

- lb. p. 19.

Un esprit vraiment religieuse est dénué de toute peur car il est libre de toutes les structures que les civilisations ont imposées au cours des millénaires... -- lb. p. 20.

[12] Il y a de l'espoir en homme, non en la société, en les systèmes religieux organisés, mais en vous et en moi... -- lb. p. 13.

[13] Trang tử, Nam Hoa kinh, Tại hựu.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 30

KIỆM VŨ

儉武

Hán văn:

以道作人主者不以兵強天下. 其事好還. 師之所處, 荊棘生焉. 大軍之後, 必有凶年. 故善者果而已; 不敢以取強; 果而勿矜; 果而勿伐; 果而勿驕; 果而不得已; 果而勿強. 物壯則老, 是謂非道, 非道早已.

Phiên âm:

1. Dĩ Đạo tác nhân chủ giả bất dĩ binh cường thiên hạ. Kỳ sự hiếu hoàn. Sư chi sở xử, kinh cực sinh yên. Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên.
2. Cố thiện giả quả [1] nhi dĩ; bất cảm dĩ thủ cường; quả nhi vật căng; quả nhi vật phạt; quả nhi vật kiêu; quả nhi bất đắc dĩ; quả nhi vật cường.
3. Vật tráng tắc Lão, thị vị phi Đạo, phi Đạo tảo dĩ. [3]

Dịch xuôi:

1. Ai coi Đạo là vua (thiên hạ) không dùng binh mà bức thiên hạ. Chiến tranh có vay có trả Chỗ quân sĩ đóng, gai góc sẽ sinh. Sau trận chiến lớn, ắt có những năm tai ương.
2. Cho nên người khéo sẽ giải quyết (trận chiến) một cách mau lẹ, mà không ỷ sức mạnh; giải quyết mau lẹ mà không khoe khoang; giải quyết mau lẹ mà không tự khen; giải quyết mau lẹ mà không kiêu căng; giải quyết mau lẹ vì bất đắc dĩ; giải quyết mau lẹ mà không muốn trở nên mạnh mẽ.
3. Vật lớn mạnh ắt già; Như vậy là trái Đạo; trái Đạo sẽ mất sớm.

Dịch thơ:

1. Ai coi Trời là vua muôn nước,
 Chẳng hưng binh, tính cuộc chiến tranh.
 Chiến tranh phản phúc tung hoành,
 Bao nơi quân lữ đã thành góc gai.
 Sau vó ngựa những người chiến sĩ,
 Là những năm rầu rĩ lắm than.
2. Tướng tài dẹp loạn mau tan,
 Nhưng mà chẳng dám khoe khoang sức mình.
 Tuy đánh mạnh, chẳng vinh vì thế,
 Chẳng kiêu căng, chẳng kể công lao.
 Ép tình nên chẳng hùng hào,
 Chứ đâu có muốn đề cao sức mình.
3. Khi sức lực phong doanh thịnh tráng,
 Thời già nua, suy giảm theo sau.
 Cây tài cây mạnh hay đâu,
 Đi sai Đạo lý, trước sau chẳng bề.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên không nên dụng binh, dụng võ, vì binh đao gây họa không cùng. Nếu cần dùng đến võ lực, thì cũng chỉ dùng trong những trường hợp bất khả kháng chứ đừng nên cậy mạnh, cậy thế, đừng nên dùng binh đao để xâm lăng.

Tư tưởng của Lão tử phản ánh lại tư tưởng của Dịch và của cổ nhân về chiến tranh. [\[4\]](#)

- Dịch coi chiến tranh như là cái gì độc hại (xem quẻ Sư, phần Thoán). Nên mỗi khi hưng binh động chúng, phải có chính nghĩa (quẻ Sư, phần Thoán).
- Chỉ nên hưng binh động chúng để tự vệ (quẻ Sư, hào lục ngũ).
- Đã hưng binh động chúng, cần phải chọn tướng tài chỉ huy (quẻ Sư, hào hai) và cần phải biết phép dùng binh (quẻ Sư, hào Sơ)

Người xưa chỉ dùng sức mạnh, dùng võ lực để:

- Thế thiên trừ bạo.
- Bảo vệ những di sản tinh thần của tiền nhân.

Vì thế chỉ khi cần mới mộ binh; Hết giặc lại cho binh sĩ về làng. Chính vì thế mà chữ Vũ 武 gồm hai chữ «chỉ qua» 止 戈 (ngừng gươm giáo) và ngụ ý dùng vũ lực để ngăn chiến tranh. [\[5\]](#)

Người tướng tài tuyệt đối không được cho quân tham đến tài sản tính mệnh của dân chúng. Đó là đường lối của vua Thành Thang khi hưng binh đánh vua Kiệt và của Vũ Vương khi hưng binh đánh vua Trụ. Chủ trương này được dân chúng hết sức hoan nghênh. [\[6\]](#)

Bình pháp Tư Mã Nho thư có câu: «Đánh giặc giỏi nhất là dùng mưu; thứ đến là dùng ngoại giao, thứ nữa là dùng binh; thứ nữa là đánh phá thành lũy. [\[7\]](#)

Cũng nên nhắc lại rằng khi Vũ Vương dẹp xong Trụ Vương, liền đem trâu trận, ngựa chiến phóng thích nơi miền núi Hoa Dương và miền đồng Đào Lâm để tỏ ý sẽ dùng văn để mà cai trị, cải hóa thiên hạ, thay vì dùng võ, dùng bạo lực. [8]

Sau này nhân loại càng ngày càng tỏ ra cuồng bạo: mỗi khi có chiến tranh, dân chúng, binh sĩ chết không biết cơ man nào. Bạch Khởi giết trong một đêm 40 vạn hàng binh Triệu, làm cho máu chảy đầy sông Dương Cốc. [9] Hạng Võ giết dân chúng Hàm Dương hơn 4600 mạng, thân chất đầy chợ, máu chảy như sông. [10] Đến thời văn minh chúng ta bây giờ chiến tranh lại càng tàn phá khốc liệt, không còn biết phân biệt đâu là dân, đâu là quân, đâu là có tội, đâu là vô tội.

Có một điều đáng lưu ý là Lão tử cũng như kinh Dịch không hoàn toàn hô hào dẹp bỏ binh đao, vũ lực, mà chỉ khuyên nên hết sức thận trọng trong việc dùng vũ lực. Có lẽ như vậy, sát với thực tế hơn.

[1] Các bản thường viết là tá 佐.

[2] Quả 果: quả quyết. Có bản chép là: Cổ thiện hữu quả 故善有果.

[3] Có bản chép là: Thị vi bất Đạo, bất Đạo tảo hĩ 是為不道, 不道早矣.

[4] Nên đọc các bài thơ chống chiến tranh sau đây:

a- «Lương châu từ» 涼州詞 của Vương Hàn 王翰 (Trần Trọng Kim, Đường thi, tr. 357)

b- «Thạch hào lại» 石壕吏 của Đỗ Phủ 杜甫 (Trần Trọng Kim, Đường thi, tr. 65,67)

c- «Loạn trung ức chư huynh đệ» 亂中憶諸兄弟 của Bạch Cư Dị 白居易 (Bùi Khánh Đản, Đường thi, tr. 349)

[5] Sở Trang Vương viết phù vũ định công tập binh; cổ chỉ qua vi vũ 楚莊王曰夫武定功戢兵; 故止戈為武 (Sở Trang Vương nói vũ là xác định công trạng, tàng phục binh lính. Cho nên ngừng gươm giáo gọi là vũ). Xem Thuyết Văn Giải Tự 說文解字, Trung Hoa Thư Cục xuất bản, Bắc Kinh tái bản 1996, tr. 266. Léon Wiegner giải: Tùg chỉ, tùg qua, hội ý 從止從戈會意. Qua 戈 (khí giới) đình chỉ 止 các cuộc xâm lăng thù hận, nhờ đó dân chúng ấm no. Trong cách viết hiện đại, nét phiệt của chữ qua 戈 được đảo lên trên. Xem Léon Wiegner, Caractères Chinois, bài 71, tr. 178.

[6] Xem Mạnh tử, Tận tâm, chương cú hạ, câu 4, 5.

[7] Thượng binh phạt mưu, kỳ thứ phạt giao, kỳ thứ phạt binh, kỳ thứ công thành 上兵伐謀, 其次伐交, 其次伐兵, 其次攻城.

[8] Kinh Thư, Vũ Thành, tiết 2.

[9] Xem Võ Minh Trí dịch, Đông Châu liệt quốc, tr. 1168.

[10] Thanh Phong dịch, Tây Hán diễn nghĩa, tr. 141.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 31

YẾN VŨ ^[1]

偃武

Hán văn:

夫佳兵者, 不祥之器, 物或惡之. 故有道者不處. 君子居則貴左, 用兵則貴右. 兵者, 不祥之器, 非君子之器. 不得已而用之. 恬淡為上. 勝而不美. 而美之者, 是樂殺人. 夫樂殺人者, 則不可以得志於天下矣. 吉事尚左, 凶事尚右. 偏將軍居左, 上將軍居右, 言以喪禮處之. 殺人之眾, 以哀悲泣之. 戰勝以喪禮處之.

Phiên âm:

1. Phù giai ^[2] binh giả bất tường chi khí, vật hoặc ố chi. Cố hữu Đạo giả bất xử.

2. Quân tử cư đắc quý tả, dụng binh tắc quý hữu. Binh giả bất tường ^[3] chi khí, phi quân tử chi khí. Bất đắc dĩ nhi dụng chi. Điềm đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ ^[4]. Nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả dĩ đắc chí ư thiên hạ hĩ.

3. Cát sự ^[5] thượng ^[6] tả. Hung sự thượng hữu. Thiên tướng quân ^[7] cư tả. Thượng tướng quân cư hữu. Ngôn dĩ tang lễ ^[8] xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ ai bi ^[9] khảo chi. Chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.

Dịch xuôi:

1. Binh đao là vật bất tường, ai cũng ghét; cho nên người có Đạo chẳng (thích) dùng.

2. (Khi bình thời) vị quốc quân trọng (ai thì mới đứng về) bên trái; (lúc chiến tranh) (muốn) trọng (võ tướng thì lại mời đứng ở) bên trái. Binh đao là vật bất tường; quân tử chẳng nên dùng nó. Bất đắc dĩ mới phải dùng. Người quân tử ưa sống điềm đạm. Thắng không có mừng. Mừng vì thắng hẳn là tâm địa kẻ

thích giết người. Thích giết người không thể cai trị thiên hạ.

3. (Theo nghi lễ) lành ở bên trái, dữ ở bên phải. Phó tướng ở bên trái, thượng tướng ở bên phải. Đó là nghi tiết dùng trong tang lễ. Kẻ giết người, phải khóc lóc xót thương (những người oan khuất). Kẻ chiến thắng phải đứng làm chủ tang. [\[10\]](#)

Dịch thơ:

1. Binh đao là chuyện bất tường,
Muôn loài khiếp sợ chán chường binh đao.
Người đao hạnh chẳng vào chốn đó,
2. Chốn binh đao chẳng có mặt người.
Người quân tử ưa nơi tả dực,
Khách kiếm cung, thích chức hữu biên.
Đao binh họa hại vô biên,
Nên người quân tử chẳng phiền đao binh.
Bất đắc dĩ hạ mình dùng nó,
Nhưng dần lòng hãy cố tránh voi,
Thắng về đừng lấy làm vui,
Ai vui khi thắng là người sát nhân.
Lấy đổ máu nhân dân làm khoái,
Thâu tóm sao muôn giải giang sơn.
3. Nếu đem nghi lễ mà bàn,
Hai bên phải trái dữ, lành chia hai.
Bên tả dực là ngài phó tướng,
Còn hữu biên là thượng tướng quân.
Đó là thứ tự qua phân,
Dùng trong tang lễ (xa gần xưa nay).
Người nào đã dùng tay giết lát,
Đã ra tay tàn sát chúng nhân,
Thời nên bi lụy thương tâm,
Một khi chiến thắng, khóc dân vong tàn.

BÌNH GIẢNG

Chương này vẫn khuyên ta đừng nên trọng binh đao, cổ súy binh đao. Thánh nhân xưa nay đều như vậy.

Vệ Linh Công nước Vệ hỏi đức Khổng về chiến trận. Ngài đáp: «Việc sắp đặt cúng tế nơi tông miếu, tôi thường có nghe qua. Còn cuộc sắp đặt quan binh chiến phạt thì tôi chưa từng học.» Sáng hôm sau, ngài bỏ đi. [\[11\]](#)

Các bậc thánh nhân xưa nếu «phải làm một việc bất nghĩa, giết một kẻ vô tội để lên ngôi thiên tử trị vì

thiên hạ, thời cũng không làm». [12]

Tiếp theo, Lão tử bàn về ý nghĩa của hai bên phải trái.

Theo Dịch thì phía trái là phía Dương, phía Sinh 生; phía phải là phía Âm, phía Sát 殺. Cho nên văn thời đứng bên trái, võ thời đứng bên phải.

Lại bàn thêm rằng khi chiến thắng về, vị chủ soái phải đứng ra để chịu tang, để khóc thương những người vì mình đã phải chết oan vì chiến tranh.

Đó cũng là một tục lệ, vì xưa nay phàm thắng trận người ta thường làm lễ linh đình để cảm ơn thần thánh đã hộ trì cho mình, tiêu diệt được địch nhân. Có mấy ai đã chịu rõ lệ khóc thương cho những người bạc mệnh bao giờ !

[1] Chữ 偃 đọc là yển như Thuyết Văn Giải Tự phiên thiết: ư hiến thiết 於憲切; đa số đọc là yển như Từ Hải phiên thiết: ỷ kiến thiết, âm yển, nguyên vận 倚蹇切 音堰阮韻. Nghĩa là tức 息 (ngừng nghỉ). Kinh Thư, thiên Vũ Thành 武成, nói: Yển vũ tu văn 偃武修文. Nghĩa là: Yển tức vũ bị, tu minh văn giáo 偃息武備修明文教 (ngừng việc vũ, sửa việc văn). Từ đó Hán Thư 漢書 Lễ Nhạc Chí 禮樂志 gọi là yển vũ 偃武. Trang Tử, thiên Từ Vô Quỷ 徐無鬼 ghi: Yển binh kỳ khả hồ? 偃兵其可乎 (xếp bỏ việc binh được sao?)

[2] Vương Niệm Tôn cho rằng nên đổi là chuy 佳 hay duy 唯.

[3] Bất tường 不祥: chẳng lành.

[4] Bất mỹ 不美: không cho là hay.

[5] Cát sự 吉事: việc lành.

[6] Thượng 尚: chuộng, trọng.

[7] Thiên tướng quân 偏將軍: phó tướng.

[8] Tang lễ 喪禮: lễ tang.

[9] Ai bi 哀悲: buồn thương. -- Bị chú: Đặc biệt chương 31 này trong bản Vương Bật không thấy có lời bình. Có lẽ là lời bình và lời kinh đã lẫn lộn nhau.

[10] Chương này phỏng dịch theo Léon Wieger, cho xuôi nghĩa.

[11] Xem Luận Ngữ, chương XV, câu 1.

[12] Hành nhất bất nghĩa, sát nhất bất cô nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã 行一不義,殺一不辜而得天下,皆不為也. Xem Mạnh tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, câu 2.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 32

THÁNH ĐỨC

聖德

Hán văn:

道常無名. 朴雖小, 天下不敢臣. 侯王若能守之, 萬物將自賓. 天地相合, 以降甘露, 民莫之令而自均. 始制有名, 名亦既有. 夫亦將知止; 知止可以不殆. 譬道之在天下; 猶川谷之於江海.

Phiên âm:

1. Đạo thường vô danh. Phác tuy tiểu, thiên hạ bất cảm thần. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân. Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi lệnh, nhi tự quân. [1]

2. Thủy chế hữu danh, danh diệc ký hữu. Phù diệc tương tri chỉ; [2] tri chỉ khả bất đãi. [3] Thí Đạo chi tại thiên hạ; do xuyên cốc chi ư giang hải.

Dịch xuôi:

1. Đạo thường không tên, mộc mạc. Tuy nhỏ, dưới trời không ai bắt được nó phải thuần phục. Nếu bậc vương hầu giữ được nó, vạn vật sẽ thuần phục; trời đất hòa hợp làm cho móc ngọt rơi xuống. Dân không phải sai khiến, mà chia đều nhau.

2. Bắt đầu phân chia, mới có tên. Đã có tên phải biết chốn dừng. Biết chốn dừng mới không hại. Đạo sánh với thiên hạ, như suối khe với sông biển.

Dịch thơ:

1. Đạo vốn dĩ không tên, không tuổi,
Lại tế vi xiết nỗi đơn thuần.

Thế mà trong khắp nhân quần,
 Đố ai bắt được Đạo thuần phục oai.
 Vương hầu nào thờ Ngài một dạ,
 Thì dân con cảm hóa liền tay.
 Đất trời đúng tiết vắn xoay,
 Cam lồ tưới xuống (cỏ cây phỉ tình),
 Dân gian sống an bình đầy đủ,
 Chẳng đợi truyền tự sẽ áo cơm.
 2. Kia tạo vật nhiều tên, lắm tuổi,
 Lắm tuổi tên, một cội, một nguồn.
 Mang danh vào chốn trần hoàn,
 Biết nơi dừng bước mới ngoan mới lành.
 (Nơi Đạo cả siêu linh), dừng bước,
 Sẽ thoát vảnh (ô trược), gian nan.
 Đạo kia đối với thế gian,
 Như khe, như suối đối hàng biển sông.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại tiếp tục bình luận về Đạo.

A. Đạo vừa là cực tiểu, vừa là cực đại

- Cực tiểu vì «vô danh» và «thuần phác».
- Cực đại vì mọi vương tước đều phải thuần phục.

Quan niệm này sẽ còn được nhắc lại nơi chương 34: «Thường vô dục khả danh ư tiểu; Vạn vật qui yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại.» 常無欲,可名於小;萬物歸焉而不為主,可名為大.

Trang tử nơi Tịch thiên, Thiên Hạ, cũng nói: «Rất lớn không ngoài... rất nhỏ không trong.» (Chí đại vô ngoại, chí tiểu vô nội 至大無外,至小無內) [4]

Nói Đạo vừa cực tiểu, vừa cực đại, nghĩa là nói Đạo bao quát hết cả mọi phương diện, vì thế nên tuyệt đối vô cùng.

B. Thuận theo Đạo, thiên hạ sẽ bình trị.

Lão tử chủ trương nếu con người sống thuận theo Đạo, thuận theo lẽ tự nhiên, thiên hạ sẽ bình trị. Nói thế tức là bao lâu chúng ta còn đi sai đường lối của trời đất, bao lâu còn chưa thuận thiên thời, thủy thổ, vật lý, tâm lý, thiên lý, thì bấy lâu, cuộc đời chúng ta - bất kỳ là đời sống tư nhân, hay quốc gia, xã hội - vẫn chưa được ổn định.

C. Đạo trước và sau khi sinh ra vạn vật:

Đạo khi chưa sinh ra vạn vật thì hồn nhiên nhất thể; đạo khi đã sinh vạn vật thì y như sẽ phân tán, chia phối thành nhiều hình trạng và có nhiều danh hiệu khác nhau.

Con người giác ngộ phải biết sống một cuộc sống không xa lìa Đạo thể, phải biết dừng chân nơi bến

bờ hoàn thiện, thuần phác, vĩnh cửu.

Tìm ra được vĩnh cửu giữa vạn trạng phù du; tìm ra được tĩnh lặng giữa muôn vàn đợt sóng thế sự rạt rào; tìm ra được thiên chân giữa mọi hoàn cảnh tang thương, ảo hóa; tìm ra được viên mãn, thuần phác trong một thế giới đầy bác tạp, chệch mức dở dang, như vậy tức là:

- Tri chỉ theo Lão tử.

- «Hưu Hồ Thiên quân» 休乎天鈞 (an nghỉ trong Thượng đế) theo Trang tử. [5]

- «Chỉ ư chí thiện» 止於至善 theo Đại Học [6] hay «Thung dung trung đạo» 從容中道 theo từ ngữ Trung Dung. [7]

- «Đáo bỉ ngạn» 到彼岸 theo từ ngữ Phật giáo.

Lão tử còn cho ta thấy rằng Đạo sinh ra muôn loài muôn vật, y thức như khe suối sinh ra sông biển. Đạo không lìa khỏi muôn loài muôn vật, cũng như khe suối chẳng bao giờ lìa khỏi sông biển. Nước khe suối tuôn ra sông biển, rồi nước sông biển lại thành mưa trở về nguồn. [8]

Các học giả thường bình giải như Tô Tử Do rằng: «Nước tụ vào sông biển; suối khe ở núi có thể coi như những bộ phận nhỏ của nước chia ra. Muôn loài là tế phân của Đạo, mà Đạo là đầu gốc muôn loài. Vật thì hết thủy sông ngòi trở lại đại dương cũng như hết thủy mọi vật dưới trời này phải lộn về Đạo đã phát sinh ra chúng.» [9]

Bình giảng như cách trên, xét về ý thời không sai, nhưng không ăn ý với câu văn của Lão tử.

Lão tử viết: «Đạo đối với thiên hạ, như suối khe đối với sông biển.» Như vậy Đạo ứng với suối khe, thiên hạ ứng với sông biển.

Wieger bình toàn chương này một cách sâu sắc như sau: «Mọi vật tồn tại là nhờ ở sự triển dương của Đạo. Những sự triển dương ấy không tách rời khỏi Đạo, và Đạo không suy giảm khi chia sẻ với tạo vật. Sự triển dương của Đạo trong mỗi vật chính là bản thể của vật. Đạo là Đại thể, tức là toàn thể vạn vật, vì vạn vật là những tiểu thể phát sinh do sự triển dương của Đạo.» [10]

[1] Duyvendak đem câu «Phác tuy tiểu... dân mạc chi lệnh nhi tự quân» 朴雖小，天下不敢臣。侯王若能守之，萬物將自賓。天地相合，以降甘露，民莫之令而自均 xuống chương 37.

Duyvendak lại còn cho rằng chương 32 này có liên lạc với chương 66. Và có lẽ chương 66 tiếp ngay sau chương 32 này.

[2] Chữ «tri chỉ» 知止 đây giống với chữ «tri chỉ» 知止 trong Đại Học và «tri chỉ» 知止 trong Nam Hoa kinh, chương 23, Canh tang sở, đoạn C.

[3] Hà Thượng Công viết: Thiên diệc tương tri chi; tri chi khả dĩ bất đãi 天亦將知之。知之可以不殆。 Và giảng rằng: Nếu mình hành động theo Đạo đức, thì trời sẽ biết, và thần linh sẽ hộ trì, nên không gặp nguy hại.

[4] Xem thêm Trung Dung, chương 12: Ngự đại, thiên hạ mạc năng tải yên; ngự tiểu, thiên hạ mạc năng phá yên 語大，天下莫能載焉語小天下莫能破焉。

[5] Thị dĩ thánh nhân hòa chi dĩ thị phi, nhi hưu hồ Thiên quân 是以聖人和之以是非而休乎天鈞。 Trang tử Nam hoa kinh, Tề Vật luận, đoạn C.

[6] Cf. Đại Học, chương 1.

[7] Xem Trung Dung, chương 20.

[8] Duyvendak dịch: La place de la Voie à l'égard de tout-sous-le-ciel peut être comparée à celles des torrents et des vallées à l'égard du Fleuve et de la Mer. Cf. J. J. L. Duyvendak, Le Livre de la Voie et de la Vertue, 1953 p. 77.

[9] Xem Nghiêm Toàn, Lão tử Đạo Đức kinh, q. 1, tr. 226. Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 40. Wieger dịch: Il en est du Principe par rapport aux êtres divers qui remplissent le monde, comme de la masse des grands fleuves et des mers par rapport aux ruisseaux et aux filets d'eau. Ib. 40.

[10] Chaque être existe par un prolongement du Principe en lui. Ces prolongements ne sont pas détachés du Principe, lequel ne diminue donc pas en se communiquant. Le prolongement du Principe est la nature universelle, étant la somme de toutes les natures individuelles, ses prolongements. Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 40-41.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 33

BIỆN ĐỨC

辨德

Hán văn:

知人者智, 自知者明. 勝人者有力, 自勝者強. 知足者富, 強行者有志. 不失其所者久. 死而不亡者壽.

Phiên âm:

1. Tri nhân giả trí, tự tri giả minh. Thắng nhân giả hữu lực, ^[1] tự thắng giả cường. Tri túc giả phú, cường hành giả hữu chí. ^[2]

2. Bất thất kỳ sở giả cửu. ^[3] Tử nhi bất vong giả thọ. ^[4]

Dịch xuôi:

1. Biết người là khôn. Biết mình là sáng. Thắng người là kẻ có sức; tự thắng là kẻ mạnh. Biết «tri túc» là giàu; cố gắng là người có chí.

2. Không đánh mất điểm tựa sẽ vững bền. Chết mà không hết, thế là thọ.

Dịch thơ:

1. Biết người là kẻ trí cao,
Biết mình ấy kẻ anh hào quang minh.
Thắng người khác đã đành rằng khỏe,
Tự thắng mình xiết kể hùng cường.
Biết túc mãn ấy giàu sang,

Cố công gắng sức, bền gan ấy người.

2. Muốn trường cửu chớ rời chỗ tựa,

Chết vẫn còn là thọ muôn đời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên:

1. Phải biết mình.
2. Phải tự thắng, phải kiềm chế được mình.
3. Phải biết «tri túc».
4. Phải biết cố gắng.
5. Phải tìm cho ra chỗ dựa nương cho mình.
6. Phải làm sao để trường sinh bất tử.

1. Phải biết mình

«Triết nhân» thì «tri kỷ». Có biết mình, mới biết Trời. Mạnh tử viết:

«Biết hết tâm, sẽ hay biết tính,

Hay biết tính, nhất định biết Trời.» [\[5\]](#)

Biết mình để biết Trời tức là phương pháp đi từ ngọn ngành để lần về gốc gác.

Chứ học để biết phàm tâm với thất tình, lục dục của nó suông mà thôi, thì thiết tưởng chẳng ích lợi gì.

Có nhiều người sống suốt đời mà chỉ biết có một thứ học «trục vật», chạy theo ngoại cảnh, tìm hiểu ngoại cảnh. Những người đó là những người trí giả, thức giả (intellectuels, savants) chứ không phải là những người minh triết (philosophes).

2. Phải tự thắng, phải kiềm chế được mình

Cái cao siêu của con người chính là sự thoát được vòng kiềm tỏa của thất tình, lục dục; từ phàm phu trở thành một con người siêu nhiên. Muốn vậy cần phải tự thắng.

3. Phải biết tri túc

Biết tri túc sẽ sung sướng; không biết tri túc sẽ lao đao, lận đận suốt đời, chạy theo tiền tài, danh lợi để rồi cũng lại như:

«Vua Ngô 36 tâu vàng,

Chết xuống âm phủ chẳng mang được gì.»

4. Phải cố gắng

Muốn thực hiện được đại công trình nói trên, tức là trở thành con người siêu nhiên, cần phải cố gắng không ngừng. Đó là định luật của trời đất. Dịch kinh viết: «Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.» 天行健, 君子以自強不息 (Trời vận hành không ngơi nghỉ, người quân tử thấy thế, cũng phải cố gắng không ngừng.) [\[6\]](#)

5. Phải tìm cho ra được chỗ dựa

Đâu là chỗ nương dựa cho chính mình? Trong thế giới này, đại phàm cái gì có hình thức, sắc tướng đều là bào ảnh, quang hoa, nay còn, mai mất, không thể nào là chỗ dựa nương cho mình được.

Cho nên, suy cho cùng, thì chỉ có Trời, có Đạo, có Tuyệt đối vĩnh cửu, bất biến mới có thể làm chỗ dựa nương cho mình được mà thôi. Kinh Kim Cương viết: «Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.» 應無所住而生其心 Chính là dạy ta phải dựa vào Tuyệt đối.

Dịch kinh viết:

«Hiền nhân thông lý trung hoàng,
 Tìm nơi chính vị mà an thân mình.
 Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,
 Làm cho cơ thể sường vinh mỹ miều.
 Phát ra sự nghiệp cao siêu,
 Thực là đẹp để điển điều còn chi.» [7]

Trang tử trong thiên Đại Tông sư, đoạn 3, cũng khuyên ta nên gửi thân vào «Đại Khố» để được trường tồn. [8]

6. Phải làm sao để trường sinh bất tử

Lý Long Uyên bình câu «Tử nhi bất vong giả thọ» như sau: «Trời được chân thể của mình nên tồn tại; Con người được chân thể của mình sẽ trường thọ. Cũng có thể nói rằng: Vào nơi vô gián, siêu xuất sinh tử, cùng trời đất hợp làm một là «Tử nhi bất vong giả thọ». Chết ở đây là chết cái phàm tâm, vọng tâm. Còn nơi đây là còn cái Chân tính, Pháp tính. Vọng tâm đã chết rồi, Chân tính tự nhiên sẽ trường tồn. Cho nên thánh nhân xưa không coi cái chết là chết, mà coi sự không biết Đạo là cái chết; không gọi cái sống là sống, mà coi sự biết Đạo là cái sống. Khi đã biết Đại Đạo, dẫu thân chết đi, nhưng Chân tính chẳng chết; Hình tuy tiêu đi, nhưng Chân ngã chẳng tiêu. Thế tức là: Pháp tính của ta bất sinh, bất tử, bất hoại, bất diệt, không có cổ kim, thường trụ, thường tại, tuy không kể số thọ mình, nhưng mà thọ vô cùng. Nếu bảo rằng sắc thân không chết là thọ, thì đó là cái thọ sắc tướng mà thôi. Chưa thoát được cái thọ sắc tướng, thì làm sao có thể siêu xuất sinh tử mà đạt được tới bờ bên kia được, thì làm sao mà chứng quả «chân thường vô lậu» được? «Tử nhi bất vong giả thọ» là như vậy.» [9]

Tôi hoàn toàn đồng ý với Tống Long Uyên.

[1] Có bản chép: Thắng nhân giả lực 勝人者力 (bỏ chữ hữu 有).

[2] Có bản chép: Cường hành giả hữu 強行者有 (bỏ chữ chí 志).

[3] Có bản chép: Bất thất kỳ sở chỉ giả cửu 不失其所止者久 (thêm chữ chỉ 止).

[4] Chữ vong xưa viết là vong 忘 (quên). Nhiều bản viết vong 亡 (mất). Vong 亡 là mất mới có ý nghĩa.

[5] Xem Mạnh tử, Tận Tâm, chương cú hạ, câu 1.

[6] Xem quả Kiền, Đại tượng truyện.

[7] Xem Dịch kinh, Quả Khôn, Văn ngôn, Hào lục ngũ.

[8] Mon corps fait partie de la grande masse (du cosmos, de la nature, du tout). En elle, le soutien de mon enfance, l'activité durant mon âge muâr, la paix dans ma vieillesse, le repos à ma mort. Bonne elle m'a été durant l'état de vie, bonne elle me sera durant l'état mort. De tout lieu particulier un objet déposé peut être dérobé; mais un objet confié au tout lui-même, ne sera pas enlevé. Identifiez-vous

avez la grande masse; en elle est la permanence. Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 253.

[9] Xem Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 55.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 34

NHIỆM THÀNH

任成

Hán văn:

大道汎兮, 其可左右. 萬物恃之而生而不死. 功成不名有. 愛養萬物而不為主. 常無欲可名於小, 萬物歸之而不為主, 可名於大. 是以聖人終不為大, 故能成其大.

Phiên âm:

1. Đại Đạo phiếm^[1] hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh nhi^[2] bất tử. Công thành bất danh hữu.^[3] Ái dưỡng^[4] vạn vật nhi bất vi chủ. Thường vô dục khả danh ư tiểu, vạn vật qui chi nhi bất vi chủ, khả danh ư đại.^[5]

2. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại,^[6] cố năng thành kỳ đại.

Dịch xuôi:

1. Đại Đạo tràn lan bên phải, bên trái. Vạn vật nhờ Nó mà sinh, mà nó không nói gì.^[7] Nên việc rồi, không xưng là có. Thương yêu nuôi dưỡng muôn loài mà không làm chủ. Thường không ham muốn. Có thể gọi tên là nhỏ; Muôn vật theo về mà không làm chủ, nên có thể gọi tên là lớn.

2. Thánh nhân suốt đời không cho mình là lớn, cho nên thành được việc lớn của mình.

Dịch thơ:

1. Đạo cao cả lan tràn tả hữu,
Cho muôn loài bám víu sống còn.

Dưỡng sinh vạn vật trần gian,
Lặng thinh chẳng có khoe khoang nửa lời.
Chẳng tranh chấp công, công chú,
Muôn công trình vẫn cứ nín thinh.
Dưỡng nuôi ưu ái quần sinh,
Chẳng phân chủ tớ, chẳng dành quyền uy.
Không ham muốn, có bề yếu thế,
Nhưng thật tình quá lẽ lớn lao.
Quần sinh muôn kiếp gồm thâu,
Mà không có giọng vương hầu, chúa tể.
Đấng thánh nhân suốt đời khiêm tốn,
Chẳng bao giờ khoe lớn, khoe công.
Vì không cậy thế cậy thần,
Cho nên lập được đại công với đời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên bậc thánh nhân bắt chước Trời, bắt chước Đạo mà hành sự.

Vì thế chương này chia làm hai phần:

- Phần trên nói về thái độ, về hành vi của Đạo
- Phần dưới nói về thái độ, về hành vi của thánh nhân.

Đạo thời vô kỷ, vô ngôn, vô công, vô danh. Cho nên thánh nhân cũng nên vô kỷ, vô ngôn, vô công, vô danh.

Trang Tử, trong Nam Hoa kinh cũng có một đoạn tương tự như đoạn này:

Tìm Trời phải quên đời, quên cảnh,
Quên phù sinh, ảo ảnh bên ngoài.
Tâm hồn khi hết pha phôi,
Mới mong rực rỡ ảnh trời hiện ra.
Đã thấy Đạo đâu là kim cổ,
Hết cổ kim vào chỗ trường sinh.
Ham sinh thời lại điều linh,
Phù sinh chẳng chuộng, thần minh ấy là.
Hãy cố gắng vượt qua nhân nghĩa,
Hãy quên đi nghi lễ của đời.
Quên mình, quên cả hình hài,
Thông minh, trí tuệ gác ngoài tâm linh.
Hãy hợp với vô hình vô tượng,

Cùng Đại Thông vô lượng sánh đôi.

Thế là được Đạo, được Trời,

Thoát vòng biến hóa muôn đời trường sinh.

Ai chỉ vẽ sự tình sau trước,

Ấy thầy ta đại lược cho ta.

Thầy ta, muôn vật điều hòa,

Mà nào kể nghĩa, với là kể ơn.

Ban phúc trạch cho muôn thế hệ,

Mà chưa hề lấy thế làm nhân.

Trường tồn đã mấy muôn năm,

Mà chưa hề thấy có phần già nua.

Thầy ta chở cùng che trời đất,

Lại ra tay điều khắc muôn loài.

Thế mà một mực thanh thoi,

Chưa hề có bảo là tài, là hay. [8]

[1] Có bản viết là 汎.

[2] Có bản viết là dĩ.

[3] Bản Phó Dịch chép: Công thành nhi bất cư 功成而不居. Bản Hà Thượng Công chép: Công thành nhi bất danh hữu 功成而不名有. Bản Trần Trự chép: Công thành nhi bất hữu 功成而不有.

[4] Có nhiều bản chép là: Y Dưỡng 衣養 hay Y bị 衣被.

[5] Có bản chép: Khả danh vi đại 可名為大.

[6] Có nhiều bản chép: Chung bất tự vi đại 終不自為大.

[7] Trương Mặc hiểu chữ từ 辭 là «lời nói». Các bản khác thường hiểu là «từ chối».

[8] Xem Nam Hoa kinh, Đại Tông Sư, các đoạn G, H, I, K.

Trang tử cũng viết trong thiên Tiêu diêu du:

Chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh 至人無己, 神人無功, 聖人無名 (Xem Nam Hoa kinh, Tiêu diêu du, đoạn C)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 35

NHÂN ĐỨC

仁德

Hán văn:

執大象, 天下往. 往而不害. 安平泰. 樂與餌, 過客止. 道之出口, 淡乎其無味. 視之而不足見, 聽之而不足聞. 用之不可既.

Phiên âm:

1. Chấp đại tượng, ^[1] thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại. An bình thái.
2. Nhạc dữ nhĩ, ^[2] quá khách chỉ. Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị. Thị chi nhi bất túc kiến, thính chi nhi bất túc văn. Dụng chi bất khả ký.

Dịch xuôi:

1. Thánh nhân cầm gương lớn, cho thiên hạ theo. Theo mà chẳng hại, lại an ổn, thanh bình.
2. Nhã nhạc, cỗ bàn khi khách về rồi thời hết. ^[3] Đạo ra khỏi miệng thời nhạt nhẽo như thể là vô vị, không đáng xem, không đáng nghe, nhưng đem dùng thì vô tận.

Dịch thơ:

1. Đấng thánh nhân là gương trong trời,
Soi Đạo trời cho mọi người theo,
Ai theo nào hại đâu nào,
Lại còn an lạc, ra vào thái kang.
2. Bao nhã nhạc cỗ bàn yến ẩm,

Khách đi rồi vắng lặng như không.
 Đạo Trời ra khỏi tắc lòng,
 Nói ra ngoài miệng, nhạt không, nhạt phèo.
 Để mắt nhìn, như chiều chẳng xứng,
 Lắng tai nghe ngõ chẳng đáng nghe,
 Nhưng đem dùng thật thỏa thuê.
 Muôn nghìn ứng dụng chẳng hề có vơi.

BÌNH GIẢNG

Đấng thánh nhân là hiện thân của Trời, cho nên đời sống của người là gương mẫu cho thiên hạ. Thiên hạ mà theo các ngài thì chỉ có lợi, chứ không có hại, lợi vì tâm hồn sẽ trở nên sáng khoái, thư thái, an nhiên.

Tuy nhiên, thánh nhân không thể nào mô tả lại cho thiên hạ hết mọi trạng thái nội tâm của mình khi đã đắc Đạo, cũng như không thể mô tả được hết mọi kỳ thú của Đạo. Vì thế cho nên, chính mình chúng ta phải chứng nghiệm lại những điều cổ nhân đã nói, phải thực hiện lại những trạng thái tâm thần mà cổ nhân đã qua, nếu không thì Đạo sẽ trở nên vô vị.

Trang Tử trong thiên Thiên đạo đã cho rằng: «Sách vở của thánh nhân xưa truyền lại chỉ là những cặn bã của tư tưởng họ mà thôi.» [\[4\]](#)

Thực vậy, đọc sách thánh hiền thì thiếu gì người đọc, nhưng sống đời của thánh hiền thì xưa nay đã mấy ai.

Trang tử cũng cho rằng: «Đạo bất khả tư nghị, nên nói hay viết gì về Đạo cũng đều bất xứng. Hỏi, thưa, bàn luận về Đạo, tất cả đều vô nghĩa. Còn luẩn quẩn trong vòng đó, thời chưa thể nào thoát phàm, nhập thánh được.» [\[5\]](#)

[\[1\]](#) Tượng 象: hình trạng; gương mẫu, phép tắc.

[\[2\]](#) Nhị 餌: đồ ăn.

[\[3\]](#) Các bản khác thường dịch: Nhã nhạc và cỗ bàn khiến cho khách đi đường dừng lại.

[\[4\]](#) Xem Trang tử Nam Hoa kinh, Thiên đạo (chương 13) đoạn H.

[\[5\]](#) Xem Trang tử Nam Hoa kinh, Trí Bắc Du (ch. 22) đoạn H.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 36

VI MINH

微明

Hán văn:

將欲歛之, 必故張之. 將欲弱之, 必故強之. 將欲廢之, 必故興之. 將欲奪之, 必故與之. 是謂微明, 柔弱勝剛強. 魚不可脫於淵, 國之利器, 不可以示人.

Phiên âm:

1. Tương dục hấp chi, [1] tất cố trương [2] chi. Tương dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Tương dục đoạt chi, [3] tất cố dũ chi. [4] Thị vị vi minh, [5] nhu nhược thắng cường cường.

2. Ngư bất khả thoát ư uyên, quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân. [6]

Dịch xuôi:

1. Trước khi làm cho chùng, thời giương ra cho thẳng. Trước khi làm cho suy yếu, thời giúp cho mạnh thêm. Trước khi rút bỏ đi, thời làm cho hưng vượng. Trước khi muốn cướp lấy, thời hãy cho trước. Thế gọi là hiểu lẽ vi diệu (của Trời). Mềm yếu được cứng mạnh.

2. Cá chẳng khả rời vực, đồ quốc bảo chẳng nên phô trương.

Dịch thơ:

1. Muốn cho chùng, trước dương cho thẳng,
Muốn cho suy, trước tẩm mạnh thêm.
Trước khi thải loại hư hèn,

Tất cho hưng vượng, một phen huy hoàng.

Trước khi đòi lại của ban,

Thời thường sao cũng tiên vàn gia ân.

Luật trời khắc cốt minh tâm,

Xưa nay nhu lại có phần thắng cường.

2. Vực sâu cá phải nấu nường,

Những đồ quốc bảo, phô trương ích gì.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử chỉ có ý khuyên ta nên sống ẩn dật, đừng chạy theo vinh hoa, phú quý làm chi.

Lẽ doanh hư của trời đất đã bày ra trước mắt. Thịnh rồi sẽ suy; mạnh rồi sẽ yếu, hưng rồi sẽ phế; có rồi sẽ mất.

Xưa nay về phương diện chánh trị hay binh bị, muốn đánh bại địch thủ, trước hết phải làm cho họ trở nên tự kiêu, tự đắc, nghĩ mình là vô địch, bất khả xâm phạm.

Việt Vương Câu Tiễn muốn báo thù Ngô Phù Sai. Văn Chủng hiến kế mà rằng: «Tôi có nghe chim bay cao, chết vì tham ăn lạ; cá ở vực sâu chết vì tham mùi thơm, bây giờ như Chúa công muốn trả thù, thì Ngô Chúa sở hảo cái gì cũng nên tìm để qua dăng, làm cho thích ý. Hiện tôi có nghĩ được bảy điều quyết phá được nước Ngô:

- Một là quyên đồ quý hóa, làm cho vui lòng Chúa tôi nước Ngô;
- Hai là mua lúa mắc giá, để nước Ngô tích tụ không được nhiều;
- Ba là dăng con gái để tâm chí mê lầm;
- Bốn là đem hiến những gỗ tốt thợ hay, khiến làm cung đèn cho hết của;
- Năm là khiến mưu thần tới bày điều mưu loạn;
- Sáu là cưỡng bức những vị gian thần hay cản ngăn, khiến họ tự giết mình thì Ngô Chúa phải yếu thế;
- Bảy là tích của cải tập quân lính để thừa lúc Ngô gần suy đốn mà đánh một trận.

Câu Tiễn cho là bảy kế rất hay.» [\[7\]](#)

Việt Vương đem áp dụng bảy kế hoạch ấy, sau cả phá được nước Ngô, thắng trận trở về. Chiến sĩ thời áo gấm về làng, cung nhân thì tươi như hoa nở đứng đầy nơi cung điện... Nhưng ngàn năm về sau, nơi cung điện xưa của Câu Tiễn, chỉ còn có hoa tàn, cỏ úa, và trở thành nơi trú ẩn của bầy chim đa đa bay lượn vô tình.

Lý Bạch đã cảm hoài như sau:

Việt Vương Câu Tiễn phá Ngô quy,

越王勾踐破吳歸

Chiến sĩ hoàn gia tận cẩm y,

戰士還家盡錦衣

Cung nữ như hoa mãn xuân điện,

宮女如花滿春殿

Chỉ kim duy hữu giá cô phi. [\[8\]](#)

只 今 惟 有 鷗 鷺 飛

Bùi Khánh Đản dịch:

Bình Ngô Câu Tiễn kéo quân ra,
Chiến sĩ về quê, rặt gấm là,
Cung nữ như hoa đầy điện ngọc,
Ngày nay chỉ thấy bóng chim đa.

Thánh nhân hiểu lẽ thăng trầm của trời đất, nên không chạy theo vinh hoa phú quý phù du, mà vui sống ẩn dật cùng Đạo.

Cho nên muốn tiêu sái an nhiên, hãy sống ẩn dật. Cá muốn an toàn, hãy ở dưới vực sâu; đồ quốc bảo muốn khỏi mất, chớ đem khoe cho dân chúng thấy.

[\[1\]](#) Hấp 歛: rút lại.

[\[2\]](#) Trương 張: dương lên.

[\[3\]](#) Đoạt 奪: lấy lại.

[\[4\]](#) Dữ 與: cho.

[\[5\]](#) Vi minh 微明: căn do thì huyền vi, hiệu quả thì rõ rệt (Hà Thượng Công).

[\[6\]](#) Trong Nam Hoa kinh, chương 10, Khư Khiếp, đoạn B, ta cũng thấy Trang tử lặp lại câu này.

[\[7\]](#) Võ Minh Trí dịch, Đông Châu liệt quốc, tr. 955-956.

[\[8\]](#) Xem Bùi Khánh Đản, Đường thi, tr. 513.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 37

VI CHÍNH

為政

Hán văn:

道常無為而無不為. 侯王若能守之, 萬物將自化. 化而欲作, 吾將鎮之. 以無名之朴, 亦將無欲. 不欲以靜, 天下將自定.

Phiên âm:

1. Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.
2. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa.
3. Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi. Dĩ vô danh chi phác, diệc tương vô dục. Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định.

Dịch xuôi:

1. Đạo thường không làm gì; nhưng không gì không làm.
2. Nếu bậc vương hầu giữ được Đạo thì muôn loài sẽ tự chuyển hóa.
3. Chuyển hóa mà muốn vẽ vời sinh chuyện, ta sẽ chấn tĩnh lại bằng cái «Không tên mộc mạc». Vô danh mộc mạc ắt không ham muốn. Không ham muốn để được yên tĩnh, do đó thiên hạ sẽ định.

Dịch thơ:

1. Trời im lìm vô vi bất biến,
Vẫn làm nên muôn chuyện muôn công.
2. Vương hầu lấy đó làm lòng,

Muôn loài ắt sẽ hanh thông thái bình.

3. Nếu có kẻ sinh tình dở dối,

Ta can cho bỏ thói lao đao,

Kìa gương cao cả tăng cao,

Vô danh thuần phác, lẽ nào chẳng theo.

Sống phác giản, chẳng đeo danh lợi,

Lòng thanh thang sạch mọi tham lam.

Không tham, lòng sẽ bình an,

Tự nhiên thiên hạ thái khang, trị bình.

BÌNH GIẢNG

Chương này là chương chót của thượng kinh.

Lão tử lại khuyên ta nên sống vô vi thuần phác. Tại sao? Vì Lão tử mong muốn cho chúng ta có một đời sống huyền hóa siêu linh, hợp nhất với Trời, với Đạo.

Trang tử viết: «Có hai đường lối: đường lối Trời, đường lối người. Vô vi một cách cao siêu, tôn quý đó là đường lối Trời. Hữu vi để mắc vòng tục lụy, đó là đường lối người. Đường lối Trời cao siêu (đường lối của chủ nhân). Đường lối người thấp kém (đường lối của thần hạ). Cho nên đường lối Trời người khác nhau xa vậy...» [1]

Chính vì chúng ta dở thói, dở lảm quẻ, sinh lảm chuyện nên cá nhân ta mới lao đao lận đận, nên thiên hạ mới khổ sở, nên Trời người mới trở nên gòang quải chia phối.

Vậy muốn thung dung, phối hợp với Trời, với Đạo hãy sống vô vi tự nhiên, thuần phác.

Nhan Hồi hỏi Khổng tử: «Trời người hợp nhất nghĩa là gì? Khổng tử đáp: Người là Trời (vì là một phần của Đại khối), Trời cũng là Trời (vì là Đại khối). Cái làm cho con người mất Trời chính là cá tính của mỗi người. (Vì thế nên) thánh nhân an nhiên để hồn hóa với Đại thể.» [2]

Đó là những điều đáng cho ta lưu tâm suy nghĩ, khi đọc xong quyển thượng kinh này.

[1] Đạo hữu thiên đạo, hữu nhân đạo, vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã; hữu vi nhi lụy giả, nhân đạo dã. Chủ giả thiên đạo dã. Thần giả nhân đạo dã. Thiên đạo chi dĩ nhân đạo, tương khứ viễn hĩ... 道有天道, 有人道, 無為而尊者, 天道也; 有為而累者, 人道也. 主者天道也. 臣者人道也. 天道之與人道, 將去遠矣... Trang tử, Nam Hoa kinh, chương 11, Tại Hựu, đoạn F.

[2] Hà vi nhân dĩ Thiên nhất da? Trọng Ni viết: Hữu nhân, thiên dã. Hữu Thiên diệt Thiên dã. Nhân chi bất năng hữu Thiên, tính dã. Thánh nhân yển nhiên, thể thệ nhi chung hĩ 何為人與天一邪? 仲尼曰: 有人, 天也. 有天亦天也. 人之不能有天, 性也. 聖人晏然, 體逝而終矣. Trang tử, Nam Hoa kinh, chương 20, đoạn G.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

Hạ Kinh ĐỨC KINH 下經 • 德經

CHƯƠNG 38 ^[1]

LUẬN ĐỨC

論德

Hán văn:

上德不德, 是以有德. 下德不失德, 是以無德. 上德無為而無以為. 下德為之而有以為. 上人為之而無以為. 上義為之而有以為. 上禮為之而莫之應. 則攘臂而扔之. 故失道而後德, 失德而後仁. 失仁而後義. 失義而後禮. 夫禮者, 忠信之薄而亂之首. 前識者, 道之華, 而愚之始. 是以大丈夫處其厚, 不居其薄. 處其實, 不居其華. 故去彼取此.

Phiên âm:

1. Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.
2. Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi. ^[2] Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi.
3. Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi. Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi. Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng. ^[3] Tắc nhượng tí nhi nhượng chi. ^[4] Cố thất Đạo nhi hậu Đức. Thất Đức nhi hậu Nhân. Thất Nhân nhi hậu Nghĩa. Thất Nghĩa nhi hậu Lễ. Phù Lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ. Tiền thức giả ^[5] Đạo chi hoa, ^[6] nhi ngu chi thủy.
4. Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu ^[7] bất cư kỳ bạc. Xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử. ^[8]

Dịch xuôi:

1. Bậc đức cao coi thường tục đức, vì thế nên có đức. Người đức thấp nệ vào tục đức, vì thế nên không có đức.
2. Bậc đức cao không làm, vả cũng không hệ lụy vì công việc. Người đức thấp có làm, vả lại hệ lụy vì công việc.
3. Bậc «thượng nhân» có làm nhưng không hệ lụy vì công việc. Bậc «thượng nghĩa» có làm, nhưng hệ lụy vì công việc. Bậc «thượng lễ» có làm; nếu không được người hưởng ứng, thì sẵn tay áo lôi kéo người theo. Cho nên mất Đạo thì đến Đức. Mất Đức thì đến Nhân. Mất Nhân thì đến Nghĩa. Mất Nghĩa thì đến Lễ. Mà Lễ là trung tín đã đi đến chỗ mỏng manh, và là đầu mối loạn lạc. Giỏi giang là hào nháng của Đạo và là đầu mối của sự ngu si.
4. Cho nên bậc đại trượng phu ở chỗ dày dặn mà tránh chỗ mỏng mảnh, ở chỗ thực mà tránh chỗ hào nháng. Thế tức là bỏ cái kia (hào nháng, mỏng mảnh) mà giữ cái này (dày dặn, thực chất).

Dịch thơ:

1. Người đức cả coi thường tục đức,
Thế cho nên thơm phức hương nhân.
Phàm phu nệ đức phàm trần,
Cho nên xơ xác thêm phần xác xơ.
2. Người đức cả vô vi khinh khoát,
Người phàm phu lao tác tây đông.
Người nhân dạ ít đèo bòng,
Con người nghĩa khí kể công kể giờ.
Con người nghi lễ so đo,
Làm chưa thấy ứng, nhỏ to bất bình.
Hễ Đạo mất nặng tình với Đức,
Đức không còn lục tục theo Nhân.
Hết Nhân có Nghĩa theo chân,
Nghĩa không còn nữa thấy thuần Lễ nghi.
Nên nghi lễ là chi khinh bạc,
Cũng là mầm loạn lạc chia ly.
Bề ngoài rục rở uy nghi,
Bề trong tâm tối, ngu si ngổ ngàng.
Nên quân tử chỉ ham đầy đặn,
Chứ không ưa hào nháng phong phanh.
Chỉ cần thực chất cho tinh,
Không cần bóng bẩy lung linh bên ngoài.
Bắc cân khinh trọng cho tài,

Biết đường ôm ấp, biết bài dễ duôi.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử luận thế nào là sống một đời sống đạo đức chân thực và thế nào là sống một đời sống giả tạo.

Sống một đời sống đạo đức chân thực là sống phối hợp với đạo, với trời; lấy sự trau dồi bồi dưỡng tâm linh làm trọng; lấy sự thuận theo thiên lý làm hay, mà không câu nệ đến những khuôn sáo giả tạo bên ngoài do xã hội vẽ vời ra.

Sống một đời sống giả tạo là nệ vào những hình thức bên ngoài, lo những công chuyện lặt vặt bên ngoài; làm việc để cầu danh tranh lợi, cố bám víu vào những khuôn sáo bên ngoài, cho thế là hay, là phải.

Cho nên bậc thượng nhân sống một cuộc đời vô vi, vô cầu, «được cả thế gian mà lòng không dự» (hữu thiên hạ dã nhi bất dự 有天下也而不與).^[9]

Còn những người cấp dưới, làm gì cũng phải cố gắng; gượng gạo không tự nhiên; có những mục đích vị kỷ cầu danh, tranh lợi.

Lão tử cũng cho rằng theo trào lưu lịch sử, nhân loại đã sa đọa dần dần, đời sống đạo đức ngày càng trở nên phù phiếm, và đã qua những giai đoạn sau đây:

1. Đạo 道 (phối hợp với Trời - Mysticisme)
2. Đức 德 (Đức - Sống đời sống nghệ thuật, khinh khoát - Grâce, Esthétique).
3. Nhân 仁 (Ascèse morale - sống theo những quy luật nhân luân).
4. Nghĩa 義 (lý sự - Dogmatisme, Rationalisme).
5. Lễ 禮 (lễ nghi - Formalisme).

Thế là chiều hướng thoái hóa đã đi:

- a) từ trong ra ngoài
- b) từ tinh đến thô
- c) từ gốc đến ngọn
- d) từ thực chất đến hào nháng
- e) từ thuần phác đến nhiều khê.

Khảo:

- lịch sử các dân nước
- lịch sử các đạo giáo cũ mới
- sự tiến triển của mỗi đạo giáo

Ta đều thấy chiều hướng biến thiên đều đi từ:

- tinh đến thô ^[10]
- thực chất đến hào nháng
- tâm linh đến thể xác, giác quan.
- Tâm linh (Đạo) đến xã hội (đời) ^[11]

Sự nhận xét này không làm ta thất vọng, vì tin chắc rằng sự thoái hóa, sự hưởng ngoại của nhân loại thế nào cũng có lúc đạt tới một «cùng điểm» và rồi sẽ lộn lại bước dần mọi chặng đường từ:

- Hào nhoáng đến tinh hoa
- Giác quan đến tâm linh
- Xã hội (đời) đến tâm linh (Đạo)

Sự trở về với các giá trị tinh thần tức là sự sinh lại của con người (régénération) và chỉ khi nào nhân loại đạt tới Đạo, đạt tới cực điểm tinh hoa, thì bấy giờ nhân loại mới được giải thoát, cứu rỗi (rédemption universelle).

Vì thế cho nên những bậc đại giác xưa nay chỉ trọng thực chất, mà khinh hào nháng; trọng tự nhiên (naturel) mà khinh nhân tạo, nhân vi (artificiel, conventionel).

Đời sống các ngài là đời sống nội tâm, đời sống tâm thần siêu thoát. Vinh quang các ngài là vinh quang nội tại. Lý tưởng các ngài là sống chẳng rời Thiên chân, chẳng rời Đạo thể.

[1] Đạo đức kinh giảng nghĩa 道德經講義 của Tống Long Uyên 宋龍淵 lại chia Đạo đức kinh như sau:

(1) Thượng kinh 上經 từ chương 1 đến hết chương 40.

(2) Hạ kinh 下經 từ chương 41 đến hết chương 81.

[2] Bản của Phó Dịch, Hàn Phi tử: nhi vô bất vi 而無不為.

[3] Nhường tí (tý) 攘臂 : xắn tay áo để lộ ra cánh tay.

[4] Nhưng 扔: dẫn.

[5] Tiền thức giả 前識者 : kẻ có kiến thức hơn người, biết trước những điều người khác chưa biết.

[6] Đạo chi hoa 道之華 : đạo chi mạt.

[7] Xử kỳ hậu 處其厚: xử thân ư đôn phác 處身於敦樸 (Hà Thượng Công)

[8] Khử bỉ thủ thử 去彼取此 : khử hoa bạc, thủ thử hậu thật 去華薄, 取此厚實 (Hà Thượng Công)

[9] Luận Ngữ 論語, Thái bá đệ bát 泰伯第八, câu 18.

[10] Ví dụ: Một vị Giáo chủ ra đời, chỉ đặt nặng vấn đề kết hợp với Thượng đế, sống đời sống thần linh siêu thoát. Các thể hệ sau mới bày vẽ đặt để ra các quy luật, luân lý, tín lý và lễ nghi.

[11] Dũ ly dũ viễn. Tiệm thứ do nội hưởng ngoại, tiệm thứ xả bản trục mạt 愈離愈遠. 漸次由內向外, 漸次捨本逐末. Lưu Tư, Bạch Thoại dịch giải Lão tử, tr. 96.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 39

PHÁP BẢN

法本

Hán văn:

昔之得一者. 天得一以清. 地得一以寧. 神得一以靈. 谷得一以盈. 萬物得一以生. 侯得一以為天下貞. 其致之一也. 天無以清, 將恐裂. 地無以寧, 將恐廢. 神無以靈, 將恐歇. 谷無以盈, 將恐竭. 萬物無以生, 將恐滅. 侯王無貴高, 將恐蹶. 故貴以賤為本. 高以下為基. 是以侯王自謂孤寡, 不穀. 此其以賤為本耶? 非乎? 故致數, 譽無譽. 不欲琇琇如玉, 珞珞如石.

Phiên âm:

1. Tích chi đắc nhất giả. Thiên đắc Nhất [1] dĩ thanh. Địa đắc Nhất dĩ ninh. Thần đắc Nhất dĩ linh. Cốc đắc Nhất dĩ doanh. Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh. Hầu vương đắc Nhất dĩ vi thiên hạ trình. [2] Kỳ trí chi Nhất dã. [3]

2. Thiên vô dĩ thanh, tương khủng liệt. [4] Địa vô dĩ ninh, tương khủng phế. [5] Thần vô dĩ linh, tương khủng hiệt. [6] Cốc vô dĩ doanh tương khủng kiệt. [7] Vạn vật vô dĩ sinh, tương khủng diệt. [8] Hầu vương vô quý cao, tương khủng quyết. [9]

3. Cổ quý dĩ tiện vi bản. Cao dĩ hạ vi cơ. [10] Thệ dĩ hầu vương tự vị cô quả, bất cốc. [11] Thử kỳ dĩ tiện vi bản da ? Phi hồ ? [12]

4. Cổ trí số, dư vô dư. [13] Bất dục lục lục [14] như ngọc, lạc lạc như thạch. [15]

Dịch xuôi:

1. Những vật xưa được Đạo: Trời được Đạo, nên trong. Đất được Đạo, nên yên. Thần được Đạo, nên linh. Hang được Đạo, nên đầy. Vạn vật được Đạo, nên sống. Hầu vương được Đạo, nên trị vì thiên hạ. Đều là do đạt Đạo mà nên.

2. Trời không có Đạo (để) trong, sẽ vỡ. Đất không có Đạo (để) yên sẽ lở. Hang không có Đạo (để) đầy, sẽ cạn. Thần không có Đạo (để) linh, sẽ tán. Vạn vật không có Đạo (để) sống, sẽ tuyệt. Hầu vương không có Đạo (để) được sang cả, sẽ bị diệt vong.

3. Cho nên sang lấy hèn làm gốc. Cao lấy thấp làm nền. Vì thế bậc vương hầu xưng mình là «côi cút» là ít đức, là «vô dụng», thế không phải là lấy hèn làm gốc hay sao ?

4. Phân tách cho cùng, tất cả đều là hư danh (xe không là xe) không muốn coi ai quý như ngọc, hay hèn như đá. [\[16\]](#)

Dịch thơ:

1. Được Hóa công xưa nay thế cả,
Trời có Ngài nên hóa trong xanh.
Nhờ Ngài nên đất an ninh,
Chư thần nhờ thế uy linh nhiệm màu.
Có Hóa công, hang sâu hóa đặc, [\[17\]](#)
Nhờ có Ngài muôn vật tốt tươi,
Vương hầu cũng dựa đức người,
Trị vì thiên hạ thanh thoi an bình.
Trăm điều cũng một mối manh,
Muôn loài cũng một khuôn xanh lo lường.
2. Trời mất Ngài, tan hoang xơ xác,
Đất không Ngài, bạt lác nát tan,
Không Ngài, thần cũng lằm than,
Không Ngài, hang thẳm lại hoàn hư vô.
Vật mất Ngài sa cơ hủy diệt,
Nước không Ngài, vua hết quyền uy.
3. Xưa nay quý tiện tương tùy,
Cao không có thấp lấy chi làm nền.
Nên vua chúa tự khiêm tự hạ,
Tự nhún mình: «Cô quả», «đón hèn»,
Phải chăng, hèn kém là nền,
Phải chăng tự hạ, mới bền quyền uy.
4. Cũng lẽ ấy đem suy nhân sự,
Coi mọi người một lứa như nhau.
Ta không phân biệt thấp cao,

Người nào là ngọc, người nào là than. [\[18\]](#)

BÌNH GIẢNG

Chương này có thể chia làm hai phần:

- phần 1 nói về Đạo,
- phần 2 nói về sự khiêm cung mà người cầm quyền cần phải có.

1. Đạo là căn cốt muôn loài

Chương này Lão tử thay vì dùng chữ Đạo, lại dùng chữ Nhất. Tại sao ? Vì chữ Nhất là số 1, là số sinh ra mọi số khác. Cho nên số 1 tượng trưng cho Đạo là căn nguyên sinh ra vạn vật.

Sách Kim đơn đại chỉ quyết 金丹大旨訣 viết: «Đạo là một, một là Tiên thiên, Tiên thiên là Thái cực. Nho gia gọi là Thái cực; Phật gia gọi là Viên giác; Đạo gia gọi là kim đơn, đều là số một ấy. Cho nên khi chưa có trời đất đã có Thái cực. Thái cực chính là tổ khí sinh ra trời đất là mẫu khí sinh ra vạn vật... Thái cực là thuần thể, trời đất là phá thể. Từ thuần thể sinh ra phá thể. Nay muốn phản bản hoàn nguyên phải nhờ phá thể mà trở về thuần thể...» [\[19\]](#)

Như vậy, muôn loài sống động muốn phát triển đều phải dựa nương vào Đạo, cũng như cành lá muốn tươi tốt, phải nương vào gốc rễ.

Cho nên, nếu muôn loài mà tách rời khỏi Đạo sẽ lâm cảnh lâm than, sa đọa. Đó là một định luật phổ quát.

Trung Dung viết: «Đạo giả dã bất khả tu du ly dã.» 道者也不可須臾離也 (Đạo không lìa ta một phút giây) (chương một).

Lại viết: «Thể vật nhi bất khả di.» 體物而不可遺 (lồng trong vạn vật mà không tách rời ra được) (Trung Dung, chương 16).

Nếu vậy thì chúng ta làm sao có thể tính toán công chuyện gì riêng tư, ngoài Đạo được. Sóng bể chỉ hùng tráng nhờ vào sức mạnh của trùng dương. Sóng bể tách rời khỏi trùng dương sẽ vô giá trị. Suy ra, mỗi người chúng ta cũng vậy. Nếu hợp với Đạo thì hay, nếu lìa xa Đạo thì dở.

2. Người cầm quyền phải khiêm cung

Đoạn cuối khuyên người cầm quyền phải khiêm cung. Từ ngàn xưa, trong khi xưng hô, người cầm quyền luôn luôn tỏ ra tử tốn và xưng mình là: Cô gia; quả nhân. Và hơn nữa, nhà cầm quyền cũng không nên khinh dân, vì dân chính là căn bản, là chốn dựa nương đích thực của mình.

Kinh Dịch nơi quẻ Bác cũng dạy:

«Bác là núi tựa đất dày,
Người trên hãy xử đặng đầy với dân.
Với dân đầy đặng ở ăn,
Rời ra địa vị tư thân vững vàng.» [\[20\]](#)

[\[1\]](#) Nhất — : Đạo, Thái cực.

[\[2\]](#) Hà Thượng Công chép là: Dĩ vi thiên hạ chính 以為天下正.

[\[3\]](#) Hà Thượng Công chỉ chép: Kỳ trí chi 其致之 (không có chữ nhất dã 一也).

[4] Liệt 裂: tan vỡ.

[5] Có nhiều bản viết là phát 發. Phế 廢: đổ nát.

[6] Hiệt 歇: hết.

[7] Kiệt 竭: hết.

[8] Diệt 滅: tan mất.

[9] Quyết 蹶: hư hỏng, đổ nát.

[10] Cơ 基: nền móng.

[11] Bất cốc 不穀: không tốt. Không được như lúa má (ngũ cốc) nuôi sống con người.

[12] Có bản chép: Thử phi dĩ tiện vi bản da? 此非以賤為本邪 (Hà Thượng Công).

[13] Hà Thượng Công chép: Cố trí số, xa vô xa. 故致數車無車.

[14] Lục lục 碌碌: ít ỏi, đẹp đẽ.

[15] Lạc lạc 珞珞: nhiều nhận, xấu xí.

[16] Wieger dịch: Appliquant le même principe de la simplicité dans leur gouvernement, qu'ils réduisent les multitudes de leurs sujets à l'unité, les considérant comme une masse indivise avec une impartialité sereine, n'estimant pas les uns précieux comme jade et les autres vils comme cailloux. Cf. Les Pères du système Taoïste, p. 44.

[17] Nhiều bản dịch: không muốn được quý như ngọc, bị khinh như sỏi.

Xem các bản dịch của James Legge, Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toản. Đây tôi theo Wieger, dịch như trên, ý muốn nói lên rằng người đạo hạnh không nên quá trọng ai, hoặc quá khinh ai.

[18] Dịch là than thay sỏi cho đẹp vần thơ.

[19] Xem Kim đơn đại chỉ quyết, tr. 1.

[20] Tượng viết: Sơn phụ ư địa. Bác. Thượng dĩ hậu hạ an trạch. 象曰山附於地. 剝. 上以厚下安宅 (quẻ Bác 剝, Đại Tượng truyện.) Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập II (Thượng Kinh), tr. 289.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 40

KHỦ DỤNG

去用

Hán văn:

反者道之動. 弱者道之用. 天下萬物生於有, 有生於無.

Phiên âm:

1. Phản^[1] giả Đạo chi động. Nhược giả Đạo chi dụng.

2. Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu,^[2] hữu sinh ư vô.^[3]

Dịch xuôi:

1. Trở lại là cái động của Đạo. Yếu mềm là cái dụng của Đạo.

2. Thiên hạ vạn vật sinh từ có. Có sinh từ Không.

Dịch thơ:

1. Đạo thường chuyển ngược dòng đời,

Đạo thường khoác lấy vẻ ngoài tơ non.

2. Muôn loài từ Có bắt nguồn,

Nhưng mà «Có» lại do khuôn «Vô hình».

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên ta trở về với Đạo.

Như chúng ta đã biết, sự biến hoá của trời đất có hai chiều hướng:

1- Từ Đạo ra vạn vật

2- Từ vạn vật trở về Đạo.

Từ Đạo ra vạn vật, thì Đạo, thì Thần như ẩn mình, để cho các ngoại lực hoạt động. Từ vạn vật trở về với Đạo, thì Thần mới thực sự hoạt động. Điều này, chúng ta có thể chứng nghiệm nơi bản thân. Nếu chúng ta:

- Hướng ngoại, trực vật, thì «thần ẩn, tâm hoạt» 神隱心活 (thần ẩn, tâm hoạt động).
- Hướng nội, tầm nguyên, thì «tâm tử, thần hoạt» 心死神活 (tâm chết, thần hoạt động).

Muốn trở về với Đạo phải thuận theo các định luật tự nhiên, đừng cưỡng lại với trời đất, nhân tâm. Cũng y như khi ta có chìa khóa thì mở khóa dễ dàng bằng không có chìa, thì vật lộn cách mấy khóa cũng không chịu mở.

Thế tức là: «Yếu mềm là cái dụng của Đạo.»

Muốn trở về với Đạo, cần phải biết vươn lên trên những cái hữu hình, hữu tướng, để lên tới căn bản vô hình, vô tướng.

Nhập dược kính 入藥鏡 có thơ:

Tiên thiên nhất khí bản vô hư,
先天一氣本無虛
Thái đắc lai thời kết thử châu,
採得來時結黍珠
Thử thị kim đơn huyền diệu xứ,
此是金丹玄妙處
Vô trung hữu hữu thị Chân vô.
無中有有是真無
(Nhập dược kính, tr. 11)

Tạm dịch:

Tiên thiên một khí vốn vô hư,
Thu được đem về kết ngọc châu,
Nơi ấy kim đơn huyền diệu xứ,
Trong Vô có Có ấy Chân Vô.

[1] Phản 反: (1) trở lại; (2) tương phản (Theo Vương Bật); (3) gốc (theo Hà Thượng Công). James Legge theo Vương Bật cho rằng Đạo hoạt động bằng mâu thuẫn, tương phản. Ông viết: «The movement of the Tao by contraries proceeds.» Xem J. Legge, The textes of Taoism, p. 131.

[2] Vương bật giải hữu 有 là trời, đất.

[3] Vương Bật giải vô 無 là Đạo.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 41

ĐỒNG DỊ

同異

Hán văn:

上士聞道, 勤而行之. 中士聞道, 若存若亡. 下士聞道, 大笑之. 不笑, 不足以為道. 故建言有之: 明道若昧. 進道若退. 夷道若類. 上德若谷. 大白若辱. 廣德若不足. 建德若偷. 質真若渝. 大方無隅; 大器晚成; 大音希聲; 大象無形. 道隱無名. 夫唯道善貸且善成.

Phiên âm:

1. Thượng sĩ văn Đạo, cần nhi hành chi. Trung sĩ văn Đạo, nhược tồn, nhược vong. Hạ sĩ văn Đạo, đại tiểu chi. Bất tiểu, bất túc dĩ vi Đạo.

2. Cố kiến ngôn hữu chi: Minh Đạo nhược muội. Tiến Đạo nhược thoái. Di ^[1] Đạo nhược lỗi. ^[2] Thượng Đức nhược cốc. ^[3] Đại bạch nhược nhục. ^[4] Quảng đức nhược bất túc. Kiến đức nhược thâm. ^[5] Chất chân nhược du. ^[6]

3. Đại phương vô ngung; đại khí văn thành; đại âm hi thanh; đại tượng vô hình. Đạo ẩn vô danh. Phù duy Đạo thiện thả thả thành.

Dịch xuôi:

1. Bậc học cao nghe đạo, cố gắng mà theo. Bậc học bình thường nghe Đạo như còn như mất. Bậc học thấp kém nghe Đạo, cả cười bỏ qua. Nếu không cười, không đủ gọi đó là Đạo.

2. Nên người xưa nói: Sáng về Đạo, dường tăm tối. Tiến về Đạo, dường như thụt lùi. Ngang với Đạo, dường như cục cằn. Đức cao dường như hang sâu. Thật trong trắng dường như bọt nhơ. Đức rồi rào

dường như không đủ. Đức vững chắc dường như cầu thả. Chất thực dường như biến đổi.

3. Hình vuông lớn không góc. Đồ dùng lớn lâu thành. Tiếng lớn nghe không thấy. Tượng lớn, không có hình. Đạo ẩn, không tên. Chỉ có Đạo, hay cho lại tác thành (muôn vật).

Dịch thơ:

1. Người thượng đẳng khi nghe biết Đạo,
Liền ân cần tiết tháo, khuôn theo.
Người thường biết đạo ít nhiều,
Nửa quên, nửa nhớ, ra chiều lửng lơ.
Người hèn kém hể cho nghe Đạo,
Liền cười vang, chế nhạo rộn chơi.
Đạo Trời ẩn áo, đầy vơi,
Không cười đâu thấy Đạo Trời huyền vi.
2. Lời xưa đã từng khi truyền tụng,
Biết Đạo thời như vụng như lần.
Tiến lên mà ngỡ lui chân,
Tới bên Đạo cả mà thân tưởng hèn.
Đức siêu việt thấp in thung lũng,
Đức cao dày tưởng những vô tài,
Thực chất tốt vẻ ngoài ngỗ kềm,
3. Hình vuông to góc biến còn đâu,
Những đồ quý báu làm lâu,
Tiếng to đường sấm mà hầu vô thanh.
Tượng to mới vô hình vô ảnh,
Trời mệnh mông yên tĩnh như không.
Đạo Trời tản mạn vô cùng,
Không làm mà vẫn thành công mới là.

BÌNH GIẢNG

Đạo cả huyền vi, người có căn cơ mới thấy cái hay, cái đẹp của Đạo, nên quyết chí đem Đạo ra thi hành.

Còn những người bình thường thì học Đạo, nhưng không thấy say sưa, thích thú, nghe đấy rồi quên đấy.

Những người hạ căn khi nghe Đạo thời khi dễ, cười chê. Kẻ hạ căn có cười chê Đạo, thì mới rõ Đạo là cao siêu. Thánh kinh nói: «Bạn đừng cho chó những gì thiêng liêng; đừng ném ngọc cho lợn; chúng có thể chà đạp nát ngọc, và quay lại cắn bạn.»^[7]

Tục ngữ ta có câu: «Đàn cầm đem khay tai trâu.» cũng ý ấy.

Những người đạo cao đức cả thường kín tiếng, kín tâm. Đó là chủ trương:

- «Thao quang, ẩn tích» (giấu sáng, che vết)
- «Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần» (pha sánh sáng, hòa mình cùng trần cấu)
- Làm cho mắt trần không thấy được núi Thái sơn trước mình.

Liệt tử kể: «Công Nghi Bá mạnh có tiếng. Đường Khê Công đem khoe với Chu Vương. Vương cho mời Công Nghi Bá. Bá vào triều. Thấy Bá có thân hình nhỏ nhắn, vua lấy làm lạ, hỏi: ‘Người ta khen khanh mạnh, khanh làm được chi?’ Công Nghi Bá tâu: ‘Thần có thể đánh gãy chân con cào cào, xé rách cánh con ve sầu.’ Vua bất mãn nói: ‘Trẫm gọi người có sức mạnh, là người xé được da tê giác, cầm đuôi trâu mà ghì nổi chín con. Nếu người chỉ làm được những chuyện trên, sao người ta lại khen người là khỏe?’ Công Nghi Bá tâu: ‘Lời bệ hạ nói thực nghĩa lý. Thần xin thành thực tâu trình. Thần là đồ đệ của Thương Khâu Tử, một người mạnh nhất thiên hạ; thế nhưng vì không khoe sức, nên đến nay người trong nhà cũng không hay. Trước khi ngài chết, thần ở bên ngài. Ngài dạy: ‘Những kẻ hiếu danh, cần phải làm những việc phi thường để cầu danh; nếu mình chỉ làm được những việc tầm thường, thì người nhà cũng không biết mình là người thế nào. Nhưng ta cho thế là hay nhất, và ta khuyên người nên bắt chước...’ Thế mà nay một vị chư hầu đã khen sức mạnh thần với bệ hạ, như vậy là thần đã để lộ chân tướng, trái với lời dặn dò của sư phụ tôi. Nguyên sự tôi để lộ chân tướng đã tỏ ra là tôi yếu sức, vì người dấu được sức mình mạnh hơn người khoe sức mình.» [\[8\]](#)

[\[1\]](#) Di 夷: ngang, bằng.

[\[2\]](#) Lỗ 類: có mấu nút, có tí vết.

[\[3\]](#) Cốc 谷: hang núi.

[\[4\]](#) Nhục 辱: xấu hổ.

[\[5\]](#) Thâu 偷: cầu thả, trễ nhác.

[\[6\]](#) Du 渝: đổi dời.

[\[7\]](#) Ne donnez pas aux chiens ce qui est sacré, ne jetez pas vos perles devant les porcs; ils pourraient bien les piétiner puis se retourner contre vous pour vous déchirer. (Mat. VII)

[\[8\]](#) Liệt tử, Xung Hư chân kinh 沖虛真經, chương 4, đoạn K.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 42

ĐẠO HÓA

道化

Hán văn:

道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物. 萬物負陰而抱陽, 沖氣以為和. 人之所惡唯孤, 寡, 不谷. 而王公以為稱. 故物或損之而益. 或益之而損. 人之所教, 我亦教之. 強梁者不得其死. 吾將以為教父.

Phiên âm:

1. Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương, xung khí dĩ vi hòa.

2. Nhân chi sở ố duy cô, quả, bất cốt. Nhị vương công dĩ vi xưng. Cố vật hoặc tổn chi nhi ích. Hoặc ích chi nhi tổn.

3. Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi. Cường lương giả bất đắc kỳ tử. Ngô tương dĩ vi giáo phụ.

Dịch xuôi:

1. Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không có vật nào không cống Âm và âm Dương. Ở giữa là nguyên khí dung hòa.

2. Cái mà người ta ghét là: cô cút, góa bụa, bất tài, bất lực. Thế mà vua chúa lại dùng nó để tự xưng. Như vậy thì sự đời bớt là thêm, thêm là bớt.

3. Điều người xưa dạy, nay ta cũng dạy: Dùng bạo lực sẽ chết « bất đắc kỳ tử». Đó là lời của thầy ta.

Dịch thơ:

1. Đạo sinh ra chân nguyên Nhất thể,

Nhất thể sinh nhị khí Âm Dương.
 Âm Dương biến hóa khôn lường,
 Sinh, Thần, khí, chất rõ ràng bộ ba.
 Bộ ba ấy sinh ra vạn vật,
 Vạn vật luôn ôm ấp Âm Dương.
 Lung linh cầm giữ mối giường,
 Nhưng mà xung khí vẫn thường ẩn trong.
 2. Người đời ghét cô đơn, hèn hạ,
 Nhưng vương hầu cô quả vẫn xưng.
 Cho nên muốn tồn thời tăng,
 Muốn tăng thời tồn lẽ hằng xưa nay.
 Người xưa dạy câu này chí lý.
 Ta cũng đem ta chỉ cho người:
 «Xin đừng bạo động ai ơi,
 Ai mà bạo động, chết thôi bạo tàn.»
 Đó lời giáo phụ ta ban.

BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về ba đề mục khá khác nhau:

1. Bàn về cung cách Đạo hóa thành vạn hữu.
2. Bàn về sự khiêm cung của vương hầu.
3. Dạy đừng nên dùng bạo lực.

1. Cung cách Đạo hóa thành vạn hữu

Câu «Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật», có thể giải được nhiều cách:

a. Có người cho rằng: Đạo chính là Nhất, mà Nhất là «chân nguyên, nhất thể», là «xung hư chi nhất khí» hay nói nôm na rằng: «Đạo là nguyên khí.»

Nguyên khí ấy sinh ra Âm Dương (nhất sinh nhị).

Âm Dương sinh ra: Hình, khí, chất (nhị sinh tam) Hình khí chất sinh vạn vật. [\[1\]](#)

b. Tôi cũng theo chủ trương này, duy chỉ đổi rằng: Âm Dương sinh ra Thần, Khí, Chất. Rồi Thần, Khí, Chất giao nhau sẽ sinh ra vạn hữu.

c. Chu Hi cho rằng: Đạo là Thái cực, Nhất là Dương, Nhị là Âm. Tam là Âm Dương tác dụng lẫn nhau. Và cho rằng nếu coi Đạo là Nhất, thì làm sao nói được rằng Đạo sinh Nhất. [\[2\]](#)

d. Tư Mã Quang cho rằng: Chữ «Đạo sinh Nhất» có thể hiểu được rằng: Đạo từ Vô trở thành Hữu, từ Vô danh trở thành Hữu danh. [\[3\]](#)

e. «Lữ tổ Đạo đức kinh giải» cho rằng:

- Một là Nguyên Khí

- Hai là Âm Dương
- Ba là tam tài: Thiên địa nhân.

Thực ra điều chính yếu mà chúng ta nên ghi nhận ở đây là: Đạo không dựng nên vạn hữu, mà Đạo đã tự phân hoá mình thành vạn hữu. Cho nên ta thấy Lão tử viết tiếp: vạn vật:

- ngoài có Âm (Phụ Âm)
- trong có Dương (Bão Dương)
- trong cùng có Đạo, có «Xung hòa chi khí» ở giữa làm chủ chốt.

2. Bàn về sự khiêm cung của vương hầu

Lão tử luôn khuyên người trên phải khiêm cung. Tự giảm giá trị mình, sẽ được người tăng giá trị. Nhược bằng cao ngạo, luôn muốn đề cao giá trị mình, thì sẽ bị người làm cho hạ giá trị.

3. Dạy dừng nên dùng bạo lực

Lão tử khuyên chớ nên «bạo động» vì bạo động sẽ chết bạo tàn. Câu «Cường lương giả bất đắc kỳ tử» đã được khắc vào sau lưng của một người bằng vàng (hoặc bằng kim khí) để ở trước thềm đền thờ Hậu Tắc, tổ tiên của Nhà Chu. Như vậy Lão tử chỉ nhắc lại một lời khuyên của người xưa.

Chữ «giáo phụ» có thể hiểu được hai cách:

- Thầy của Lão tử.
- Lời dạy chính yếu của Lão tử.

Các sách thường giải: Đó là lời dạy chính yếu của Lão tử». Ở đây tôi dịch là «Giáo phụ ta», ý muốn nói rằng Lão tử cũng phải học hỏi người xưa rất nhiều, chứ không phải là «sinh nhi tri chi».

[1] Đạo do ư Vô nhi sinh «Xung hư chi nhất khí». Xung hư chi nhất khí» sinh Âm Dương nhị giả. Âm Dương nhị khí giao cảm hòa hợp sinh Hình, Khí, Chất tam giả. 道由於無而生沖虛之一氣。沖虛之一氣生陰陽二者。陰陽二氣交感和合生形，氣，質三者。Triết học, tr. 9.

[2] Thử Đạo tự tức Dịch chi Thái cực, nhất nãi Dương thuộc chi cơ, nhị nãi Âm số chi ngẫu. Tam nãi cơ ngẫu chi tích. Kỳ viết nhị sinh tam giả do sở vị nhị dữ nhất vi tam dã. Nhược Đạo dĩ Nhất vi Thái cực, tắc bất dung ngôn Đạo sinh Nhất hĩ. 此道字即易之太極，一乃陽屬之奇，二乃陰數之偶。三乃奇偶之積。其曰二生三者由所謂二與一為三也。若道以一為太極，則不容言道生一矣。Đáp Trình Thái Chi 答程泰之 (Chu Hi, tr. 112)

[3] Xem J. Legge, The Textes of Taoism, p. 134.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 43

BIẾN DỤNG

通用

Hán văn:

天下之至柔, 馳騁天下之至堅. 無有入無間. 吾是以知無為之有益. 不言之教, 無為之益, 天下希及之.

Phiên âm:

1. Thiên hạ chi chí nhu, trì sinh^[1] thiên hạ chi trí kiên. Vô hữu nhập vô gián. ^[2] Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích.

2. Bất ngôn chi giáo, ^[3] vô vi chi ích, thiên hạ hi^[4] cập chi. ^[5]

Dịch xuôi:

1. Cái mềm nhất trong trời đất chi phối được cái cứng nhất trong trời đất. Cái «không có» lọt được vào chỗ «không có kẽ hở». Vì thế nên ta biết lợi ích của vạn vật

2. Cách Dạy mà không dùng đến lời, cũng như ích lợi của «Vô vi», ít người có thể hiểu thấu.

Dịch thơ:

1. Cái mềm nhất ở trong trời đất,

Thắng cái gì cứng nhất trần hoàn.

Vô hình nhập chỗ vô gian,

Vô vi ích lợi muôn vàn ai hay.

2. Không nói vẫn làm thầy thiên hạ,

Không làm nhưng kết quả ngàn muôn.

Nào ngờ không nói, không làm,

Chứa chan ích lợi, người phàm đâu hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại nói đến ích lợi của vạn vật.

Trên đây chúng ta đã bàn giải về Vô vi rất nhiều. Nay mượn một câu trong sách «Quan Thế Âm Bồ Tát bản tích cảm ứng tụng» để giải chương này như sau:

«Tất cả cái gì hữu vi đều là mộng ảo, đều là bào ảnh, là thân phận con phù du, hay là bóng xế ngàn cây. Hãy vội vàng trở về với Vô vi, và luôn luôn tự nhủ như vậy.» [6]

Như vậy, Vô vi không phải là ăn không, ngồi rồi mà chính là hành động hợp với Thiên chân, thiên lý, với định luật vũ trụ. [7]

Nhập được kính có thơ:

Mặc mặc vô vi chỉ thủ Trung,

墨墨無為只守中

Chu thiên hỏa hậu Tham, Đồng.

周天火候合參同

Vô vi hoàn tự hữu vi đắc,

無為還自有為得

Cử động vô phi hợp thánh công. [8]

舉動無非合聖功

Tạm dịch:

Lặng lẽ vô vi giữ điểm Trung,

Tu tròn chính quả, hợp Thiên Không.

Vô vi cũng tự Hữu vi được,

Cử động rồi ra hợp thánh công.

[1] Trì sình 馳騁: (1) ngựa ruổi mau; (2) giá ngự, khống chế.

[2] Vô gián 無間: không có kẻ hở.

[3] Bất ngôn chi giáo 不言之教: cái dạy không lời.

[4] Hi 希: ít.

[5] Cập chi 及之: theo kịp; biết kịp.

[6] Nhất thiết hữu vi mộng ảo, bào ảnh, phù du chi thân, tang du chi cảnh, tốc hội Vô vi, thời thời tự tỉnh. 一切有為夢幻, 泡影, 蜉蝣之身, 桑榆之景, 速會無為, 時時自省. Xem Quan Thế Âm Bồ Tát bản tích cảm ứng tụng 觀世音菩薩本跡感應頌, quyển thứ 6, tr. 41–42.

- Hoài Nam tử giải: phù du là thứ con sáng sinh, chiều chết.

(Hoài Nam tử: Phù du triều sinh nhi mộ tử 淮南子: 蜉蝣朝生暮死). Ông cũng giải «tang du chi cảnh» 桑榆之景 là ánh mặt trời tà rọi trên các ngọn cây. (Hữu Hoài Nam tử viết: Nhật tây thùy cảnh tại thụ đoan, vị chi tang du 又淮南子曰: 日西垂景在樹端, 謂之桑榆)

- Đại Bi kinh có câu: Ước mong chúng ta mau trở về nhà Vô vi (Đại Bi kinh: nguyện ngã tốc hội vô vi xá. 大悲經: 願我速會無為舍) Sdd, tr. 41–42.

[7] Vô vi vô tác, động hợp thiên địa chi diệu. 無為無作, 動合天地之妙. Nhập dược kính, tr. 12.

[8] Nhập dược kính, tr. 12.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 44

TRI CHỈ

知止

Hán văn:

名與身孰親, 身與貨孰多. 得與亡孰病. 是故, 甚愛必甚費. 多藏必厚亡. 知足不辱. 知止不殆. 可以長久.

Phiên âm:

1. Danh dữ thân thực thân, thân dữ hóa thực [1] đa. [2] Đắc dữ vong thực bệnh. [3]
2. Thị cố, thậm ái tắc thậm phí. [4] Đa tàng tất hậu [5] vong. Tri túc bất nhục. Tri chỉ bất đãi. [6] Khả dĩ trường cửu.

Dịch xuôi:

1. Danh với thân cái nào quý hơn? Thân với của, cái nào trọng hơn? Được với mất, cái nào khổ hơn?
2. Cho nên, yêu nhiều ắt tổn nhiều. Chứa nhiều ắt mất nhiều. Biết đủ (an phận thủ thường), không nhục. Biết dừng không nguy. Có thể trường cửu.

Dịch thơ:

1. Tiếng với ta cái gì là quý?
Của với mình xét kỹ chi hơn?
Bắc cân hai lẽ mất còn,
Đằng nào khổ sở, tính toán cho rành.
2. Chắt chiu quá lại thành uổng phí,

Cóp nhặt nhiều ắt sẽ tay không,
 Thành thời, là có đủ dùng,
 Ít ham, ít nhục, thung dung một đời.
 Lòng khinh khoát, biết nơi dừng bước,
 Thoát hiểm nguy lại được trường sinh.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên ta không nên tham danh, tham tài đến nỗi phải vong thân, vong mạng...

Tâm thần ta là vật chí quý, chí bảo của trời đất; ta đừng nên dại dột mà đem đổi chác lấy công danh, tiền bạc phù du hư ảo.

Lão tử khuyên ta hãy nên bắc cân xem thân ta, mạng ta là trọng; hay danh lợi là trọng. Được danh lợi mà mất tâm thần, hỏi đáng nào nguy hại hơn ?

Thế tức là «đắc dữ vong thực bệnh». «Đắc» đây nên hiểu là «đắc danh vọng», «đắc hóa tài», mà «vong» đây nên hiểu là «vong thân, vong mạng».

Giải như thế, ta thấy câu này có âm hưởng như câu thánh kinh: «Được lợi lãi cả thế gian mà lỗ vốn mất linh hồn nào được ích lợi gì?» ^[7]

Nếu chúng ta chạy theo hóa tài, ham mê danh vọng, tâm thần ta ngày sẽ một bị hao tán, phí phao. Cái phí phao ấy mới thực là lớn lao vậy. (Thị cố thậm ái, tất thậm phí.) Mà cho dầu ta súc tích đến bao nhiêu chẳng nữa chúng ta cũng sẽ khó lòng mà giữ được cho toàn.

Hà Thượng Công bình rằng: «Sống mà súc tích cho đầy kho lẫm; chết mà súc tích cho đầy quan quách, thì sống sẽ lo trộm cướp đánh đập phá phách, chết sẽ lo bị đào mồ, cuốc mả.» ^[8]

Cho nên biết an thường, thủ phận sẽ thoát được ra ngoài vòng cương tỏa của lợi danh, và sẽ tránh được nhiều điều tử nhục. Biết an thường, thủ phận, bỏ lợi lộc công danh hư ảo, lo tu thân, luyện trí, tu tâm, hợp Đạo, rồi ra sẽ được cửu trường.

^[1] Thực 孰: cái gì.

^[2] Đa 多: nhiều, trọng.

^[3] Bệnh 病: hại.

^[4] Phí 費: hao tổn.

^[5] Hậu 厚 : dày, nhiều.

^[6] Đãi 殆 : nguy.

^[7] Marc, 8, 36.

^[8] Sinh đa tàng ư phủ khố, tử đa tàng ư khâu mộ; sinh hữu công kiếp chi ưu, tử hữu quật trủng thám cửu chi hoạn. 生多藏於府庫,死多藏於丘墓. 生有攻劫之憂,死有掘冢探柩之患. Âm chú Hà Thượng Công, Lão tử Đạo Đức kinh, chương 44.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 45

HỒNG ĐỨC

洪德

Hán văn:

大成若缺, 其用不弊. 大盈若冲, 其用不窮. 大直若屈. 大巧若拙. 大辯若訥. 躁勝寒. 靜勝熱. 清靜為天下正.

Phiên âm:

1. Đại thành nhược khuyết ^[1] kỳ dụng bất tệt. ^[2] Đại doanh nhược xung ^[3] kỳ dụng bất cùng. Đại trực nhược khuất. ^[4] Đại xảo nhược chuyết. ^[5] Đại biện nhược nột.

2. Táo thắng hàn. Tĩnh thắng nhiệt. Thanh tĩnh vi thiên hạ chính.

Dịch xuôi:

1. Hoàn toàn mà ngỡ là khiếm khuyết, nhưng dùng không bao giờ hỏng. Thực đầy mà ngỡ như vơi, nhưng dùng không bao giờ hết. Thẳng băng mà ngỡ như cong; tuyệt khéo mà như vụng về; rất hùng biện, mà như là ấp úng.

2. Nóng thắng lạnh, yên thắng nóng, thanh tĩnh mà chính được thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Thực mỹ mãn mà như khuyết điểm,
Nhưng đem dùng chẳng chuyển, chẳng mòn.
Thật đầy mà ngỡ trống trơn,
Đem dùng mới thấy chứa chan vô cùng.

Thẳng bằng mà ngó như cong,
 Muôn nghìn khéo léo, dáng trông vụng về.
 Thật hùng biện như e, như ấp,
 Về ngây ngô, sắc mắc ai đương.
 2. Múa may cho bớt lạnh lòng,
 Nghỉ ngơi cho nóng đỡ nung hình hài.
 Một niềm thanh tĩnh thanh thoi,
 Tự nhiên thiên hạ đổi đời hóa hay.

BÌNH GIẢNG

Đoạn này Lão tử lại cho thấy thánh nhân thường có vẻ ngoài khiêm cung, từ tốn. Quan niệm này đã thấy có ở nơi chương 41.

Luận Ngữ cũng có ít câu tương tự. Đức Khổng nói: «Người quân tử muốn cho lời nói của mình thì ít ỏi, chậm lụt mà công việc của mình thì cần mẫn, siêng năng.» [6]

Ngài lại nói: «Người cương nghị chất phác, ít ăn, ít nói, thì gần với mức nhân.» [7]

Đoạn sau Lão tử dạy nên dùng «thanh tĩnh, vô vi» để trị đời. Vì sao ? Thừa vì muốn bớt lạnh, cần hoạt động; muốn bớt nóng cần nghỉ ngơi. Ngày nay thế giới đang bùng bùng chạy theo danh theo lợi, nếu chúng ta lại cũng bồn chồn, nóng nảy thì có khác nào đổ thêm dầu vào lửa đâu; như vậy làm sao mà trị đời. Cho nên chỉ có cách là thanh tĩnh, tiêu sái, thung dung thì mới treo gương được cho đời, gỡ được cho con người thoát khỏi vòng phiền trược của thế sự.

[1] Khuyết 缺: không hoàn toàn.

[2] Tệ 弊: hư.

[3] Xung 冲: trống không.

[4] Khuất 屈: cong.

[5] Chuyết 拙: vụng.

[6] Tử viết: Quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hạnh. 子曰: 君子欲訥言, 而敏於行. Luận Ngữ 論語, Lý Nhân 里仁, câu 4.

[7] Tử viết: Cương, nghị, mộc, nột cận nhân 子曰: 剛, 毅, 木, 訥 近 仁. Luận Ngữ, Tử Lộ 子路, câu 27.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 46

KIỆM DỤC

儉 欲

Hán văn:

天下有道，卻走馬以糞。天下無道，戎馬生於郊。禍莫大於不知足。咎莫大於欲得。故知足之足，常足矣。

Phiên âm:

1. Thiên hạ hữu đạo, khước tẩu mã dĩ phẩn. Thiên hạ vô đạo, nhung mã sinh ư giao.
2. Họa mạc đại ư bất tri túc.^[1] Cữu mạc đại ư dục đắc. Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.^[2]

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ có Đạo, thì ngựa dùng vào việc vun phân ruộng. Thiên hạ không Đạo, ngựa chiến sinh ngoài thành.
2. Không họa nào lớn bằng không biết đủ. Không hại nào lớn bằng muốn được của. Cho nên biết cho mình là có đủ, thì luôn luôn đủ.

Dịch thơ:

1. Trần gian mà có Hóa Công,
Ngựa hay cũng thải về đồng vun phân.
Trần gian mà mất Thiên quân,
Bên thành chiến mã hí rầm ngày đêm.
2. Nguy thay những kẻ bon chen,

(Suốt đời chẳng lừng dạ thèm khát khao).

Hại thay những kẻ vợ vào,

(Vợ vợ, vết vết biết bao giờ cùng).

Ở đời muốn được thung dung,

Nhiều no, ít đủ, ta không phàn nàn.

BÌNH GIẢNG

Thiên hạ mà có Đạo, thì dân chúng an bình, ngựa chiến không còn có việc dùng, phải đem về quê làm việc đồng áng.

Khi nào thì gọi là nước có Đạo? Nước có Đạo là khi trên dưới giữ đúng bốn phận mình, vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con; ai nấy đều lo tu tâm, ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, yêu kính đồng loại, biết trọng nghĩa, khinh tài.

Đó là thời đại hòa, đại thuận. Thời ấy, không còn ai muốn cất giữ những dụng cụ chiến tranh, nên ngựa chiến cũng hóa thành vô dụng.

Vua Vũ Vương đã có thời thả trâu trăn, ngựa chiến nơi miền núi Hoa Dương, và miền đồng Đào Lâm tỏ ý sẽ dùng văn mà cai trị, cải hoá thiên hạ, thay vì dùng võ, dùng bạo lực.^[3]

Nhưng khi mà nước vô Đạo, thì chinh chiến nhiều nhưng nhân dân đồ thán, mà khi ấy thời ngay bên thành, đã thấy đầy dẫy những chiến mã.

Thế nào là một nước vô Đạo? Một nước vô Đạo là một nước đã mất cương thường, trên chẳng ra trên, dưới chẳng ra dưới, ai ai cũng chỉ vụ danh, vụ lợi mà khinh nhân nghĩa. Người người khi trá lẫn nhau, bóc lột lẫn nhau, chia rẽ nhau. Trong thì cương thường đổ nát, ngoài thì không giữ được hòa hiếu với lân bang, vì thế nên sinh ra chinh chiến.

Chung qui, chinh chiến sinh ra là vì con người không biết kiềm chế lòng dục. Ai cũng muốn vợ vết, súc tích thêm của cải; ai cũng tỏ lòng lòng tham. Cho nên cái hay nhất cho cá nhân, cũng như cho xã hội là biết vừa lòng với số phận mình, biết vui sống trong hoàn cảnh mình.

Đọc chương Đạo Đức kinh bàn về «Tri túc» này, ta lại liên tưởng đến thái độ của nho gia trong Luận Ngữ.

Đức Khổng nói: «Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay gối đầu, trong cảnh bần hàn mà vẫn vui sướng. Phú quý do bất nghĩa thì coi như mây nổi.»^[4]

Đức Khổng cũng khen Nhan Hồi như sau: «Hiền thay là trò Hồi! Người ở trong ngõ hẹp với một giỏ cơm, một bầu nước. Ở cảnh ấy người ta không ai chịu cực khổ cho nổi. Thế mà trò Hồi chẳng đổi chí vui thích của mình. Hiền thay là trò Hồi.»^[5]

Cụ Nguyễn Công Trứ đã hiểu được lẽ «lạc thiên tri mệnh»^[6] 樂天知命 hay «an phận lạc thiên» 安分樂天 của Nho và Lão nên đã viết:

«Cảnh cùng thông, ai có bận chi đâu,

Mùi tiêu sái với trần gian dễ mấy.

Thơ rằng:

Hữu danh nhàn phú quý 有名閒富貴

Vô sự tiểu thần tiên 無事小神仙

Đấng anh hùng an phận lạc thiên 安分樂天

So trời đất cũng nhất ban xuân ý.» [7] 一般春意.

-
- [1] Bản Hà thượng Công, bản Tống Long Uyên, bản Léon Wieger lại thêm một câu như sau: Tội mạc đại ư khả dục; Họa mạc đại ư bất tri túc; Cửu mạc đại ư dục đắc. 罪莫大於可欲; 禍莫大於不知足; 咎莫大於欲得.
- [2] Bản Hà thượng Công và bản Léon Wieger không có chữ hĩ 矣 .
- [3] Xem Kinh Thư, Vũ Thành 武成, tiết 2.
- [4] Tử viết: «Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân». 子曰: 飯疏食, 飲水, 曲肱而之, 樂亦在其中矣. Luận Ngữ 論語, Thuật Nhi 述而, chương 7, câu 15.
- [5] Tử viết: «Hiền tai Hồi dã ! nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng. Nhân bất kham kỳ ưu. Hồi dã bất cái kỳ lạc. Hiền tai Hồi dã.» 子曰賢哉回也! 一簞食, 一瓢飲, 在陋巷. 人不堪其憂. 回也不改其樂. 賢哉回也. Luận Ngữ 論語, Ung Dã 雍也, chương 6, câu 9.
- [6] Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu. 樂天知命故不憂 (Thánh nhân vui cái vui trời; bởi hay định mạng nên vui thập phần) Hệ từ thượng, chương 4. Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập III (Hạ Kinh), tr. 437.
- [7] Xem Đàm Xuân Thiều, Trần trọng San, Việt văn độc bản, đệ nhị, tr. 35, bài Hành tàng.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 47

GIÁM VIỄN

鑒遠

Hán văn:

不出戶, 知天下. 不闚牖, 見天道. 其出彌遠, 其知彌少. 是以聖人不行而知, 不見而名, 不為而成.

Phiên âm:

1. Bất xuất hộ, tri thiên hạ. Bất khuy [1] dũ [2] kiến thiên đạo. [3] Kỳ xuất di * viễn, kỳ tri di* [4] thiếu.
2. Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành.

Dịch xuôi:

1. Chẳng ra khỏi cửa mà biết thiên hạ. Chẳng dòm qua cửa sổ, mà biết đạo Trời. Đi càng xa, biết càng ít.
2. Cho nên thánh nhân chẳng đi mà biết, chẳng thấy mà hay, chẳng làm mà nên.

Dịch thơ:

1. Ở nhà chẳng bước đi đâu,
Thế mà thiên hạ gót đầu vẫn hay.
Tuy rằng cửa đóng then cài,
Thế mà vẫn hiểu Đạo trời tinh vi.
Con đường phiêu lãng càng đi,
Càng xa càng lạc biết gì nữa đâu.

2. Cho nên hiền thánh trước sau,
 Không đi mà biết, không cầu mà nên.
 Cần chi vất vả bon chen,
 Không làm mà vẫn ấm êm vuông tròn.

BÌNH GIẢNG

Chương này ý nghĩa rất rõ ràng. Đại ý rằng: Nếu chúng ta biết thu thần, định trí thì trí huệ sẽ phát sinh, [5] và sẽ biết được nhiều điều vi diệu của tạo hóa. Người xưa cho rằng: Ta và vạn vật đều cùng một gốc, nên nếu hiểu biết rõ lý lẽ ở nơi một người, sẽ hiểu biết lý lẽ của thiên hạ. [6] Thế là:

- dĩ nhất sự suy vạn sự
- dĩ nhất tâm suy vạn tâm
- dĩ nhất nhật suy vạn đại

Cho nên không ra khỏi nhà đã biết chuyện thiên hạ.

Người xưa lại quan niệm thêm rằng luật trời, đạo trời ghi tạc ngay trong lòng con người; nên không cần bon chen vất vả, chỉ cần biết định tĩnh, biết tiềm tâm suy cứu, là tìm thấy luật Trời.

Còn như bon chen vất vả, luân lạc trong chốn hồng trần, thì bất quá chỉ có được những kiến thức vụn vặt, những lối nhìn chật hẹp mà thôi.

Tóm lại:

Thấy bằng mắt không bằng thấy bằng trí; mà thấy bằng trí không bằng thấy bằng thần. Chỉ có thần mới không vội mà nhanh, không đi mà đến. [7]

[1] Khuy 闕: nhòm.

[2] Dũ 牖: cửa sổ.

[3] Bản Phó Dịch viết: «Bất xuất hộ, khả dĩ tri thiên hạ, bất khuy dũ, khả dĩ kiến thiên đạo.» 不出戶, 可以知天下, 不闕牖, 可以見天道.

[4] * Di 彌: càng.

[5] Thần định tắc tuệ sinh 神定則慧生. Huỳnh Nguyên Cát, Đạo Đức kinh chú thích, chương 47.

[6] Vật ngã đồng nguyên, cùng nhất kỷ chi lý, tức năng tận thiên hạ chi lý. 物我同源, 窮一己之理, 即能盡天下之理. Sđd, tr. 47.

[7] Duy thần dã, cố bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí. 惟神也, 故不疾而速, 不行而至 Kinh Dịch, Hệ từ thượng.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 48

VONG TRI

忘知

Hán văn:

為學日益, 為道日損. 損之又損, 至於無為. 無為而無不為, 取天下常以無事. 及其有事, 不足以取天下.

Phiên âm:

1. Vì học nhật ích, vì Đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn dĩ chí ư vô vi.
2. Vô vi nhi vô bất vi, thủ thiên hạ thường dĩ vô sự. Cập kỳ hữu sự bất túc dĩ thủ thiên hạ.

Dịch xuôi:

1. Theo học ngày một thêm, theo Đạo ngày một bớt. Bớt rồi lại bớt, đến mức Vô vi.
2. Không làm mà không gì không làm; muốn được thiên hạ phải dùng vô vi; dùng hữu vi không đủ để được thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Học nhiều càng lắm rườm rà,
Càng gần Đạo cả càng ra đơn thuần.
Giản phân rồi lại giản phân,
Tần phiền rũ sạch còn thuần vô vi.
2. Vô vi huyền diệu khôn bì,
Không làm mà chẳng việc chi không làm.

Vô vi mà được thể gian,
Càng xoay xở lắm đời càng rối beng.

BÌNH GIẢNG

Nếu chúng ta đi vào con đường kiến văn kiến thức, chúng ta phải lo trau dồi thêm mãi kiến thức kiến văn. Đó là con đường hưởng ngoại, con đường dẫn tới công danh lợi lộc.

Còn nếu chúng ta định đi tìm Đạo, tìm bản thể trong con người chúng ta thì chúng ta phải đi vào con đường rũ bỏ:

- Chúng ta phải từ bỏ cho hết mọi tà tâm tà niệm.
- Chúng ta phải rũ bỏ lòng tư kỷ, tư dục.
- Chúng ta phải từ bỏ lòng ham danh lợi.
- Chúng ta phải rũ bỏ mọi tri kiến phiền tạp phù phiếm.
- Chúng ta phải rũ bỏ hết mọi sự xuyến xao làm mất sự tĩnh lặng của tâm thần.
- Chúng ta phải rũ bỏ mọi chấp trước mê vọng.

«Khi mà nhân dục đã hủy hết, thiên lý sẽ trở nên thuần toàn. Khi mà tính đã yên như ngọc lưu ly không còn vẩn vương một chút chi ô nhiễm, khi mà lòng đã sáng như tấm gương trong, không còn bợn một chút chi nhơ bẩn, lúc ấy Bản thể sẽ hiển hiện ra sáng láng, cái Chân tâm tự tại, cái «Bản lai diện mục» của chúng ta sẽ biểu lộ ra rõ ràng, và lúc ấy Vô cực chân nhân mới để lộ dung quang...» [\[1\]](#)

Theo quan niệm của các nhà huyền học, thì nếu chúng ta không biết gạt bỏ những kiến văn phù phiếm, nếu chúng ta không vượt lên trên được các hình thức sắc tướng, thì làm sao chúng ta hợp nhất được với Đấng Chí Tôn. [\[2\]](#)

Đi vào nội tâm, trừ sạch mọi tà tâm, tà niệm, vọng niệm, vọng tưởng, chúng ta sẽ đạt được tới vô vi. Đạt tới vô vi tức là đạt tới Bản thể Căn nguyên, đạt tới Pháp giới, đạt tới Niết bàn theo từ ngữ nhà Phật.

Vì kinh Đại Niết Bàn cho rằng:

- «Giải thoát là trừ sạch vô minh sinh ra chân minh.» [\[3\]](#)
- «Giải thoát là rốt ráo thanh tịnh.» [\[4\]](#)
- «Phật tánh tức là chân giải thoát.» [\[5\]](#)
- «Chân giải thoát tức là Như lai.» [\[6\]](#)
- «Như lai tức là Niết bàn. Niết bàn tức là Vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định.

Quyết định tức là Vô thượng chánh giác.» [\[7\]](#)

Cho nên rũ bỏ đây tức là dập tắt «lửa phiền não», vượt vòng sinh tử hình tướng để mà lên cõi bất sanh bất diệt».

Phật cũng còn nói: «Bất sanh bất diệt tức là giải thoát, giải thoát như vậy tức là Như lai.» [\[8\]](#)

Rũ bỏ hết để đạt tới «vô sở đắc» mà «vô sở đắc thời gọi là Huệ» [\[9\]](#) là Đại Niết Bàn. [\[10\]](#)

Đạt tới vô sở đắc, đạt tới vô vi tức là dứt hẳn tất cả sinh tử [\[11\]](#) đạt tới «Thường, lạc, ngã, tịnh». [\[12\]](#)

Từ trên đến đây, chúng ta đã dùng từ ngữ của thánh hiền Âu Á để chứng minh rằng:

Phải rũ bỏ phù hoa, bác tạp mới tìm ra Tinh Hoa, tìm ra Chân bản thể tinh tuyền. Tìm ra được rồi tức là:

- Phối thiên
- Đắc Nhất, đắc Đạo
- Đạt tới Vô vi
- Đạt tới Vô thượng chính đẳng, chính giác, tới Niết Bàn.

Như vậy con đường tu, công phu tu luyện, mục đích tu trì nhất nhất đều đã được vạch rõ.

Khi đã đạt tới mức sâu nhất của lòng con người chúng ta đã đạt tới Trung tâm Vũ Trụ, đạt tới Thiên Địa chi tâm, đạt tới phổ quát đại đồng, và như vậy chúng ta sẽ bao quát được không gian thời gian. Như vậy chính là được cả thiên hạ, cả vũ trụ.

Những công chuyện hời hợt bên ngoài làm sao mà để lại được tầm ảnh hưởng gì lớn lao, sâu sắc. Thêm kiến văn, kiến thức, thêm kinh nghiệm. Đó là con đường hướng ngoại, tìm về công danh lợi lộc.

Tổn là tổn nhân dục, tổn lòng tham danh tham lợi, rũ bỏ phù hoa. Đó là con đường hướng nội, đi tìm về Đạo về Bản Thể.

Thiên tính nằm trong con người, cũng như vàng, như ngọc nằm trong quặng trong đá. Càng làm tiêu hao được đá, được quặng bên ngoài thì ngọc lành sẽ hiện ra.

Tổn là hao tổn lửa phiền não bên ngoài để cho còn nguyên có Pháp thân Như Lai.

[1] Nhân dục khử tận, thiên lý thuần toàn; tính tĩnh như lưu ly, bất dung nhất hào ô nhiễm, tâm thanh tự minh kính, vị hữu bán điểm trần ế, bản thể quang minh, chân tâm tự tại, bản lai chi diện mục, phương tài hiển lộ, vô cực chi chân nhân, thủy hiện kim dung 人欲去盡, 天理純全; 性靜如琉璃, 不容一毫污染, 心清似明鏡, 未有半點塵翳, 本體光明, 真心自在, 本來之面目, 方纔顯露, 無極之真人, 始見金容. Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng nghĩa, quyển hạ, chương 48, tr. 16.

[2] Et toi, cher Timothée, l'âme toute tendue vers les mystiques contemplations, renonce à tes sens, à tes travaux intellectuels, à toutes les choses sensibles et intelligibles, à tout ce qui est, à tout ce qui n'est pas et recherche le plus que tu pourras, au cours de tes investigations intérieures, l'union avec Celui qui est au-dessus de toute essence et de toute connaissance, car seulement par le libre, absolu et pur détachement de toi-même et de toute choses, renonçant à tout, délivré de tout tu atteindras le rayon supra-essentiel de la divine obscurité. (Denys le pseudo Aréopagite) Illan de casa Fuerte, La Religion essentielle, p. 66.

[3] Kinh Đại bát Niết bàn, tập 1, tr. 184.

[4] Sđđ, tr. 187.

[5] Sđđ, tr. 187.

[6] Sđđ, tr. 187.

[7] Kinh Đại bát Niết bàn, tập 1, tr. 187.

[8] Sđđ, tr. 193.

[9] Kinh Đại bát Niết bàn, tập 2 (Thích trí Tịnh dịch) tr. 99.

[\[10\]](#) Sđd, tr. 99.

[\[11\]](#) Sđd, tr. 100.

[\[12\]](#) Sđd, tr. 101.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 49

NHIỆM ĐỨC

任德

Hán văn:

聖人無常心, 以百姓心為心. 善者吾善之. 不善者吾亦善之, 得善矣. 信者吾信之. 不信者吾亦信之, 得信矣. 聖人在天下, 歛歛為天下渾其心. 百姓皆注其耳目, 聖人皆孩之.

Phiên âm:

1. Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi. Bất thiện giả ngô diệc thiện chi. Đắc thiện hĩ. Tín giả ngô tín chi. Bất tín giả ngô diệc tín chi, đắc tín hĩ.

2. Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp vi thiên hạ hồn kỳ tâm. Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi.

Dịch xuôi:

1. Thánh nhân không có lòng, thường lấy lòng thiên hạ làm lòng mình. Với kẻ lành dữ đều tốt. Thế là tốt rất mực. Với người thành tín hay gian ngoan, cũng đều tin cậy ngang nhau, đó là lòng tin rất mực.

2. Thánh nhân ở trong thiên hạ mà lòng luôn hồn nhiên, không có thiên tư, thiên kiến. Mọi người đều để tai mắt vào người mà người coi mọi người như những đứa trẻ thơ.

Dịch thơ:

1. Thánh nhân lòng chẳng khuỷu,
Lấy lòng thiên hạ làm như lòng mình.
Dẫu người lành dữ mặc tình,

Với ai ta cũng chân thành trước sau.

Đó là đức hạnh nhiệm màu,

Đó là thánh thiện trước sau muôn ngàn.

Người ngay thẳng kẻ gian ngoan,

Với ai ta cũng chu toàn tấm son,

Ấy là thành tín vuông tròn.

2. Thánh nhân sống ở trần hoàn,

Tâm hồn man mác khó toan khó lường.

Muôn người mắt trố, tai trướng,

Thánh nhân xem tựa một phường trẻ thơ.

BÌNH GIẢNG

Thánh nhân «vô thường tâm» tức là thánh nhân «vô kỷ» không có lòng riêng, luôn «hư tâm» để cảm thông với thiên hạ. Có «vô tâm» thánh nhân mới cảm được thiên hạ.

Như trời cho mặt trời mọc lên lặn xuống cho kẻ lành lẫn kẻ dữ, thánh nhân thương yêu mọi người không phân biệt lành dữ, và niềm tin vào nơi mọi con người mặc dầu họ thành khẩn hay gian ngoan.

Đạt được mức độ «vô tâm», «vô kỷ» là đạt được tới mức độ hoàn thiện cao siêu tuyệt vời rồi vậy.

Cho nên sống trong đời thánh nhân luôn luôn phơi phơi hồn nhiên, như một tấm gương trong soi cho mọi người không phân lành dữ.

Thánh nhân cũng không chấp nhất những lỗi lầm của trăm họ, vì biết lộ trình họ hãy còn thấp kém còn ấu trĩ.

Ta cũng nên ghi nhận rằng thánh nhân theo đạo Lão cũng như Đạo Nho là những người có phẩm cách siêu quần bạt tụy, là những mẫu người lý tưởng «dữ Đạo hợp chân» «dữ Thiên đồng đức».

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 50

QUÍ SINH

貴生

Hán văn:

出生入死. 生之徒, 十有三. 死之徒, 十有三. 人之生, 動之死地亦十有三. 夫何故? 以其生生之厚. 蓋聞善攝生者, 陸行不遇兇虎, 入軍不被甲兵. 兇無所投其角; 虎無所措其爪; 兵無所容其刃. 夫何故? 以其無死地.

Phiên âm:

1 Xuất sinh nhập tử.

2. Sinh chi đồ, ^[1] thập hữu tam. ^[2] Tử chi đồ, thập hữu tam. Nhân chi sinh, động chi tử địa diệc thập hữu tam. Phù hà cố ? Dĩ kỳ sinh sinh chi hậu.

3. Cái văn thiện nhiếp sinh giả, lục hành bất ngộ hủ hổ; nhập quân bất bị giáp binh. Hủ vô sở đầu kỳ giác; hổ vô sở thố kỳ trảo; binh vô sở dụng kỳ nhận. Phù hà cố ? Dĩ kỳ vô tử địa.

Dịch xuôi:

1. Bước vào cõi sinh, tức là đã vào cõi tử.

2. Có 13 duyên cơ sống, chết. Con người sinh ra đời liền bị 13 duyên do đưa vào cõi chết. ^[3] Tại sao ? Vì con người muốn sống cho hết mức.

3. Nhưng ta nghe rằng người khéo giữ gìn sự sống đi trên đường không gặp tê, gặp hổ; vào trong quân lữ không cần mang giáp, mang gươm. Vì không có chỗ nào để húc; hổ không có chỗ nào để vấu; binh không có chỗ nào để chém. Tại sao ? Vì họ không có chỗ chết.

Dịch thơ:

1. Ra cõi sinh là vào cõi tử,
(Tử với sinh một cửa chia đôi.)

2. Nẻo đường sống chết đôi nơi,
Bên nào đường lối cũng thời mười ba.
Kiếp phù sinh phù pha tàn úa,
Truy kỳ nguyên cũng có mười ba.
Kiếp người tàn úa phù pha,
Chung qui là tại quá ưa hưởng đời.

3. Ai mà biết tài bồi nguồn sống,
Đi đường trường chẳng đặng hùm heo.
Vào nơi trận mạc cheo leo,
Cheo leo nhưng vẫn muôn chiều bình yên.
Tê chẳng chỗ để xiên sừng nhọn,
Hổ không nơi cho móng xé cào.
Quân binh chẳng chỗ hạ đao,
Vì không còn có chỗ nào tử vong.

BÌNH GIẢNG

Sinh ra ở đời nếu không biết đường tu luyện sẽ đi vào cõi, chết. [4] Cái gì giúp cho ta đi vào con đường sống ? Đó là cái thân (tứ chi, cửu khiếu) và tâm (thất tình, lục dục).

Cái gì làm cho ta đi vào con đường chết đó cũng chính là: thân (tứ chi, cửu khiếu) và tâm (thất tình, lục dục).

Mới hay trước sau cũng chỉ là một thân, một tâm, biết xử dụng, biết kiềm chế, điều khiển thì sống; không biết xử dụng, không biết kiềm chế điều khiển sẽ đi vào chỗ chết. [5]

Ai tu luyện xưa nay mà không phải đi qua cửa ải xác thân con người mà Cụ Nguyễn Đình Chiểu gọi là cửa ải «Nhân xu» ? Trong Ngư tiều vấn đáp y thuật ta thấy viết:

Ngư rằng: Nhắm chốn Đan kỳ,
Éo le khúc nẻo, đường đi chẳng gần.
Nhiều non, nhiều núi, nhiều rừng,
Nhiều đèo, nhiều ải, nhiều chừng động hoang.
Chút công khó nhọc chẳng màng,
Chỉ lo góc biển mỗi làng Nhân Xu.
Nhân xu ải ấy ở đầu,
Nẻo lành, nẻo dữ cân sâu khôn lường.
(Xem NTVĐYT, tr. 97)

Thân tâm con người có thất tình, lục dục.

Thất tình 七情 là hỉ 喜, nộ 怒, ai 哀, lạc 樂, ái 愛, ố 惡, dục 欲. Lục dục 六欲 là lục căn 六根 hay lục tặc 六賊, sinh ra. Lục căn là nhãn 眼, nhĩ 耳, tị 鼻, thiệt 舌, thân 身, ý 意. Lục căn con người tiếp xúc với ngoại cảnh, với lục trần 六塵 (sắc 色, thanh 聲, hương 香, vị 味, xúc 觸, pháp 法) bên ngoài, nên sinh ra lòng ham muốn riêng tư. Cụ Nguyễn Đình Chiểu giải về lục căn lục tặc như sau:

Tiêu rằng: Lục tặc làm sao ?
 Xin phân sáu ấy âm hao cho rành.
 Ngự rằng: Tai, mắt, nhiều tình,
 Tai tham tiếng nhạc, mắt giành sắc sinh.
 Mũi thời tham vị hương hình,
 Miệng thời tham béo ngọt thanh rượu trà;
 Vóc thời muốn bận sô; sa;
 Bụng thời muốn ở cửa nhà thếp son.
 Cho hay Lục tặc ấy còn,
 Khiến con người tục lèn mòn hư thân.

(NTVĐYT, tr. 103)

Tấm thân ta tuy là căn do sinh ra sự chết chóc, nhưng nó cũng chính là công cụ giúp ta giải thoát.

Tổng Long Uyên viết: «Căn do chết chóc có 13: đó cũng chính là thất tình lục dục. Đối với người tu, thì đó là cửa đưa vào cõi sống; đối với kẻ phóng túng, thì đó là cửa đưa vào cõi chết. Muốn hiểu được giường máy sống chết vào ra sao, chỉ cần xem con người đã xử dụng tâm thân ra sao mà thôi.» [6]

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nơi quyển 6 viết:

«Nhất căn ký phản nguyên,
 Lục căn thành giải thoát.»
 (Một căn đã hoàn nguyên,
 Sáu căn thành giải thoát.) [7]

Như vậy sinh ra ở đời chúng ta có hai hướng đi, hai ngã đường:

1. Một đường phóng túng dục tình, làm tôi mọi xác thân ngoại cảnh để rồi đi vào cõi chết. Chết đây nên hiểu là chết về phương diện tâm thần.
2. Một đường tu tâm, luyện khí, hàm dưỡng tính tình, bảo toàn được tinh hoa của trời đất để rồi cuối cùng trở thành Chân Nhân, trường sinh cùng trời đất. Trường sinh đây phải hiểu là phương diện tâm thần.

Muốn tìm được trường sinh bất tử, phải tìm cho ra được Chân Thần nơi mình.

Dục cầu nhân bất tử, tu tầm «Bất tử nhân». 欲求人不死, 須尋不死人.

Chỉ có Chân Nhân 真人, Chân Thần 真神 nơi con người mới không thể bị hủy hoại, tử vong. Kinh Bhagavad Gita viết: «Chân thần nơi con người bất sinh bất tử, như lai thường tại; chẳng hề sinh, có từ vạn cổ, trường tồn vĩnh cửu. Chân thần ấy chẳng bị giết khi xác thân bị giết.» [8]

«Y như một người, bỏ áo cũ mặc áo mới, Chân thần nơi con người vứt bỏ xác cũ, mặc lấy xác mới.»

[9]

«Khí giới không chặt chẽ được Ngài, lửa không đốt được Ngài, nước không làm ướt được Ngài, và gió không làm khô được Ngài.» [10]

«Ngài không thể bị chặt, cắt, không thể bị đốt cháy, không thể bị ướt át, hay làm cho khô ráo; trường tồn, phổ quát, bất biến, có từ vạn cổ.» [11]

«Chân thân ngự trị trong thân xác mỗi người không thể bị thương được.» [12]

Sách Ngô đạo lục cũng viết: «Con người sở dĩ làm con người được chính là do Thần vậy. Thần còn thì sống, Thần đi thì chết. Thần là một vật thông thiên, triệt địa, quán cổ, quán kim, không gì nhỏ mà không vào, không đâu mà không có; vào nước không ngọt, vào lửa không cháy, xuyên qua kim, thạch, lớn thì trùm trời đất, nhỏ ta thời xuyên qua ngọn lông...» [13]

Như vậy muốn bất tử, bất hoại, cần phải:

- Đắc Nhất 得一
- Đắc thần 得神
- Đắc Đạo 得道
- Thành thần 成神
- Thành Đạo 成道

[1] Đồ 徒: (1) người, loại; (2) căn do.

[2] Thập hữu tam 十有三: (1) ba phần mười; (2) mười ba.

Wieger, James Legge, Vương Bột v. v. giải Đồ và Thập hữu tam theo lối (1). Hà thượng Công, Stanislas Julien, Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toàn giải theo lối (2).

[3] Câu này có nhiều cách dịch và giải khác nhau, xin xem phần bình giảng. Đây tôi phỏng theo bản dịch của Stanislas Julien.

[4] For certain is death for the born, and certain is birth for the death; therefore, over the inevitable thou shouldst not grieve. The Bhagavad Gita, English translation by Annie Besant, p. 29.

[5] Câu Sinh chi đầu hữu thập tam, tử chi đồ hữu thập tam có thể dịch được nhiều cách.

(a) James Legge, Léon Wieger theo Vương Bột đại khái bình giải câu này như sau:

- Trong 10 người thì có 3 người biết giữ gìn sự sống mình bằng cách ngăn chặn, giảm thiểu hết mọi duyên do trong ngoài có thể làm phương hại đến sức khỏe.
- Trong 10 người cũng lại có 3 người sống bữa bãi để đến nỗi sinh bệnh rồi chết.
- Lại cũng có 3 người, tuy ham sống, nhưng lại có hành động phương hại đến sức khỏe, làm mình mau bệnh, mau già, mau chết.
- Chỉ còn lại có một người là biết sống hợp với Đạo.

(b) Stanislas Julien và nhiều nhà bình giải cho rằng có 13 điều làm cho ta sống. 13 điều này đã ghi trong Đạo đức kinh.

1- Hư 虛 (chương 3, 6), 2- Vô 無 (11), 3- Thanh 清 (15, 45), 4- Tĩnh 靜 (16, 26, 37, 45, 57), 5- Nhu 柔 (10, 26, 43, 78), 6- Nhục 若 (3, 78, 78), 7- Từ 慈 (67), 8- Kiệm 儉 (67), 9- Bất cảm vi thiên hạ tiên 不

敢為天下先 (67), 10- Tri túc知足 (44, 46), 11- Tri chỉ知止 (44, 46), 12- Bất dục đắc不欲得 (46), 13- Vô vi 無為 (2, 10, 37, 42, 48, 63). Mười ba điều ngược lại với 13 điều trên sẽ đưa ta vào cõi chết.

(c) Hà Thượng Công cho 13 điều đó là tứ chi, cửu khiếu.

(d) Tống Long Uyên giải 13 duyên có đây là thất tình, lục dục (hỉ, nộ, ái, cụ, ố, dục; nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý).

[6] Tử chi đồ, thập hữu tam, diệc thị chỉ thất tình lục dục dã. Thất tình lục dục, tu chi giả, tiện thị sinh ngã chi môn; túng chi ngã giả, tiện thị tử ngã chi hộ. Sinh tử, xuất nhập chi cơ, đăn khán nhân chi trì dưỡng giả hà như nhĩ. 死之徒, 十有三, 亦是指七情六欲也. 七情六欲, 修之者, 便是生我之門; 縱之我者, 便是死我之戶. 生死, 出入之機, 但看人之持養者何如耳. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, quyển hạ, tr. 19.

[7] Xem Đoàn Trung Còn, Phật học Từ Điển, quyển I, tr. 225 nơi chữ Lục căn.

[8] He (the dweller in the body) is not born, nor doth he die; not having been, ceaseth he any more to be; unborn, perpetual, eternal, ancient, he is not slain when the body is slaughtered. The Bhagavad Gita (bản dịch tiếng Anh của Annie Besant, p. 26).

[9] As a man, casting off worn out garment, taketh new ones, so the dweller in the body casting off worn out bodies, entered in others that are new. Sđd., p. 27.

[10] Weapons cleave him not, nor fire burneth him, nor water wet him, nor wind drieth him away. Sđd., p. 27.

[11] Uncleavable he, incombustible he and indeed neither to be wetted nor dried away; perpetual all pervasive, stable, immovable, ancient. Sđd., p. 27.

[12] This dweller in the body of every one is ever invulnerable. Sđd., p. 29.

[13] Nhân chi sở dĩ đắc vi nhân giả, thần dã. Thần tại tắc sinh, thần khứ tắc tử. Thần chi vi vật, thông thiên triệt địa, đạt cổ như kim, vô vi bất nhập, vô xứ bất tại. Nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phàn, nhập kim thạch bất ngại, đại tắc lượng sung vũ trụ, tiểu tắc tế nhập hào đoan. 人之所以得為人者, 神也. 神在則生, 神去則死. 神之為物, 通天徹地, 達古如今, 無為不入, 無處不在. 入水不溺, 入火不燬, 入金石不礙, 大則量充宇宙, 小則細入毫端. Thê Vân Sơn, Lưu Nguyên Ngộ đạo lục, tr. 23.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 51

DƯỠNG ĐỨC

養德

Hán văn:

道生之, 德畜之, 物形之, 勢成之. 是以萬物莫不尊道而貴德. 道之尊, 德之貴, 夫莫之命, 而常自然. 故道生之, 德畜之, 長之, 育之, 成之, 熟之, 養之, 覆之, 生而不有, 為而不恃, 長而不宰, 是謂玄德.

Phiên âm:

1. Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi. Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quý Đức.
2. Đạo chi tôn, Đức chi quý, phù mạc chi mệnh, nhi thường tự nhiên.
3. Cố Đạo sinh chi, Đức súc chi, trường chi, dục chi, thành chi, thực chi, ^[1] dưỡng chi, phú chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường nhi bất tể, thị vị huyền đức.

Dịch xuôi:

1. Đạo sinh, Đức dưỡng, vật chất cho hình, hoàn cảnh tác thành (muôn vật). Cho nên muôn vật đều tôn Đạo, quý Đức.
2. Sự cao trọng của Đạo Đức chẳng nhờ ai ban, mà Đạo Đức tự nhiên vốn đã cao trọng. ^[2]
3. Cho nên Đạo sinh, Đức dưỡng, làm cho vạn vật lớn lên; dưỡng nuôi vạn vật, tác thành che chở vạn vật. Sinh vạn vật mà không nhận là của mình; làm mà không cậy công; làm cho lớn lên mà không đòi làm chủ, thế gọi là Đức nhiệm mầu.

Dịch thơ:

1. Đạo sinh mà Đức dưỡng nuôi,

Khoác hình vật chất mà đời nên công.

Muôn loài nhớ tổ, nhớ tông.

Nên tôn Đạo cả, mà sùng Đức cao.

2. Đạo cao, Đức cả từ bao,

Tự nhiên vốn dĩ đời nào nhờ ai.

3. Đạo sinh mà Đức tài bồi,

Chăm nom dưỡng dục chẳng ngại tác thành.

Sinh nhưng chẳng giữ cho mình,

Tác thành nào kể công trình trước sau.

Tuy hơn mà chẳng đề đầu,

Đó là Đức cả nhiệm mầu huyền vi.

BÌNH GIẢNG

Vạn vật nhờ Đạo sinh, Đức dưỡng, vật chất tạo hình hài, thời thế giúp thành công. Vì thế muôn loài luôn tôn sùng Đạo Đức. Tuy nhiên không phải nhờ muôn loài tôn sùng mà Đạo Đức mới trở nên cao cả. Đạo Đức vốn dĩ đã cao cả từ muôn thuở.

Đạo và Đức tuy hai mà một, tuy một mà hai. Đạo là bản thể, Đức là ứng dụng. [3] Đạo tản mạn thời là Đức, triển Dương thời là Đức. [4] Cho nên Đức là sự hiển dương của Đạo. [5] Như vậy ta đã biết Đạo là một nguyên lý siêu việt, là nguyên lý cấu tạo ra vạn vật. Còn Đức bao gồm tất cả các ảnh hưởng, các hiệu năng của Đạo để giúp cho muôn vật được đi tới thành toàn.

[1] Câu «thành nhi, thực nhi» 成之熟之 là theo bản Wieger, Hà thượng Công. Các bản Vương Bật, Lưu Tư, v. v. lại viết là «đỉnh chi, độc chi» 亭之毒之.

[2] Nguyễn Duy Cần dịch: «Đâu phải tôn Đạo quý Đức là một phận sự bắt buộc, mà là một chiều hướng tự nhiên.» James Legge cũng dịch đại khái như vậy. Lỗi dịch của tôi phỏng theo Wieger, Stanislas Julien, v. v...

[3] Đạo thị Đức đích thể. Đức thị Đạo đích dụng. 道是德的體. 德是道的用. — Lưu Tư, Bạch thoại giải thích Lão tử, tr. 129.

[4] Description pittoresque de 德tei, son action productrice continue et variée, par la métaphore 紀ki dévidage d'une bobine. Le sens est clair: 道散為德 les produits divers du Principe, sont les manifestations de sa vertu; 德為道之紀 la chaîne infinie de ces manifestations de la vertu du Principe peut s'appeler le dévidage du Principe. — Wieger, Lao-tzeu, p. 29.

[5] La vertu dont parle ici l'auteur est la manifestation du Dao dans les créatures. — Stanislas Julien, Le Livre de la Voie et de la Vertu, chap. 51, Commentaire I.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 52

QUI NGUYÊN

歸元

Hán văn:

天下有始, 以為天下母. 既得其母, 以知其子. 既知其子復守其母. 沒身不殆. 塞其兌, 閉其門, 終身不勤. 開其兌, 濟其事, 終身不救. 見小曰明, 守柔曰強. 用其光, 復歸其明, 無遺身殃, 是為襲常.

Phiên âm:

1. Thượng hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử. Ký tri kỳ tử phục thủ kỳ mẫu. Một thân bất đãi.
2. Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, chung thân bất cần. Khai kỳ đoài, tế kỳ sự, chung thân bất cứu.
3. Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường. Dụng kỳ quang, phục qui kỳ minh, vô di thân ương, thị vi tập thường.

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ có khởi điểm. Khởi điểm ấy là mẹ thiên hạ. Đã được mẹ, thời biết con, trở về giữ mẹ, thân đến chết vẫn không nguy.
2. Ngậm miệng, ^[1] đóng tai, suốt đời không lặn dận. Mở miệng lo công việc, suốt đời không cứu được.
3. Thấy được tế vi mới là Minh, giữ được mềm yếu mới là Cường. Dùng ánh sáng của Đạo, để quay về sự quang minh của Đạo, thân không sợ tai ương, đó là tìm về vĩnh cửu. ^[2]

Dịch thơ:

1. Trần gian có gốc có nguồn,

Gốc nguồn ấy chính mẹ muôn vạn loài.

Một khi đã biết mẹ rồi,

Suy ra con cháu khúc nhôu khó gì.

Biết con, phải biết nghịch suy,

Suy con ra mẹ, ta đi ngược dòng.

Thế là chẳng sống uổng công,

Chết đi mà vẫn sống cùng nước non.

2. Âm thầm ấp ủ tắc son,

Một đời trần cấu chẳng mòn mỏi ai.

Mặc ai đầy đọa hình hài,

Một đời tất tưởi, phí hoài tâm thân.

3. Quang minh là thấu vi phân,

Cương cường là biết giữ phần mềm non.

Hãy dùng ánh sáng ngàn muôn,

Dem về soi tỏ gốc nguồn chói chang.

Thế là thoát mọi tai ương.

Thế là biết sống cứu trường vô biên.

BÌNH GIẢNG

Bài này rất dễ bình giảng, nếu chúng ta áp dụng quan niệm của Dịch Kinh.

Trong vũ trụ cái gì là Mẹ, cái gì là con ?

Trong vũ trụ, Thái cực, Đạo hay Bản thể là Mẹ; vạn hữu hay hình tướng là con.

Như vậy Bản thể là cội rễ, là khởi điểm mà vạn hữu, quần sinh hình tướng là chi diệp, là hậu duệ. Bản thể và hình tướng không bao giờ tách rời nhau.

Nho gia đã nói: «Thể dụng nhất nguyên, hiển vi vô gián.» 體用一源,顯微無間. Nghĩa là:

Thể với dụng đều cùng một gốc,

Hiển cùng vi chẳng lúc chia rời.

Suy ra, thì Trời, Đạo có bao giờ lìa khỏi con người đâu. Con người vì u mê nên mới tưởng mình tách rời khỏi Đạo, cho nên mới phải chịu đựng mối sầu chia ly.

Thánh kinh Công giáo viết: «Ta là cây nho, các người là cành nho. Kẻ nào hợp nhất với ta, thì ta với họ sẽ mang nhiều trái; vì sống tách rời khỏi ta, các người không làm được gì.» (Jean 15, 5)

Như vậy Đông Tây đều chấp nhận con người không thể lìa xa đạo thể. Mà Đạo thì trọng, còn tâm thân ta thì khinh. Tại sao ta cứ bám víu lấy cái khinh, mà bỏ mất cái trọng ? Có biết từ tâm thân mà vươn lên tới Đạo, thì cuộc đời ta mới hết tai ương.

Tổng Long Uyên bình: «Các bậc tu hành đời xưa, thường áp dụng lẽ Mẹ con ở cùng một chỗ mà tu trì chẳng dám rời. Vì thế cho nên thần khí được an hòa, thủy hỏa mới ký tể, thực hiện được điều kỳ diệu Cửu hoàn thất phản, và hiểu được lẽ Quy nguyên phục mệnh. Áp dụng lẽ ấy vào thân, thân ta sẽ tu, áp dụng vào nhà, nhà sẽ tề, áp dụng vào nước, nước sẽ trị, áp dụng vào thiên hạ, thiên hạ sẽ bình. Nếu bỏ thực

bắt vọng, mê lú không biết bản tông, như con lạc mẹ, thì lẽ nào mà không nguy khốn.» [\[3\]](#)

Lẽ Tử mẫu đồng cư 子母同居 nói trên cũng đã được thấy đề cập trong đạo Bà La Môn, và Phật Giáo. Quan niệm then chốt của Áo Nghĩa thư (Bà La Môn) là trong con người có đấng vô cùng.

Con người không phải cô đơn, khổ ải lao lung cùng khốn một mình trên bước đường đời, mà trái lại lúc nào cũng có người bạn muôn trùng sang cả ám trợ bên trong. Cho nên nếu con người giác ngộ nhận ra được đấng muôn trùng trong tâm mình, rồi cố gắng tu luyện để đi đến chỗ huyền đồng hợp nhất sẽ trở thành Atman.

Hai chim cùng đậu cành thân,
Keo sơn kết ngãi chẳng phân, chẳng lia.
Một chim ăn quả thỏa thuê,
Một chim lặng ngắm chẳng hề uống ăn.
Một người sống ở cây thân,
Suy vi não nuốt âm thầm oán than.
Ngẩng lên thấy đấng thanh nhàn,
Vinh quang sang cả, liền tan tành phiền. [\[4\]](#)
Hóa công mà thấy nhãn tiền,
Nhãn tiền mà thấy căn nguyên trần hoàn.
Dữ lành rũ sạch tinh toàn,
Rời ra trong trắng cao sang in Trời. [\[5\]](#)

Quan niệm trên cũng thấy trong Phật Giáo.

Vô cấu tử 無垢子 có kệ rằng:

Ngũ uẩn sơn đầu nhất đoạn không,
五蘊山頭一段空
Đồng môn xuất nhập chẳng tương phùng.
同門出入不相逢
Vô lượng kiếp lai nhằm ốc trú,
無量劫來賃屋住
Đáo đầu bất thức chủ nhân ông. [\[6\]](#)
到頭不識主人翁

Dịch:

Đầu non ngũ uẩn một vầng không,
Vào ra cùng cửa bất tương phùng.
Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,
Tới nay nào biết chủ nhân ông.

Nếu Trời, nếu Đạo, nếu bản tâm, Chân tâm, đã ở ngay trong lòng mình, thì việc quan trọng hơn hết là

phải biết Hồi đầu 回頭, Hồi quang quán chiếu 回光觀照, Định tĩnh 定靜, dữ Đạo hợp chân 與道合真.

Tính mệnh khuê chỉ 性命圭旨 có thơ:

Nhất khiếu hư không, Huyền tần môn,

一竅虛空玄牝門

Điều đình tiết hậu yếu đương ôn,

調停節候要當溫

Tiên nhân đỉnh nội vô tha dược,

仙人鼎內無他藥

Tạp khoáng tiêu thành bách luyện kim.

雜礦銷成百煉金

Dịch:

Một khiếu hư không, Huyền tần môn,

Năm tháng chất chiu giữ vẹn tròn,

Trong đỉnh tiên gia không thuốc khác,

Vàng lia tạp khoáng sẽ tinh toàn.

Trái lại nếu để cho thần trí ruối rong lạc lỏng ra ngoại cảnh, con người sẽ bị tiêu hao dần mất hết nguyên thần nguyên khí.

Từ ngữ Việt Hán đã có những chữ:

Hồn lạc phách xiêu,

Thần hôn, trí loạn,

Thần lạc, tinh lạc. v. v...

Cho nên nếu chúng ta trông thấy được bản thể vi diệu nơi ta, chúng ta mới có thể gọi được là thông sáng. Giữ được đạo thể tinh thuần, nguồn mạch sinh ra vạn sự, mới thực là con người hùng mạnh.

Ánh sáng thiên chân dội vào nơi tâm ta, sẽ phản quang. Ta phải biết nương theo làn ánh sáng phản quang ấy mà trở về cùng Nguồn Sáng. Như vậy chính là phương pháp trừ bỏ phù sinh mà trở về cùng Vĩnh cửu vậy.

[1] Đoài兌 : (1) Miệng (theo Cao Diên Đệ 高延第); (2) Tai mất mũi mồm (theo Cao Dụ 高誘).

[2] Tập thường: Có sách viết là 襲常 có sách viết là 習常. Tôi viết là 襲常 và giải là cách nương theo để về cùng vĩnh cửu.

[3] Cổ chi tu hành nhân, thường dĩ tử mẫu đồng cư chi đạo, tu trì bất đãi. Sở dĩ thần khí an hòa, thủy hỏa ký tế, hữu cửu hoàn thất phản chi diệu, đắc qui căn phục mệnh chi lý. Dụng chi ư thân, thân khả tu; Dụng chi ư gia, gia khả tề; Dụng chi ư quốc, quốc khả trị; Dụng chi ư thiên hạ, thiên hạ khả bình. Thảng nhược xả chân trục vọng mê thất bản tông, như tử chi ly mẫu, an hữu bất nguy hồ? 古之修行人, 常以子母同居之道, 修持不怠. 所以神神氣安和, 水火既濟, 有九還七反之妙, 得歸根復命之理. 用之於身, 身可修; 用之於家, 家可齊; 用之於國, 國可治; 用之於天下, 天下可平. 倘若舍真逐妄迷失本宗, 如子之離母, 安有不危乎? Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng

nghĩa, q. hạ, tr. 23a.

[4] Two birds fast bound companions,
Clasp close the self-same tree
Of these two, the one eats sweet fruits,
The other looks on without eating.
On the self-same tree a person, sunken,
Grieves for his impotence, deluded.
When he sees the other, the Lord contented,
And his Greatness, he becomes freed from sorrow...

[5] When a seer sees the brilliant,
Maker, Lord, Person and Brahma-source,
Then being a knower, shaking off good and evil
Stainless, he attains identity with Him.
(Mundaka Up, 3, 1. 1)

[6] Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 9.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 53

ÍCH CHỨNG

益證

Hán văn:

使我介然有知,行於大道唯施是畏.大道甚遠而民好徑.朝甚除,田甚蕪,倉甚虛.服文綵,帶利劍,厭飲食,財貨有餘,是謂盜夸,非道也哉!

Phiên âm:

1. Sử ngã giới nhiên [1] hữu tri, hành ư Đại Đạo duy thi [2] thị úy. Đại Đạo thậm di [3] nhi dân hiếu kính. [4]
2. Triều thậm trừ, [5] điền thậm vu, thương thậm hư. Phục văn thái, đới lợi kiếm, yếm ẩm thực, tài hóa hữu dư, thị vị đạo khoa, [6] phi Đạo dã tai.

Dịch xuôi:

1. Nếu ta có chút hiểu biết, ta sẽ đi theo Đại Đạo, và sợ hãi sự phô trương. Đại Đạo thì rộng rãi thanh thản mà con người lại thích đi những con đường nhỏ hẹp.
2. Triều đình lộng lẫy, nhưng ruộng nương hoang phí, kho lẫm trống trơn.
3. Ăn mặc sang trọng, đeo kiếm sắc, ăn uống chán chê, đó là đường lối của phường đạo tặc, chứ đâu phải đường lối của Đại Đạo.

Dịch thơ:

1. Nếu ta có chút khôn ngoan,
Đường trời hôm sớm, lòng vàng chẳng thay.

Im lìm chẳng dám khoe hay,
 Phô trương thanh thế nguy này ai đang ?
 Lạ thay đại đạo mệnh mang,
 Mà sao nhân thế bước quàng bước xiên ?
 2. Triều đình càng rục ánh tiên,
 Ruộng màu càng xác, kho tiền càng xơ.
 Áo quần óng ả nhưng tơ,
 Thanh gươm sắc bén nhờn nhờn bên người.
 Ăn chè uống chán chưa thôi,
 Tiền tài dư dật của đời, của ta.
 Ấy đường «đạo tặc» điêu ngoa,
 Phải đâu «đại đạo» không tà, không xiên.

BÌNH GIẢNG

1. Câu thứ nhất có thể dịch được hai cách:

Wieger và tôi đã dịch trống. Wieger dịch: «Nếu ai có chút khôn ngoan, thì phải sống thuận theo đại Đạo và phải hết sức tránh sự phô trương. Nhưng người ta không thích con đường lớn, mà lại thích đường hẹp. Ít người chịu đi theo con đường Hi sinh, vô vị lợi, mà đa số lại chỉ thích theo những con đường hẹp hòi của khoe mẽ, của phô trương, của lợi lộc. Các vua chúa đương thời đã ăn ở như vậy.»

Jame Legge lại dịch theo chiều hướng chính trị như sau: «Nếu bất ngờ mà tôi được tiếng tăm, và (được đặt để vào một địa vị khả dĩ) cai trị (dân nước) theo đại Đạo, tôi sẽ hết sức sợ hãi sự phô trương thanh thế.»

Đến như câu thứ hai và thứ ba, các nhà bình giải đều cho rằng: Nếu vua chúa chỉ chuyên lo phô trương thanh thế chuyên lo cho có nhà cao cửa rộng, áo sống đẹp đẽ, ăn uống xa xỉ, thì sẽ làm hại dân, hại nước, vì dân sẽ phải sưu cao thuế nặng, đi phu, đi phen, đến nỗi ruộng nương hoang phế kho lẫm trống trơn. Trị dân nước mà như vậy, thì là phường đạo tặc, chứ đâu phải là trị dân theo đúng lẽ Trời.

Thánh vương Trung Hoa xưa trị dân chỉ lo cho dân được no ấm mà quên mình. Hết giờ thiết triều, thì về cung nội ăn ở hết sức giản dị, sơ sài, tránh hết mọi xa hoa. Kinh Thư cho rằng vua chúa không được có những cung điện chạm trổ đẹp đẽ. Trong bài Ngũ tử chi ca có đoạn như sau:

«Kìa tổ tiên xưa ban giáo huấn,
 Nếu mà trong mê mẩn sắc hương,
 Ngoài mà mê mẩn chim muông,
 Rượu đào ngắt ngưỡng ca xoang vui vầy.
 Nhà cao cuốn, ham xây, ham ở,
 Vách tường ưa chạm trổ huy hoàng,
 Chẳng cần nhiều nét đa mang,
 Chỉ cần một nét đủ làm suy vong.

Chiến Quốc Sách chép: Đời Vua Vũ có viên quan tên là Nghi Địch nấu rượu rất ngon, Nghi Địch dâng

rượu lên vua. Vua Vũ uống vào rượu thấy rất ngon ngọt, phán rằng: «Đời sau ắt có vị vua vì rượu mà mất nước.» Ngài bèn xa lánh Nghi Địch và tự hậu chẳng hề uống rượu. [7]

Chu Công nói: Văn Vương phục sức xoàng xĩnh, chỉ chăm việc canh nông và trị an. Ngài khiêm cung, nhu mì, thương yêu, bênh vực dân hèn, làm ơn cho kẻ góa bụa. Từ sớm đến trưa, từ trưa đến tối, vua không còn có thì giờ rảnh để ăn, mà mãi mê lo cho muôn dân được vui hòa. Ngài không dám ham mê chơi săn. Thâu thuế các nước thì chỉ thu cho chính đáng. Cho nên vua Văn chịu mệnh khi đã đứng tuổi, mà còn hưởng nước được trên 50 năm. [8]

Đức Khổng viết trong Luận ngữ: «Vua Vũ nhà Hạ, ta chẳng chê trách được. Trong việc ăn uống, ngài giữ đạm bạc, nhưng trong việc cúng tế quỷ thần thì lại trọng hậu. Y phục ngài thường mặc thì xấu, nhưng áo mặc ngài trang sức trong dịp cúng tế thì lại rất đẹp. Cung thất của ngài thì nhỏ hẹp, nhưng ngôi lạch trong nước thì Ngài tận lực sửa sang... Vua Vũ nhà Hạ ta chẳng chê trách được.» [9]

Tóm lại trong chương này Lão tử vẫn nương theo chủ trương Vô vi mà khuyên ta không nên phô trương, không nên vẽ chuyện, mà trái lại trong đời tư cũng như đời công, phải sống sao cho tự nhiên, cho giản dị. Như vậy mới là sống hợp lẽ Trời, mới là trị dân thuận theo lẽ tự nhiên.

[1] Giới nhiên 介然: một ít.

[2] Thi 施 : phô trương (theo Wieger).

[3] Di 遺: rộng rãi. Tống Long Uyên giải di là con đường lớn rộng rãi bằng phẳng. Lưu Tư giải di là bằng phẳng.

[4] Kính 徑: là đường hẹp.

[5] Trừ 除 : lộng lẫy, tốt đẹp.

[6] Đạo khoa 盜夸 : khoe khoang sự trộm cắp (theo Wieger) hay sự khoe khoang của kẻ trộm cắp (theo Legge).

[7] Xem Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 30. Xem Nguyễn Văn Thọ, Khổng Học tinh hoa, tr. 91.

[8] Xem Kinh Thư, Vô dật, tiết 4, 5, 10, 11.

[9] Xem Luận Ngữ, Thái bá VIII tiết 21. Xem Nguyễn Văn Thọ, Khổng Học tinh hoa, tr. 94.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 54

TU QUAN

修觀

Hán văn:

善建者不拔. 善抱者不脫. 子孫以祭祀不輟. 修之於身, 其德乃真. 修之於家, 其德乃餘. 修之於鄉, 其德乃長. 修之於國, 其德乃豐. 修之於天下, 其德乃普. 故, 以身觀身; 以家觀家, 以鄉觀鄉; 以國觀國; 以天下觀天下. 吾何以知天下之然哉? 以此.

Phiên âm:

1. Thiện kiến giả bất bạt. ^[1] Thiện bảo giả bất thoát. ^[2] Tử tôn dĩ tế tự bất chuyết. ^[3]

2. Tu chi ư thân, kỳ đức nãi chân. Tu chi ư gia, kỳ đức nãi dư. Tu chi ư hương, kỳ đức nãi trường. Tu chi ư quốc, kỳ đức nãi phong. Tu chi ư thiên hạ, kỳ đức nãi phổ.

3. Cố, dĩ thân quan thân; dĩ gia quan gia; dĩ hương quan hương; dĩ quốc quan quốc; dĩ thiên hạ quan thiên hạ. Ngô hà dĩ tri thiên hạ chi nhiên tai? Dĩ thử.

Dịch xuôi:

1. Người khéo trồng (xây dựng) thì không nhổ, nẩy lên được. Người khéo ôm, thì không rút ra được. Con cháu tế tự không dứt.

2. Nếu lấy Đạo tu thân, thì đức sẽ thực. Nếu lấy Đạo mà tu sửa gia đình, thì đức sẽ thừa. Nếu lấy Đạo mà tu sửa làng, đức sẽ phong thịnh. Nếu lấy Đạo tu sửa thiên hạ, đức sẽ phổ quát.

3. Cho nên, lấy thân mà xét thân, lấy nhà mà xét nhà, lấy làng mà xét làng, lấy nước mà xét nước, lấy thiên hạ mà xét thiên hạ. Ta làm thế nào mà biết thiên hạ? Bằng cách trên.

Dịch thơ:

1. Khéo xây, nậy cũng chẳng lên,
Khéo ôm, giàng giật vẫn nguyên chẳng rời.

Con con cháu cháu bao đời,
Thay nhau tế tự, chẳng ngại sự tình.

2. Đạo Trời tu dưỡng nơi mình,
Đức Trời sẽ chứng, tinh thành chẳng sai.

Gia đình tu Đạo hôm mai,
Đức Trời âu sẽ lắng lai tràn trề,
Đạo Trời giải sáng làng quê,
Đức Trời âu cũng thêm bề quang hoa.

Đạo Trời rạng chiếu quốc gia,
Đức Trời lai lắng tuôn ra vô ngần.

Đạo Trời soi khắp gian trần,
Đức Trời âu sẽ muôn phần mệnh mang.

3. Cho nên muốn biết tuổi vàng,
Xem người, ta lấy mình làm la kinh.

Xem nhà, ta xét gia đình,
Xem làng, ta lấy quê mình xét xem.

Nước ta, ta sánh nước bên,
Ta đem thiên hạ, độ xem chuyện đời.

Nhờ so, nhờ sánh không thôi,
Truyện đời ta biết, việc đời ta hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử dạy chúng ta:

1. Phải xây dựng, giữ gìn, chắt chiu những gì vĩnh cửu.
2. Cố gắng thực thi Đạo Trời nơi gian trần này.
3. Làm sao biết Đạo Trời đã được thực thi hay chưa.

Chúng ta sẽ lần lượt bình giải từng điểm.

1. Phải xây dựng, giữ gìn, chắt chiu những gì vĩnh cửu

Cái gì vĩnh cửu ở cái thế giới biến thiên này?

Đó là Đạo (Bản thể của vũ trụ, căn nguyên của vũ trụ và của con người, chân tính con người). Đó là Đức, là những qui luật thiên nhiên gắn liền vào vạn vật quần sinh.

Đạo là cái gì bất biến, còn bất kỳ hình tướng gì cũng biến thiên. Đức mà đây tôi giải là những qui luật tự nhiên, là cái gì vĩnh cửu phổ quát. Đó chính là Thiên Ý. Gọi là Thiên Ý vì nó phổ quát vĩnh cửu bất biến.

Trang tử cũng nói: «Vô vi vi chi vị Thiên, vô vi ngôn chi, chi vị Đức.»^[4]

Cho nên một con người học đạo phải hiểu lẽ biến, hằng, mới mong đắc đạo được.

Nơi con người thì tâm tư, ý thức, hành động, khởi cư cử chỉ tất cả đều biến. Duy chỉ có thần con người là bất biến. Cho nên công trình cao siêu vĩ đại nhất mà con người có thể làm được ở gian trần này là:

- Kiến Đạo 建道 (Xây dựng trên nền Đạo)
- Bao Đức 抱德 (Ôm ấp Đức, ôm ấp, tuân theo định luật thiên nhiên).

Đạo, vì là Thần, nên tiềm ẩn trong lòng sâu tâm hồn con người; cho nên, hồi quang quán chiếu, quay về lòng mình để «Dữ Đạo hợp chân», là điều trọng đại nhất.

Trang tử nói: «Người xưa có lưỡi kiếm Can Việt, cất nó kỹ lưỡng trong vỏ, không dám dùng, vì nó rất quý báu. Thế mà lạ thay con người không chịu giữ gìn thần mình, một cái gì đó còn quý giá hơn lưỡi kiếm Can Việt rất nhiều. Cho nên cái Đạo cao siêu nhất (Thuần tể chi Đạo) là giữ vẹn lấy Thần, giữ Thần không để mất. Hợp với Thần làm một. Hợp với Thần rồi lại thông hiểu thiên luân. Cho nên tục ngữ rằng: ‘Chúng nhân trọng lợi, liêm sĩ trọng danh, hiền sĩ trọng chí, thánh nhân quý tinh hoa.’ Cho nên «tố» là cái gì tinh toàn, không pha trộn bác tạp, «thuần» là giữ cho thần nguyên vẹn. Giữ được thuần tố, đó là Chân nhân.»

[5]

Trang tử cũng còn nói: «Con người đạo cao đức cả ở nơi bản nguyên, mà trí như thần. Thực hiện đức, thông hiểu Đạo, chẳng phải là người đạo cao đức cả hay sao. Cho nên những người đạo cao đức cả thấy nơi mờ tối, nghe thấy thầm lặng. Mờ tối mà một mình mình thấy sáng láng, thầm lặng mà một mình mình nghe thấy hòa âm, cho nên hết sức là sâu sắc, thấu hiểu vạn vật, hết sức là thần diệu, liễu đạt được tinh hoa. Đối với vạn vật, không làm gì mà vẫn thỏa mãn được ước muốn của chúng. Ảnh hưởng của người bao quát không gian thời gian.» [6]

Chúa Jésus cũng dạy: «Phải tìm cho ra thiên ý, thiên mệnh mà theo. Như vậy mới là xây nhà trên đá.»

Ngài dạy: «Không phải nói với ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa mà được vào nước Trời, nhưng mà phải thực thi thánh ý cha ta, đấng ở trên Trời... Cho nên kẻ nào nghe và thực thi những lời ta vừa nói, thì có thể ví như một người khôn ngoan xây nhà trên đá. Dẫu mưa tuôn, thác đổ, gió gào, nhà đó vẫn nguyên, chẳng đổ vì đã được xây trên đá...» (Mat. 7, 21-27)

Đọc câu thánh kinh này, tôi vẫn tâm niệm rằng thiên ý ấy chính là định luật tự nhiên.

Rồi ngài lại dạy: «Anh em đừng súc tích của cải ở trên đất, nơi đó mối mọt, sâu bọ, có thể ăn, trộm đạo có thể đào khoét và lấy mất. Nhưng hãy súc tích của cải ở trên Trời, nơi đó mối mọt sâu bọ không thể ăn, trộm đạo không thể đào khoét và lấy mất. Vì kho tàng người ở đâu, thì tâm tư người ở đấy.» (Mat. 6, 19-21)

Theo tôi, câu này nên hiểu là: Ngoại cảnh là khinh, tâm linh mới trọng. Súc tích tiền tài danh vọng có hình tướng, tức là súc tích những thứ dễ hủy hoại. Súc tích đạo đức, tâm thần mới là súc tích những thứ bất hủy.

Khi ta chú ý về tâm linh, thì lòng ta trú nơi tâm linh, khi ta lo về ngoại cảnh, thì lòng ta trú nơi ngoại cảnh.

Phật cũng dạy phải tìm cái bất sinh bất tử, bất hủy bất hoại, thay vì chạy theo những cái vô định, vô thường. Phật phân biệt trong con người hai thứ căn bản:

(a) Căn bản tử sinh từ muôn kiếp tức là tâm vọng tưởng.

(b) Căn bản vô thủy, bồ đề Niết Bàn, tức là Chân tâm, là Nguyên thường trường cửu. [7]

Bỏ cái nguyên thường trường cửu mà theo cái vô thường, biến dịch, thấy vọng tâm mà lầm là chân tính của mình, thì làm sao thoát luân hồi? [\[8\]](#)

Dịch kinh cũng dạy:

«Hiền nhân thông lý Trung Hoàng,

Tìm nơi chính vị mà an thân mình.» [\[9\]](#)

Thứ đến phải tìm cho ra những định luật vĩnh cửu của trời đất mà theo; định luật của trời đất không chép riêng trong thánh kinh của một đạo giáo nào, mà đã viết ngay trong lòng mọi người, trong lòng vũ trụ vạn vật.

Con người mò mẫm dần dà mãi mới đọc ra được, vì đó là một «quyển thiên thư không chữ, không lời», chỉ có toàn ký hiệu, toàn hình ảnh.

Nhân loại dần dà sẽ rũ bỏ những «lề luật nhân tạo, chân lý nhân tạo» mà tìm ra những lẽ luật thiên nhiên, những chân lý thiên nhiên.

Trang tử cho rằng: «Con người giác ngộ sẽ phát huệ, sẽ rũ bỏ hết những gì nhân tạo, chỉ còn thuần những gì thiên tạo. Ai mà đạt tới mức độ đó mới được gọi là dân Trời (Thiên dân), con Trời (Thiên tử).» [\[10\]](#)

Thần thoại Ấn Độ về thần Vishnu viết: «Ta là Chân Nhất và là chốn dựa nương siêu việt. Từ ta đã xuất sinh mọi sự từ trước tới nay và từ nay về sau. Tất cả những gì người thấy được, nghe được, biết được trong hoàn vũ, đều có ta ngự bên trong. Hết chu kỳ này sang chu kỳ khác, ta dùng bản thể ta mà sinh ra vũ trụ tinh cầu quần sinh quần vật. Hãy suy ngẫm điều ấy trong tâm tư người, hãy tuân phục định luật của trật tự vĩnh cửu ta, và hãy bước trong thân xác ta mà đi cùng vũ trụ.» [\[11\]](#)

2. Cố gắng thực thi đạo Trời nơi gian trần này

Cố vươn lên cho tới tinh hoa nhân loại, làm cho đạo tâm trở nên xán lạn, đạo đức trở nên tinh toàn tức là thực hiện đạo trời, xây dựng nước trời nơi gian trần này, sẽ làm cho ánh sáng đạo đức hạnh phúc chiếu rọi khắp nơi, từ mình, ra đến nhà, ra đến làng ra đến nước, ra đến thiên hạ.

3. Làm sao biết đạo Trời đã được thực thi hay chưa

Bao lâu nhân loại còn bị tù túng trong vòng nhân vi, nhân tạo, thì bấy lâu con người còn bị khổ sở.

Trang tử nói: «Hễ vi phạm định luật thiên nhiên, con người sẽ khổ sở.» [\[12\]](#)

Cho nên nếu thâm tâm ta còn khổ tức là ta chưa đi đúng đường lối của trời đất. Nếu người còn khổ, tức là người chưa đi đúng định luật của trời đất. Nếu gia đình, quốc gia, xã hội thiên hạ còn khổ, còn loạn, tức là nhân loại còn đầy mê lầm, đầy dờ dang chệch mác, chưa theo đúng được định luật của trời đất.

Đạo giáo phải bắt tay với khoa học, các dân tộc phải bắt tay nhau để tìm ra định luật của trời đất, phải sùng thượng đạo đức một cách tự nhiên, hợp lý, nhân loại mới có cơ hạnh phúc lâu dài. Đó là những ý niệm mà chương 54 này gợi ra cho chúng ta.

[\[1\]](#) Bạt 拔: nhổ.

[\[2\]](#) Thoát 脫: sút ra.

[\[3\]](#) Chuyết 啜: dứt, ngừng.

[\[4\]](#) Les Pères du Système Taoïste, Tchoang-Tzeu, chap. 12, B, p. 294-295.

- [5] Phù Hữu Can Việt chi kiếm giả, hiệp nhi tàng chi, bất cảm dụng dã. Bảo chi chí dã... Thuần tố chi đạo, duy thần thị thủ, thủ nhi vật thất, dữ thần vi nhất. Nhất nhi tinh thông hợp vu thiên luân. Dã ngữ hữu chi viết: Chúng nhân trọng lợi; liêm sĩ trọng danh; hiền sĩ thượng chí; thánh nhân quý Tinh. Cố tố dã giả vị kỳ vô sở dữ tạp dã. Thuần dã giả, vị kỳ bất khuỵ kỳ Thần dã. Năng thể thuần tố vị chi chân nhân. 夫有干越之劍者, 柙而藏之, 不敢用也. 寶之至也... 純素之道, 唯神是守, 守而勿失, 與神為一. 一而精通合于千倫. 野語有之曰: 眾人重利; 廉士重名; 賢士尚志; 聖人貴精. 故素也者謂其無所與雜也. 純也者, 謂其不虧其神也. 能體純素謂之真人. Nam Hoa kinh, chương 15, Khắc ý, B.
- [6] Phù vương đức chi nhân... lập hề bản nguyên, nhi tri thông ư thần. Lập đức minh đạo, phi vương đức giả da? ... Thử vị vương đức chi nhân thị hồ minh minh, thính hồ vô thanh. Minh minh chi trung độc kiến hiểu yên. Vô thanh chi trung độc văn hòa yên. Cố thâm chi hựu thâm nhi năng vật yên, thần chi hựu thần nhi năng tinh yên. Cố kỳ dữ vạn vật tiếp dã. Chí vô nhi cung kỳ cầu, thời sinh nhi yếu kỳ túc, đại tiểu trường đoản, tu viễn. 夫王德之人... 立乎本原, 而知通於神. 立德明道, 非王德者邪... 此謂王德之人視乎冥冥, 聽乎無聲. 冥冥之中獨見曉焉. 無聲之中獨聞和焉. 故深之又深而能物焉, 神之又神而能精焉. 故其與萬物接也. 至無而供其求, 時聘而要其宿, 大小長短, 修遠. Trang tử, Nam Hoa kinh, chương 12, Thiên địa, đoạn C.
- [7] Xem Thủ Lăng Nghiêm, quyển 1, Việt Nam Phật tử hội xuất bản, tr. 22-23.
- [8] Thất nhữ nguyên thường, cố thụ luân chuyển. 失汝元常, 故受輪轉. Thủ Lăng Nghiêm, Việt Nam Phật tử hội xuất bản, quyển 1, tr. 85.
- [9] Dịch kinh, quẻ Khôn, Văn ngôn: Quân tử Hoàng Trung Thông lý chính vị cư thể 君子黃中通理正位居體.
- [10] Vũ Thái định giả phát hồ thiên quang. Phát hồ thiên quang giả nhân kiến kỳ nhân. Nhân hữu tu giả, nãi kim hữu hằng. Hữu hằng giả nhân xả chi, thiên trợ chi nhân chi sở xả, vị chi thiên dân; thiên chi sở trợ, vị chi thiên tử. 宇泰定者發乎天光. 發乎天光者人見其人. 人有修者, 乃今有恆. 有恆者人舍之, 天助之人之所舍謂之天民; 天之所助, 謂之天子. Trang tử Nam Hoa kinh, chương 23, Canh tang Sở, B.
- [11] «Je suis l'Être Primeval et le Refuge suprême. De moi est issu tout ce qui a été, est ou sera. Tout ce que tu peux voir, entendre, connaître dans l'ensemble de l'univers, sache que c'est moi qui y réside. Cycle après cycle, je produis de mon essence les sphères et les créatures du cosmos. Considère cela dans ton cœur, obéis aux lois de mon ordre éternel et marche heureux dans mon corps à travers l'univers.» H. Zimmer, Mythes et Symboles dans l'art et la civilisation de l' Inde, Payot Paris, p. 52.
- [12] Que le long reste long, et le court, court. Gardez vous de vouloir allonger les pattes du canard, ou raccourcir celle de la grue. Essayer de le faire leur causerait de la souffrance, ce qui est la note caractéristique de tout ce qui est contre nature, tandis que le plaisir est la marque du naturel. — Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 269.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 55

HUYỀN PHÙ

玄符

Hán văn:

含德之厚, 比於赤子. 毒虫不螫, 猛兽不據, 攫鳥不搏. 骨弱筋柔而握固. 未知牝牡之合而全作. 精之至也. 終日號而不嘎. 和之至也. 知和曰常. 知常曰明. 益生曰不祥. 心使氣曰強. 物壯則老, 謂之不道, 不道早已.

Phiên âm:

1. Hàm đức chi hậu, tỷ ư xích tử. Độc trùng bất thích, [1] mãnh thú bất cử [2] cước [3] điều bất bác. [4]
2. Cốt nhược cân nhu nhi ốc [5] cố. Vị tri tần mẫu chi hợp nhi toàn tác. Tinh chi chí dã. Chung nhật hào nhi bất sá. [6] Hòa chi chí dã. Tri hòa viết thường. Tri thường viết minh. Ích sinh viết bất tường. Tâm sử khí viết cường.
3. Vật tráng tắc lão, vị chi bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ.

Dịch xuôi:

1. Kẻ nào đức dày, giống như con đỏ. Độc trùng không cắn, thú dữ không ăn, chim ưng chẳng bắt.
2. Xương yếu gân mềm mà tay nắm chặt. Chưa biết giao hoan, tinh khí vẹn tuyền. Suốt ngày la khóc, mà chẳng khản tiếng. Hòa hợp hoàn toàn. Biết hòa hợp mới trường cửu, biết trường cửu mới sáng suốt. Quá ham sống thì hại, tâm sai khiến khí, thì mạnh.
3. Vật lớn thời già, thế là trái Đạo, trái Đạo chết sống.

Dịch thơ:

1. Chân nhân sống tựa anh hài,
Nọc trùng tuy độc chẳng tài nào chắm.
Hùm beo kiêng chẳng dám ăn,
Đại bàng cũng chẳng dám săn làm mồi.
2. Gân mềm xương yếu đành rời,
Mà sao nắm chặt khó rời khó buông.
Bướm hoa chưa tỏ lối đường,
Tinh rờng chưa chút vấn vương bấy chầy.
Tuy rằng gào khóc suốt ngày,
Nhưng mà cung giọng chẳng thay chẳng khản.
3. Trung hòa đáo để nhân gian,
Trung hòa thông tỏ lối đường trường sinh.
Biết trường sinh mới thông minh,
Miệt mài cuộc sống hại mình xiết bao.
Tâm làm cho khí tổn hao,
Đời cho là mạnh (nhưng nào có hay).
4. Càng hăng, càng chóng hao gầy,
Cái già xồng xộc tới ngay bên mình.
Thế là nghịch Đạo cao minh,
Sống sai Đạo cả phù sinh trôi vèo.

BÌNH GIẢNG

Chương này Hà Thượng Công gọi là «Huyền Phù». Đại ý rằng người tu đạo như thế có mang một đạo linh phù trong người, không có gì làm hại mình được.

Nơi chương 50 Đạo Đức kinh chúng ta đã thấy những ý kiến tương tự như vậy.

Trước đây chúng ta đã giải rằng Chân nhân vì có chân thần, nên không có gì hủy hoại được, vì thần thì bất tử bất diệt.

Liệt tử cũng nói rằng: «Thánh nhân tàng ẩn trong lòng Trời, cho nên vật không thể làm hại được.» [\[7\]](#)

Phúc Âm thánh Marc cũng thấy viết: «Kẻ nào tin và chịu phép rửa tội sẽ được cứu rỗi; ai không tin, sẽ bị đoán phạt. Và đây là những phép lạ tháp tùng những kẻ sẽ tin: Nhân danh ta, họ sẽ trừ được ma quỷ, sẽ nói được nhiều thứ tiếng. Họ cầm được rắn trong tay, và nếu họ uống phải độc dược họ cũng chẳng sao. Họ đặt tay lên người bệnh, thì những người bệnh sẽ khỏi.» (Marc 16, 16-19)

Thực ra, cái đạo linh phù giúp cho chúng ta tránh được mọi họa hại chính là:

1. Trong thì giữ vẹn được Thần khí (Tinh chi khí dã)
2. Ngoài thì hòa hợp được với tha nhân, quần sinh, vũ trụ (Hòa chi khí dã)

Đạt được thần, đắc Trung, đắc Đạo, thế là vẹn được gốc. Hòa hợp với vạn hữu, thế là vẹn được ngọn.

Con đường trường sinh, thủ thân, bảo mệnh, không ngoài hai chữ Tinh Thần, ngoài hai chữ Trung

Hòa.

Nhược bằng sống lao đao, lặn dạn dồn hết cả tâm thần, khí lực ra các tầng lớp phù phiếm bên ngoài như vậy là đi ngược đường lối của trời đất, sẽ bị tổn sinh, đoản mệnh, và sẽ thấy cái già, cái chết xồng xộc kéo đến hết sức là mau lẹ!

[1] Thích 螫: cắn.

[2] Cự 據: ăn.

[3] Cước 攫 (quặc): ác diệu, chim ăn thịt, bắt mồi.

[4] Bác 搏 : đánh, chộp.

[5] Ốc 握 (ác): nắm tay.

[6] Sá 嗟: khan tiếng.

[7] Thánh nhân tàng ư thiên cổ vật mạc chi năng thương dã. 聖人藏於天故物莫之能傷 . Liệt tử Xung Hư Chân Kinh, Hoàng đế 黃帝, chương hai, đoạn D.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 56

HUYỀN ĐỨC

玄德

Hán văn:

知者不言. 言者不知. 塞其兌, 閉其門, 挫其銳, 解其紛, 和其光, 同其塵. 是謂玄同. 故不可得而親, 亦不可得而疏; 不可得而利, 亦不可得而害; 不可得而貴, 亦不可得而賤. 故為天下貴.

Phiên âm:

1. Tri giả bất ngôn. Ngôn giả bất tri.

2. Tắc [1] kỳ đoài, [2] bế kỳ môn, tỏa [3] kỳ nhuệ, [4] giải [5] kỳ phân, [6] hòa kỳ quang, đồng kỳ trần. Thị vị huyền đồng. [7]

3. Cố bất khả đắc nhi thân, diệc bất khả đắc nhi sơ; bất khả đắc nhi lợi, diệc bất khả đắc nhi hại; bất khả đắc nhi quý, diệc bất khả đắc nhi tiện. Cố vi thiên hạ quý.

Dịch xuôi:

1. Người biết thì không nói, người nói không biết.

2. Ngậm miệng, bít tai, làm nhụt sự bén nhọn, tháo gỡ sự tằn phiến, giảm ánh sáng, hòa mình cùng bụi bặm, thế gọi là huyền đồng.

3. Cho nên thân cũng không được, sơ cũng không được, lợi cũng không được, hại cũng không được, quý cũng không được, tiện cũng không được. Vì thế nên quý nhất thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Biết thời sên tiếng, sên lời,

Những người không biết thường thời huênh hoang.

2. Âm thầm đóng khóa ngũ quan,

Mà che sắc sảo, mà san tằm phiền.

Hòa mình trong đám dân đen,

Cho mờ ánh sáng, cho nhem phong trần.

Ấy là đạo cả huyền đồng.

3. Ai mà vẹn đạo huyền đồng,

Tâm hồn son sắt khó lòng chuyển lay.

Thân sơ cũng chẳng đổi thay,

Hay hèn, lợi hại mảy may chẳng màng.

Cho nên quý nhất trần gian.

BÌNH GIẢNG

1. Bậc chân nhân sống huyền hóa với trời đất muôn vật

Vì đã kết hợp với đạo thể, nên không cần phô trương, khoe mẽ. Chỉ những người dốt nát, thiển cận mới huênh hoang rườm rà.

2. Bậc chân nhân sống ung dung tiêu sái, không để cho ngoại cảnh hình hài chi phối, không phô trương không lập dị, sống huyền hóa với đất trời.

Chủ trương này đã được Nội kinh lấy làm thuật dưỡng sinh và tu đạo. Nội kinh chủ trương: «Sống điềm đạm, thanh tĩnh, chân khí sẽ vẹn toàn. (Tinh thần mà giữ cho được nguyên vẹn, thì làm sao mà có bệnh tật được.) Cho nên tâm chí thanh thoi, ít dục vọng, ít lo âu, xác thân vận động nhưng không mệt mỏi. Vì ít tham cầu nên ước gì được nấy, muốn gì được nấy. Ăn uống thế nào cũng ngon, phục sức thế nào cũng được, sống sao cũng vui. Sống vô tư vô cầu cho nên gọi là thuần phác. Cho nên thị dục không làm cho mắt mất, dâm tà không huyền hoặc được tâm tư.» [8]

Khải Huyền tử bình rằng: «Tâm đã hợp với Huyền nên dâm tà không làm mê hoặc được.» 心與玄同故淫邪不能惑 (Tâm dữ huyền đồng, cố dâm tà bất năng hoặc.)

Như vậy, Huyền đồng 玄同 có thể hiểu theo hai cách:

a) Sống huyền hóa với Trời với Đạo.

b) Sống hòa mình cùng vạn hữu.

3. Các bậc chân nhân không bị cảm tình chi phối, lợi hại chi phối, quý tiện chi phối.

Như vậy là các ngài đã thoát vòng phù sinh tương đối. Luận ngữ cũng có chủ trương tương tự khi nói rằng: «Tử tuyệt tứ: Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.» 子絕四:毋意,毋必,毋固,毋我 (Khổng tử đã tuyệt được bốn điều: Ngài không có tình ý riêng tư, không bị ngoại vật chi phối, thúc đẩy, không cố chấp, không còn có cái mình nhỏ nhoi.) [9]

Sống thoát vòng ái ố, lợi danh như vậy là sống siêu phàm thoát tục.

[1] Tắc 塞: lấp, đóng.

[2] Đoài 兌: miệng.

[3] Tỏa 挫: làm cho nhụt.

[4] Nhuệ 銳: sự bén nhọn.

[5] Giải 解: tháo gỡ.

[6] Phân 紛 : sự rắc rối.

[7] Huyền đồng 玄 同 : (1) Sống huyền hóa với Trời với Đạo; (2) Sống huyền hóa với vạn hữu.

[8] «Điềm đạm hư vô. Chân khí tòng chi. Tinh thần nội thủ. Bệnh an tòng lai. Thị dĩ chí nhàn nhi thiếu dục. Tâm an nhi bất cụ. Hình lao nhi bất quyện. Khí tòng dĩ thuận, các tòng kỳ dục giai đắc sở nguyện. Cố mỹ kỳ thực, nhiệm kỳ phục, lạc kỳ tục khứ. Cao hạ bất tương mộ kỳ dân cố viết phác. Thị dĩ thị dục bất năng lao kỳ mục, dâm tà bất năng hoặc kỳ tâm.» 恬淡虛無真氣從之精神內守病安從來是以志閑而少欲心安而不懼。形勞而不倦氣從以順,各從其欲皆得所願故美其食,任其服樂其俗去。高下不相慕其民故曰朴是以嗜欲不能勞其目,淫邪不能惑其心 (Hoàng đế Nội kinh 黃帝內經 Thượng cổ thiên chân luận 上古天真論) Xem Hoàng đế Nội kinh, Thượng hải Cầm Chương đồ thư cục ấn hành, q. 1, tr. 1b.

[9] Luận Ngữ, Tử Hãn.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 57

THUẦN PHONG

淳風

Hán văn:

以正治國. 以奇用兵. 以無事取天下. 吾何以知其然哉? 以此: 天下多忌諱而民彌貧. 民多利器, 國家滋昏. 人多伎巧, 奇物滋起. 法令滋彰, 盜賊多有. 故聖人云: 我無為而民自化. 我好靜而民自正. 我無事而民自富. 我無欲而民自朴.

Phiên âm:

1. Dĩ chính [1] trị quốc. Dĩ kỳ [2] dụng binh. Dĩ vô sự thủ thiên hạ.

2. Ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai? Dĩ thử: Thiên hạ đa kỳ hựu [3] nhi dân di bần. Dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn. Nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi. Pháp lệnh tư chương, đạo tắc đa hữu.

3. Cố thánh nhân vân: Ngã vô vi nhi dân tự hóa. Ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính. Ngã vô sự nhi dân tự phú. Ngã vô dục nhi dân tự phác.

Dịch xuôi:

1. Lấy ngay thẳng trị nước; lấy mưu mô dùng binh; lấy vô sự được thiên hạ.

2. Ta làm sao biết được như vậy? Nhờ thế này: Thiên hạ càng nhiều kỳ hựu, thì dân càng nghèo. Dân càng lắm lợi khí, thì quốc gia càng tối tăm. Dân càng tài khéo, vật lạ càng nảy sinh, pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng sinh ra nhiều.

3. Vì thế nên thánh nhân mới dạy: Ta vô vi mà dân tự hóa. Ta ưa tĩnh mà dân tự chính. Ta không dỏi mà dân giàu. Ta không có dục vọng mà dân tự động trở nên chất phác.

Dịch thơ:

1. Đem ngay chính trị dân trị nước,
Đem mưu mô phương lược dùng binh.
Dùng vô sự giữ dân mình,
2. Làm sao ta biết sự tình trước sau ?
Đây ta xin tỏ gót đầu,
Càng điều cấm kỵ, càng sâu dân con.
Dân càng xảo trá đa đoan,
Nước càng tăm tối bàng hoàng hôm mai.
Càng sinh ra lắm người tài,
Của khan vật lạ vắng lai càng nhiều,
Vẽ vờ luật pháp bao nhiêu,
Càng điều trộm cướp, càng điều nhiều nường.
3. Nên hiền thánh xưa thường hay nói:
Ta «vô vi» vẫn đổi dân tình.
Êm đềm dân vẫn sửa mình,
Ta đây vô sự, dân sinh vẫn giàu.
Ít mơ ước chẳng cầu chẳng cạnh,
Mà dân con tâm tính hóa hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này lại nói lên ích lợi của vô vi trong khi trị dân trị nước.

Các quốc gia ngày nay đua nhau đi vào con đường tổ chức, kỹ thuật. Nhưng càng tăng tiến về tổ chức bao nhiêu, thì cuộc sống càng trở nên nặng nề, phức tạp, giả tạo bấy nhiêu.

Càng lắm pháp luật, càng lắm phiền toái, càng lắm trộm cắp. Cho nên người trên càng vẽ vờ, càng vẽ chuyện bao nhiêu thì dân lại càng khổ bấy nhiêu.

Không xoay xở, dân sẽ bớt sưu, bớt thuế, sẽ yên tâm làm lụng, vì thế nên dân sẽ giàu. Đừng bày vẽ ra lắm luật lệ, thì dân càng sống hồn nhiên thuần phác.

Như vậy ta biết rằng, nhà cầm quyền mà thương dân nhất, chính là không «quấy dân». Cái văn minh vật chất ngày nay, cái guồng máy hành chánh ngày nay, càng tinh vi bao nhiêu thì lại càng làm cho con người trở thành máy móc bấy nhiêu. Đó chính là một điều mâu thuẫn nhất của thời đại chúng ta vậy.

[1] Chính 正 : ngay thẳng.

[2] Kỳ 奇: trá quỷ, cơ mưu.

[3] Kỵ húy 忌 諱: (1) kiêng kỵ; (2) pháp lệnh cấm đoán.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 58

THUẬN HÓA

順化

Hán văn:

其政悶悶, 其民淳淳. 其政察察, 其民缺缺. 禍兮福之所倚, 福兮禍之所伏. 孰知其極. 其無正. 正復為奇, 善復為妖. 人之迷, 其日固久. 是以聖人方而不割, 廉而不剝, 直而不肆, 光而不耀.

Phiên âm:

1. Kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần. Kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết.
2. Hóa hề phúc chi sở ỷ. Phúc hề họa chi sở phục. Thục tri kỳ cực. Kỳ vô chính. ^[1] Chính phục vi kỳ, ^[2] thiên phục vi yêu. ^[3] Nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu.
3. Thị dĩ thánh nhân, phương nhi bất cát ^[4] liêm nhi bất quế, ^[5] trực nhi bất tứ ^[6] quang nhi bất diêu.

Dịch xuôi:

1. Chính lệnh mơ hồ, dân con thư thái, chính lệnh soi mói, dân con lo âu.
2. Hóa là nơi phúc tựa, phúc là nơi họa nấp. Trên mà không ngay thẳng thì người ngay sẽ thành nguy, người thiện trở thành tà. Con người u mê đã từ lâu.
3. Cho nên thánh nhân ngay chính nhưng không làm cho người tổn thương; liêm minh nhưng không làm mất lòng người, ngay thẳng nhưng không nghiệt ngã với người, sáng láng nhưng không làm cho ai chói lòa.

Dịch thơ:

1. Nếu mà chính lệnh khoan hòa,
 Dân gian thư thái âu ca thanh bình.
 Nếu mà chính lệnh nghiêm minh,
 Dân gian những sống giạt mình lo thân.
 Ở đời họa phúc xoay vần,
 Cùng đoan, cực điểm dễ lần ra sao ?

2. Người trên phóng túng tầm phào,
 Dân gian theo thói lẽ nào chẳng hư.
 Người hay cũng mất lòng từ,
 Người lành rồi cũng ra như gian tà.
 Người lầm tự thừa xưa xa,
 Người mê, mê tự bao giờ ai hay !

3. Cho nên hiền thánh xưa nay,
 Tuy mình vương vẩn, chẳng xoay xử người.
 Tuy mình liêm khiết hơn đời,
 Mà nào có nở làm ai mếch lòng.
 Tuy mình ngay thẳng trắng trong,
 Mà nào cay nghiệt nghênh ngang với người.
 Tuy mình rự rỡ sáng ngời,
 Mà nào có nở làm ai chói lòa.

BÌNH GIẢNG

1. Chương này Lão tử chủ trương rằng nhà cầm quyền không nên quá soi mói đối với dân.

Chủ trương này chính là chủ trương của Dịch kinh. Nơi Đại Tượng chuyện, quẻ Minh Di 明夷, Dịch kinh dạy rằng:

«Sáng vào lòng đất Minh Di,
 Nên người quân tử cũng y tượng Trời.
 Xuê xòa đối đãi với người,
 Bề trong sáng suốt bề ngoài giả lơ.»

(Minh nhập địa trung Minh Di. Quân tử dĩ lệ chúng, dụng hối nhi minh. 明入地中明夷君子以蒞眾，用晦而明).

Như vậy khi người quan tử đến với dân, không nên quá soi mói. Tuy bề trong mình sáng láng, nhưng bề ngoài nhiều khi phải giả lơ như là không biết không nghe.

Mũ miện của vua chúa xưa thường có những bông tua rủ xuống trước mặt, trước tai, [7] hoặc vua chúa thường dùng bình phong che ngoài cửa, [8] cốt tỏ ý muốn nhắm mắt bưng tai, làm ngơ bốt, trước những lỗi lầm của kẻ dưới.

2. Lão tử lại còn đưa ra ý kiến thứ hai là họa phúc ở đời này vô thường, vô định, phúc sinh họa, họa

sinh phúc.

Cũng y thức như người ta dùng chuyện «Tái Ông mất ngựa» để nói lên rằng ở đời nay «họa phúc tương sinh». Tống Long Uyên bình thêm rằng: «Họa phúc đã đành rằng do ngoại cảnh đẩy đưa, xui khiến, nhưng căn cơ họa phúc chính là do lòng con người gây nên.» [\[9\]](#)

Nếu gặp họa nạn, mà tâm ta biết hối quá, biết e dè thận trọng, thì họa sẽ chuyển thành phúc. Nếu gặp phúc khánh mà sinh lòng kiêu sa, ngạo mạn, phể bỏ nhân cách, phể bỏ cương thường, thì phúc sẽ biến thành họa.

Nhân bàn về chuyện họa phúc vô thường, tưởng cũng nên ghi vào nơi đây bi ký nơi Lăng Hư Đài của Tô Đông Pha, do Trần thái thú xây. Trần thái thú là một võ quan hết sức nghiêm khắc và ngạo nghễ, có nhiều khi còn dám chữa cả lời văn của Tô Đông Pha vì thế Tô Đông Pha mượn lời bi ký này mà răn ông:

«... Ai mà biết trước được vận vật lúc nào phể, lúc nào hưng, lúc nào thành, lúc nào hủy? Hồi mà nơi này là bãi hoang, đồng trống, sương mù phủ kín, chồn rắn đào hang, thì ai mà biết được đời sau có Lăng Hư Đài ở đây? Luật phể rồi hưng, thành rồi hủy cứ tiếp tục tới vô cùng, thì ai mà biết được ngày nào thì đài này lại trở thành bãi hoang đồng trống. Tôi có lần cùng ông (tức viên Thái thú) lên đài ngắm cảnh, phía đông là cung Kỳ Niên, Thác Tuyền của Tần Mục Công; phía nam là sân Trường Dương, cung Ngũ Tắc của Hán Vũ Đế; phía bắc là cung Nhân Thọ đời Tùy, cung Cửu Thành đời Đường. Nghĩ tới cái thời thịnh của các cung đó, nó nguy nga đẹp đẽ, kiên cố có gấp trăm lần cái đài này chứ! Vậy mà chỉ vài đời sau, ai có muốn tìm cái hình phảng phất của các cung đó, thì chỉ thấy ngôi tan, tường đổ, đã thành đồng lúa, bụi gai cả rồi. Tới những cung đó mà cũng không còn gì cả, huống hồ là cái đài này. Đài kia còn không may gì được trường cửu, huống hồ là nhân sự lúc đắc lúc thất, đột nhiên đến đó rồi đột nhiên biến mất. Vậy mà có kẻ khoe khoang ở đời lấy làm tự mãn thì thật là lắm quá. Ở đời có những cái vĩnh cửu, nhưng cái đài này không thuộc vào những cái đó.» [\[10\]](#)

3. Đoạn thứ ba của chương này chủ đích là nhắc lại ý tứ đoạn đầu chương.

Thánh nhân tuy bề trong hoàn hảo, thông minh, sáng láng, nhưng không bắt mọi người phải giống như mình ngược lại biết uốn chuyển tùy nghi, tùy tài, tùy đức mỗi người mà thiết giáo. Chính vì vậy mà Hà Thượng Công gọi chương này là «Thuận Hóa» (Hóa dục phải tùy thuận theo từng người từng trình độ).

[\[1\]](#) Wieger viết kỳ vô chính da 其無政邪. Bản của Lưu Tư lại bỏ ba chữ kỳ vô chính 其無政, bắt chước Trần Trụ.

[\[2\]](#) Kỳ 奇: trá quỷ.

[\[3\]](#) Yêu 妖: gian tà.

[\[4\]](#) Cát 割: cắt.

[\[5\]](#) Quế 齧: cắn, làm hại.

[\[6\]](#) Tứ 肆: giết, nghiêm ngặt. = 急切太甚 Cấp thiết thái thậm (theo Tống Long Uyên)

[\[7\]](#) Miện lưu thủy mục, đầu khoáng tắc nhĩ. 冕旒垂目, 黈纁塞耳 Tống bản thập tam kinh 宋本十三經, quẻ Minh Di 明夷.

[\[8\]](#) Thánh nhân thiết tiền lưu, bình thụ giả, bất dung minh chi tận hồ ẩn giả. 聖人設前旒, 屏樹者, 不容明之盡乎隱者. Đại Toàn, Minh Di, Trình truyên.

[9] Khước bất tri họa phúc chi sự, tuy tòng ngoại lai, họa phúc chi cơ bản tự tâm sinh. Tâm vi vạn pháp chi chủ, tâm vi thiện ác chi nguyên. Thử tâm nhất thiện, nhi vô sở bất thiện, thử tâm nhất ác nhi vô sở bất ác... 卻不知禍福之事, 雖從外來, 禍福之基本自心生. 心為萬法之主, 心為善惡之源. 此心一善, 而無所不善, 此心一惡而無所不惡. Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng nghĩa.

[10] Xem Nguyễn Hiến Lê, Tô Đông Pha, Cảo thơ xuất bản, tr. 51-52.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 59

THỦ ĐẠO

守道

Hán văn:

治人, 事天莫若嗇. 夫惟嗇是謂早服, 早服謂之重積德. 重積德則無不克. 無不克則莫知其極. 莫知其極, 可以有國. 有國之母可以長久. 是謂深根固蒂, 長生久視之道.

Phiên âm:

1. Trị nhân, sự Thiên mạc nhược sắc. [\[1\]](#)
2. Phù duy sắc thị vị tảo phục, [\[2\]](#) tảo phục vị chi trọng tích đức. Trọng tích đức tắc vô bất khắc. Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực. Mạc tri kỳ cực, khả dĩ hữu quốc.
3. Hữu quốc chi mẫu [\[3\]](#) khả dĩ trường cửu. Thị vị thâm căn cố đế, trường sinh, cửu thị chi đạo.

Dịch xuôi:

1. Trị người thờ trời, không gì bằng tiết độ.
2. Tiết độ là việc phải lo trước tiên; lo việc ấy trước tiên sẽ tích đức, tích đức cao dày sẽ lướt thắng được mọi sự, sẽ siêu việt. Siêu việt sẽ được nước (Trời).
3. Được căn cơ trời đất, nên có thể trường cửu. Thế cho nên gọi là ăn rễ sâu, mọc rễ chắc, đó là đạo trường sinh cửu thị.

Dịch thơ:

1. Trị người mà cũng thờ Trời,

Chi bằng tiết độ, chớ lợi tinh thần.

2. Biết điều tiết độ là cần,

Rồi ra đức hạnh sẽ dần cao thêm.

Đức cao vạn sự sẽ nên,

Đã nên vạn thắng, vô biên ai tày.

3. Thênh thang muôn dặm trời mây,

Nước trời đã nắm trong tay rành rành.

Giàu sang có cả Khuôn xanh,

Cửu trường muôn kiếp đã đành là ta.

Thế là ăn rễ sâu xa,

Thế là cửu thị, thế là trường sinh.

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta phương pháp thực hiện trường sinh. Muốn trường sinh, không được phí phao tâm thần, không được trục vật, mà phải giữ cho vẹn toàn thiên lý, giữ cho tâm đức được thuần túy.

Khử hết nhân dục, giữ vẹn thiên lý, thực hiện tinh hoa, thực hiện bản thể, con người dần dần sẽ có đạo cao đức trọng, sẽ đạt Đạo, đạt Thiên. Đạt Đạo, đạt Thiên sẽ được trường sinh, cửu thị.

Tổng Long Uyên bình: «Nếu con người biết tiết độ, để lập căn bản; cố gắng tích đức; cố gắng tiêu trừ những gì tư tà, dục vọng nơi thân; cố gắng phục hồi thiên đức nơi thân; giữ vẹn được Huyền Tẩn, tức là căn cơ trời đất nơi thân; giữ vẹn được Cốc thần, tức là nguồn mạch trường sinh nơi thân thì sẽ làm cho tà ma lục tặc không thể phát sinh, làm cho vạn duyên không còn thao túng được; như vậy nước trời trong con người sẽ được thanh tịnh, vững vàng và như vậy con người sẽ thực hiện được đạo trường sinh cửu thị.» [4]

[1] Sắc 齋: tiết độ.

[2] Tảo phục 早服: mỗi lo đầu tiên.

[3] Mẫu 母: có người giải là sự tiết độ; có người cho đó là Đạo.

[4] Nhân năng dĩ kiệm sắc lập bản, dĩ tích đức vi tâm. Thân trung chi tư vọng, vô bất khắc tận. Thân trung chi thiên đức, vô bất tảo phục. Huyền Tẩn chi môn tức thị thân trung thiên địa chi căn. Cốc thần bất tử tức thị thân trung trường sinh chi mẫu. Thủ thử Huyền Tẩn tiện thị thâm căn cố đế. Luyện thử Cốc thần tiện thị sự thiên trị nhân. Chung nhật miên miên tiện thị trọng tích kỳ đức. Nhân ngã tương vong tiện thị mạc tri kỳ cực. Quả năng như thị, căn kỳ nội, bất sinh lục tặc chi ma; phòng kỳ ngoại, bất nhập vạn duyên chi hóa. Thân trung chi quốc thổ, vị hữu bất thanh tịnh. Thân trung chi quốc vận, vị hữu bất du cửu giả. Ngã chi tính thiên, khởi phi hữu quốc chi quân hồ. Luyện tự toàn thân nhi bất sinh bất diệt, tu thành đạo thể, nhi vô cực, vô cùng, khởi phi trường sinh cửu thị chi đạo hồ. 人能以儉齋立本, 以積德為心. 身中之私妄, 無不克盡. 身中之天德無不早服. 玄牝之門即是身中天地之根. 谷神不死即是身中長生之母. 守此玄牝便是深根固蒂. 鍊此谷神便是事天治人. 終日綿綿便是重積其德. 人我相忘便是莫知其極. 果能如是, 謹其內, 不生六賊之魔; 防其外, 不入萬緣之化. 身中之國土未有不清靜. 身中之國運未有不攸久者. 我之性天豈非有國之君乎. 煉就全身而不生不滅, 修成道體, 而無極, 無窮, 豈非長生久視之道乎? Sđd, tr.

38.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 60

CƯ VỊ

居位

Hán văn:

治大國如烹小鮮. 以道蒞天下. 其鬼不神. 非其鬼不神, 其神不傷人. 非其神不傷人, 聖人亦不傷人. 夫兩不相傷, 故德交歸焉.

Phiên âm:

1. Trị đại quốc như phanh tiểu tiên. ^[1]

2. Dĩ đạo lý ^[2] thiên hạ. Kỳ quỷ bất thần. ^[3] Phi ký quỷ bất thần, kỳ thần bất thương nhân. Phi kỳ thần bất thương nhân, thánh diệc bất thương nhân. Phù lưỡng bất tương thương, cố đức giao qui yên.

Dịch xuôi:

1. Trị nước như câu cá nhỏ.

2. Lấy Đạo trị thiên hạ, quỷ thần hết linh. Không phải quỷ thần không linh, nhưng quỷ thần không làm hại người. Không phải quỷ thần không làm hại người, mà thánh nhân không làm hại người. Cả hai đều không hại người, nên Đức của họ qui về một chỗ.

Dịch thơ:

1. Cầm đầu một đại giang sơn,

Nương tay như nấu cá con mới là.

2. Đạo Trời nhuần đượm gần xa,

Quỷ thần thôi cũng buông tha chẳng phiền.

Quỷ thần đâu phải không thiêng,
Quỷ thần không hại vì kiêng nể người.
Quỷ thần đã chẳng tác oai,
Thánh nhân nào nỡ hại đời làm chi.
Thần nhân đều chẳng thị uy,
Muôn nghìn ân đức sẽ qui tụ về.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại dạy ta một bài học chính trị đó là Trị dân thì đừng có nhiều dân.

Trị một nước lớn chẳng khác nào nấu một nồi cá con. Nấu cá con mà cứ lo đảo đi, đảo lại thì cá sẽ nát hết. Trị dân mà nay cải tổ cái này, mai cải tổ cái khác, thì dân ắt sẽ hết sức khổ sở.

Người trị dân giỏi sẽ giúp cho dân theo đúng định luật trời đất. Mà trời đất muốn cho chúng ta hoạt động để triển dương các tài năng của mình, nhưng không làm được điều gì quá mức không được vong thân táng mạng, không được đầy đoạ hình hài, lao tâm khổ tứ, thần hôn trí loạn.

Cho nên nhà cầm quyền không được dỏ dối vẽ vờ, không được kích động tham vọng của dân, không được kích động thất tình của dân, không được xui dân tranh đoạt, ghen ghét lẫn nhau, không được làm cho dân lo âu, khổ sở.

Được như vậy, dân sẽ sống trong một cảnh thanh bình, có một xác thân Khang kiện, có một tâm hồn thanh thoi, sung sướng, yêu lý tưởng, thích hưởng thụ.

Thế là đường lối người hợp với đường lối trời. Đôi đường đã hòa hợp như vậy thì quốc thái dân an là một kết quả tất định.

Thế là quỷ thần không làm hại người mà thánh nhân cũng không làm hại người. Nói rằng quỷ thần làm hại hay không làm hại người cũng không hoàn toàn đúng, phải hiểu rằng quỷ thần đã minh định, đã thiết lập nên những định luật vĩnh cửu, bất biến; đi đúng tức là «thuận thiên» thế là hay, là cát tường đi sai tức là «nghịch thiên» là dở, là hung họa.

Thánh nhân trị người không vì cái lợi nhỏ mà quên cái hại lớn, không mị dân bằng những cải tổ phiến diện, không đánh lạc thiên tính của dân bằng những hành vi có tính cách xáo động tuyên truyền, mà chỉ muốn cho dân sống vô tư, hạnh phúc, an bình, thái thịnh, Khang ninh.

Như vậy, mới thực là thương dân, mới thực là biết cách trị dân vậy.

[1] Tiểu tiên 小 鮮 : cá nhỏ.

[2] Ly 蒞: đến.

[3] Kỳ quỷ bất thần 其 鬼 不 神: kỳ quỷ bất linh 其 鬼 不 靈 .

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 61

KHIÊM ĐỨC

謙德

Hán văn:

大國者下流, 天下之交, 天下之牝. 牝常以靜勝牡, 以靜為下. 故大國以下小國, 則取小國; 小國以下大國, 則取大國. 故或下以取, 或下而取. 大國不過欲兼畜人. 小國不過欲入事人. 夫兩者各得其所. 大者宜為下.

Phiên âm:

1. Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi giao, thiên hạ chi tẫn.
2. Tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ. Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc. Cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ. Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhân. Tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân. Phù lưỡng giả các đắc kỳ sở dục. Đại giả nghi vi hạ.

Dịch xuôi:

1. Nước lớn mà làm chỗ thấp, sẽ là nơi thiên hạ giao hội, sẽ là giống cái của thiên hạ.
2. Giống cái thường lấy sự tĩnh mà thắng giống đực, lấy tĩnh làm chỗ thấp. Cho nên nếu nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ, thì sẽ thu phục được nước nhỏ; nếu nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn thì sẽ được lòng nước lớn. Cho nên hoặc hạ mình để mà chinh phục, hoặc hạ mình để được lòng. Nước lớn chẳng qua là để dưỡng nuôi người, nước nhỏ chẳng qua là để phục vụ người, cả hai đều được như ý thích. Kẻ lớn nên hạ mình.

Dịch thơ:

1. Nếu nước lớn hạ mình từ thượng,

Khắp mọi nơi sẽ hướng chiều về,
Đó đây qui tụ thỏa thuê,
Y như một mái làm mê cả bầu.
2. Con mái kia thơ ngây thuần thực,
Tưởng kém hèn mà được vẫn thua.
Nước to chẳng cậy mình to,
Sẽ làm nước nhỏ phải ưa thích mình.
Nên nước nhỏ chẳng kênh chẳng kiêu,
Nước to kia sẽ liệu chở che.
Dù chinh, dù phục hai bề,
Biết đường khiêm tốn đề huề mới ngoan.
Nước lớn thích lo toan chỉ vẽ,
Nước nhỏ mong dựa thế nương uy,
Hai bên đều được thỏa thuê,
Đã là kẻ cả chớ chê hạ mình.

BÌNH GIẢNG

Nơi chương này Lão tử cho chúng ta một nguyên tắc hướng dẫn cuộc bang giao quốc tế.

Trong thiên hạ có nước lớn, nước nhỏ. Nhưng nước lớn không phải là để thôn tính nước nhỏ mà là để giúp đỡ nước nhỏ. Nước nhỏ không phải là để, kèn cựa, ganh tị với nước nhớn, mà là để thuận phục nước nhớn.

Các nước đối xử với nhau nên lấy sự khiêm cung, chứ đừng dùng võ lực. Nước nhớn biết tỏ ra khiêm tốn không khinh khi nước nhỏ, thì các nước nhỏ sẽ vui lòng hướng chiều về.

Nếu nước nhỏ tỏ ra khiêm tốn không đả kích các nước lớn thì các nước nhớn sẽ vui lòng bảo trợ. Như vậy cả hai bên đều lợi và như vậy thế giới mới mong an bình.

Và đây là thái độ khiêm cung của Hán Văn Đế và Triệu Đà trong công cuộc bang giao Hoa Việt. Hán Văn Đế sau khi lên ngôi, sai Lục Giảo đưa thư sang khuyên Vũ Đế (Triệu Đà) về thần phục nhà Hán. Hán Văn Đế dùng những lời lẽ hết sức nhún nhường để khuyên Triệu Đà bỏ đế hiệu mà chịu thần phục nhà Hán. Quả nhiên Triệu Đà cảm kích, phúc thư một cách hết sức khiêm cung kính cẩn, và xin chịu bỏ đế hiệu để thần phục Hán Vũ Đế. ^[1]

Thế là dùng «Nhu Đạo», dùng sự «Khiêm cung» để mà xây dựng hòa bình thiên hạ vậy.

^[1] Xem Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, q. I, tr. 30, 31, 32.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 62

VI ĐẠO (QUÍ ĐẠO)

為道 (貴道)

Hán văn:

道者, 萬物之奧. 善人之寶, 不善人之所保. 美言可以市尊, 美行可以加人. 人之不善何棄之有. 故立天子, 置三公雖有拱璧以先駟馬不如坐進此道. 古之所以貴此道者何? 不曰: 以求得, 有罪以勉邪? 故為天下貴也.

Phiên âm:

1. Đạo giả, vạn vật chi áo [1] thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo. [2]
2. Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn. Mỹ hạnh khả dĩ gia nhân. [3] Nhân chi bất thiện hà khí chi hữu.
3. Cố lập thiên tử, trí tam công tuy hữu cũng bích [4] dĩ tiên tứ mã [5] bất như tọa tiến thủ Đạo. [6]
4. Cổ chi sở dĩ quý thủ Đạo giả hà? Bất viết: [7] dĩ cầu đắc, hữu tội dĩ miễn da? Cổ vi thiên hạ quý dã.

Dịch xuôi:

1. Đạo là bí quyết muôn loài, là châu báu của người lành, là chỗ dựa nương của người bất lương. (Nhờ Đạo) mà có những lời hay việc đẹp (Nhờ Đạo mà những lời hay được tăng giá trị, được trọng vọng; mà những việc đẹp tăng phẩm cách con người). (Nhờ Đạo) mà những kẻ bất lương không bị ruồng rẫy.

2. Cho nên lập thiên tử, lập tam công tuy tay cầm ngọc bích, tuy thân ngồi xe tứ mã, nhưng vẫn không bằng ngồi mà đem Đạo (ấy vào thân mình, và vào người khác).

3. Người xưa quý Đạo là vì sao? Há chẳng có lời rằng: Cầu Đạo thời được, có tội thời được khỏi sao? Cho nên Đạo quý nhất thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Đạo là bí quyết muôn loài,
Là châu là báu của người hiền lương.
Đạo còn là chốn dựa nương,
Cho người bạc đức có đường dung thân.
2. Lời hay việc đẹp gian trần
Đều do nguồn đạo tinh thuần phát ra.
Mấy đời những kẻ gian tà,
Mong nhờ lượng cả, khỏi ra thân tàn.
3. Cho nên đã tiếng vua quan,
Phải đâu giỡn ngọc, đùa vàng trên người.
Phải đâu tử mã rong chơi,
Vua quan cốt để «tiến trời» vào thân.
4. Người xưa chuộng Đạo muôn phần,
Vì khi đắc đạo, lụy trần tiêu tan.
Đạo là vật báu thế gian.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử bàn về Đạo. Lão tử cho rằng:

1. Đạo tiềm ẩn trong lòng người lành, kẻ dữ.
2. Đạo là nguồn mạch sinh ra mọi lời hay ý đẹp.
3. Làm chính trị cốt là cố gắng làm cho mình và cho mọi người đắc Đạo.
4. Đạo là cái quý nhất trần gian, là nguồn mạch hạnh phúc con người.

1. Đạo tiềm ẩn trong lòng người lành, kẻ dữ

Tổng Long Uyên xưa đã giảng đoạn này như sau:

«Vạn vật đều được dung tàng trong lòng Đại Đạo, nên mới có diệu lực sinh hoá... [Đại Đạo] có thể sinh ra mọi sự từ vô đến hữu; có thể chi phối mọi hình tướng; vốn có trước cả đất trời; trường tồn mãi cả khi không còn trời đất. Cho nên Tạo Hoá chính là căn nguyên của vạn vật, sinh sinh hoá hoá. Hiểu được lẽ ấy tức là hiểu được điều ẩn áo của Tạo Hoá. Nếu trời đất không tàng trữ ẩn áo đó, thì trời đất không thể chở che. Nếu vạn vật không tàng trữ ẩn áo đó, thì vạn hữu không thể sinh thành. Ẩn áo đó quán thấu vạn hữu mà không hề bị gián đoạn; bao quát cổ kim mà không để sót lọt chi. Ẩn áo đó nhìn không thấy, nghe không ra, bắt không được, buông không rơi. Thiên hạ xưa nay vẫn dùng hàng ngày mà không biết, vẫn làm hàng ngày mà không thấy. Nếu mà thấy được biết được thì làm sao mà còn gọi là ẩn áo được nữa. Vì thế trong đoạn này muốn nói: Đạo là ẩn áo, là bí quyết muôn loài.» [\[8\]](#)

Quan niệm này thánh Jean de la Croix sau cũng chủ trương. Ông viết: «Nên biết thượng đế ở trong mọi tâm hồn – dù là tâm hồn của kẻ tội lỗi nhất hoàn cầu – và hiện diện bằng bản thể. Đó cũng là cách hợp nhất của thượng đế với vạn hữu, có vậy mới giữ gìn được vạn hữu; không thể vạn hữu sẽ tiêu tan...»

[\[9\]](#)

Upanishad cũng viết:

«Ngài là duy nhất chói chang,
Quần sinh Tạo Hóa, cao sang ai tày ?
Ngài luôn ẩn áo lòng người,
Suy đi, ta sẽ thấy Trời trong tâm.
Biết trời sẽ thoát trầm luân,
Sẽ cùng trời đất muôn năm trường tồn.»

2. Đạo là nguồn mạch sinh ra mọi lời hay, việc đẹp

Cho nên nhân loại có được những lời hay, có được những cử chỉ đẹp chính là nguồn Đạo ấy mà ra.

Cho nên dẫu con người có xấu xa mấy, thì sự xấu xa ấy cũng chỉ như mây mù che phủ mặt trời bản thể của họ mà thôi; họ vẫn có thể trở lại với bản tính nguyên thủy tốt đẹp của họ được.

3. Làm chính trị cốt là cố gắng làm cho mình và mọi người đắc Đạo

Đắc Đạo tức là đắc nhất, mà đắc nhất tức là chỉ Nhất hay Chính. Chính trị 政治 cốt là để đạt Chính 正, đạt Đạo 道, đạt Nhất 一 mà thôi.

Chữ Chính 政 xưa theo nguyên nghĩa chính là công phu giúp cho con người đắc Nhất 一, đắc Đạo 道. Chữ 政 gồm chữ Chính 正 và chữ Bộc 支. Chính 正 là «chỉ nhất» 止 一 và Bộc là «đánh», là «công phu».

4. Đạo là cái quý nhất trần gian và là nguồn mạch hạnh phúc con người

Đạo là cái quý báu nhất. Nhưng Đạo không phải là cái gì xa vời. Nếu chúng ta tha thiết tìm cầu, ta sẽ được Đạo. Được Đạo rồi thì bao tội lệ ta sẽ tiêu tan, bao oan nghiệp ta sẽ được hóa giải.

Vì thế cho nên Đạo là cái quý báu nhất. Chương này là một trong những chương của Đạo Đức kinh bàn về Đạo. Xin xem lại các chương 1, 4, 6, 14, 21, 25, 27, 32, 34, 51, v.v.

[1] Áo 奥: (1) chứa (tàng chứa), ý nói Đạo tàng chứa mọi sự (Hà Thượng Công); (2) sâu kín (Stanislas Julien); (3) tôn quý (Stanislas Julien); (4) chủ 主: chủ tể (Trịnh Khang Thành). (Áo 奥 xưa là phòng phía tây nam trong nhà dùng làm nơi tế tự).

[2] Bảo 保: che chở dựa nương (= 倚).

[3] Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn. Mỹ hạnh khả dĩ gia nhân 美言可以市尊. 美行可以加人 là câu kinh theo bản sửa của Hoài Nam Tử (Xem Lưu Tư, James Legge).

- Wiegner chấm câu như sau: Mỹ ngôn khả dĩ thị, tôn hạnh khả dĩ gia nhân. 美言可以市. 尊美行可以加人. Vương bát cũng vậy (Xem Lưu Tư và Léon Wiegner).

* Thị tôn 市尊, Lưu Tư giải là đổi được địa vị tôn quý (hoán đắc tôn vị 換得尊位). Có người giải thị 市 là chợ, hoặc là lợi.

* Gia nhân 加人: hơn người khác người.

[4] Cung bích 拱璧: miếng ngọc lớn cả thước (doanh xích chi bích 盈尺之璧) hai tay cầm mới nổi.

[5] Tứ mã 駟馬: xe tứ mã (bốn ngựa kéo).

[6] Tọa tiến giả, bất dụng hữu vi, bất lao động tác, thuận kỳ tự nhiên, thâm nhập kỳ trung nhi vô bất thấu triệt. 坐進者, 不用有為, 不勞動作, 順其自然, 深入其中而無不透徹.

- [7] Lưu Tử, Vương Bật viết là bất viết 不 曰 . Tống Long Uyên viết là bất nhật 不 日 . Nếu viết «bất viết» thì phải giải: người ta há chẳng nói rằng. Nếu viết «bất nhật» thì phải giải: không ngày nào mà người ta không tìm cầu Đạo ấy.
- [8] Vạn vật thâm tàng ư Đại Đạo chi trung, phương hữu sinh thành chi diệu. Năng sinh nhất thiết hữu vô, năng ngự nhất thiết hình sắc. Tiên thiên tiên địa nhi tổ hữu; hậu thiên hậu địa nhi bất cải. Thị vị tạo hóa vạn vật chi bản thủy, sinh thành vạn vật chi căn để dã, sinh sinh hóa hóa. Đắc kỳ lý giả, tức thị đắc kỳ áo. Thiên địa bất tàng thử áo, tắc thiên địa bất năng lý tải. Vạn vật bất tàng thử áo tắc vạn vật bất năng sinh thành. Thống vạn vật nhi vô gián giả áo dã. Quán kim cổ nhi vô di giả áo dã. Thị chi bất kiến, thính chi bất văn giả áo dã. Thủ chi bất đắc, xả chi bất thất giả áo dã. Đản thiên hạ chi nhân, nhật dụng nhi bất tri, nhật vi nhi bất kiến. Nhược hoặc tri chi, kiến chi, tắc hữu bất túc dĩ vi áo hĩ. Văn trung ngôn Đạo giả, vạn vật chi áo, cái thị như thử. 萬物深藏於大道之中, 方有生成之妙. 能生一切有無, 能御一切形色. 先天先地而做有; 後天後地而不改. 是謂造化萬物之本始, 生成萬物之根柢也, 生生化化. 得其理者即是得其奧. 天地不藏此奧, 則天地不能履載. 萬物不藏此奧則萬物不能生成. 統萬萬而無間者奧也. 貫今古而無移者奧也. 視之不見聽之不聞者奧也. 取之不得捨之不失者奧也. 但天下之人日用而不知日為而不見. 若或知之見之則又不足以為奧矣. 文中言道者萬物之奧蓋是如此. Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng nghĩa, quyển hạ, tr. 42b.
- [9] Il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fuât-ce celle du plus grand pécheurs du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle, il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elle s'anéantirait aussitôt et ne serait plus. – La montée du Carmel (Les œuvres spirituelles du Bienheureux Père Jean de la Croix, Desclée et Brower) p. 133-134.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 63

TƯ THỦY

思始

Hán văn:

為無為, 事無事, 味無味. 大小多少; 報怨以德. 徒難於其易. 為大於其細. 天下難事必作於易. 天下大事必作於細. 是以聖人終不為其大. 故能成其大. 夫輕諾, 必寡信. 多易必多難, 是以聖人猶難之, 故終無難.

Phiên âm:

1. Vì vô vi, sự vô sự, vị vô vị. Đại tiểu, đa thiểu; báo oán dĩ đức. [1]
2. Đồ nan ư kỳ dị. Vì đại ư kỳ tế. Thiên hạ nan sự tất tác ư dị. Thiên hạ đại sự tất tác ư tế. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi kỳ đại. Cố năng thành kỳ đại.
3. Phù khinh nặc, tất quả tín. Đa dị tất đa nan, thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan.

Dịch xuôi:

1. Thánh nhân hoạt động lao tác trên bình diện siêu việt. Coi mọi sự đời lớn nhỏ, nhiều ít như nhau, lấy ân báo oán.
2. Làm việc khó từ việc dễ, làm việc lớn từ việc nhỏ. Các việc khó khăn trong thiên hạ, đều do từ việc dễ mà thành. Các việc lớn trong thiên hạ, đều từ việc nhỏ mà nên. Cho nên thánh nhân suốt đời không làm chuyện lớn, mà vẫn nên được chuyện lớn.
3. Những kẻ hứa bừa bãi, sẽ khó giữ được lời. Coi cái gì cũng dễ, sẽ gặp nhiều cái khó. Cho nên thánh nhân xem việc gì cũng là khó, nên cuối cùng không gặp khó.

Dịch thơ:

1. *Thảnh thơi ta sống thảnh thơi,*
Đời ta chẳng chút lời thôi tần phiền.
Đời ta thơm phức hương tiên,
Bao nài lớn nhỏ, sá xem ít nhiều.
Cởi giây thù oán chẳng đeo,
Ta đem đức độ đổi điều gian ngoan.

2. *Khó gì ta cũng cứ làm,*
Bắt đầu từ dễ ta sang khó dần.
To gì ta cũng chẳng cần,
Bắt đầu từ nhỏ ta lần sang to.
Đời người vạn sự gay go,
Đều từ dễ dãi lần mò mãi ra.
Những điều cao đại xưa giờ,
Đều từ nhỏ nhặt đem vo cho thành.
Cho nên những bậc tinh anh,
Chẳng cần lớn lối vẫn dành cao sang.

3. *Những ai hứa hẹn muôn ngàn,*
Tình sông rồi sẽ bể bèo đơn sai.
Những ai khinh thị cuộc đời,
Càng ngờ dễ dãi, càng vời khó khăn.
Cho nên những bậc thánh nhân,
Biết e cái khó, khó khăn chữa người.

BÌNH GIẢNG

Chương này làm hiện rõ mấy ý tưởng chính yếu:

1. Hãy sống một cuộc đời siêu việt
2. Hãy sống một cuộc đời giản dị
3. Hãy thực hiện đại công đại nghiệp bằng những phương cách giản dị.

1. Hãy sống một cuộc đời siêu việt.

Chúng ta đừng nên hiểu vô vi là không làm gì. Nhưng Vô vi chính là hoạt động siêu việt, vô vi chính là hoạt động của Trời.

Nơi chương 2 của Đạo Đức kinh chúng ta đã bình giải cận kề lối sống siêu việt này rồi. Nay chỉ cần nhắc thêm:

Chúng ta phải biết nâng tâm hồn lên cho thật cao, thật xa, thoát khỏi những bình diện sắc tướng phàm tục, để hòa mình cùng Vĩnh Cửu siêu việt.

Hãy làm những công việc của thần minh, hãy nắm những hương vị siêu sinh thoát tục. Thế tức là «Vi vô vi, sự vô sự, vô sự, vi vô vi».

2. Hãy sống giản dị.

Con đường hiền thánh, chính là con đường giản dị. Chúng ta chỉ cần theo những định luật của đất trời là thích ứng với hoàn cảnh và Hướng thượng, hướng về Lý tưởng, về Chân, Thiện, Mỹ.

3. Hãy thực hiện đại công, đại nghiệp bằng những phương cách giản dị.

Như vậy muốn tiến tới hoàn thiện phải làm sao ? Thưa, phải dùng những phương tiện mình sẵn có hoàn cảnh mình đang gặp và cư xử cho hết sức tốt đẹp.

Hãy luôn luôn có những tác phong đẹp, ý nghĩ đẹp, tâm thần đẹp, luôn luôn đối đãi với người cho đẹp. Đó là đi con đường giản dị mà vào Đại Đạo. Đó chính là tinh hoa của Trung Dung,^[2] Đại Học,^[3] của Kinh Thư,^[4] và của Đạo Đức Kinh. ^[5]

Trung Dung viết:

Tìm bí ẩn làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen.
(Sá chi chuyện ấy nhỏ nhen,)
Đã là quân tử chẳng thêm quan tâm.
Làm trai quyết trí tu thân,
Đường đường quân tử ta tuân Đạo Trời.
Giữa đường đứt gánh trở lui,
Bán đồ nhi phế có đời nào đâu. ^[6]

Cayce, một dị nhân người ở Virginia Beach bên Mỹ (sinh năm 1877 gần Hopkinsville, Kentucky, chết ngày 3/1/1945), có tài đoán bệnh, soi kiếp và giảng đạo trong khi ngủ, cũng thường khuyên mọi người rằng: «Hãy dùng những phương tiện sẵn có.» ^[7] «Hãy khuyến khích nâng đỡ người yếu đuối, và kẻ sa ngã. Hãy thêm sức mạnh và lòng can đảm cho những kẻ thất bại.» ^[8] «Hãy sống thực lý tưởng, ở nơi mình ở.» ^[9] «Hãy bắt đầu từ nơi mình ở.» ^[10]

4. Đừng có khinh thị, nhưng phải luôn luôn dè dặt, cẩn thận mới nên công.

Tư tưởng của Lão tử nơi đây bắt gặp tư tưởng của Dịch. Dịch kinh nơi Hệ từ hạ đã viết:

Nguy thay kẻ tưởng vững ngôi,
Táng vong kẻ ngỡ thành thời trường tồn.
Loạn là kẻ tưởng trị an,
(Tưởng an, khinh thị ly loạn mới sinh.)
Cho nên quân tử giữ mình,
Đương yên mà vẫn nhớ rành cơn nguy.
Đang còn, vẫn sợ mất đi,
Nước yên mà vẫn phòng khi ly loạn.
Biết lo thân mới được an,
Biết lo nên mới bảo toàn quốc gia.

Dịch rằng:

Rằng nguy rằng hồng mới là,

Khóm dâu vững chãi thiết tha buộc rằng. ^[11]

- [1] Wieger dịch như sau: «Agir sans agir, s'occuper sans s'occuper, goûter sans goûter; voir du même oeil le grand, le petit, le beaucoup, le peu, faire le même cas des reproches et des remerciements; voilà comme fait le Sage.»
- [2] Xem Trung Dung, chương 11 và 15.
- [3] Xem Đại Học, chương 3: Vi nhân quân, chỉ ư nhân; vi nhân thần, chỉ ư kính; vi nhân tử, chỉ ư hiếu; vi nhân phụ, chỉ ư từ; dĩ quốc nhân giao chỉ ư tín. 為人君止於仁; 為人臣止於敬; 為人子止於孝; 為人父止於慈; 以國人交止於信.
- [4] Nhược đăng cao tất tự ti; nhược trắc hà tất tự nhĩ. 若登高必自卑, 若陟遐必自邇 (Như trèo cao, tất tự thấp; như đi xa, tất tự gần.) Kinh Thư, Thái giáp hạ.
- [5] Xem Lão tử Đạo Đức kinh, chương 64.
- [6] Xem Trung Dung, chương 11 và 15.
- [7] Qu'on ne peut se servir que de ce qu'on a sous la main. Cina Cerminara, De nombreuses demeures, traduction Sasia Erlics, Adyar, Paris 1966, p. 283.
- [8] Encourager les faibles et ceux qui tombent; donner là force et du courage à ceux qui n'ont pas réussi.» Ib., p. 283.
- [9] Soyez ce que vous devriez être à l'endroit où vous vous trouvez. Ib., p. 283.
- [10] Commencez où vous êtes. Ib., p. 284. Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập II (Thượng Kinh), quẻ Bĩ, tr. 177; và tập III (Hạ Kinh), Hệ từ Hạ chương 5, tr. 527.
- [11] Tử viết: Nguy giả an kỳ vị giả dã. Vong giả bảo kỳ tồn giả dã. Loạn giả hữu kỳ trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vong nguy. Tồn nhi bất vong vong. Trị nhi bất vong loạn. Thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã. Dịch viết kỳ vong kỳ vong. Hệ vu bao tang. 子曰: 危者安其位者也. 亡者保其存者也. 亂者有其治者也. 是故君子安而不忘危. 存而不忘亡. 治而不忘亂. 是以身安而國家可保也. 易曰其亡其亡繫于苞桑 (thích Bĩ cửu ngũ hào nghĩa: giải thích ý nghĩa hào cửu ngũ của quẻ Bĩ). Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập III (Hạ Kinh), tr. 527.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 64

THỦ VI

守微

Hán văn:

其安易持, 其未兆易謀. 其脆易泮, 其微易散. 為之於未有, 治之於未亂. 合抱之木, 生於毫末; 九層之臺, 起於累土. 千里之行始於足下. 為者敗之, 執者失之. 是以聖人無為故無敗, 無執故無失. 民之從事, 常於幾成而敗之. 慎終如始則無敗事. 是以聖人欲不欲; 不貴難得之貨; 學不學, 復眾人之所過. 以輔萬物之自然而不敢為.

Phiên âm:

1. Kỳ an dị trì, kỳ vị triệu dị mưu. Kỳ thúy dị phán, ^[1] kỳ vi dị tán. Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn.
 2. Hợp bảo chi mộc, sinh ư hào mạt; cửu tầng chi đài, khởi ư lũy thổ. Thiên lý chi hành thủy ư túc hạ.
 3. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi. Thị dĩ thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất.
 4. Dân chi tùng sự, thường ư cơ ^[2] thành nhi bại chi. Thận chung như thủy tắc vô bại sự.
 5. Thị dĩ, thánh nhân dục bất dục; bất quý nan đắc chi hoá; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá.
- Dĩ phụ ^[3] vạn vật chi tự nhiên nhi bất cảm vi.

Dịch xuôi:

1. Vật yên dễ cầm, vật chưa phát lộ, dễ lo. Vật mềm mỏng dễ phá; vật nhỏ dễ làm tan. Làm khi chưa hình hiện, trị khi chưa loạn.
2. Cây to một ôm sinh tự gốc nhỏ xíu; đài cao chín tầng khởi từ mô đất; cuộc viễn hành nghìn dặm khởi từ dưới chân.

3. Làm thì hỏng, giữ thì mất. Cho nên thánh nhân không làm nên không hỏng, không giữ nên không mất.

4. Người dân làm việc thường thất bại lúc sắp thành công. Cẩn thận lúc cuối như lúc đầu, nên không hỏng việc.

5. Cho nên thánh nhân muốn cái [mà người ta] không muốn; không chuộng những của cải khó tìm; học cái [mà người ta] không học; cải thiện lỗi lầm của chúng dân để giúp vạn vật sống tự nhiên mà không dám lao tác.

Dịch thơ:

1. Vật yên nên mới dễ dàng cầm,
Vật chưa mềm mọng, rộng tầm tính toán.

Càng mềm, càng dễ cho tan,
Nhỏ nhoi măng sữa dễ làm tiêu ma.

Làm khi chưa mới có là,
Trị khi chưa loạn mới ra vương tròn.

2. Cây to cả sải tay ôm,
Thoạt tiên là một mầm non sá nào.

Đài cao cao chín tầng cao,
Cũng từ mặt đất xây cao dần dần.

Con đường nghìn dặm xa xăm,
Bắt đầu cũng ở dưới chân bộ hành.

3. Càng làm càng lắm tan tành,
Càng ôm càng mất, càng dành càng vương.

Mới hay đường lối thánh nhơn,
Chẳng làm nên chẳng lo lường bại vong.

Thênh thang dạ chẳng đèo bòng,
Khởi điều mất mát, đỡ công tần phiền.

4. Thói thường lúc sắp làm nên,
Là khi lỡ vờ đảo điên tan tành.

Một lòng sau trước đĩnh ninh,
Mới không thất bại, mới thành cơ ngơi.

5. Cho nên hiền thánh trên đời,
Chỉ say đạo cả, chơi vơi ngàn trùng.

Của khan vật hiếm chẳng mong,
Của đời người thế đèo bòng làm chi.

Học là học đạo siêu vi,
Dạy đời làm lạc hướng đi tuyệt vời.

Giúp ai thanh thả đường đời,
Chứ không chọc nước quấy trời uống công.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử bàn về những vấn đề sau:

1. Phải biết lo toan ngăn chặn những công chuyện từ khi chúng chưa hình hiện mới hay.
2. Phải tuần tự nhi tiến.
3. Phải sống vô tư vô cầu.
4. Phải luôn luôn cẩn trọng đề phòng mới nên công.
5. Phải biết vươn lên tới bình diện siêu thức. Hãy giúp vạn vật sống tự nhiên.

1. Phải biết lo toan ngăn chặn những công chuyện từ khi chúng chưa hình hiện mới hay.

Chủ trương này của Lão tử giống như chủ trương của Dịch kinh. Dịch vốn dạy «Phòng vi, đồ tiêm» 防微睹漸. Văn ngôn quẻ Khôn viết:

«Nhà nào tích thiện sẽ hay,
Nhà nào tích ác sẽ đầy tai ương.
Tội mà dám giết quân vương,
Con mà giết bố, dễ thường ngày sao?
Việc đâu một sớm, một chiều,
Duyên do tích lũy, bao nhiêu lâu rồi.
Duyên do lần dẫn tới nơi,
Tại mình chẳng sớm phanh phui tỏ tường.
Dịch rằng: khi bước trên sương,
Hãy phòng băng cứng thời thường đến sau.
Ý rằng chuyện sẽ nối nhau,
Nếu mình để mặc từ đầu tới đuôi.» [4]

2. Phải tuần tự nhi tiến.

Đó là một nguyên tắc đạo hạnh mà Khổng giáo nhiều lần đề cập.

Đạo nào cũng chủ trương: Muốn lớn phải đi từ nhỏ; muốn cao phải đi từ thấp; muốn đi xa phải bắt đầu từ gần. Chương 63 Đạo Đức kinh nói: «Đồ nan ư kỳ dị. Vi đại ư kỳ tế.» 徒難於其易. 為大於其細. Trong lời bình giải tiết 2 của chương 62 chúng ta đã đọc qua những đoạn viện dẫn tương tự từ Trung Dung, Đại Học, và Kinh Thư.

Cổ nhân Trung Hoa từ ngàn năm trước Lão tử cũng đã chủ trương như vậy. Ở thêm miếu Hậu Tắc tổ tiên nhà Chu có một người vàng. Sau lưng có khắc những bài học luân lý đạo đức, trong có có đoạn sau:

«Lửa hừng mãi sẽ cao vượn,
Lửa vượn chất ngất muôn phương cháy rần.
Nước kia nhỏ giọt chẳng ngừng,
Sông con, sông cả vấy vùng đó đây.

Sợi tơ kéo mãi cho dài,
 Vỗng la giăng mắc khắp nơi trùng trùng.
 Cành non để mọc đầy tầm,
 Búa rìu hồ dễ chặt phẳng được nào.» [5]

Dịch kinh cũng khuyên: «Tích tiểu dĩ cao đại.» 積小已高大. [6]

3. Phải sống vô tư vô cầu.

Sống vô tư vô cầu mới được thanh thoi sung sướng. Lao mình vào con đường tham cầu, sẽ khổ sở. Nơi lưng người vàng ở đền thờ Hậu Tắc cũng có ghi:

«Mặc người háo hức điều linh,
 Riêng ta, ta giữ tâm thành của ta.
 Mặc người xuôi ngược bốn ba,
 Riêng ta, ta vẫn ôn hòa thung dung.» [7]

4. Phải luôn luôn cẩn trọng đề phòng mới nên công.

Chương 62 Đạo Đức kinh đã chủ trương tương tự, ta không bàn thêm dài dòng mà chỉ. Chỉ ghi nhận nơi sau lưng người vàng ở đền Hậu Tắc có ghi:

«Ở đời thận trọng: Hay sao!
 Rồi ra phúc khánh dạt dào lắng lại.» [8]

5. Phải biết vươn lên tới bình diện siêu thức. Hãy giúp vạn vật sống tự nhiên.

«Dục bất dục, học bất học» chính là bỏ bình diện hữu vi hữu tướng để vươn lên bình diện vô vi vô tướng. Sau đó giúp con người sống tự nhiên thuần phác.

[1] Thúy 脆: già, yếu. Phán 泮 : tan, lở. Bản Hà Thượng Công chép là phá 破 .

[2] Cơ 幾: gần.

[3] Phụ 輔: giúp.

[4] Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương. Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triều nhất tịch chi cố. Kỳ sở do lai giả tiệp hĩ. Do biện chi bất táo biện dã. Dịch viết: «Lý sương, kiên băng chí.» Cái ngôn thuận dã. 積善之家,必有餘慶 積不善之家,必有餘殃 臣弑其君子 弑其父非一朝一夕之故其所由來者漸矣 由辯之不早辯也 易曰履霜,堅冰至 蓋言順也.

[5] Nguyễn văn Thọ, Chân dung Khổng tử, Khai Trí xuất bản, Saigon 1971, tr. 93.

[6] Dịch Kinh, quẻ Thăng 升, Đại tượng truyện.

[7] Sđd., tr. 94.

[8] Sđd., tr. 94.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 65

THUẦN ĐỨC

純德

Hán văn:

古之善為道者，非以明民，將以愚之。民之難治，以其智多。故以智治國，國之賊。不以智治國，國之福。知此兩者亦楷式。常知楷式，是謂玄德。玄德深矣，遠矣，與物反矣。然後乃至大順。

Phiên âm:

1. Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi. [\[1\]](#)
2. Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cổ dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc. Bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc.
3. Trí thử lưỡng giả diệc khả thức. [\[2\]](#) Thường trí khả thức thị vị huyền đức. Huyền đức thâm hĩ, viễn hĩ, dữ vật phản hĩ. Nhiên hậu nãi chí đại thuận.

Dịch xuôi:

1. Xưa, kẻ khéo thi hành đạo thì không dạy cho dân trở nên xảo trá, mà giữ cho dân sống thuần phác.
2. Dân mà khó trị chính là vì nhiều trí mưu. Cho nên dùng trí trị nước chính là phá nước; không dùng trí trị nước tức là phúc cho nước.
3. Biết hai đường lối đó, có thể lấy đó làm mẫu mực. Luôn biết mẫu mực, thế là huyền đức. Huyền đức thâm viễn, tưởng là ngược với vật nhưng cuối cùng thật là xuôi.

Dịch thơ:

1. Nên những đáng am tường đạo cả,

Chẳng đem điều xảo trá dạy dân.

Muốn dân chất phác ôn thuần,

2. Vì càng xảo trá gian truân càng nhiều.

Trị dân chúng bằng mưu bằng chước,

Ấy là phường cướp nước hại dân.

Trị dân: mưu chước không cần,

Mới là minh đế, anh quân giúp đời.

3. Lễ trị nước ngược xuôi là thế,

Biết ngược xuôi biết lẽ huyền vi.

Mới hay đạo cả diệu kỳ,

Ngàn tầm sâu thẳm muôn bề xa xôi.

Đem so đo với đời: tưởng ngược,

Nào ngờ đâu sau trước vẫn xuôi.

BÌNH GIẢNG

Chương này chủ trương trị dân không nên kích thích thị dục, thị hiếu của dân, làm cho dân trở nên gian ngoan xảo trá, mà phải giữ cho dân được luôn chất phác thực.

Dân mà xảo trá sẽ khó cai trị, như vậy nước sẽ loạn ly. Nếu giữ cho dân sống thanh thản, thuần phác dân chúng sẽ tròn tín nghĩa với nhau.

Dân thuần phác sẽ đối đãi với nhau trung thực. Dân xảo trá sẽ đối đãi với nhau điêu ngoa. Mà lý tưởng của đời sống xã hội chính là đối với nhau cho trung thực, tránh mọi sự điêu ngoa. Chính vì thế mà Lão tử luôn cổ súy một đời sống hồn nhiên thuần phác.

[1] Minh 明, theo Vương Bật là đa kiến xảo trá 多見巧詐. Ngu 愚, theo Vương Bật là vô vi thủ chân, thuận tự nhiên 無為守真順自然.

[2] Khải thức 楷式: mẫu mực, phép tắc. Bản Hà Thượng Công chép là khai thức. Các bản khác chép là kê (khể) thức 稽式.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 66

HẬU KỶ [1]

後己

Hán văn:

江海所以能為百谷王者, 以其善下之, 故能為百谷王. 是以欲上民必以言下之. 欲先民必以身后之. 是以聖人處上而民不重, 處前而民不害. 是以天下樂推而不厭, 以其不爭.

Phiên âm:

1. Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương.
2. Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi. Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi. Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại. Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm, dĩ kỳ bất tranh.

Dịch xuôi:

1. Sông biển sở dĩ làm vua trăm hang suối chính vì khéo ở chỗ thấp, vì thế nên làm vua trăm hang suối.
2. Bởi vậy, muốn ngồi trên dân, ắt phải lấy lời mà hạ mình muốn đứng trước dân, ắt phải để thân mình ra sau. Vậy nên, thánh nhân ở trên dân mà dân không thấy nặng, ở trước dân mà dân không thấy hại. Cho nên thiên hạ thích thôi thúc (cổ võ) mà không chán. Vì không tranh, nên thiên hạ không tranh với mình.

Dịch thơ:

1. Sông biển kia có sao mà trọng,
Nước muôn khe thao túng vì đâu.
Biển sông vì thấp vì sâu,

Cho nên mới được đứng đầu muôn khe.

2. Muốn cao cả, ngôi che nhân thế,

Phải hạ mình nhỏ nhẹ khiêm cung.

Cầm đầu phải ẩn sau lưng,

Mình sau người trước chứ đừng kiêu căng.

Cho nên những nhân quân thánh đế,

Ở trên dân dân nhẹ như không.

Trước dân dân vẫn nức lòng,

(Kẻ tung người hứng như rồng gặp mây.)

Dạ vốn chẳng toan bày tranh chấp,

Thế cho nên chẳng gặp đấu tranh.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại dạy người trên phải hạ mình khiêm cung.

Lão tử cho rằng nếu người trên khiêm cung sẽ làm cho lòng muôn dân qui tụ về; cũng như sông biển vì ở chỗ thấp nên nước muôn khe đều đổ xuống. Nơi chương 8 ta cũng đã thấy câu: «Thượng thiện nhược thủy.» 上善若水.

Lão tử cho rằng người trên lời ăn tiếng nói phải từ tốn, tác phong cử chỉ phải cho lễ độ. Nơi chương 39 và 42, Lão tử cũng đã chứng minh rằng các bậc vương hầu xưa thường xưng mình là:

- Cô 孤 (côi cút)
- Quả 寡 (bạc đức)
- Bất cốc 不穀 (Không lành)

Nơi chương 61, Lão tử cũng đã khuyên: «Đại giả nghi vi hạ.» 大者宜為下 (Kẻ cả thời phải hạ mình.) Tư tưởng của Lão tử cũng giống tư tưởng của Dịch kinh. Dịch Kinh hết sức đề cao sự khiêm cung. Dịch Kinh nơi Thoán truyện quẻ Khiêm 謙 viết đại khái như sau:

Thoán rằng: Khiêm tốn mới hay,

Trời kia giúp dưới nên đầy quang minh.

Đất kia chốn thấp phận đành,

Thấp nên mới có công trình vươn cao.

Trời làm voi chốn dồi dào,

Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.

Đất xoi mòn bớt cao phong,

Để cho lòng biển lòng sông thêm đầy.

Quỉ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.

Người thường ghét kẻ thừa dùng,

Còn người khiêm tốn thực lòng thời ưa.

Trên Khiêm thì sáng mãi ra,
Dưới Khiêm ai kẻ hơn ta được nào.
Khiêm cung giữ vẹn trước sau,
Rời ra quân tử gót đầu hanh thông. ^[2]

Cuối cùng Lão tử dạy người trên không nên tranh chấp, như vậy sẽ thoát tranh chấp. Chương 22 Đạo Đức Kinh cũng đã thấy viết: «Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.» 夫唯不爭故天下莫能與之爭.

Nếu ta nghịch với người, người sẽ nghịch với ta; nếu ta ưa gây mâu thuẫn, người cũng sẽ ưa gây mâu thuẫn với ta. Bằng nếu ra hòa dịu, thuận xử với người âu người cũng sẽ hòa dịu thuận xử với ta. Đó là một định luật nhân sinh vậy!

^[1] Xem thêm chương 67, đoạn 2: Tam viết mạc cảm vi thiên hạ tiên. 三曰莫敢為天下先.

^[2] Thoán viết: Khiêm, hanh. Thiên đạo hạ tể nhi quang minh. Địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuỵu doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỷ thần hại doanh nhi phúc khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du. Quân tử chi chung dã. 彖曰：謙亨。天道下濟而光明。地道卑而上行。天道虧盈而益謙。地道變盈而流謙。鬼神害盈而福謙。人道惡盈而好謙。謙尊而光，卑而不可踰。君子之終 Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập II (Thượng Kinh), tr. 212.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 67

TAM BẢO

三寶

Hán văn:

天下皆謂我大似不肖。夫唯大，故似不肖。若肖久矣，其細也夫。我有三寶，持而保之。一曰慈，二曰儉，三曰不敢為天下先。慈故能勇；儉故能廣；不敢為天下先故能成器長。今舍慈且勇，舍儉且廣，舍後且先，死矣。夫慈以戰則勝，以守則固。天將救之，以慈衛之。

Phiên âm:

1. Thiên hạ giai vị ngã đại [1] tự bất tiếu. Phù duy đại, cố tự bất tiếu. Nhược tiếu cửu hĩ, kỳ tế dã phù.

[2]

2. Ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi. Nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên. Từ cố năng dũng; kiệm cố năng quảng; bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trường.

3. Kim xả từ thả dũng, xả kiệm thả quảng, xả hậu thả tiên, tử hĩ.

4. Phù tử dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố. Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi.

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ cho ta là trọng đại, mặc dầu ta phong thái tầm thường. Cao đại chính là ở chỗ vẻ ngoài tầm thường. Còn nhiều kẻ làm ra vẻ quan trọng nhưng chính lại hết sức tầm thường, nhỏ mọn.

2. Ta có ba báu vật, ta hết sức nắm giữ chắc chiu. Một là khoan từ. Hai là tiết kiệm. Ba là không dám đứng trước thiên hạ (coi mình hơn người). Khoan từ nên mới hùng dũng. Tiết kiệm nên mới rộng rãi. Không dám đứng trước người, nên mới được hiển dương.

3. Nay người ta bỏ khoan từ, chạy theo dũng lực; bỏ tiết kiệm chạy theo phung phí; bỏ chỗ sau mà tranh chỗ trước; thế là chết vậy.

4. Lấy khoan từ mà tranh đấu sẽ thắng, mà cố thủ sẽ vững. Trời muốn cứu ai, lấy khoan từ mà bảo vệ cho.

Dịch thơ:

1. *Đời thường nói ta đây trọng đại,*
 Mặc dầu ta phong thái tầm thường.
 Tuy ta cao quý đường đường,
 Nhưng ta dung dị in dưởng chúng dân.
 Càng uốn éo mười phân kiểu điệu,
 Càng đơn sai càng thiếu thiện căn.

2. *Đây ba bảo vật ta cầm,*
 Ta ôm, ta ấp bất phân thảng ngày.
 Một là từ ái với người,
 Hai là cần kiệm của trời chẳng khinh.
 Ba là chẳng dám ý mình,
 Không kên, không kiêu, không tranh hơn người.
 Có từ ái tức thời mới mạnh,
 Có chất chiu mới thịnh mới xương.
 Ở đời có biết nhún nhường,
 Mới mong địa vị hiển dương có ngày.

3. *Nay thiên hạ chỉ say dũng mãnh,*
 Quên nhân từ, ưa mạnh hơn người,
 Những ưa phóng dật thành thói,
 Xa bề cần kiệm sống đời xa hoa.
 Không nhường nhịn chỉ ưa tranh đấu.
 Thích hơn người là dấu bại vong,

4. *Nhân từ là mẹ thành công,*
 Hai đường tiến thủ tình ròn cả hai.
 Trời kia muốn vì ai bảo trợ,
 Đem nhân từ đến chở che cho.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử đề cao sự dung dị và ba nhân đức: Từ ái, tiết kiệm, khiêm cung.

Sự dung dị chính là ẩn tín của một tâm hồn cao siêu. Trung Dung cũng đã đề cao đời sống dung dị: «Cư dị dĩ sĩ mệnh.» 居易以俟命 (Trung Dung 中庸, chương 14).

Đời sống các vị giáo chủ vừa cao siêu vừa dung dị. Ví dụ đời sống Chúa Cơ Đốc chính là điển hình của sự dung dị.

Tiếp đến Lão tử khuyên ta nên từ ái 慈愛, tiết kiệm 節儉, khiêm cung 謙恭. Từ ái tức là thương yêu mọi người. Tiết kiệm tức là quý trọng tài vật của trời. Khiêm cung tức là quý trọng tha nhân.

Các vua chúa xưa cũng thường giữ ba nhân đức này:

– Về từ 慈, phương châm của thánh vương xưa là: «Hành nhất bất nghĩa, sát nhân bất cô nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã.» 行一不義,殺一人不辜而得天下皆不為也 (Làm một việc bất nghĩa, giết một kẻ vô tội để được thiên hạ, cũng không hề làm.)^[3]

– Về sự cần kiệm 勤儉, ta thấy gương tích của Minh thế tổ 明世祖 như sau:

Một hôm vua thấy một quan hoạn mang đôi giày mới mà chạy ngoài sân, vua nổi giận truyền chỉ đòi vào mà quở rằng: «Đôi giày tuy là vật mọn, xong cũng của quốc gia, mà của quốc gia là tiền thuế của dân dâng cấp cho quan quân chi dụng. Vả lại công làm đôi giày cũng lâu lắt, chẳng phải một ngày hay một buổi mà rồi? Lẽ nào người dám hủy của như vậy? Trẫm nghe nói vua Nguyên Thái tổ thấy quan hoạn đi giày mới mà quăng giày cũ, thì xử trượng mà quở rằng: Da chưa rách sao lại quăng đi, ấy là phí của quá lẽ! Trẫm rất khen lời ấy. Vì con người trong lúc còn khốn nạn nghèo nàn, nhờ cần kiệm mà khá, đến khi mới giàu sang lại sinh sự xài phí quá lẽ cho đến nỗi phải suy vi. Từ rày sắp sau, bá quan gần đi châu mà gặp trời mưa, thì được phép mặc áo đầu cũng đội nón, mang tời tùy ý.»^[4]

– Về sự khiêm cung 謙恭 giúp con người nên việc, chúng ta hẳn nhớ tích Lưu Bị ba lần đến thảo luận cầu Khổng Minh, nhờ vậy mới gây dựng được cơ đồ nhà Hán, chiếm Ba Thục cùng với Ngô, Ngụy, lập thành Tam Quốc.

Nếu bỏ Từ 慈, Kiệm 儉, Khiêm 謙 và theo con đường cậy mạnh tranh khôn, xa hoa phù phiếm, hống hách kiêu căng, chắc sẽ đi đến tử vong.

Cuối cùng, Lão tử lại lấy chữ Từ 慈 mà kết thúc chương. Mới hay lòng nhân từ khoan hậu là một đức tính hết sức cao quý vậy.

^[1] Có sách viết: Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại 天下皆謂我道大 (bản Vương Bật).

^[2] Léon Wiegier dịch câu này như sau: Tout le monde sait, au contraire, combien ceux qui posent pour nobles, sont hommes de mince valeur.

^[3] Mạnh tử, Công tôn Sửu, chương cú thượng.

^[4] Xem Đại Minh Hồng Vũ 大明洪武. Thanh Phong dịch, tr. 285.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 68

PHỐI THIÊN

配天

Hán văn:

善為士者不武. 善戰者不怒. 善勝敵者不與. 善用人者為之下. 是謂不爭之德. 是謂用人之力. 是謂配天, 古之極.

Phiên âm:

1. Thiện vi sĩ giả bất vũ. Thiện chiến giả bất nộ. Thiện thắng địch giả bất dữ. [1]
2. Thiện dụng nhân giả vi chi hạ. Thị vị bất tranh chi đức. Thị vị dụng nhân chi lực. Thị vị phối Thiên, cổ chi cực. [2]

Dịch xuôi:

1. Tướng giỏi không dùng vũ lực. Người chiến đấu giỏi không giận dữ. Người khéo thắng không giao tranh với địch.
2. Khéo dùng người là hạ mình ở dưới người. Thế gọi là cái đức của không tranh. Thế là dùng sức người. Thế là kết hợp với Trời, cực điểm của người xưa.

Dịch thơ:

1. Khéo cai trị không cần uy vũ,
Chiến trận tài không cứ căm hờn.
Thắng người đâu tại tranh hơn,
2. Dùng người khéo chỗ biết tôn trọng người.

Thế là chẳng ganh tài vẫn thắng,
 Thế là khiêm mà vẫn trị người
 Thế là kết hợp với Trời,
 Thế là diệu pháp của người đời xưa.

BÌNH GIẢNG

Mọi người thường lấy binh pháp 兵法 để giải chương này.

Nếu lấy binh pháp mà giải, thì ta thấy Khổng Minh xưa chỉ dùng có ba tactic lười mà đã thuyết phục được Tôn Quyền, Chu Du chống lại Tào Tháo. Chỉ dùng mưu lược mà đã lập nên trận hỏa công phá hạ 100 vạn quân Tào trên sông Xích Bích; thế là giỏi đánh giặc không cần vũ lực, giỏi thắng giặc chẳng cần đích thân giao phong với giặc.

Hà Thượng Công dùng đạo pháp 道法 để giải chương này. Đại khái: Người quý đạo đức không cần vũ lực. Người dùng đạo để chiến thắng, ngăn chặn người tà ngụy khi chúng mới hiện ra nơi tâm, tuyệt họa hại ngay từ khi chúng chưa mầm mống. Chẳng cần gì phải lôi đình thịnh nộ giết chóc ra uy.

Muốn thắng người hãy thắng bằng lòng nhân đức, dùng tình thương mến liên kết với người gần mình, thế là chẳng cùng người giao tranh mà người vẫn phục.

Đối với mọi người mình một dạ khiêm cung, biết cách khai thác điều khiển khả năng từng người, biết phối hợp khả năng mọi người theo một chiều hướng xây dựng.

Nếu làm được như vậy tức là đức độ phối kết với Trời, và đó cũng là yếu đạo của người xưa.

Suy cho cùng, thì chương này xác định thái độ của thánh nhân. Nên đi chiều thuận của trời đất, nhân sinh, hay nên đi chiều nghịch? Và trả lời dĩ nhiên là nên đi chiều thuận.

Chiều thuận là chiều sinh, là chiều yêu thương, hòa hài, thông cảm cộng tác. Chiều nghịch là chiều khắc, là chiều chống đối, hận thù, đấu tranh, phá hoại.

Mà người xưa đã nói:

Thuận giả xương 順者昌 (thuận thì hay)

Nghịch giả ương 逆者殃 (nghịch thì hại).

Thuận cảnh, thuận nhân, thuận thời, thuận thế, thuận tuổi tác, tùy trình độ mình, người mà xử sự sẽ đem lại nhiều kết quả mà lại ít tổn sức. Đó chính là định luật: Cố gắng tối thiểu (loi du minimum d'effort).

Tìm ra được những định luật chi phối hoàn vũ và nhân sinh, tìm ra được những định luật chi phối sự tiến triển của hoàn vũ và nhân sinh, rồi ung dung mà tiến bước, tức là sống hờn nhiên, tự tại.

Mà hờn nhiên tự tại tức là Thời Trung 時中, lúc nào cũng sống một đời sống lý tưởng, lúc nào cũng sống theo luật Trời, phối kết với Trời, thế là đạo cao diệu nhất từ xưa tới nay vậy.

Riêng tôi, tôi rất chú trọng đến câu Thị vị phối Thiên, cổ chi cực 是謂配天古之極 của Lão tử, vì câu này chúng ta biết đâu là tinh hoa của đạo giáo từ thượng cổ tới nay.

Tinh hoa ấy, chỗ cao siêu nhất mà con người có thể đạt được về phương diện đạo giáo, chính là: Sống phối kết với Trời (Phối Thiên 配天). Phật giáo, Ấn giáo gọi thế là Nirvana (Niết Bàn) mà Nirvana theo từ nguyên chính là: «Diệt hết mọi hình tướng; Phối kết với Thượng đế.» [3]

Trung dung gọi thế là Phối Thiên 配天. Công giáo gọi thế là Sống Hợp Nhất với Thượng đế. [4] Bất kỳ theo tôn giáo nào, mà thực hiện được hai chữ Phối Thiên tức là đạt Đạo vậy.

[1] Bất dữ 不與: Bất dữ địch tranh nhi địch tự phục 不與敵爭而敵自服 (Hà Thượng Công).

[2] Thị vị phối Thiên cổ chi cực. 是謂配天古之極.

(1) Hà Thượng Công giải: Đó là đức hợp với Trời. Đó là Đạo cực cần yếu của người xưa. (Dĩ đức phối Thiên... Thị nãi cổ chi cực yếu đạo dã 以德配天... 是乃古之極要道也).

(2) Bản của Lưu Tư, bản của Du Việt: Thị vị phối Thiên chi cực 是謂配天之極.

(3) Bản của Mã Kỳ Sưởng: Thị vị phối Thiên cực 是謂配天極 (Đó là hợp với chỗ cùng cực của Đạo Trời.)

[3] Xem Soderblom Nathan, La vie future d'après le Mazdéisme (Ernest Leroux éditeurs, 28 Rue Bonaparte, Paris 1901), đoạn nói về Nirvana.

[4] Comme toi, Père, tu es en moi et moi en toi, qu'eux aussi soient un en nous. Jean 17, 21.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 69

HUYỀN DỤNG

玄用

Hán văn:

用兵有言, 吾不敢為主, 而為客. 不敢進寸而退尺. 是謂行無行, 攘無臂, 扔無敵, 執無兵. 禍莫大於輕敵, 輕敵幾喪吾寶. 故抗兵相加. 哀者勝矣.

Phiên âm:

1. Dụng binh hữu ngôn, ngô bất cảm vi chủ, nhi vi khách. Bất cảm tiến thốn nhi thoái xích.
2. Thị vị hành vô hành, nhượng [1] vô tí, [2] nhưng [3] vô địch, chấp vô binh.
3. Họa mạc đại ư khinh địch, khinh địch cơ táng ngô bảo. Cố kháng binh tương gia. Ai giả thắng hĩ.

Dịch xuôi:

1. Dụng binh có câu: Thà làm khách hơn làm chủ. Chẳng dám tiến một tấc, mà lui một thước.
2. Cho nên thánh nhân chẳng đi mà vẫn đi, đuổi mà không dùng tay, bắt mà không đối địch, cầm giữ mà không binh khí.
3. Không họa nào lớn bằng khinh địch, khinh địch là mất của báu, cho nên khi giao binh, người nào thận trọng từ nhân sẽ thắng.

Dịch thơ:

1. Dùng binh xưa đã có lời,
Thà ngôi tân khách, hơn ngôi chủ nhà.
Tiến lên một tấc rầy rà,

Thà lùi một thước vẫn là phần hơn.

2. Chẳng đi mà vẫn tiến luôn,
Khoanh tay mà vẫn đẩy muôn địch thù.

Thắng người chẳng cứ đôi co,
Chẳng cần binh lực vẫn thừa quyền uy.

3. Hại thay những thói khinh khi,
Càng khinh địch lắm càng nguy cơ nhiều.

Rồi ra xơ xác đến điều,
Bao nhiêu bảo vật ngọn triều trôi xuôi.

Nên khi đụng độ tranh tài,
Người nào thận trọng là người sẽ hơn.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử đề cập binh pháp.

Đại khái chương này có bốn ý chính:

1. Không được gây chiến, chỉ nên ứng chiến.
2. Khi cầm quân phải lo bảo toàn lực lượng mình, mặc dù phải lui.
3. Có nhiều cách khác để thắng trận (như ngoại giao, chính trị, tuyên truyền); chẳng nhất thiết phải dùng binh lực đụng độ mới có thể thắng trận.
4. Lúc ra quân chẳng nên khinh địch.

Có nhiều nhà bình giải cho rằng chương này là của người sau thêm vào. Theo tôi, Lão tử vẫn có thể phát biểu ý kiến về chiến tranh, vì chiến tranh vẫn là một khía cạnh xưa nay của con người.

1. Không nên gây chiến, chỉ nên ứng chiến

Người gây chiến gọi là chủ. Kẻ ứng chiến gọi là khách. Con người không nên gây chiến đem tang tóc lại cho nhân quần, nhưng nhiều khi cần phải ứng chiến để «thể thiên hành đạo», «thảo tội, an dân». Gây chiến là nghịch Thiên, còn ứng chiến chính là thuận Thiên.

2. Khi cầm quân phải lo bảo toàn lực lượng mình, mặc dù phải lui

Đọc lịch sử các danh tướng chỉ đánh khi mạnh, còn lui khi yếu. Bái Công, theo kế sách của Trương Lương, luôn luôn tỏ ra nhũn nhặn, nhún nhường, luôn luôn lui trước Hạng Võ, khi biết mình chưa đủ tài kháng cự. Nhưng khi đã thu phục được Hàn Tín rồi, mới bắt đầu phản công, bắt đầu tung hoành, để thu phục giang sơn.

3. Có nhiều cách để thắng trận (như ngoại giao, chính trị, tuyên truyền); chẳng nhất thiết phải dùng binh lực mới thắng trận.

Tư Mã Ý đã dùng cách án binh bất động, tránh né mọi cuộc đụng độ với binh tướng Khổng Minh, lại khéo mua chuộc lòng hoạn quan Ba Thục, gây hoang mang chia rẽ giữa vui tôi Ba Thục, mà rút cuộc đã thắng được Khổng Minh.

4. Lúc ra quân chẳng nên khinh địch.

Tào Tháo chính vì khinh địch nên đã thua trận Xích Bích. Bàng Quyên chính vì khinh địch nên đã bị

Tôn Tần giết ở gò Mã Lăng. [4] Triệu Quát vì khinh địch nên đã bị tướng Tần là Bạch Khởi tiêu diệt cùng với 450. 000 quân Triệu. [5]

[1] Nhưng 攘: bắt lấy; đẩy ra; đuổi đi được.

[2] Tí 臂 (tý): tay.

[3] Nhưng: cầm, bắt. Có sách viết là 仍, có sách viết là 扔.

[4] Xem Đông Châu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, tr. 1056.

[5] Xem Đông Châu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, tr. 1168.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 70

TRI NAN

知難

Hán văn:

吾言甚易知, 甚易行. 天下莫能知, 莫能行. 言有宗, 事有君. 夫唯無知, 是以我不知. 知我者希, 則我者貴. 是以聖人被褐而懷玉.

Phiên âm:

1. Ngôn ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.
2. Ngôn hữu tông, sự hữu quân.
3. Phù duy vô tri, thị dĩ ngã bất tri. Tri ngã giả Hi, tắc ngã giả quý. Thị dĩ thánh nhân, bị hạt [\[1\]](#) hoài ngọc.

Dịch xuôi:

1. Lời ta rất dễ biết, rất dễ làm. Thiên hạ chẳng biết chẳng làm.
2. Lời ta có duyên do, việc ta có mấu chốt.
3. Thiên hạ không biết thế, nên không hiểu ta. Ít người hiểu ta, nên ta mới quý. [\[2\]](#) Cho nên thánh nhân mặc áo vải mà chứa ngọc.

Dịch thơ:

1. Lời ta dễ biết dễ làm,
Nhưng mà thiên hạ chẳng am, chẳng tường.
2. Lời ta nói có chủ trương,

Việc ta vốn có lối đường chốt then.

3. Nhưng mà tục tử ngu hèn,

Hiếu ta chẳng nổi chuyện xem thường tình.

Hiếu ta mấy bậc tinh anh,

Ít người hiếu nổi nên danh càng lừng.

Xưa nay những bậc thánh nhân,

Ngọc tàng dưới lớp áo quần xác xơ.

BÌNH GIẢNG

Lão tử đã nói đúng: Lời ngài rất dễ biết, dễ làm.

1. Dễ biết, vì ngài chủ trương:

a. Dưới cái ta vô thường vô định, còn có Đạo thể duy nhất bất biến, nguồn sinh ra ta cũng như vũ trụ. Đó là bản thể hằng cửu, là nguyên lý, là căn cơ sinh ra vạn hữu. Ngài mệnh danh đó là Đạo.

b. Đời sống của chúng ta cốt là để thực hiện, cốt là liễu đạt cái chân lý, đồng thời cũng là cái bản thể vĩnh cửu ấy của ta.

2. Dễ làm vì ngài chủ trương:

a. Muốn thực hiện công trình này, không cần phải đi đâu xa xôi, nhưng mà có thể ngồi ngay tại nhà, với cửa đóng then cài.

b. Đời sống đạo hạnh cao siêu nhất chính là một đời sống giản dị, khiêm cung, thuận theo các định luật tự nhiên của trời đất, và nhân sinh lý tưởng. Thiên hạ vì cho rằng Đạo, Trời ở ngoài ta, hay ở trên ta, nên không tìm ra được đầu mối cũng như cùng đích của cuộc sống; không tìm ra được duyên do đã sinh ra kiếp phù sinh, cũng như không tìm ra được cùng đích và đường lối để quay về với căn nguyên vĩnh cửu ấy. [3]

Chính vì ít người hiếu, mà Lão tử càng có một địa vị cao siêu. Cuối cùng Lão tử cho rằng thánh nhân là những người mang đầy châu ngọc trong người. Mang châu ngọc trong người, vì mang Đạo trong người, vì đã trở nên một với Bản thể của vũ trụ.

[1] Bị hạt 被褐: mặc áo vải thô.

[2] Cũng có thể dịch: Kẻ bắt chước ta thời quý.

[3] Đức Khổng cũng than đời chẳng biết ngài: Tử viết: mạc ngã tri dã phù. 子曰莫我知也夫. Xem Luận Ngữ 論語, Hiến Vấn 憲問 thiên 14, chương 37.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 71

TRI BỆNH

知 病

Hán văn:

知不知上, 不知知病. 夫唯病病, 是以不病. 聖人不病, 以其病病, 是以不病.

Phiên âm:

1. Tri bất tri thượng, bất tri tri bệnh. ^[1]
2. Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.
3. Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Dịch xuôi:

1. Biết điều không biết là cao. Không biết điều đáng biết là bệnh.
2. Biết sợ bệnh, thì không bệnh.
3. Thánh nhân không bệnh, vì biết sợ bệnh, thế nên không bệnh.

Dịch thơ:

1. Biết điều không biết mới cao,
Mờ điều đáng biết lẽ nào chẳng đau.
2. Bệnh nản mà biết lo âu,
Rồi ra mới được trước sau khang cường.
3. Thánh nhân bệnh hoạn chẳng vương,
Vì hay phòng bệnh, nên thường khang an.

BÌNH GIẢNG

1. Người đời thường biết đủ mọi chuyện tạp nhạp mà lại không biết chuyện quan thiết nhất của đời mình; chuyện quan thiết đó là:

a. Bản thể mình đồng nhất với bản thể thần minh, với Đạo với Lý Chân thường vĩnh cửu.

b. Mình có thể trở nên cao đại vô cùng vô tận, nếu thực hiện được Đạo, nếu liễu đạt được Căn nguyên bản thể.

Điều đáng biết ấy mà không biết thời thực là tai hại hết sức.

Ngoài ra, nếu chúng ta biết vệ sinh, biết phòng bệnh, thì chúng ta cũng có thể sống một đời sống khỏe mạnh hẳn hoi.

Đã đành đời sống chúng ta chịu ảnh hưởng của di truyền (détermination génotypique), nhưng nó cũng chịu ảnh hưởng lớn của sự điều động, của hành vi chúng ta (détermination phénotypique). Đó là một điều mà lẽ phải cũng như khoa học ngày nay đã công nhận.

Hiểu lẽ ấy chúng ta sẽ hằng hái [2] tạo cho mình một đời sống càng ngày càng hoàn hảo hơn.

[1] Dịch được hai cách:

(1) Biết điều không biết mới cao. Không biết điều đáng biết ấy là bệnh.

(2) Biết mà như không biết mới cao. Không biết mà làm như biết là bệnh.

Xem Luận ngữ 論語, Vi chính 為政, thiên 2, chương 17: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã. 知之為知之, 不知為不知, 是知也.

[2] À la détermination génotypique des caractéristiques de l'être humain s'ajoute encore la détermination «phénotypique». Il faut entendre par là les particularités physiologiques qu'il n'a pas héritées, mais que le développement vital individuel lui a fait acquérir.

Dr. I Klug, Les Profondeurs de l'Âme, Éditions Salvator Mulhouse (Haut Rhin), 1951, p. 26.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 72

ÁI KỶ

愛己

Hán văn:

民不畏威, 則大威至. 無狎其所居, 無厭其所生. 夫唯不厭, 是以不厭. 是以聖人自知不自見, 自愛不自貴. 故去彼取此.

Phiên âm:

1. Dân bất [\[1\]](#) úy uy, tắc đại uy chí.
2. Vô hiệp [\[2\]](#) kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh. Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm.
3. Thị dĩ thánh nhân, tự tri bất tự kiến, tự ái bất tự quý. Cố khứ bỉ, thủ thử. [\[3\]](#)

Dịch xuôi:

1. Dân mà không sợ cái đáng sợ, tất cái sợ lớn sẽ đến.
2. Đừng khinh chỗ mình ở, đừng chán đời sống mình. Vì không chê nên không chán.
3. Cho nên thánh nhân biết mình, và không cầu người biết, yêu mình mà không cần người trọng. Cho nên bỏ cái kia giữ cái này.

Dịch thơ:

1. Những người chẳng sợ chẳng kinh,
Có ngày sẽ phải tan tành xác ve.
2. Cửa nhà chật hẹp chẳng chê,
Cuộc đời đáng sống chớ nề hà chi.

Chẳng chê cũng chẳng khinh khi,
Cho nên vui sống, còn gì hay hơn.

3. Cho nên phàm đáng thánh nhân,
Trọng mình nhưng chẳng tranh khôn với người.
Yêu mình nhưng chẳng đua đòi,
Chẳng cần danh giá, chẳng đòi tiếng tăm.
Nguồn cơn rõ lẽ biến hằng,
Biết buông cái dở, biết cầm cái hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại đề cập ba vấn đề:

1. Nên cẩn trọng, đề phòng hiểm họa.
2. Đừng khinh chê hoàn cảnh hiện tại của mình.
3. Hãy tự trọng nhưng không cầu danh; tự ái nhưng không cầu tha nhân tôn trọng, quý hóa mình.

1. Nên cẩn trọng đề phòng hiểm họa.

Đó là một bài học khôn ngoan tối thiểu. Luận Ngữ cũng nói: «Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.» 人無遠慮必有近憂 (Người không lo xa, tất sẽ có cái buồn gần.) [4]

Câu «Cư an, tư nguy» 居安思危 ngày nay cũng trở thành phương châm hoạt động.

Dịch Kinh nơi quẻ Khôn và quẻ Bĩ cũng đã nhiều lần dạy người bài học nói trên. [5]

2. Đừng khinh chê hoàn cảnh hiện tại của mình.

Nghèo không khổ, khổ vì mình nghèo mới là khổ. Đức Khổng cũng nói: «Phạn sơ tự ẩm thủy, khúc quăng nhi chấm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân.» 飯疏食飲水, 曲肱而枕之, 樂亦在其中矣. 不義而富且貴, 於我如浮雲 (Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu, vẫn thấy vui. Bất nghĩa mà phú quý, thì ta coi như mây nổi.) [6]

3. Hãy tự trọng nhưng không cầu danh, tự ái nhưng không cầu tha nhân tôn trọng quý hóa mình.

Âu Châu thường dạy rằng con người đạo đức phải khinh miệt mình, ghét bỏ mình, phải đi vào con đường vong thân (aliénation) cho xã hội.

Á Châu, trái lại, dạy rằng con người đạo đức phải tự trọng, tự ái, phải tự do, tự chủ.

Khổng tử cũng nói: «Này một con người tự khinh khi mình trước, rồi kẻ khác mới khinh khi mình. Một nhà tự hủy hoại mình trước, rồi kẻ khác mới hủy hoại nhà mình.» [7]

Thiên Thái Giáp 太甲 trong Kinh Thư có chép: «Những tai ách do Trời làm ra, mình còn tránh được. Những tai ách tự mình gây nên, thì mình phải chết.» [8]

Mới hay «Linh tại ngã, bất linh tại ngã.» 靈在我不靈在我. Cho nên thánh nhân nhận chân được giá trị nội tại của mình.

Tự trọng vì biết trong lòng mình có Trời, có Đạo.

Tự ái vì biết mình sinh ra đời để thực hiện một sứ mệnh tối cao đại là tiến tới tinh hoa hoàn thiện.

Tuy nhiên không cầu danh tranh lợi, không khoe hay khoe giỏi với người. Miễn là lương tâm mình

chứng giám cho hành vi mình, như vậy đã là đủ.

Trung Dung viết: «Đến như xa lánh thế tục, chẳng ai thấy biết mình, thế mà mình không buồn, duy có bậc thánh nhân mới làm như vậy được.» [9]

Cho nên thánh nhân khứ bỉ, thủ thử 去彼守此. Khứ bỉ là bỏ danh lợi phù phiếm bên ngoài. Thủ thử là giữ chân giá trị bên trong của mình.

[1] Có sách viết: Dân chi úy uy 民之畏威.

[2] Hiệp 狎: khinh thường.

[3] Wieger dịch: Le sage connaît sa valeur, mais ne se montre pas n'éprouve pas le besoin d'exhiber sa valeur). Il s'aime mais ne cherche pas à se faire estimer. Il discerne, adoptant ceci et rejetant cela (d'après les lumières de sa sagesse).

[4] Luận Ngữ, Vệ Linh Công 衛靈公, thiên 15, chương 11.

[5] Xem Văn ngôn quẻ Khôn và Hệ từ Hạ chương V, Bình giải Hào cửu ngũ, quẻ Bĩ.

[6] Luận Ngữ. Thuật Nhi 述而 thiên 7, chương 15. Xem thêm Trung Dung, chương 14.

[7] Phù, nhân tất tự vũ, nhiên hậu nhân vũ chi. Gia tất tự hỷ, nhi hậu nhân hỷ chi. Quốc tất tự phạt, nhi hậu nhân phạt chi. 夫人必自侮然後人侮之家必自毀而後人毀之國必自伐而後人伐之 Mạnh tử, Ly Lâu thượng, 8.

[8] Thái giáp viết: Thiên tác nghịệt, do khả vi; tự tác nghịệt, bất khả hoạt 太甲曰天作孽猶可違自作孽不可活 Mạnh tử, Ly Lâu thượng, 8.

[9] Độn thể bất kiến tri nhi bất hối, duy thánh giả năng chi. 遯世不見知而不悔, 唯聖者能之 Trung Dung, chương 11.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 73

NHIỆM VI

任為

Hán văn:

勇於敢則殺. 勇於不敢則活. 此兩者或利或害. 天之所惡, 孰知其故. 是以聖人猶難之. 天之道不爭而善勝, 不言而善應, 不召而自來, 坦然而善謀. 天網恢恢, 疏而不失.

Phiên âm:

1. Dũng ư cảm tắc sát. Dũng ư bất cảm tắc hoạt. Thử lưỡng giả hoặc lợi hoặc hại.
2. Thiên chi sở ố, thực tri kỳ cố. Thệ dĩ thánh nhân do nan chi.
3. Thiên chi đạo bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai, thần nhiên ^[1] nhi thiện mưu.
4. Thiên võng khô khô, sơ nhi bất thất.

Dịch xuôi:

1. Mạnh bạo dám làm là chết, mạnh bạo chẳng dám làm là sống. Hai cái đó, hoặc lợi hoặc hại.
2. Cái mà Trời ghét, ai mà biết được căn do, thánh nhân còn lấy làm khó nữa là.
3. Đạo Trời không tranh mà thành, không nói, mà người hưởng ứng, không mời mà người tự tới, nhẹ nhàng mà công việc vẫn xong xuôi.
4. Lưới Trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt.

Dịch thơ:

1. Can trường chẳng phải liều thân,
Bằng hà bạo hổ có lần mạng vong.
Can trường một dạ nấu nung,
Nấu nung chí lớn, mới mong sinh tồn.
Hai đường một mất một còn,
Cùng là dũng cảm, thiệt hơn khác vơi.
2. Những điều chẳng hợp ý Trời,
Mấy người hiểu được khúc nhôi vân mòng.
Đến ngay những bậc thánh nhân,
Cũng còn cảm thấy khó khăn lạ.
3. *Trời xanh đường lối cao xa,*
Không cần tranh chấp thế mà thắng luôn.
Không cần biện bác thiệt hơn,
Thế mà đây đó vẫn thường nghe theo.
Không mời thiên hạ tới đều,
Thung dung mà vẫn muôn chiều thành công.
Lưới trời lồng lộng mịt mùng,
Tuy thưa mà chẳng chi từng lọt qua.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử bàn:

1. Thế nào là dũng cảm chân thực
2. Thế nào là hung họa
3. Thế nào là đường lối Trời
4. Cách Trời thưởng phạt

1. Thế nào là dũng cảm chân thực?

Dũng cảm chân thực, theo Lão tử, không phải là lao đầu vào hiểm nguy, mà chính là biết tránh hiểm nguy, biết thực hiện sứ mạng của mình.

Các thánh hiền xưa nay đều dạy như vậy.

Tử Lộ hỏi Khổng tử: «Nhuê Thầy đem ba quân ra trận Thầy sẽ chọn ai giúp Thầy?». Đức Khổng đáp: «Nhuê kẻ tay không bắt hổ, chân không mà lội qua sông, chết không hối tiếc thì ta chẳng cho theo. Ta chỉ chọn kẻ vào việc mà biết lo sợ, dè dặt, biết lo tính cho được thành công.» [\[2\]](#)

2. Thế nào là hung họa?

Nói cách khác Trời ghét cái gì? Trời ghét những con người đi sai định luật thiên nhiên. Mà định luật thiên nhiên chung qui chỉ muốn cho ta:

- Thích ứng với hoàn cảnh

- Phát huy các đức tính tiềm ẩn nơi ta.
- Tiến tới tinh hoa cao đại.

Cho nên dĩ nhiên Trời ghét sự ù lì, sự ương hèn, thiếu nỗ lực, những gì làm giảm giá trị con người, giảm tự do con người giảm hạnh phúc con người, ngăn chặn không cho con người sống một cuộc đời toàn diện, toàn bích.

3. Thế nào là đường lối của Trời.

Đường lối của Trời là đường lối của sự công chính, của lẽ phải. Vì thế cho nên, nếu con người sống theo lẽ phải, sống theo lẽ công chính, thì tự nhiên mọi người sẽ phục mình.

Dịch Kinh viết:

«Dạy rằng quân tử trên đời,
Ngồi nhà nói phải muôn người vẫn theo.
Dặm nghìn còn phải hướng chiều,

Thời trong gang tấc đâu điều lần khân.» [3]

4. Trời thường phạt ra sao?

Trời thường phạt một cách tự nhiên bằng định luật nhân quả. Hoạt động hay hèn trên bình diện nào, thì kết quả sẽ báo ứng trên bình diện ấy.

Hoạt động hay, đúng sẽ đem lại thành công, sẽ làm cho mình sung sướng, sẽ không trái với lương tâm, sẽ được mọi người tán thưởng. Hoạt động dở sai, sẽ đem lại thất bại, sẽ làm cho mình khổ sở, sẽ bị lương tâm cắn rứt, sẽ bị mọi người chê trách.

Hoạt động hay trên bình diện xã hội, sẽ làm cho xã hội tiến bộ, đoàn kết, sung sướng. Hoạt động dở trên bình diện xã hội sẽ làm cho xã hội thoái hóa, chia ly, khốn nạn.

Hoạt động hay trên bình diện cá nhân sẽ làm cho con người tiến bộ, phát triển, hạnh phúc. Hoạt động dở trên bình diện cá nhân sẽ làm cho con người thoái hóa, trụy lạc, sầu bi, thống khổ, v.v.

Người xưa đã nói: «Chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu. Thiên võng khô khô sơ nhi bất lậu.» 種瓜得瓜, 種豆得豆. 天網恢恢, 疏而不漏. [4]

Upanishad Yajnavalkya viết: «Tùy như cách mình làm sao, cách mình cư xử làm sao, mình sẽ trở nên vậy. Người làm lành trở nên lành, người làm dữ trở nên dữ. Mình trở nên nhân đức do hành động nhân đức, trở nên xấu xa do hành động xấu xa. Có người cho rằng mỗi người tùy thuộc ý muốn mình. Muốn sao, sẽ định vậy; làm sao, sẽ được vậy.» [5]

[1] Có sách viết là xiển nhiên 繡然.

[2] Tử Lộ viết: «Hành tam quân, tặc thù dĩ dữ.» Tử viết: «Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã, lâm sự nhi cụ, háo mưu nhi thành giả dã. 子路曰行三軍, 則誰與子曰暴虎馮河, 死而無悔也. 必也臨事而懼好謀而成者也 Luận Ngữ 論語, Thuật Nhi 述而 chương 7, câu 10.

– Bạo hổ bằng hà: tay không bắt cộp là bạo hổ, chân không lội qua sông lớn là bằng hà. Bằng hà (không đọc là phùng hà) đầu tiên xuất hiện ở Kinh Dịch (quẻ Thái 泰, hào cửu nhị) và Kinh Thi (Tiểu Nhã 小雅, Tiểu Mân 小旻). Bạo hổ xuất hiện ở Kinh Thi (Trịnh Phong 鄭風, Tiểu Nhã 小雅, Tiểu Mân 小旻). Như vậy Bạo hổ bằng hà là một tục ngữ đã xuất hiện rất sớm, hà nguyên là ám chỉ Hoàng

Hà 黃河, về sau phiếm chỉ sông nước. (chú thích của Dương Bá Tuấn 楊伯峻, Luận Ngữ Dịch Chú 論語譯注, tr. 74.)

- [3] Tử viết: Cư kỳ thất. Xuất kỳ ngôn thiện. Tắc thiên lý chi ngoại ứng chi. Huống kỳ nhĩ giả hồ. Cư kỳ thất. Xuất kỳ ngôn bất thiện. Tắc thiên lý chi ngoại vi chi. Huống kỳ nhĩ giả hồ. 子曰居其室出其言善則千里之外應之況其邇者乎居其室出其言不善則千里之外違之況其邇者乎.

Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn 易經大全, tập III (Hạ Kinh), Hệ từ thượng, chương 8, tr. 455. Bình giải hào cửu nhị quẻ Trung Phu 中孚.

- [4] Xem thêm Cựu Ước: Cựu Ước theo Maisen cho rằng: Tội một người có thể truyền tới ba đời (Cf. Exode 20: 5). Nhưng theo Jérémie và Ezéchiel thì ai làm tội, nấy chịu phạt mà thôi. Xem Jérémie XXX, 29-30, Ezéchiel, 18, 2.

- [5] According as one acts, according as one behaves, so does he becomes. The doer of good becomes good, the doer of evil becomes evil. One becomes virtuous by virtuous action, bad by bad action.

Others, however, say that a person consists of desire. As is his desire, so is his will; as is his will, so is the deed he does; whatever deed he does, that he attains.

SGF. Brandon, Man and his Destiny, p. 320.

Brh. Up. IV, 4,5, transl. Radhakrishnan, p. 273. Cf. R-G Lesebuch (K. F. Geldner) p. 199. Hume, p. 140.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 74

CHẾ HOẶC

制惑

Hán văn:

民不畏死, 奈何以死懼之? 若使民常畏死, 而為奇者, 吾得執而殺之, 孰敢. 常有司殺者殺. 夫代司殺者殺, 是謂代大匠斲. 夫代大匠斲者, 希有不傷其手矣.

Phiên âm:

1. Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi? Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thực cảm.
2. Thường hữu tư sát giả sát.
3. Phù đại tư sát giả sát. Thị vị đại đại tượng trắc.^[1] Phù đại đại tượng trắc giả, hi hữu bất thương kỳ thủ hĩ.^[2]

Dịch xuôi:

1. Khi dân không sợ chết, làm sao lấy cái chết làm cho họ sợ được.
2. Nếu khiến được dân sợ chết, mà bắt kẻ phạm pháp giết đi, thì còn ai dám phạm pháp nữa.
3. Thường có đấng Tư sát, có quyền giết người.
4. Nay ta lại thay Ngài mà giết, thì có khác nào muốn đeo gổ thay thợ mộc đâu? Muốn thay thợ mà đeo gổ, khó mà thoát bị thương tật.

Dịch thơ:

1. Nếu dân chẳng quản tàn thân,

Thời đem cái chết dọa dân ích gì ?

2. Nếu dân nghĩ chết mà e,

Giết người rông rở, răn đe mới toàn.

3. Từ sinh Trời đã lo toan,

4. Thay Trời giết lát để làm chi đây ?

Như rằng thợ đẽo chẳng hay,

Muốn thay thợ đẽo ra tay khoe tài.

Khoe tài rồi sẽ mang tai,

Trước sau âu chẳng thoát bài đứt tay.

BÌNH GIẢNG

Stanilas Julien bình giải chương này đại khái như sau.

Nếu chính quyền mà tàn bạo, những nhiều dân, dân sẽ hết muốn sống. Lúc ấy đem cái chết dọa dân mà có ích gì.

Nhược bằng chính quyền hân hoi, dân chúng sẽ được nhờ cậy, được sung sướng. Lúc ấy họ sẽ sợ chết.

Trong trường hợp ấy, nếu có những kẻ bất lương phạm pháp mà ta đem giết đi, để làm gương cho kẻ khác, chắc dân sẽ sợ không dám bắt chước kẻ ác làm cần nữa.

Quyền sinh sát là quyền của Trời. Ta không nên tiếm quyền Trời, mà mặc tình sinh sát.

Vua Minh Thái Tổ 明太祖 (tức Chu Nguyên Chương 朱元璋, tại vị 1368 -1398) bình về chương này như sau: «Từ khi lên ngôi, trăm cố công đi tìm cho ra đường lối cai trị của các bậc thánh vương xưa. Trăm hỏi han nhiều người, ai cũng tự phụ biết được cách trị dân của người xưa. Trăm đọc nhiều sách. Một hôm đọc được Đạo Đức kinh, Trăm thấy lời văn bình dị, ý tứ thâm trầm.

«Ít lâu sau đọc đến câu: ‘Khi dân không còn sợ chết, thì dọa giết dân có ăn thua gì?’ Lúc ấy giang sơn vừa mới chinh phục xong, dân chúng còn ngang ngược, quan quyền còn tham nhũng. Tuy mỗi buổi sáng có đến mười người bị chết chém, nhưng chiều đến vẫn có hàng trăm người bị bắt, vì đại tội. Như vậy chẳng đúng như lời Lão tử sao?

«Trăm liền thôi không cho chém người có tội nữa mà chỉ bắt họ tù đầy mà thôi. Không đầy một năm, lòng Trăm được bình an dần. Trăm mới nhận thấy quyển Đạo Đức kinh thực là hay, là căn bản vạn sự, là thầy dạy vua chúa và là kho báu của chúng dân.» [3]

Như vậy chương này đề cao đức hiếu sinh 好生 mà bất kỳ nhà cầm quyền nào cũng phải có.

[1] Trác 斲: đẽo.

[2] Hi 希: ít.

[3] Xem Stanislas Julien, La voie et la vertu, chương 74, lời bình.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 75

THAM TỐN

貪損

Hán văn:

民之飢, 以其上食稅之多, 是以飢. 民之難治, 以其上之有為, 是以難治. 民之輕死, 以其求生之厚, 是以輕死. 夫唯無以生為者是賢於貴生.

Phiên âm:

1. Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ.
2. Dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị.
3. Dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử.
4. Phù duy vô dĩ sinh vi giả thị hiền ư quý sinh.

Dịch xuôi:

1. Dân đói, là vì người trên thu thuế nhiều, nên dân mới đói.
2. Dân khó trị, là vì người trên dõ dỏi lời thôi, vì thế nên khó trị.
3. Dân coi thường cái chết, chính là vì muốn sống cho rồi rào hậu hĩ, nên mới khinh chết.
4. Người sống đơn sơ hay hơn người sống cầu kỳ.

Dịch thơ:

1. Vì đâu dân phải cơ hàn ?

Người trên sưu thuế đi bòn của dân.

Sưu cao dân mới phong trần,

Thuế cao dân mới kém ăn hao gầy.

2. Dân mà ngang ngạnh bài bầy,

Là vì đã bị quất quay quá nhiều.

Người trên sinh chuyện đến điều,

Cho nên dân mới đâm liều phá ngang.

3. Dân càng thích sống đàng hoàng,

Lại càng vong mạng dễ dàng như không.

4. Cho nên ai sống ung dung,

Hẳn là hơn kẻ lao lung tối ngày.

BÌNH GIẢNG

1. Ý tứ chương này thực rõ ràng.

Trước hết Lão tử cho rằng dân đói, dân khổ không phải tại vì dân lười biếng, mà chính vì bị người trên bóc lột bằng sưu thuế.

2. Nếu người trên không lấy đức trị dân, chỉ lấy quyền thế mà ức chế dân, lấy thủ đoạn mà thao túng, lũng đoạn dân, dân sẽ căm thù và sẽ trở nên rất khó trị.

3. Con người càng muốn xa hoa bao nhiêu, thì lại càng dễ liều thân táng mạng bấy nhiêu.

Tỳ bà hành đã có câu:

«Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,

商人重利輕別離

Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ.

前月浮梁買茶去

Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,

去來江口守空船

Nhiều thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.»

遠船明月江水寒

Phan Huy Vịnh dịch:

«Khách trọng lợi, khinh đường ly cách,

Mãi buôn chè sớm tếp ngàn khơi.

Thuyền không đỗ bến mặc ai,

Quanh thuyền trăng dỗi, nước trôi lạnh lùng.»

4. Cho nên sống giản dị không tham cầu, chính là lối sống hay ho nhất, an toàn nhất.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 76

GIỚI CƯỜNG

戒強

Hán văn:

人之生也柔弱, 其死也堅強. 萬物草木之生也柔脆, 其死也枯槁. 故堅強者死之徒, 柔弱生之徒. 是以兵強則不勝, 木強則折. 故堅強處下, 柔弱處上.

Phiên âm:

1. Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường.
2. Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu thúy [1] kỳ tử dã khô cảo. [2]
3. Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ.
4. Thị dĩ binh cường tắc bất thắng, mộc cường tắc chiết.
5. Cố kiên cường xử hạ, nhu nhược xử thượng.

Dịch xuôi:

1. Con người khi mới sinh thì mềm mại, mà khi chết thời cứng cõi.
2. Vạn vật cỏ cây, khi mới sinh thì mềm mại, đến khi chết thì khô héo.
3. Cho nên cứng cõi thời chết, mềm mại thời sống.
4. Cho nên binh mạnh sẽ không thắng, cây mạnh sẽ bị chặt.
5. Cho nên cứng cõi thời kém, mềm mại thời hơn.

Dịch thơ:

1. Mềm non là dấu sinh tồn,

Khô khan cứng cỏi là chôn xuống mồ.

2. *Kìa cây cỏ nhờn như mềm mại,*

Sống rạt rào thoải mái xanh tươi.

Rồi ra cứng ngọn khô chồi,

Xác xơ thô thể là rồi đời cây.

3. *Càng cứng cỏi càng hay táng mạng,*

Càng dịu dàng càng đáng nhiều sinh.

4. Cho nên chớ ngại hùng binh,

Hùng binh chưa chắc đã giành phần hơn.

Cây càng rắn, càng đòn càng gãy,

(Chịu búa rìu, biết mấy tang thương.)

5. *Phàm phu mới cứng, mới cương,*

Dịu dàng mới thực lối đường người trên.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử dạy chúng ta nên có thái độ dịu dàng uyển chuyển, chứ không nên có thái độ cứng cỏi, cố chấp. Cây cối có mềm mới non, mới rồi rạt sinh lực. Cây cối quắt queo, cứng rắn tức là đã cằn cỗi sắp chết.

Con người cũng vậy, trẻ thời mềm mại, già thời cứng cỏi. Áp dụng định luật này vào đời sống tâm thần, ta cũng thấy y thức như vậy. Cố chấp cứng cỏi là tiêu biểu những tâm hồn cằn cỗi thấp kém. Uyển chuyển, khéo léo, dịu dàng là tiêu biểu những tâm hồn cao thượng.

[1] Thúy 脆: yếu.

[2] Cảo 槁: khô.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 77

THIÊN ĐẠO

天道

Hán văn:

天之道, 其猶張弓與? 高者抑之, 下者舉之, 有餘者損之, 不足者補之. 天之道, 損有餘而補不足. 人之道則不然, 損不足以奉有餘. 孰能有餘以奉天下? 唯有道者. 是以聖人為而不恃. 功成而不處, 其不欲見賢.

Phiên âm:

1. Thiên chi Đạo, kỳ do trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi Đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc.

2. Nhân chi đạo tắc bất nhiên, tổn bất túc nhi phụng hữu dư. Thực năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ? Duy hữu đạo giả.

3. Thị dĩ thánh nhân, vi nhi bất thị. Công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiền.

Dịch xuôi:

1. Đạo Trời như dương cung. Cao thì ép xuống, thấp thì nâng lên. Thừa thì bớt đi, không đủ thì bù vào. Đạo Trời bớt dư bù thiếu.

2. Đạo người chẳng vậy, bớt thiếu bù dư. Ai đem chỗ dư bù đắp cho thiên hạ? Phải chăng chỉ có người có Đạo?

3. Cho nên thánh nhân làm mà không cậy công. Công thành không ở lại; không muốn ai thấy tài mình.

Dịch thơ:

1. Đạo Trời như thể dương cung,

Làm căng chỗ thấp, làm chùng chỗ cao.

Bớt thừa bù thiếu khéo sao,

Chỗ thêm chỗ bớt tơ hào chẳng sai.

2. Lối người ngược lại lối Trời,

Luôn bòn chỗ thiếu mang bồi chỗ dư.

Ấy ai biết lấy chỗ thừa,

Làm cho thiên hạ ấm no vẹn toàn.

Của thừa đem giúp thế gian,

Họa là đắc đạo siêu phàm mấy ai.

3. Cho nên hiền thánh trên đời,

Tuy làm mà chẳng có đòi công lao.

Công thành dạ chẳng tơ hào,

Chẳng mong tiếng cả ngôi cao cho mình.

BÌNH GIẢNG

Đường lối của Trời đất là: «Tồn hữu dư. Bỏ bớt tức.»

Chủ trương của Đạo Đức kinh cũng tương tự như chủ trương của kinh Dịch. Dịch kinh viết nơi Thoán truyện quẻ Khiêm:

«Trời làm vơi chốn dồi dào,

Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.

Đất soi mòn bớt cao phong,

Mà cho lòng biển lòng sông thêm đầy.

Quỉ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.» ^[1]

Thoán truyện quẻ Ích cũng viết:

«Ích là thêm dưới bớt trên,

Nhân dân vui vẻ, phỉ nguyện đòi nơi.

Hạ mình để phục vụ người,

Lối đường thế ấy, rạng ngời quang minh.» ^[2]

Cho nên thánh nhân phải bắt chước trời bớt chỗ thừa thêm chỗ thiếu, như vậy muôn dân sẽ an lạc.

^[1] Thoán viết: Khiêm, hanh. Thiên đạo hạ tế nhi quang minh. Địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm. 彖曰謙亨天道下濟而光明地道卑而上行天道虧盈而益謙地道變盈而流謙鬼神害盈而福謙 Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn 易經大全, tập II (Thượng Kinh), tr. 212.

^[2] Thoán viết: Ích. Tồn thượng ích hạ. Dân duyệt vô cương. Tự thượng há hạ. Kỳ đạo đại quang. 彖曰益

損上益下民說無疆自上下下其道大光 Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn tập III (Hạ Kinh), tr. 147.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 78

NHIỆM TÍN

任信

Hán văn:

天下莫柔弱於水,而功堅強者莫之能勝,以其無以易之.柔勝剛,弱勝強.天下莫不知,莫能行.是以聖人云:受國之垢,能為社稷主.受國不祥,能為天下王.正言若反.

Phiên âm:

1. Thiên hạ nhu nhược mạc quá ư thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng, kỳ vô dĩ dịch chi.

[1]

2. Nhu thắng cương, nhược thắng cường. Thiên hạ mạc bất tri, [2] mạc năng hành.

3. Thị dĩ thánh nhân vân: Thụ quốc chi cấu, năng vi xã tắc chủ. Thụ quốc bất tường, năng vi thiên hạ vương. Chính ngôn nhược phản.

Dịch xuôi:

1. Trong thiên hạ không gì mềm yếu hơn nước; thế mà nó lại công phá được tất cả những gì cứng rắn. Chẳng chi hơn nó, chẳng chi thay thế được nó.

2. Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh, thiên hạ ai cũng biết thế, mà chẳng ai làm được.

3. Cho nên thánh nhân nói: «Dám nhận lấy nhơ nhuốc của quốc gia, mới có thể làm chủ xã tắc, ai dám gánh chịu tai họa của quốc gia, mới có thể làm vua thiên hạ.» Lời này nghe trái tai.

Dịch thơ:

1. Nước kia mềm mại mấy mươi,

Mà chi cứng rắn cũng xoi cũng mòn.

Trần gian chi dám tranh hơn,

Trần gian chi dám tính toán thay vì.

2. *Mềm này lại thắng cứng kia,*

Yếu đua với khỏe, chiếm bề thượng phong.

Điều này ai cũng thuộc lòng,

Mà nào ai biết ra công thi hành.

3. Thánh nhân đã nói phân minh:

«Dám kham nhục nước âu dành để vương.

Giang vai gánh chuyện bất tường,

Cho dân cho nước, lý đương trị vì.»

Lời ngay nghe trái tai ghê.

BÌNH GIẢNG

Hà Thượng Công gọi chương này là Nhiệm tín. James Legge dịch là «Điều nên tin».

Điều nên tin là điều gì? Là Bạo lực không bao giờ gây ảnh hưởng lâu dài, bền bỉ, mà trái lại chỉ có sự khéo léo mềm mại mới chinh phục được lòng người.

Thiên nhiên đã chứng minh điều đó. Nước là cái gì mềm yếu nhất, uyển chuyển nhất mà thực ra đã xoi mòn được núi non, đã làm tan rã được sắt đá. Lão tử ưa thích sánh thánh nhân với làn nước (xem lại các chương 8, và 66 v. v.) và nhân đó cho rằng khiêm cung, từ tốn nhưng kiên nhẫn, bền bỉ sẽ đem tới một thành công vững vàng.

Lão tử cũng đã nhiều lần đề cao sự mềm mại, uyển chuyển và cho rằng đây mới là bí quyết để thủ thắng (xem lại các chương 36, 58, 76, v. v.)

Có lẽ các môn võ thuật của Á Đông sau này như nhu thuật 柔術 (Jujutsu), nhẫn thuật 忍術 (Ninjutsu); nhu đạo 柔道 (Judo) cũng đã chịu ảnh hưởng của Lão tử.

Khảo lịch sử ta đã thấy Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ, Hốt Tất Liệt không phải là những người làm chủ thiên hạ muôn đời; mà những người làm chủ thiên hạ muôn đời là những Thích Ca, Jesus, Lão tử, Khổng tử. Tất cả những vị giáo chủ này đều chủ trương từ bi, hỉ xả, «thành nhân chi mỹ». Thật đúng là: Nhu thắng cương, nhược thắng cường!

Trong chương này Lão tử còn chủ trương rằng: Bậc quân vương lãnh đạo quốc gia phải có gan nhận lãnh trách nhiệm về tất cả những chuyện hay dở xảy ra trong nước.

Đó cũng chính là thái độ của các vị đế vương xưa. Luận Ngữ chép: «[Vua Thành Thang khi lên ngôi] khẩn với Trời rằng: Kẻ tiểu tử này tên Lý mạo muội dùng bò đen mà tế lễ. Dám xin minh cáo với Thượng đế chí tôn rằng: Kẻ có tội, tôi chẳng dám tha; người (có tài đức) đáng làm bầy tôi Thượng đế, tôi chẳng dám che dấu (mà chẳng cứ dùng). Nếu tôi gây nên tội, (xin phạt một mình tôi), đừng phạt bá tính muôn phương. Nếu bá tính muôn phương gây nên tội, cũng xin phạt một mình tôi thôi.» [3]

[1] Dịch 易: thay thế. Có bản phiên âm là dị, thiết tưởng không chỉnh, vì dị là dễ.

[2] Đây tôi theo Hà Thượng Công mà viết Thiên hạ mạc bất tri. Phần nhiều các bản Đạo Đức kinh viết là

Thiên hạ mạc năng tri, nhưng lúc dịch thì lại dịch theo nghĩa của Thiên hạ mạc bất tri (Thiên hạ ai cũng biết).

[3] Viết: Dư tiểu tử Lý, cảm dụng huyền mẫu, cảm chiêu cáo vu hoàng hoàng Hậu Đế: hữu tội bất cảm xá. Đế thần bất tể, giản tại Đế tâm. Trẫm cung hữu tội, vô dĩ vạ phương; vạ phương hữu tội, tội tại Trẫm cung. 曰予小子履敢用玄牡敢昭告于皇皇后帝有罪不敢赦帝臣不蔽簡在帝心朕躬有罪無以萬方萬方有罪罪在朕躬 Luận Ngữ, Nghiêu viết 堯曰 chương 20, câu 1.

Dư tiểu tử 予小子 và Dư nhất nhân 予一人 đều là tiếng tự xưng của đế vương cổ đại. Đọc Sử Ký 史記 (Ân bản kỷ 殷本紀) ta biết tên vua Thang 湯 là Thiên Ất 天乙, trong bốc từ giáp cốt viết là Đại Ất 大乙, tương truyền vua Thang còn có tên là Lý 履. (Chú thích của Dương Bá Tuấn 楊伯峻, Luận Ngữ Dịch Chú 論語譯注, tr. 214)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 79

NHIỆM KHẾ

任契

Hán văn:

和大怨, 必有餘怨. 安可以為善. 是以聖人執左契而不責於人. 有德司契, 無德司徹. 天道無親, 常與善人.

Phiên âm:

1. Hòa đại oán, tất hữu dư oán. An khả dĩ vi thiện.
2. Thị dĩ thánh nhân, chấp tả khế nhi bất trách ư nhân.
3. Hữu đức tư khế, vô đức tư triệt.
4. Thiên đạo vô thân. Thường dĩ thiện nhân.

Dịch xuôi:

1. Hòa được oán lớn, vẫn còn oán thừa, như thế sao gọi là phải được.
2. Cho nên thánh nhân cầm tờ khế ước bên trái, mà không trách người.
3. Kẻ có đức thì thích cho người. Kẻ vô đức thì thích đòi người.
4. Thiên đạo không thân ai, mà thường gia ân cho người lành.

Dịch thơ:

1. Chuốc mua chi lắm oán thù,
Rồi dàn, rồi xếp, sao cho vuông tròn.
2. Cho nên những đáng thánh nhơn,

Chẳng hề cầu cạnh, chẳng hờn trách ai.

3. *Thánh nhân thích chuyện cho người,*

Phàm phụ tục tử ưa đòi, ưa vợ.

4. *Trời xanh chẳng có thân sợ,*

Làm lành thời sẽ thưởng cho ơn lành.

BÌNH GIẢNG

Chương này rất khó giải; mỗi nhà bình giải bàn một cách, giải một lối.

Những lời bình giải của tôi nơi đây theo Stanislas Julien; một là vì Stanislas Julien dựa theo các nhà bình giải danh tiếng xưa, hai là vì lời bình có vẻ hữu lý hơn.

1. Trước hết Lão tử khuyên ta đừng nên gây oán, gây thù, vì một khi đã gây oán gây thù, làm sao mà hàn gắn lại cho hẳn hoi như cũ được.

Muốn khỏi gây thù oán, phải biết rõ bản tính con người phải giữ bản tính ấy cho chu toàn, và đừng để cho hoàn cảnh (homme en situation) làm thương tổn đến con người lý tưởng (homme idéal) và như vậy hãy mở lòng mình ra cho rộng rãi, xóa bỏ hết những gì chia rẽ mình với người, cố làm sao thông cảm hoàn toàn được với người.

2. Thánh nhân ưa chiều theo ý người ví như trong một hợp đồng, tờ khế chia thành hai bản, nửa trái người đi vay giữ, nửa phải người cho vay cầm. Khi người cho vay cầm nửa tờ khế bên phải đến đòi nợ, người đi vay đem nửa tờ khế bên trái ra so, nêu hai nửa ăn khớp với nhau, thời lập tức trả nợ, không làm khó dễ điều chi.

3. Người nhân đức, vị thánh nhân bao giờ đối với người cũng sẵn sàng hi sinh, chẳng khác nào như mình mắc nợ đối với người.

Người không nhân đức y như người đi thâm thuế, lúc nào cũng ráo riết, cay nghiệt với người.

Chữ Triệt 徹 đây tức là ám chỉ đến phép triệt điền 徹田 đời nhà Chu. Vua cấp ruộng đất cho dân, nhưng bắt dân phải nộp cho nhà vua một phần mười tổng số hoa lợi thu hoạch được, và dĩ nhiên người đi thu thuế, không có nhẹ nhàng với người nộp thuế.

Có nhà bình giải cho rằng trong câu «Hữu đức tư khế» ta phải hiểu ngầm như «Hữu đức tư tả khế».

[1]

4. Thánh nhân làm ơn cho người, sẽ được Trời cao ban cho mọi ơn lành. Đó chẳng phải là Trời tây vị thánh nhân mà chính là vì thánh nhân đã tỏ ra xứng đáng hồng ân của Trời.

[1] Có nhà bình giải cắt nghĩa «khế» ở đây là hợp, còn «triệt» là chia. Ý nói người nhân đức hòa mình với người kém đức mới chia phôi với mình. Cắt nghĩa như vậy cũng hay.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 80

ĐỘC LẬP

獨立

Hán văn:

小國寡民. 使有十伯之器而不用. 使民重死而不遠徙. 雖有舟輿無所乘之. 雖有甲兵無所陳之. 使民復結繩而用之. 甘其食, 美其服, 安其居, 樂其俗. 鄰國相望. 雞犬之聲相聞. 民至老死, 不相往來.

Phiên âm:

1. Tiểu quốc quả dân, sử hữu thập bá chi khí [1] nhi bất dụng.
2. Sử dân trọng tử nhi bất viễn tị. Tuy hữu chu dư vô sở thừa chi.
3. Tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi.
4. Sử dân phục kết thăng nhi dụng chi.
5. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục.
6. Lân quốc tương vọng. Kê khuyến chi thanh tương văn. Dân chí lão tử, bất tương vãng lai.

Dịch xuôi:

1. Nước nhỏ, dân ít, dù có ít nhiều tôi giỏi, nhưng chưa cần dùng đến.
2. Dạy dân sợ chết, đừng đi xa. Tuy có xe thuyền, mà chẳng khi dùng.
3. Tuy có giáp binh, mà chẳng phô trương.
4. Khiến dân trở lại thắt nút mà dùng.
5. Ăn cho là ngon, mặc cho là đẹp, ở cho là yên, sống cho là sướng.

6. Nước gần, thấy nhau, gà kêu chó cắn đều nghe, dân đến già chết chẳng lui tới nhau.

Dịch thơ:

1. Nước ta bé nhỏ, dân thưa,

Lơ thơ tôi giỏi, ta chưa hề dùng.

2. Dạy dân sợ chết làm lòng,

Cho nên chẳng dám vấy vùng phiêu lưu.

Xe kia, thuyền nọ đều hiu,

Nào ai muốn lái, muốn chèo mà chi.

3. Binh kia giáp nọ ủ ê,

Chẳng hề dờ dỏi đem khoe, đem bày.

4. Dạy dân trở lại thất dây,

Sống đời thuần phác, tháng ngày tiêu dao.

5. Ăn thường vẫn tưởng thanh cao,

Mặc thường, vẫn tưởng bảnh bao chững chàng.

Ở thường, mà vẫn tưởng sang,

Sống thường, vẫn tưởng đang hoàng, đẹp tươi.

6. Lân bang nào cách mấy mươi,

Gà kêu, chó sủa đôi nơi rõ ràng.

Tuy rằng gần gũi tắc gang,

Suốt đời dân chúng nào màng tới lui.

BÌNH GIẢNG

Đây là một giấc mơ tiên của Lão tử. Lão tử sống vào đời Chu mạt, luôn luôn chứng kiến những cảnh đoạn trường, nhà tan nước nát, tử biệt sinh ly, nên cuối Đạo Đức kinh đã muốn phác họa lại một cảnh thiên đàng nơi trần thế. Cảnh thiên đàng của Lão tử được mơ tưởng như là một nước nhỏ bé có những công dân chất phác, sống một cuộc sống vô tư, vô cầu, chẳng màng đến những tiện nghi của nền văn minh trần thế, xe thuyền binh, giáp đều cho vào bảo tàng, sống hồn nhiên, ăn ở đạm bạc mà vẫn lấy thế làm sung sướng, suốt đời chẳng muốn đi đâu, vui trong vui thuần phác của mình.

Đọc Lão tử đến đây ta học được thêm một bài học mới. Bài học đó là:

Cái hạnh phúc, cái sung sướng của con người thực ra không lệ thuộc vào tiến bộ văn minh vật chất bên ngoài, nhưng lại căn cốt ở nơi tâm hồn con người.

Có một tâm hồn đẹp đẽ, khoáng đạt, biết thưởng thức những cái hay, cái đẹp quanh mình, biết bè bạn cùng những người có những tâm hồn thanh cao, thuần phác như mình; biến được cuộc đời thực tại của mình, thành cuộc đời lý tưởng; rũ bỏ được mọi phiền phức của thế tục; sống một cuộc sống bình dị, vui tươi; hòa hài với tha nhân và vũ trụ. Một đời sống như vậy thực là mơ mộng và siêu thoát.

Ngày nay sống trong một thế giới hỗn tạp và vật chất nếu chúng ta biết sống vươn vượt lên trên những nỗi lo âu và phiền toái của ngoại cảnh, biết thưởng thức được cái hay cái đẹp của đất trời, biết sống giản dị, đừng để cho lòng dính bén những phù du tục lụy, thì chúng ta cũng đã lãnh hội được phần nào tinh hoa

của Đạo Đức kinh vậy!

[1] Thập bá chi khí 十 伯 之 器: (1) ít nhiều bày tôi giỏi (Wieger); (2) dẫu có những người giỏi bằng mười, bằng trăm người (Legge); (3) dẫu có khí giới đủ cho 10 hay 100 người (Stanislas Julien).

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 81

HIỂN CHẤT

顯質

Hán văn:

信言不美. 美言不信. 善者不辯. 辯者不善. 知者不博. 博者不知. 聖人不積. 既以
為人, 己愈有, 既以與人, 己愈多. 天之道, 利而不害. 聖人之道為而不爭.

Phiên âm:

1. Tín ngôn bất mỹ. Mỹ ngôn bất tín. Thiện giả bất biện. Biện giả bất thiện. Tri giả bất bác, bác giả bất tri.

2. Thánh nhân bất tích. Ký dĩ vi nhân, kỷ dĩ hữu. Ký dĩ dĩ nhân, kỷ dĩ đa. Thiên chi đạo, lợi nhi bất hại. Thánh nhân chi đạo vi nhi bất tranh.

Dịch xuôi:

1. Lời chân thành không hoa mỹ. Lời hoa mỹ không chân thành. Người tốt không tranh biện, người tranh biện không tốt. Người biết không học rộng, người học rộng không biết.

2. Thánh nhân không tích trữ. Càng vì người, mình càng có. Càng cho người mình càng thêm nhiều. Đạo trời lợi mà không hại. Đạo thánh nhân làm mà không tranh.

Dịch thơ:

1. Lời ngay giản dị, tâm thường,

Những lời xảo trá, văn chương mỹ miều.

Người làm, chẳng biện luận nhiều,

Khéo chiều biện luận, lắm điều gian ngoan.

Trí cao chẳng bác, chẳng tham,
Càng tham bác lắm, là càng ngu si.

2. Thánh nhân chẳng súc tích gì,
Càng cho càng có, càng chi càng giàu.

Trời kia nào hại ai đâu,
Thánh nhân nào có tranh nhau với người.

BÌNH GIẢNG

Lời kết luận Đạo Đức kinh của Lão tử thực là đơn sơ, nhưng thực thâm thiết. Đại khái Ngài cho rằng:

Những lời lẽ trong Đạo Đức kinh này là những lời chân thành phát ra từ tâm linh Ngài. Ngài chẳng hề muốn biện luận để mong làm lung lạc lòng người, mà cũng chẳng hề có tham khảo đa đoan sách này sách nọ.

Tất cả đều là kết quả của những suy tư về ý nghĩa cuộc đời, những kinh nghiệm của một đời sống đạo hạnh để hàn huyên cùng chúng ta. Ngài cho rằng Ngài chẳng còn gì giấu giếm chúng ta, và đã phơi bày tâm tư của Ngài với chúng ta trong suốt 81 chương sách.

Ngài cho rằng Ngài viết sách này là mong giúp người, chứ chẳng muốn hại ai, vì Ngài đã hoàn toàn theo đường lối của Trời. Ai thích lời Ngài đem dùng cũng hay, ai chẳng ưa lời Ngài bỏ đi cũng được. Ngài hoàn toàn chẳng chấp, tức là đã thoát vòng âm dương tương đối, mà siêu việt lên bình diện tuyệt đối rồi vậy.

Sách khởi đầu bằng chữ Đạo, siêu việt tuyệt vời, kết thúc bằng hai chữ «bất tranh» để trở về cùng Thái hòa tĩnh lặng. Thiết tưởng như vậy đã nói lên được tâm tư hoài bão, cốt cách, tinh hoa của đức Lão tử rồi vậy.

